SỐ 8 THÁNG MƯỜI HAI 1989

# THẾ KỶ 21

CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

## Những lá cờ trắng sau bức tường đỏ

# Nhà Xuất Bản
# NGƯỜI VIỆT

14841 Moran Street,
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 892-9414 & 892-9316
Fax: (714) 894-1381

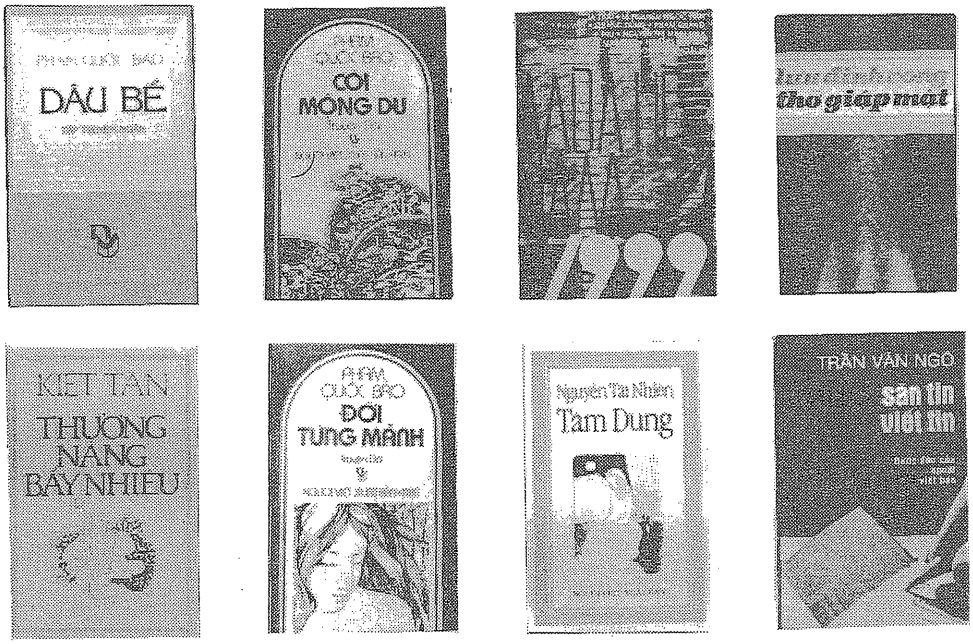

# Những Lá Cờ Trắng Sau Bức Tường Đỏ

*Thế kỷ 21* số này (Bộ I, số 8, tháng Mười Hai 1989) cùng lúc đánh dấu hai điều quan trọng:

1. Đây là số báo cuối cùng của năm 1989, của bộ I, chấm dứt giai đoạn có thể gọi là "thử thách" của một tờ tạp chí có nhiều tham vọng -- để mở ra một giai đoạn mới đáp ứng những mong mỏi của độc giả bốn phương.

*Thế Kỷ 21* số 9 sẽ là khởi đầu của Bộ II, chính thức bước vào thập niên 90 của thế kỷ 20 -- mà Đỗ Ngọc Yến trong số ra mắt nhận định là "thế kỷ tranh chấp bạo lực nhất lịch sử nhân loại."

Cũng trong số ra mắt (tháng Năm 1989), *Thế Kỷ 21* đã ngỏ lời *Trân trọng* "mời gọi lên đường" tới các văn hữu, thân hữu và bạn đọc khắp nơi trên thế giới. Với những buổi sinh hoạt "trình làng " (ở Westminster, San Diego, San Jose, Seattle, Austin, Washington DC, Montreal, Toronto, Paris và Sydney), *Thế Kỷ 21* có ngay một "thính chúng" (audience) đông đảo và đa dạng. Và chỉ qua tám số báo, gần 100 người viết đã góp bài, cho thấy cuộc lên đường có đông đảo bạn đồng hành.

2. Điều quan trọng thứ hai mà *Thế Kỷ 21* số 8 này ghi nhận là tình hình chính trị, kinh tế thế giới đang ở một khúc quanh lịch sử, với những biến động "long trời lở đất": đằng sau *bức tường đỏ* (thế giới cộng sản) đang phấp phới *những lá cờ trắng*. Cả một hệ thống xã hội chủ nghĩa đang tan rã -- và biểu tượng rõ nét nhất, mạnh mẽ nhất là "bức tường ô nhục" ngăn chia Đông-Tây Bá Linh đã bị chọc thủng, để hàng ngàn, hàng triệu người từ bên Đông ùa sang bên Tây, để khát vọng tự do của con người bị đè nén, suốt gần nửa thế kỷ dưới ách chủ nghĩa cộng sản, được vùng lên. Chủ nghĩa cộng sản đã "phất cờ trắng," đã đầu hàng, đã từng mảng tan rã, biến đi. Sẽ còn nhiều mảng khác tiếp tục sụp xuống, để cuối cùng (như Võ Phiến dự tri trong *Thế Kỷ 21* số 4) con người sẽ chỉ còn bắt gặp "đây đó ở Úc, ở Mỹ, v.v... (...) một chế độ tàn tạ thờ ông Mác," giống như ở đây đó có "những bộ lạc thờ con bò tót!"

Biến cố "bức tường Bá Linh" tạo ra những âm hưởng vang dội, khắp mặt hành tinh, trong đó có sự lên tiếng của nhiều người Việt Nam (qua cuộc phỏng vấn chớp nhoáng của các thông tín viên *Người Việt* và *Thế Kỷ 21* ở Mỹ, Pháp, Đức, Canada...)

Phần lớn các câu trả lời đều cho rằng biến cố "bức tường Bá Linh" sẽ có ảnh hưởng đến tình hình Việt Nam. *Thế Kỷ 21* cũng chia sẻ quan điểm này, nhưng không đồng ý với một vài vị cho rằng máu, nước mắt và mồ hôi người Việt hai miền Nam, Bắc đổ ra vô ích, vì sau gần nửa thế kỷ giằng co, vẫn "không có bức tường nào đổ" ở Việt Nam.

Phải thấy rằng chính những máu, nước mắt và mồ hôi Việt Nam đã đổ ra đó, và còn đang đổ ra -- ở hàng ngàn "trại cải tạo," hàng vạn cuộc vượt biển, hàng chục trại tù tị nạn Đông Nam Á -- là ngòi nổ cho trái mìn Đông Âu, cho giây chuyền nổ chạy suốt những bức tường đỏ vòng quanh thế giới. Trường hợp Việt Nam trở thành động cơ thức tỉnh lương tâm nhân loại. Việt Nam sau 1975 làm hiện ra những "lá cờ trắng sau bức tường đỏ."

**THẾ KỶ 21**

TẠP CHÍ
THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

14841 Moran St.
Westminster, CA 92683
USA
**ĐT: (714) 892-9414**
**Fax: (714) 894-1381**

Chủ nhiệm:
ĐỖ NGỌC YẾN

Chủ bút:
VƯƠNG HỮU BỘT

Chủ biên văn học:
NGUYỄN XUÂN HOÀNG

Chủ biên biên khảo:
LÊ ĐÌNH ĐIỂU

Giám đốc mỹ thuật:
NGUYỄN ĐỒNG

Giám đốc trị sự:
TÂM QUYÊN

# *Trong số này*

Thư Toà Soạn
*Những lá cờ trắng sau bức tường đỏ/ 1*
Chân Văn
*Máu nhiễm trùng ta có thể thay chăng?/ 4*
Phạm Vĩnh Long
*Hà Nội hốt hoảng trước các biến cố ở Đông Âu/ 7*
Lê Thiện Tùng
*Phong trào giải thể Cộng Sản ở Âu châu/ 9*
Nguyễn Hữu Chung
*Đông Đức và Việt Nam/ 14*
LTC.
*Cảm tưởng của một số người Việt ở các nơi về biến cố Bức Tường Bá Linh/ 16*
Vương Hữu Bột
*Tính chất ma túy của chủ nghĩa mác xít/ 19*
Trần Danh San
*Nhân quyền và hiến pháp CHXHCNVN/ 32*
Trần Thanh Hiệp
*Ghi vội về một cuộc trực diện với Cộng Sản/ 37*
Rolf Schneider
Phạm Việt Cường dịch
*Những người vượt biên giới/ 41*
Nguyễn Văn Ba
*Giáng Sinh của Grand-Pa/ 46*
Lê Đại Lãng
*Cape Collinson, ở cuối đường/ 52*
Định Nguyên
*Ngàn vàng ca dao/ 54*
Vũ Huy Quang
*Gang tấc, quan san/ 55*
Nguyễn Tất Nhiên
*Hỏi chút/ 57*
Văn Lang Thi sĩ
*Vạn lý độc hành/ 58*
Ngu Yên
*Thi sĩ và thơ/ 61*
Trần Trúc Giang
*Một/ 66*
Kristina Bonella
Bùi Bảo Trúc dịch
*Phỏng vấn Camilo Jose Cela Giải văn chương Nobel 89/ 70*
Vann Phan
*Giải sách 89 của L.A. Times/ 77*
PVC
*Một thi sĩ VN đoạt hai giải thi ca Mỹ/ 79*
Hoàng Linh
*Địa chấn ở San Francisco, báo động ở Wall Street: Phải chăng mặt đất rạn nứt dưới chân Mỹ/ 81*
Thư bạn đọc
*Về một bài viết của ông Thế Uyên/ 87*

## Đọc, viết và góp ý!

## Mua báo và giới thiệu với thân hữu!

## Để Thế Kỷ 21

## trở thành tờ báo của chúng ta

• *Giá báo dài hạn:* Bulk Rate trong nước Mỹ: 6 số US$12; 12 số US$24; 24 số US$48; 36 số US$72 . First class trong nước Mỹ: 6 số US$18; 12 số US$36; 24 số US$72; 36 số US$108. Canada: 6 số US$20; 12 số US$40; 24 số US$80; 36 số US$120. Các nơi khác: 6 số US$21; 12 số US$42; 24 số US$84; 36 số US$126. Gửi phiếu hoặc thư đặt mua báo về 14841 Moran St., Westminster, CA 92683. ĐT: (714) 892-9414 FAX (714) 894-1381. *Quảng cáo:* Liênlạc địa chỉ nêu trên. THẾ KỶ 21: Xuất bản và phát hành bởi Công ty Người Việt (Nguoi Viet, Inc.) 14841 Moran St., Westminster CA 92683. Cước phí bulk rate trong nước Mỹ trả tại Santa Ana, California. In tại nhà in riêng, Los Angeles, California. Bài gửi cho THẾ KỶ 21 xin viết trên một mặt giấy; các nhân danh / địa danh xin viết bằng chữ in hoa. Nếu gửi cho nhiều báo xin ghi chú trong bài, để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng không trả lại bản thảo. Tiền nhuận bút tùy theo thỏa thuận giữa tòa báo và tác giả. Bài của cộng tác viên và thân hữu đăng trên THẾ KỶ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của người xuất bản. Trích đăng bài của THẾ KỶ 21 phải có sự đồng ý của tòa báo và đề rõ xuất xứ.

NHỮNG LÁ CỜ TRẮNG SAU BỨC TƯỜNG ĐỎ
Thế Kỷ 21/ 1

*Thế Kỷ 21* số 8 đặc biệt ghi nhận tình hình chính trị Đông Âu với những biến cố vô cùng to lớn đang làm thay đổi bộ mặt địa cầu. Bức tường Ô nhục Bá Linh bị chọc thủng, tiếp theo là một loạt các nước cộng sản trong khối Warsaw tan rã từng mảnh. Khi số báo này lên khuôn, chính quyền Cộng Sản Tiệp Khắc cũng đang lung lay tận gốc. Nhà viết kịch Vaclav Havel, lãnh tụ nhóm đối lập Civic Forum đã đưa tối hậu thư cho thủ tướng Cộng sản Adamec về việc thành lập một tân nội các với những nhân vật mới chấp nhận chấm dứt chế độ độc tài đảng trị. Vaclav Havel, kịch tác gia người Tiệp Khắc nổi tiếng và đồng thời là sáng lập viên Phong trào Nhân quyền ở Tiệp, bản Hiến Chương 77, là khuôn mặt sáng chói trong "cơn địa chấn" chính trị sau cùng của chủ nghĩa cộng sản Đông Âu. (Các bạn có thể đọc lại bài phỏng vấn Vaclav Havel trên *Thế Kỷ 21* số 7, phát hành tháng Mười Một 1989).Các bài viết khác như Phong trào giải thể Cộng Sản ở Âu Châu (Lê Thiện Tùng), Đông Đức và Việt Nam (Nguyễn Hữu Chung), Cảm tưởng của một số người Việt khắp nơi về Biến Cố Bức Tường Bá Linh (Lê Tam Ca và nhiều biên tập viên *Thế Kỷ 21* và *Người Việt* thực hiện), Những Người Vượt Biên Giới (Rolf Schneider -- Phạm Việt Cường dịch,) Hà Nội hốt hoảng trước các biến cố ở Đông Âu (Phạm Vĩnh Long), xoay quanh đề tài trên.

Cũng trong số báo này, ngoài hí họa của Gúc, các hí họa khác được trích từ các báo cũng nhằm minh họa chủ đề lớn nói trên.

GHI VỘI VỀ MỘT CUỘC TRỰC DIỆN VỚI CỘNG SẢN
Trần Thanh Hiệp/ 37

Nhà văn Trần Thanh Hiệp, cựu Chủ tịch TTVBVNHN gặp gỡ và nói chuyện với Phó Chủ tịch TTVB Nga Sô. Mục phỏng vấn văn học và chính trị là khía cạnh thời sự của *Thế Kỷ 21,* đóng góp vào việc giới thiệu những khuôn mặt nổi của sinh hoạt cộng đồng và thế giới.

GIÁNG SINH CỦA GRAND-PA
Nguyễn Văn Ba/ 46

Truyện ngắn của tác giả "Làm Mai, Lãnh Nợ, Gác Cu, Cầm Chầu," viết về một khía cạnh tâm lý của người tị nạn lưu vong trong mùa Giáng Sinh. Cùng với các tác giả Võ Kỳ Điền, Kiệt Tấn, Nguyễn Văn Sâm, Hồ Trường An, Ngô Nguyên Dũng,... Nguyễn văn Ba là một cây bút giọng "miền Nam" làm chủ vững vàng chữ nghĩa của mình. Một truyện Giáng Sinh hay trong những truyện Giáng Sinh hay mà chúng ta đã từng đọc.

GIẢI NOBEL VĂN CHƯƠNG 89: CAMILO JOSE CELA
Phạm Công Thiện/ 72

Nhà văn Camilo Jose Cela, người đoạt giải Nobel văn chương 89, cha đẻ nhân vật Pascual Duarte, dưới mắt triết gia Phạm Công Thiện. Sau tác phẩm Đi Cho Hết Một Đêm Hoang Vu Trên Mặt Đất, Phạm Công Thiện đang hoàn thành tác phẩm dày trên 300 trang về nhà văn Camilo Jose Cela. Bài viết trong *Thế Kỷ 21* số này là một trích đoạn của cuốn sách nói trên.

ĐỊA CHẤN Ở SAN FRANCISCO, BÁO ĐỘNG Ở WALL STREET: PHẢI CHĂNG MẶT ĐẤT RẠN NỨT DƯỚI CHÂN MỸ?
Hoàng Linh/ 81

Vay nợ để đầu tư, để phát triển không có gì xấu hoặc sai. Nhưng vay nợ nhiều quá, không đủ sức trả nợ nữa, thì chỉ có phá sản. Nước Mỹ hiện nợ hơn 3,000 tỉ đô la -- liệu có phải đương đầu với một cơn "địa chấn kinh tế" không?

**Trình bày**
Nguyễn Thị Hợp

**Hình bìa**
Dân Đông Đức vui mừng trước Bức Tường Bá Linh bị chọc thủng.
Biểu ngữ đằng sau mang nội dung: "Cho một Bá Linh không còn Bức Tường, trong một nước Đức không bị chia cắt, ở một Âu Châu không còn biên giới"

**Kỹ thuật**
Yến Trân

# MÁU NHIỄM TRÙNG CÓ THỂ THAY CHĂNG?

## CHÂN VĂN

Khi khẩu hiệu Cải Tổ Cơ Cấu (Perestroika) và Cởi Mở Công Khai (Glasnost) được đưa ra ở Nga, và chiến dịch gọi là Đổi Mới được tung ra ở Việt Nam, câu hỏi đầu tiên mọi người đặt ra là "chuyện thật hay giả?"

Sau bốn, năm năm nhiều biến cố cho ta thấy đây là một chuyện có thật, dù những người cầm quyền có ý muốn (như ở Hung) hay không có ý muốn (ở Ba Lan) làm việc đổi mới. Chuyện có thật, vì một khi guồng máy bắt đầu chạy muốn ngăn lại cũng không ngăn lại nổi. Dân Liên Xô đã nếm mùi cởi mở qua báo chí, qua các cuộc tranh luận công khai ngay trong nội bộ đảng. Dân Hungary đã thấy và dân Ba Lan, Tiệp Khắc, Đông Đức sẽ thấy chính đảng Cộng Sản ở nước họ phải tự lột xác để tồn tại, nếu không sẽ bị tiêu diệt.

Bây giờ, câu hỏi mà mọi người đang đặt ra là liệu đảng Cộng Sản ở các nước trên có khả năng làm việc lột xác hay không? Một thi sĩ ở Việt Nam, đã được đảng Cộng Sản trọng dụng, cũng đặt hai câu hỏi:

*Đổi mới hay giả vờ đổi mới?*
*Máu nhiễm trùng ta có thể thay chăng?*

Câu hỏi thứ nhất mà Nguyễn Duy nêu lên vẫn còn thích hợp với tình trạng Việt Nam hiện nay. Người dân thì chắc chắn không tin rằng đảng Cộng Sản Việt Nam lại có ý định đổi mới. Suốt nửa thế kỷ vừa qua đảng Cộng Sản Việt Nam đã nhiều lần thay họ đổi tên, sớm đầu tối đánh, sửa sai rồi lại sửa lầm, không người dân nào dám tin nữa. Khi chính các đảng viên cấp dưới, được nhà nước ban ơn cho đi Mạc Tư Khoa trở về, vẫn còn đặt câu hỏi "Đổi mới thật hay giả vờ? " thì người dân bị trị còn ai dám tin đó là chuyện thật?

Ở Việt Nam, câu hỏi thứ nhất chưa có trả lời thì chưa cần đặt câu hỏi thứ hai.

Nhưng ở các nước Hung, Ba Lan, Liên Xô, nơi mà guồng máy đã bắt đầu chạy, thì câu hỏi thứ hai rất thích hợp: "Máu nhiễm trùng ta có thể thay chăng?"

Đặt câu hỏi đó là ý thức rằng căn bịnh Cộng Sản không phải là căn bịnh ở ngoài da, ở trong bắp thịt, hay ở một bộ phận nào đó của cơ thể. Đó là căn bịnh trầm kha giống như bịnh hoại huyết. Bịnh ung thư máu ở tình trạng nhẹ người ta có thể dùng cách thay máu để chữa. Nhưng căn bịnh Cộng Sản ở các nước Đông Âu, Liên Xô, và các nước khác liệu còn thay máu được không?

Một chế độ được thiết lập và tồn tại hơn 70 năm ở Liên Xô, hơn 40 năm ở Đông Âu, muốn thay đổi thì phải thay máu. Hungary và Ba Lan đang làm việc đó. Dứt khoát là đảng Cộng Sản ở các nước trên phải từ bỏ chủ nghĩa Mác-Lênin, chấp nhận một nền dân chủ pháp trị, một cơ cấu chánh trị đa nguyên, và một nền kinh tế thị trường. Khi đảng Cộng Sản Hung họp lại, thông qua nghị quyết trên, thì họ mới đi một bước đầu, bước lý thuyết. Sau đó, còn phải có những bước thực tế. Bầu cử tự do, với sự tham dự của bất cứ đảng nào muốn ứng cử, là một bước. Tách rời nhà nước, guồng máy công chức, cảnh sát, quân đội, các ban quản đốc xí nghiệp, nông trường, tất cả thoát khỏi sự thao túng của đảng cầm quyền, dù đó là đảng Xã Hội Hungary (tên mới của đảng Cộng Sản) hay một đảng nào khác; đó là một bước nữa. Muốn vậy quốc hội phải thông qua một đạo luật cấm các đảng chính trị không được tổ chức chi bộ trong các guồng máy hành chánh, quân sự, cảnh sát, và kinh tế. Nghĩa là phải giải tán các chi bộ đảng Cộng Sản ở các cơ quan, xí nghiệp.

Hãy thí dụ đảng Xã hội Hung muốn "thay máu" như vậy. Nhưng muốn không đủ. Để cho một đạo luật như trên có hiệu lực thì phải có các biện pháp chế tài. Khi nào thì người ta có thể xác định đảng Xã Hội Hungary đã vi phạm đạo luật trên? Trong chế độ dân chủ ta không thể cấm các đảng chánh trị tổ chức các chi bộ của họ. Nếu chi bộ đảng ở một cơ quan hay xí nghiệp tuyên bố tự giải tán, sau đó lập ra các chi bộ dựa vào phường, khóm, quận... thì họ không vi phạm luật; nhưng làm sao bảo đảm được rằng các chi bộ phường, khóm không bí mật gây ảnh hưởng và can thiệp vào công việc của một đồn công an, một ban quản đốc xí nghiệp? Làm sao chứng minh được, trước tòa án độc lập, rằng họ có vi phạm luật

hay không? Còn các vị bí thư chi bộ, bí thư phường, bí thư tỉnh, cho đến các quan lại ở Ban Bí Thư tại Trung Ương, họ sẽ đổi nghề như thế nào? Trong một cuộc biểu tình ở Đông Đức gần đây, một người đã được vỗ tay hoan hô nhiệt liệt khi đề nghị "giải tán bọn mật vụ đi, cho họ đi làm sản xuất." Nhưng còn cả guồng máy đảng, với các nhà cách mạng chuyên nghiệp, rời bỏ guồng máy đó ra họ sống bằng nghề gì?

Và đó mới chỉ là một thí dụ, vấn đề tách rời đảng Cộng Sản không cho thao túng guồng máy cai trị và kinh tế. Ở một nước dân số dưới 20 triệu, với kinh nghiệm hai năm đổi lề lối làm kinh tế, chuyện trên có thể thực hiện trong vòng hai, ba năm? Còn ở một nước lớn hơn, như Ba Lan, với gần 40 triệu dân, vừa mới thử đổi mới kinh tế, chắc chắn chuyện tách rời sẽ mất thời giờ hơn, và khó nhọc hơn.

Muốn thực hiện việc tách rời đảng Cộng Sản ra khỏi guồng máy cai trị và kinh tế thì chính đảng viên của cái đảng đó, sau khi đổi tên, phải thay đổi não trạng, thay đổi cách tư duy. Việc thay đổi não trạng đó chỉ xảy ra nếu từ trên xuống dưới họ chấp nhận một sự thật, là cả chủ nghĩa Mác lẫn chế độ nhà nước Lê Nin là một cuộc thí nghiệm thất bại. Đảng Cộng Sản Hung đã chính thức công nhận điều đó. Đảng Cộng Sản Liên Xô chưa dám chính thức nói điều đó ra dù trong việc làm họ cho thấy rằng họ biết chế độ của họ là một cuộc thí nghiệm sai lầm và thất bại. Các đảng viên cấp trung ương ở Ba Lan đã tìm ra một cách nói khéo léo (nói như Vẹm). Họ bảo rằng phải công bố chủ nghĩa Mác-Lênin đã chấm dứt vai trò lịch sử của nó, giai đoạn lịch sử sắp tới đòi hỏi sống và nghĩ theo cách mới. Dù nói cách nào thì nói, quá trình "thay máu" ở các xã hội Cộng Sản chỉ bắt đầu được khi chính họ ý thức sự thất bại thê thảm của hệ thống tư tưởng và quản trị xã hội theo lối Mác-Lênin.

Khi từ trên xuống dưới, các đảng viên Cộng Sản nhận thức được sự thất bại đó, thì họ mới có cơ hội "học tập" lối tư duy và lối làm việc của một xã hội dân chủ. Mười năm trước đây nhà thơ Cao Tần đã đưa ra một dự phóng cho nước Việt Nam. Nhà thơ nói rằng sau khi lật đổ chế độ Cộng Sản rồi, chúng ta sẽ mở ra những trại cải tạo để

*Lùa cả nước vào học tập yêu th ương*

Những lò cải tạo để học tập yêu thương chúng ta luôn luôn có sẵn. Khi tà giáo Mác xít đã được chính thức dẹp bỏ, những giá trị truyền thống của các dân tộc và của loài người được phục hồi, thì các gia đình êm ấm là những nơi con người học tập yêu thương. Ở trên các gia đình, những tôn giáo ở mỗi nước, chùa, nhà thờ, thánh thất, v.v. là những nơi mà loài người vẫn học tập yêu thương.

Nhưng bên cạnh chương trình "học tập yêu thương" của các thi sĩ, việc thay máu còn cần chương trình học tập cách làm việc, cách suy tư, và đối xử với nhau theo lề thói dân chủ, trọng luật pháp, trọng người có chính kiến, lập trường khác mình. Việc học tập này là việc lâu dài hơn, khó khăn hơn, nó khiến cho quá trình "thay máu" chậm chạp hơn.

Ở Hung và Ba Lan, việc thay máu có thể bắt đầu khi hệ thống chánh trị đa nguyên được cụ thể hóa. Người ta không thể chờ đợi cho các đảng viên Cộng Sản tự làm công việc học tập cải tạo. Họ chỉ bắt buộc phải cải tạo một khi họ chấp nhận tham dự cuộc chơi dân chủ. Khi họ phải đối diện, đấu tranh với các đảng phái khác, với các chương trình chánh trị, kinh tế khác, họ sẽ phải đối đầu với sự thật, và tập lối suy nghĩ, hành xử mới. Những người chống Cộng ở Hung và Ba Lan không chờ đảng Cộng Sản tự cải tạo. Trong hai thập niên vừa qua họ đã đấu tranh bền bỉ, đẩy chánh quyền và đảng Cộng Sản ở các nước đó tới chỗ phải cải tạo, phải tự thay máu. Trong cơ thể của các dân tộc Hung và Ba Lan có mầm mống của sự đề kháng chống lại thứ máu độc Cộng Sản. Các bạch huyết cầu đó đã kiên trì làm việc giúp cơ thể tẩy độc. Các tổ chức tôn giáo, các giới trí thức và văn nghệ, rồi đến các tổ chức tự phát của dân chúng, là các mầm mống của sức đề kháng đó. Ở Đông Đức, các phong trào tự bộc phát của nhân dân cũng đã lấy nhà thờ làm nơi quy tụ, giáo hội làm khung tổ chức.

Một khi các lực lượng đối kháng đã mạnh đủ thì câu hỏi "đổi mới thật hay giả vờ đổi mới" không còn nữa. Các chế độ Cộng Sản đổi mới không phải vì họ bỗng dưng phát tâm từ thiện muốn dân chúng được thở. Họ bị ép buộc phải đổi mới vì không còn đường nào khác. Thay vì kéo dài chế độ áp bức cho đến khi bị lật nhào, thì họ tìm cách nới lỏng gông cùm. Nhưng một khi gông cùm đã bị nứt rạn thì chính sức đối kháng của người dân đẩy cho vết nứt càng lớn hơn cho đến khi gông xiềng bị phá vỡ. Nói theo lối Hegel, hiện tượng đó gọi là "lượng biến thành phẩm."

Thay máu là giai đoạn đổi mới sắp tới ở Hungary, Ba Lan. Cả thế giới đang theo dõi quá trình thay máu này. Trong mấy năm sắp tới đây các nhà quan sát ở Liên Xô sẽ nhìn cuộc thí nghiệm thay máu ở Hung và Ba Lan để rút kinh nghiệm cho chính họ. Các nước Nhật, Đại Hàn, Mỹ, Tây Âu cũng chúc lành cho cuộc thay máu đó thành công. Vì nếu không thì chỉ một cuộc cách mạng đổ máu mới giúp cho các nước Cộng Sản thoát xác. Một cuộc cách mạng như vậy sẽ không giới hạn vào một, hai nước lớn như Liên Xô hay Trung Quốc. Nó sẽ làm xáo trộn cả thế giới, làm nguy hại

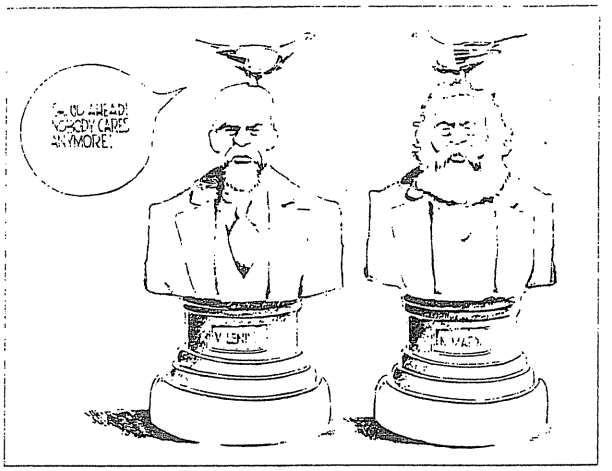


BY WRIGHT FOR THE PALM BEACH POST

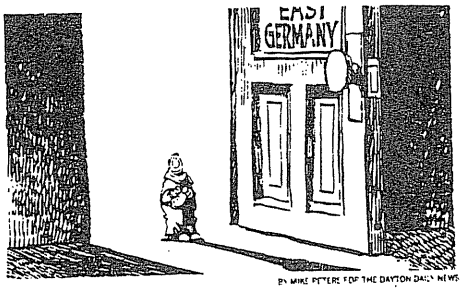


BY MIKE PETERS FOR THE DAYTON DAILY NEWS

BY MARLETTE FOR NEW YORK NEWSDAY

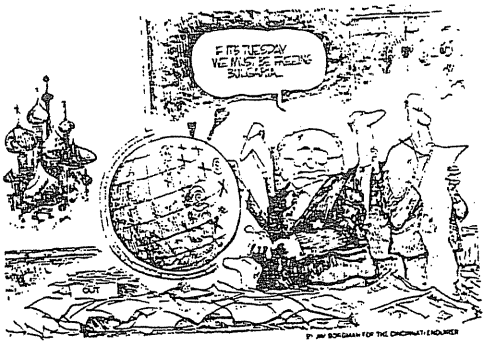

BY JIM BORGMAN FOR THE CINCINNATI ENQUIRER

"ICH BIN EIN BERLINER!"

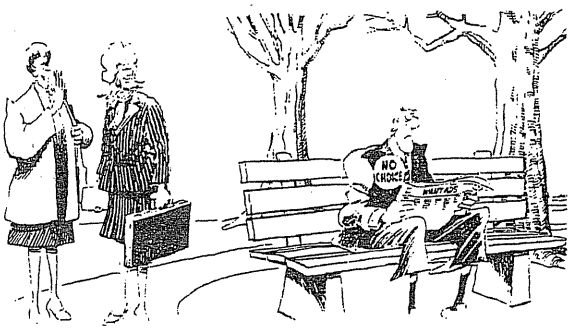


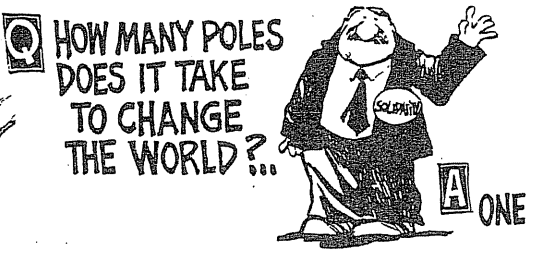


BY MIKE PETERS FOR THE DAYTON DAILY NEWS

những thành quả kinh tế ở nhiều nước không Cộng Sản. Nhưng còn ở các nước nhỏ thì sao? Nếu dân chúng Bungari, Rumani, Việt Nam nổi lên lật đổ đảng cầm quyền, để bắt đầu đổi mới thật, thì các cuộc cách mạng đó chắc cũng không làm xáo trộn nền kinh tế thế giới. Các phong trào đấu tranh ở Tiệp Khắc, Đông Đức sẽ dạy cho nhân dân các nước Cộng Sản khác kinh nghiệm đấu tranh mới, các tổ chức mới, các kỹ thuật mới. Vụ Thiên An Môn đã là một kinh nghiệm về thất bại. Các kinh nghiệm sắp tới ở Prague, Leipzig sẽ tích cực hơn chăng?

CHÂN VĂN

# HÀ NỘI HỐT HOẢNG TRƯỚC CÁC BIẾN CỐ Ở ĐÔNG ÂU

PHẠM VĨNH LONG

Người Việt Nam ở trong nước tuy không được đọc báo và coi tin trên tivi đầy đủ như người Việt ở hải ngoại. Nhưng họ cũng lắng nghe các đài BBC, VOA... Vì vậy trào đình Cộng Sản ở Hà Nội không thể ngăn cản các tin tức về các biến cố ở Đông Âu. Tin công đoàn *Solidarnosc* thắng cử, tin các đảng Cộng Sản, Ba Lan, Hung từ bỏ chủ nghĩa Mác-Lênin, tin tân thủ tướng Ba Lan là một luật sư từng chống Cộng bị bỏ tù, tin chế độ Hung và Ba Lan đã trở thành chế độ đa đảng, tin Honnecker bị hạ sau khi trăm ngàn dân Đông Đức bỏ nước qua Tây Đức và biểu tình chống chế độ ở khắp nơi, mỗi nơi cả trăm ngàn người, vân vân.

Phản ứng của trào đình Cộng Sản ở Hà Nội cho thấy một tình trạng hoảng hốt cực độ. Họ phải tìm cách giải thích, xuyên tạc và ngăn chặn các tin tức, ngăn chặn các phản ứng của nhân dân muốn noi gương dân Bắc Kinh và dân Đông Đức.

Ngày 19 tháng Tám năm 1989, ông Mazowiecki được mời lập chánh phủ mới ở Ba Lan, đánh dấu bước quẹo lớn trong lịch sử các nước Đông Âu -- ông thủ tướng không Cộng Sản đầu tiên trong một nước Cộng Sản. Một tuần sau, báo *Nhân Dân* (26-8-89) mới chính thức bình luận. Bài bình luận đó xuất hiện sau khi ban chấp hành trung ương đảng họp suốt mười ngày ở Sàigòn (từ ngày 15 đến 24 tháng Tám). Cuộc họp của B.C.H được giữ bí mật, nhưng tin tức lọt ra ngoài cho biết họ đổi cả chương trình nghị sự. Đáng lẽ phe miền Nam định dùng cuộc họp trên để nêu lên các vấn đề kinh tế khó khăn để từ đó đòi thay thế nhân sự, loại bỏ phe bảo thủ của đàn em Lê Đức Thọ. Nhưng trong cuộc họp, phe thủ cựu thắng thế, đổi chương trình để bàn về các biến cố quốc tế và các vấn đề dao động tư tưởng. Khi câu chuyện đưa ra ngoài các vấn đề kinh tế cụ thể để chuyển qua mặt lý thuyết thì phe thủ cựu đã thắng thế. Tất cả trào đình Cộng Sản đồng ý phải ngăn chặn tư tưởng đổi mới muốn bắt chước dân Đông Âu.

Vì vậy bài bình luận của báo *Nhân Dân* phản ảnh chiều hướng trên. Báo này viết về chánh phủ Mazouiecki như sau: "*Thực chất sự kiện chánh trị đang diễn ra ở Ba Lan là công đoàn* Đoàn Kết *với sự tiếp tay của các thế lực đế quốc, chủ yếu là đế quốc Mỹ, đang làm cuộc đảo chính phản cách mạng ở Ba Lan.*"

Tất nhiên báo *Nhân Dân* giả bộ quên rằng chính một đảng viên Cộng Sản trung kiên là tướng Jaruzelski, chủ tịch nước Ba Lan, đã mời phe Đoàn Kết lập chính phủ để chia sẻ trách nhiệm cứu vãn nền kinh tế đang suy sụp ở Ba Lan. Vì vậy họ dùng chữ "cuộc đảo chính phản cách mạng." Mấy chữ này dùng để chặn đứng các đòi hỏi đổi mới thật sự ở Việt Nam, vì ai đòi đổi mới tức là muốn đảo chính, muốn phản cách mạng. Sau đó báo *Nhân Dân* còn bày tỏ niềm tin rằng đảng Cộng Sản Ba Lan, "giai cấp công nhân và nhân dân lao động... Ba Lan... sẽ đập tan cuộc đảo chính phản cách mạng."

Trong khi lập trường được xác định là trên cơ quan báo chí của đảng như vậy, các tổ chức trong bộ máy đảng được huy động để hô hoán theo. Hai trăm cán bộ cao cấp được học tập chính sách ở ngay Sàigòn, do trưởng ban Tư Tưởng - Văn Hóa trung ương Trần Trọng Tân chủ tọa. Họ làm một điện văn gởi đảng Cộng Sản Ba Lan để ủng hộ đảng này *đập tan* âm mưu đảo chính của công đoàn Solidarnosc. Các cuộc họp "tự

động" khác ở các tỉnh, từ Hà Nội vào Nghệ Tĩnh, cũng nhất trí làm các điện văn tới tấp gởi sang cứu nguy đảng Cộng Sản Ba Lan. Tất cả đều không có hồi âm. Sau khi chánh phủ Mazowiecki được gần toàn thể quốc hội Ba Lan tấn phong, Đỗ Mười và Nguyễn Cơ Thạch đã phải gởi điện văn chúc mừng như thường lệ.

Tình trạng lộn xộn về ngoại giao trên phản ảnh thái độ hoảng hốt, cuống quít của cả đầu não đảng.

Bài phát biểu của Nguyễn Văn Linh khi bế mạc hội nghị BCHTƯ ở Sàigòn phải đợi hai tuần sau mới được đăng trên báo *Nhân Dân* (29-8-1988) ở Hà Nội; để chờ các diễn biến trong việc lập chánh phủ Ba Lan, và cũng để nội bộ trào đình thảo luận kỹ hơn. Nguyễn Văn Linh biểu lộ sự "*lo ngại sâu sắc về nguy cơ đe dọa chế độ xã hội chủ nghĩa*" ở vài nước anh em; kết án đế quốc, chỉ đích danh Mỹ, là "*tập trung mũi nhọn tiến công vào các nước xã hội chủ nghĩa với các hành động điên cuồng và thủ đoạn thâm độc.*"

Đọc các từ ngữ do Linh sử dụng, điên cuồng, thâm độc, lo ngại sâu sắc v.v..., những từ đã đem dùng hơn 30 năm nay đến nỗi người dân Bắc Việt nghe nhiều quá không còn thấy một ý nghĩa, xúc cảm nào nữa, mà vẫn tiếp tục đem dùng; người ta biết tình trạng tư tưởng của ngay bọn cầm đầu ở Hà Nội đã khô cạn, héo hắt và suy nhược như thế nào.

Tư tưởng khô queo như cái xác chết ướp ở quảng trường Ba Đình đó lại phải tìm cách chống đỡ trước phong trào tự do dân chủ đang như cơn sóng ngầm chờ ngày nổi lên, trong nhân dân, trong giới sinh viên, trí thức, và cả các đảng viên Cộng Sản. Khi ở Hà Nội ra lệnh cách chức các tổng biên tập báo *Sàigòn Giải Phóng* và Tuổi Trẻ ở Sàigòn thì chính các đảng viên Cộng Sản trong các ban biên tập cũng phản đối. Nhưng tổng biên tập Tô Hòa của tờ *Sàigòn Giải Phóng* cũng bị mất chức đúng ngày BCH trung ương đảng họp ở Sàigòn, vì lý do đến tuổi về hưu.

Sự thắng thế của phe Lê Đức Thọ đã lộ rõ trong bài diễn văn của Nguyễn Văn Linh đọc nhân ngày 2-9-1989, ở hội trường Ba Đình.

Trong bài diễn văn này Linh nói xa xôi đến các thay đổi đang xảy ra ở Đông Âu "*chúng ta thấy rõ đây là cơn đau đẻ của sự sinh thành.*" Nguyễn Văn Linh không nói là sinh thành ra cái gì, nhưng cả nước đều đã nghe tin tức nên hiểu đó là sinh thành ra một chế độ dân chủ, tự do ở Hung và Ba Lan. Tiếp theo, Linh kêu gọi dân chúng không vì các khó khăn kinh tế ở Nga và Đông Âu mà "*phủ nhận các thành tựu vĩ đại của chủ nghĩa xã hội.*" Người dân lại được dịp cười vì các thành tựu vĩ đại đó chỉ là các nền kinh tế suy thoái, đạo đức xã hội sụp đổ.

Nguyễn Văn Linh cũng kêu gọi dân "*vững tin ở sự nghiệp cải tổ, cải cách mà một số nước anh em đã bắt đầu*" Nhưng cải tổ, cải cách như thế nào? Linh giải thích: "*tập trung sức làm tốt đổi mới kinh tế, đồng thời từng bước đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chánh trị.*" Nói như vậy nghĩa là các tổ chức trong hệ thống chánh trị (đảng, nhà nước, các tổ chức phụ dịch như mặt trận, liên hiệp v.v.) vẫn còn giữ nguyên, mà chỉ thay đổi phương thức hoạt động, kỹ thuật tổ chức mà thôi. Đây là một thứ "bình cũ, rượu cũ, chỉ có nhãn hiệu mới," chứng tỏ phe bảo thủ của Lê Đức Thọ đã toàn thắng trong keo này. Ngay cả sự thay đổi rụt rè đó cũng được mô tả là "*từng bước*" nghĩa là có dán nhãn hiệu mới cũng chỉ dán từ từ.

Nhưng điều quan trọng nhất trong diễn văn trên là ngăn chặn các tư tưởng đổi mới. Nguyễn Văn Linh đã kịch liệt đả kích hai điều: ý muốn lập nhiều đảng chính trị, lập đảng đối lập, và ý muốn "đa nguyên về hệ tư tưởng." Linh cho rằng dân chủ không cần đi đôi với tình trạng đa đảng: "*Vấn đề cơ bản là nền dân chủ đó phục vụ cho tầng lớp nào và giai cấp nào trong xã hội.*" Người dân trong nước đọc qua câu đó thì hiểu ngay "tầng lớp nào" ở đây chính là giai cấp đảng viên cường hào đang ăn cướp của dân. Nguyễn Văn Linh còn phải viện dẫn Lênin để nói "*nền dân chủ đó... hơn gấp triệu lần dân chủ tư sản.*"

Lối nói giáo mép, ngụy biện trắng trợn đó, dân miền Bắc Việt Nam đã nghe 40 năm nay, đã chán ngấy; dân Miền Nam thì nghe rồi cười hô hố. Họ đã biết cái "nền dân chủ" đó gấp triệu lần, khổ nhục gấp triệu lần, đàn áp gấp triệu lần, tham nhũng gấp triệu lần như thế nào. Khấn tên Lênin cũng không cứu vãn nổi.

Đặc biệt là trong bài trên, "đế quốc Mỹ" đã được gọi tên rất nhiều lần để gợi cho dân miền Bắc kỷ niệm các vụ ném bom ngày xưa. Nhưng càng gợi lại thì càng khiến cho dân tự hỏi ai gây ra cuộc chiến huynh đệ tương tàn để cho Mỹ phải ném bom? Tại sao giờ lại ve vãn, xin xỏ Mỹ?

Tất cả các phản ứng trên chứng tỏ toàn bộ trào đình Cộng Sản đang hốt hoảng đến mức hết cả tỉnh táo. Vì vậy ngay cả lúc họ sử dụng cái sở trường xưa nay của họ, là nói dối, lừa bịp, họ cũng mất cả trí khôn để đến nỗi chỉ nói quanh co, dấu đầu hở đuôi, bao sở trường biến thành sở đoản.

Nhưng họ làm cách nào khác được? Trên bước đường cùng, còn ai tỉnh táo nổi.

Tin tức từ trong nước và các Việt Kiều ở Đông Âu.

*Phân tích của*

PHẠM VĨNH LONG

# PHONG TRÀO GIẢI THỂ CỘNG SẢN Ở ÂU CHÂU

LÊ THIỆN TÙNG

## I. Trường hợp Đông Đức

Cuối cùng nhà lảnh tụ già nua Cộng Sản Đông Đức phải thấm thía những gì mà Trung Quốc đã nhận lãnh vào tháng Sáu vừa qua: những biến động do quần chúng nổi dậy đòi hỏi tự do dân chủ sau cuộc viếng thăm của lảnh tụ Cộng Sản Liên Xô Mikhail Gorbachev. Trong cả hai trường hợp, sự báo trước ngày viếng thăm của ông ta tạo cơ hội cho những nhóm chống đối qui tụ dân chúng biểu tình đòi cởi mở chính trị và cải cách kinh tế. Trong cả hai trường hợp, đụng chạm đã xảy ra giữa thiểu số cầm quyền và đại đa số bị áp bức sau khi ông ta lên phi cơ trở về Mạc Tư Khoa. Cả hai trường hợp đều biểu hiện sự thử thách quyền uy chính thống của các chế độ Cộng Sản đang cầm quyền. Nhưng so với Trung Quốc, lần nầy những biến động ở Đông Đức báo hiệu một điềm xấu cho chế độ vì những biến động xảy ra tại một nước được vũ trang mạnh nhất ở Đông Âu, có một hệ thống kềm kẹp khắc nghiệt, một chế độ cứng ngắt kéo dài từ 40 năm theo kiểu Stalinit.

Tây phương đã quan sát kỷ càng, tuy ngạc nhiên thích thú, các phong trào đòi hỏi tự do dân chủ và cải cách kinh tế ngày càng tăng gia ở Đông Âu và ngay cả trong lòng Liên bang Sô viết: Công Đoàn Đoàn Kết Ba Lan đang lảnh đạo một chính phủ đầu tiên không do Cộng Sản kiểm soát Đảng. Cộng Sản Hung Gia Lợi đang biến thể đổi tên, đường lối. Tiểu bang Latvia ở vùng biển Baltic đang nhắm vào mục tiêu tối hậu, độc lập. Trước những biến động nầy Liên xô chỉ phản ứng tiêu cực.

Ba mươi lăm năm trước, trong một cuộc nổi dậy của công nhân Đông Đức ngày 17 Tháng Sáu, 1953, đối với Liên Xô không có gì phải bận tâm: hàng đoàn chiến xa dàn hàng trên đường phố nghiền nát ngay. Ngày nay, cảnh đàn áp đó liệu có thể tái diễn không? Cảnh tượng hàng đoàn chiến xa với lớp lớp Hồng quân ra sức đè bẹp những cuộc biểu tình bất bạo động để giải cứu Cộng Hòa Dân Chủ Đức chỉ có nghĩa minh chứng rằng chế độ đó đã chết, và cũng minh chứng thêm một điều mà Liên xô hiện nay cố tránh: Liên xô là một đế quốc bá quyền chuyên sử dụng bạo lực, điều mà Gorbachev đang cố công tẩy xóa trước dư luận thế giới bằng một lớp sơn mới. Vì thế cuộc viếng thăm Đông Bá Linh vừa rồi nhân lễ kỷ niệm 40 năm thành lập nước Cộng Hòa Dân Chủ Đức, lần đầu tiên của Gorbachev, đã được chính quyền Honecker chờ đợi trong lo âu, nhưng đối lại là một hi vọng của các nhóm đối lập, nhờ vào sự hiện diện của ông ta với đoàn quân truyền thông thế giới, tạo cơ hội hản hữu đòi hỏi cởi mở chính trị và cải cách kinh tế theo chiều hướng Gorbachev đã truyền ra và thực hiện tại Liên xô. Thực ra cuộc viếng thăm của Gorbachev không phải là sự ngầm phá một chế độ đàn em cứng ngắt, chống đối lại chương trình của ông ta đang theo đuổi, không theo "xu thế thời đại", mà chỉ biểu lộ tình đoàn kết xã hội chủ nghĩa của hai nước. Một tuần lễ trước ngày khởi hành, Valentin M.Falin, cố vấn trưởng về các vấn đề nước Đức của ông ta được gửi đến Đông Bá Linh điều nghiên tình hình đã báo cáo cho ông rõ: chế độ Đông Đức đang trên đà phá sản, một sự phá sản không thể tránh được nếu không chịu đổi mới, mặc dù dân Đông Đức có một đời sống cao nhất tại vùng Đông Âu. Dưới sự cai trị của Honecker, Đông Đức đã mất một số dân quan trọng, riêng tính từ đầu năm 1989 tới nay, đã có hơn 60 ngàn người ra đi tị nạn hợp pháp hoặc bất hợp pháp, đa số là thanh niên có cấp bằng Đại học, kỷ sư, công nhân chuyên nghiệp, có đời sống ổn định, cao hơn người thường. Trước tình hình nầy, Gorbachev đã cân nhắc kỷ và

cho rằng chỉ có những lãnh tụ với đầu óc đổi mới ở Đông Ba Linh mới có thể tạo được sự ổn định về lâu về dài. Những phát biểu công khai của ông ta tại Đông Bá Linh vừa có tính cách xoa dịu sự bất mãn của đám đông, vừa áp lực Cộng Sản Đông Đức mà không mích lòng lãnh tụ Honecker: ông kêu gọi dân chúng Đông Đức đừng hoảng hốt hãy kiên nhẫn nhưng ông cũng lên tiếng ủng hộ cần duy trì "kỷ luật xã hội chủ nghĩa."

Đối với đòi hỏi cởi mở chính trị, cải cách kinh tế tại Liên xô, Ba Lan và Hung Gia Lợi, Honecker và các lãnh tụ khác của Cộng Sản Đông Đức lại lên tiếng hoan nghênh cuộc đàn áp ở Thiên An Môn, cương quyết bác bỏ đường lối của Gorbachev, ngay cả khi diện đối diện với ông ta thách đố thẳng thừng trước quan điểm rõ ràng của Gorbachev: "Các lãnh đạo độc tài đang cầm quyền phải biết thay đổi hoặc chết." Càng ngày Honecker càng bị những rối rắm nghiêm trọng khác, ngoài vấn đề dân Đông Đức bỏ nước đi tị nạn. Bất mãn của công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân khác càng dâng cao. Trong tương lai, về phương diện dân số, lần hồi chỉ còn lại người già, số dân càng ít đi. Về phương diện kinh tế, chỉ có 30% nền kinh tế có liên hệ với nhà nước hoặc do nhà nước trực tiếp chỉ đạo là có năng suất, 70% còn lại ở vào tình trạng trì trệ, không cải tiến. So sánh với những nước láng giềng Tây Âu, nhất là với Tây Đức với nền kinh tế phát triển vượt bực do thị trường tự do và sáng tạo và khoa học kỹ thuật, người dân Đông Đức cảm thấy họ đã bị bóc lột quá đáng, họ bắt đầu phát biểu cảm tưởng, tâm tư của họ công khai, không còn sợ sệt cảnh sát công an chìm nữa. Đã đến lúc họ cần "loại bỏ ngay chế độ đã buộc họ phải suy nghĩ, phải làm những gì do nhà nước chỉ đạo," nói lên sự mất niềm tin, ngay cả trong đảng viên, đối với nhà nước. Những cuộc xuống đường biểu tình, bỏ đảng tịch trong thời gian qua cho thấy mọi chuyện có thể xảy ra, điều mà cách nay vài tháng không một ai có thể tin tưởng nổi. Xã hội đi từ phản đối sang bất ổn từ bất ổn tiến sang nguy cơ sụp đổ chế độ nếu chế độ không kịp thời thi hành những cải cách chính trị và kinh tế cần thiết. Những cuộc biểu tình tại Đông Bá Linh, Leipzig, Dresden lúc đầu chỉ có vài trăm, một vài ngàn. Cảnh Sát đàn áp, bắt nhốt, càng qui tụ được nhiều người tham gia, con số lên tới hơn 50 ngàn như ở Leipzig ngày 9 Tháng Mười, 1989.

Các nhóm đối lập bên trong đã bắt đầu thành hình, tiến đến tổ chức cơ chế cho phong trào đối lập với sự tham gia của hệ thống giáo hội Tin Lành. Họ vừa tổ chức biểu tình vừa tổ chức biến những cuộc xuống đường biểu tình lẽ loi thành một hệ thống có liên lạc, có chỉ đạo. Sau một thời gian dài im hơi lặng tiếng vì bị đàn áp, tù tội bởi bạo lực, khi đến giai đoạn đấu tranh với một chính quyền kềm kẹp có tổ chức tinh vi với những cán bộ cuồng tín họ mới nhận chân rằng mỗi nhóm đều thiếu hẳn lãnh đạo, thiếu những mục tiêu rõ ràng, chưa đưa ra đường lối, chính sách ngắn và dài hạn để giữ vững được niềm tin và sức mạnh. Nhằm mục tiêu hoàn thiện những thiếu sót, các nhóm đối lập đưa ra nhu cầu kết hợp, tìm lãnh đạo xứng đáng tạo thêm sức đẩy cho cuộc đấu tranh. Đối phó lại và cũng để bảo vệ quyền lực độc tôn, các lãnh tụ Cộng Sản Đông Đức dùng mọi thủ đoạn lừa bịp bằng những nhượng bộ hời hợt bề ngoài, trong lúc đó họ tận dụng sức mạnh trong tay, như cho cảnh sát đàn áp thẳng thừng, bỏ tù những người biểu tình và chống đối. Trước đó Thị trưởng thành phố Đông Bá Linh tuyên bố cần có những cuộc tiếp xúc giữa chính phủ và các nhóm đối lập. Bộ chính trị Cộng Sản Đông Đức cũng tuyên bố đang cứu xét những đề nghị cải cách nào phù hợp với xã hội chủ nghĩa. Và biểu tình, chống đối vẫn tiếp tục diễn ra với nhiều người tham dự hơn, trả lời cho những hứa hẹn suông của chính quyền.

Theo các giới quan sát và phân tích thời cuộc cùng những chuyên gia về Cộng Sản thế giới, đến thời điểm nầy, chính quyền Cộng Sản Đông Đức không còn chỗ để lừa gạt người dân được vì chế độ đang trên đà tuột dốc và bế tắc. Có những yếu tố khiến người ta tin tưởng như vậy:

Từ khi dựng lên quốc gia Cộng Hòa Dân Chủ Đức năm 1949, trái với những điều khoản ưng thuận bốn cường quốc chiến thắng Đức Quốc Xã năm 1945, với sự thành lập khối Quân sự Warsaw, Liên xô đã đưa 400 ngàn Hồng quân vào lãnh thổ nước nầy. Đạo quân to lớn nầy được xem như lực lượng "mủi dùi" tiền phong cho khối Warsaw khi có chiến tranh xảy ra. Nay dưới thời Gorbachev, chủ thuyết Brezhnev đã chết. Với xu hướng "giảm căng thẳng" giữa các siêu cường, Hồng quân không còn cần thiết để duy trì quá nhều, và không còn là mục tiêu lợi ích nữa. Tháng Mười Hai năm 1988 tại Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc, chủ tịch Gorbachev tuyên bố Mạc Tư Khoa sẽ giảm các lực lượng đồn trú tại Đông Âu, tái phối trí như một lực lượng có tính cách phòng thủ. Gorbachev cũng đã cân nhắc đến những yếu tố ảnh hưởng đến an sinh của Liên Xô về các phương diện chính trị, quân sự và kinh tế cùng khả năng đối phó khi tình hình đòi hỏi.Về quân sự, chủ thuyết can thiệp bằng Hồng quân của Brezhnev đã chấm dứt. Về chính trị, giá trị chiến lược của Đông Đức đã giảm đi thay vì là một vùng trái độn chính trị đối với Đông Đức càng mất đi tính

cách cung cấp và cạnh tranh kỹ thuật tân tiến, nhất là về điện tử cho Liên xô, thay vào đó Tây Đức, Phần Lan và Áo trở thành những nơi lý tưởng trao đổi mậu dịch kinh tế có giá trị, có thể cung ứng đủ nhu cầu về điện tử, máy móc, và các chuyên gia quản trị xuất sắc để giúp Liên xô phát triển.Hệ quả là Đông Đức, tuy vẫn được Liên xô đánh giá rất quan trọng cho quyền lợi chiến lược của mình, nhưng chỉ trở thành một vùng có ảnh hưởng đến Liên xô trên phương diện lảnh thổ chứ không phải chế độ.

Đổi lại, Hoa Kỳ và Tây phương không muốn Gorbachev thất bại trong chương trình cởi mở chính trị và cải cách kinh tế vì mọi thất bại của Gorbachev sẽ dẫn đến sự sụp đổ của "xu thế giảm căng thẳng" sự hạ bệ Gorbachev. Tây phương và Hoa Kỳ dành mọi giúp đỡ về tài chánh cho ông ta và công khai tán dương cá nhân kể cả đường lối ông ta đang theo đuổi. Và Gorbachev đã chấp nhận những diễn biến phức tạp rủi ro tại Đông Âu, theo ý ông, "do nhân dân Đông Âu quyết định vận mạng của mình trong việc xây dựng xã hội chủ nghĩa mà không có sự can thiệp thô bạo từ bên ngoài." Gorbachev cũng là lảnh tụ Liên xô đầu tiên trong lịch sử Cộng Sản thế giới nhìn xem những biến động có tính cách xoay chuyển cả đế quốc Quốc tế Cộng Sản: các đảng Cộng Sản đàn em ở Ba Lan, Hung Gia Lợi đang bị đẩy vào chân tường -- với một phản ứng rất là tiêu cực. Khi ông đến Đông Bá Linh để dự lễ kỹ niệm 40 năm thành lập Cộng Hòa Dân Chủ Đức, nhân dân Đông Bá Linh kêu gào "Gorbi, Gorbi, hãy giúp chúng tôi!" Ông ta đáp lại "Các bạn đừng hoảng hốt, chúng tôi đang cố gắng đây." Kêu gào của nhân dân Đông Đức nhờ ông ta làm áp lực với Honecker và đồng bọn cởi trói xã hội bị áp bức. Ông ta, tuy vậy, cũng dùng kế hoãn binh mua thời gian: vừa xoa dịu làn sóng chống đối, vừa làm áp lực với chính quyền Honecker, lại vừa không làm mếch lòng ông này.

Dựa vào những dữ kiện trên, các nhà tranh đấu đòi hỏi tự do dân chủ và cải cách kinh tế ở Đông Đức cho rằng đã đến lúc cần đẩy mạnh phong trào tranh đấu mặc dù có những cuộc đàn áp thô bạo của cảnh sát Đông Đức, và không coi lệnh cấm biểu tình của chính quyền vào đâu. Cuộc đấu tranh liên tục và gần như đều khắp của các nhóm đối lập và nhân dân Đông Đức mang lại những thành quả khích lệ:

Ngày 09 tháng Mười, 89, hơn 50 ngàn người đã xuống đường biểu tình tại thành phố Leipzig đòi hỏi dân chủ. Cảnh sát chỉ dàn ra nhưng không can thiệp. Đây là cuộc biểu tình lớn nhất trong lịch sử 40 năm Cộng Sản Đông Đức. Một tuần sau, vào tối thứ hai 16 Tháng Mười, 1989, con số người xuống đường, sau các thánh lễ ở nhà thờ Tin Lành, tăng lên hai lần, tức hơn 100 ngàn người tụ tập đòi hỏi tự do tại công trường Karl Marx với những khẩu hiệu: "Chúng tôi là nhân dân" và "cho giới trẻ quyền lực." Có cả những biểu ngữ đòi hỏi tự do bầu cử, tự do báo chí và tự do du lịch. Không có chuyện đáng tiếc xảy ra.

Song song với những cuộc biểu tình, các nhóm đối lập đã thành hình: New Forum (Nghị Hội Mới), Democratic Awakening (Dân chủ thức tỉnh), Initiative For Peace and Human Rights (Sáng kiến cho Hòa Bình và Nhân Quyền). Nhóm New Forum nổi bật hơn hết, có 25 ngàn đoàn viên tại 14 thành phố lớn ở Đông Đức, nhưng không được chính quyền thừa nhận. Trong cuộc họp tại Đông Bá Linh, 150 đoàn viên cao cấp đã ký tên vào một chương trình hành động kêu gọi "cải cách chính trị và kinh tế." Bà Baerbel Bolilley, một trong những sáng lập viên của Nghị Hội Mới, nhấn mạnh rằng: "Nghị Hội Mới chủ trương tranh đấu bất bạo động và sẽ tranh đấu trong khuôn khổ xã hội chủ nghĩa để thay đổi đất nước." và bà tuyên bố tiếp: "Đây là một cuộc tranh đấu gian khổ trong một đất nước do Cộng Sản lảnh đạo, chấp nhận đối thoại thật sự với chính quyền, nhất quyết không bỏ nước đi tị nạn như cả chục ngàn người đã làm trong quá khứ. Nghị Hội Mới sẽ xuất bản một tờ báo làm tiếng nói chính thức cho phong trào đối lập. Bà cho biết thêm, chính quyền Cộng Sản đang có những âm mưu chia rẽ đối lập, muốn móc nối lẻ tẻ các đoàn viên của Nghị Hội Mới để nói chuyện. Hệ thống giáo hội Tin Lành cũng tham gia vào cuộc tranh đấu nhưng không dám đi quá xa như giáo hội Thiên Chúa giáo Ba Lan.

Các nhà lảnh tụ Cộng Sản Đông Đức chưa có quyết định dứt khoát về cách giải quyết khủng hoảng, nhưng có những chỉ dấu khích lệ tuy chưa có thể khẳng định là nhượng bộ như Tòa Đại sứ Đông Đức tại Ba Lan, Tiệp Khắc đã cấp thông hành tạm cho công dân Đông Đức muốn tị nạn sang Tây Đức với điều kiện phải ký vào một chứng thư từ bỏ quốc tịch của mình. Những nguồn tin thông thạo từ bên trong Đông Đức cho biết Bộ Chính Trị sẽ họp vào ngày 17 tháng Mười để thảo luận những vấn đề cấp bách và tìm biện pháp đối phó với tình hình ngày càng nghiêm trọng. Nguồn tin trên còn cho biết có thể trong đợt nầy Chủ tịch Đảng Erich Honecker sẽ bị bắt buộc từ chức, vì quá già và yếu đuối.(*)

Riêng về nội bộ Đảng đã có hơn 20 ngàn đảng viên từ bỏ đảng tịch vì bất động với chính sách cứng ngắt kiểu Stalinist của Honecker, trước những bất mãn và chống đối công khai dang dâng cao của nhân dân Đông Đức.

Tuy nhiên, đằng sau những

thành quả khích lệ đạt được của các nhóm đối lập, người ta không khỏi lo âu trước những thiếu sót trầm trọng đã được bộc lộ khi họ phải đối đầu với một chế độ Cộng Sản có một bộ máy kiểm soát và kềm kẹp tinh vi, với một lực lượng cảnh sát được huấn luyện kỹ càng, một đoàn mật vụ với quyền hành rộng lớn, với một quân lực hùng hậu và quan trọng nhất được bảo vệ bởi một tập đoàn cán bộ cuồng tín. Câu hỏi được đặt ra: Với số người chống đối ngày càng đông đảo, nhưng họ có thể tổ chức thành một lực lượng đối lập hữu hiệu không? Điều nầy tùy thuộc vào khả năng vượt qua các khuyết điểm mà các nhà tranh đấu đã thâu thập được:

Thứ nhất, các nhóm đối lập đòi dân chủ tự do có quá nhiều dị biệt to lớn về quan điểm đường lối đấu tranh. Nhóm dựa vào hệ thống giáo hội Tin Lành không dám đi quá xa, họ rất thận trọng trong việc chống đối chế độ, với chủ trương đạt một thỏa hiệp để chính quyền Cộng Sản cho phép một số người chống đối hoạt động. Giáo Hội Tin Lành ở Đông Đức khó trở nên một nơi tụ hội những thành phần đối lập có khả năng đối đầu với chế độ hiện thời. Nhóm Initiative For Peace and Human Rights (Sáng kiến cho Hòa Bình và Nhân quyền) gồm những thành phần không tôn giáo, không chấp nhận đặt dưới sự lãnh đạo của giáo hội Tin Lành. Họ chủ trương đường lối cứng rắn hơn của giáo hội, đòi hỏi những cải cách rõ ràng. Nhóm New Forum (Nghị Hội Mới) không chủ trương lật đổ chế độ gồm có những người tranh đấu được kết hợp lại một cách lỏng lẻo, chỉ đưa ra đường lối tổng quát, đòi hỏi có đối thoại thực sự giữa chính quyền và nhân dân nhưng lại không trình bày được một sáng kiến nào về cải cách buộc chính quyền thực hiện. Nói chung, các nhóm tranh đấu thiếu một chương trình hành động rõ ràng và thống nhất. Điều quan trọng mà người ta lo âu nhất là phần đông những người đòi cải cách lại không tranh đấu cho một thị trường tự do, như ở Ba Lan, họ cam chịu sống dưới Chủ Nghĩa Xã Hội, nhưng muốn chính quyền phải có đối thoại nhiều hơn, phải cho phép tự do báo chí và không hạn chế du lịch với những dị biệt to lớn nầy, vấn đề san bằng những quan điểm, đường lối đấu tranh, trở thành gay go, để tạo một Phong trào Thống nhất cho những nhóm đối lập, mới mong thành hình được một đối lực hữu hiệu với chế độ.

Thứ nhì, phong trào đối lập thiếu một lãnh tụ có tầm vóc cở Lech Walesa của Ba Lan, một lảnh tụ có lòng yêu nước nồng nàn làm biểu tượng cho cuộc tranh đấu của nhân dân, làm hấp lực cho những ủng hộ của quốc tế. Sở dĩ có tình trạng nầy vì trong quá khứ, những người có thành tích đấu tranh và bị chính quyền xem như nguy hiểm cho chế độ, *đều bị đẩy đi lưu vong cả*, hoặc nếu bị bắt thì được chính phủ Tây Đức mua tự do cho họ bằng tiền, tiếp nhận họ như những anh hùng. Cho tới lúc nầy tại Đông Đức, chưa xuất hiện một lảnh tụ tranh đấu đã bị bắt ngồi tù, được thả ra và tiếp tục tranh đấu. Vì thế mới có chuyện tiếu lâm về các người chống đối chế độ: "Sống ở Stuttgart lái xe Mercedes và đưa đào đi nghỉ hè ở Tây Ban Nha." Lại thêm một khuyết điểm so với những người chống đối ở Ba Lan là một số người chống đối ở Đông Đức, tuy hiện nay không còn e sợ cảnh tù tội vì hoạt động chống chế độ, nhưng lại sợ tên mình bị ghi vào sổ đen khó được đi tị nạn chánh thức. Kết quả họ không dám công kích chế độ mạnh mẻ như các đoàn viên của Công đoàn Đoàn Kết Ba Lan.

Tóm lại, tình hình Đông Đức càng lúc càng biến chuyển thuận lợi cho cuộc đấu tranh đòi dân chủ, tự do và phát triển kinh tế. Nó sẽ thuận lợi tùy theo nhịp đấu tranh của nhân dân, được lảnh đạo bởi một phong trào đối lập Thống Nhất có chánh sách rõ ràng và đề cử ra một lảnh tụ xứng đáng, được tin cậy, để làm biểu tượng cho cuộc đấu tranh, hấp dẫn được sự yểm trợ quốc tế nhất là từ Tây Đức. Có được vậy, Phong trào giải thể cộng sản ở Đông Đức mới bắt kịp các chiến hữu ở Ba Lan, Hung Gia Lợi và đưa Phong trào đến thành công. "Quốc gia Cộng Hòa Dân Chủ Đức tự nó không hiện hữu, nó chỉ hiện hữu qua ý thức hệ. Nếu ý thức hệ sụp đổ, quốc gia phải sụp đổ" như lời tiên đoán của ông Charles William Maneys, chủ biên tạp chí Foreign Policy.

Tin giờ chót ngày 18 tháng Mười 1989, các hảng thông tấn và truyền hình khắp Thế giới loan tin Chủ Tịch Đảng Cộng Sản Đông Đức Erich Honecker đã từ chức dưới áp lực của Bộ Chính Trị vì thiếu khả năng đối phó với cuộc khủng hoảng tị nạn. Ông Egon Krenz, 52 tuổi, được Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng chỉ định thay thế Honecker. Egon Krenz là ủy viên Bộ Chính Trị Đảng trẻ tuổi nhất, nguyên là Chủ tịch Đoàn Thanh Niên Cộng Sản Đông Đức, kiêm đặc trách an ninh nội chính. Cũng giống như Honecker, ông là một đảng viên Cộng Sản cứng rắn, cuồng tín. Trong cuộc phỏng vấn sau khi được chỉ định vào chức vụ mới, Krenz cho biết: "Chúng tôi sẽ bắt đầu chuyển hướng và đặc biệt chúng tôi sẽ lấy lại thế tấn công về chính trị và ý thức hệ."

Phản ứng đầu tiên của thế giới do Gorbachev gởi điện văn chào mừng đến Egon Krenz với nội dung: "Sự chọn lựa đồng chí Krenz là một phản ứng mau lẹ cho những yêu cầu của thời đại để theo đuổi đường lối đổi mới quốc gia. Chính phủ Liên xô tin tưởng rằng chính phủ mới sẽ tìm được mọi giải pháp rất

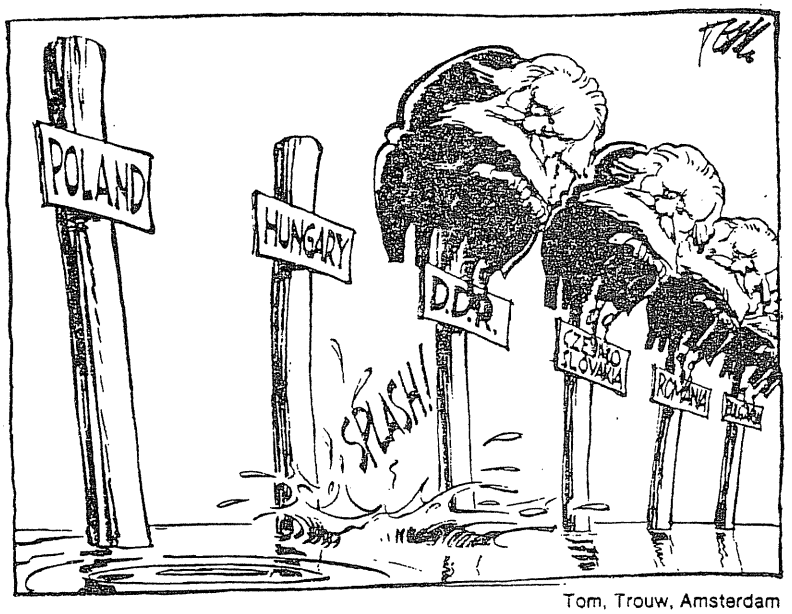


Tom, Trouw, Amsterdam

Cummings, Winnipeg Free Pres

**Tadeusz Mazowiecki**

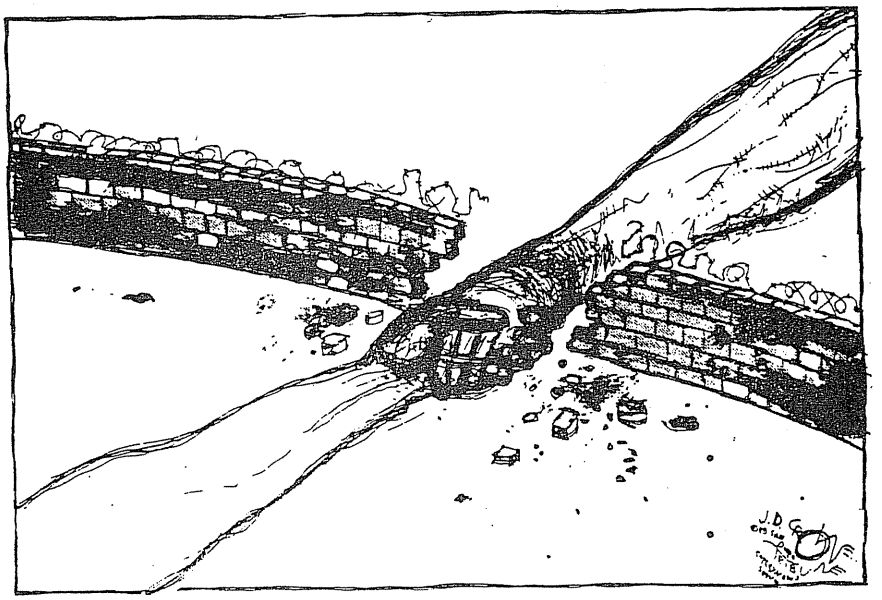

cần yếu cho những vấn đề khó khăn trước mắt." Trong khi đó tại Thủ đô Washington, Tổng Thống Bush cho biết "dù cho đó là một bước đi cởi mở hơn, nhưng còn quá sớm để bình luận." Thủ Tướng Tây Đức Helmut Kohl tuyên bố: "Tổng Bí Thư Egon Krenz sẽ được đánh giá bởi hành động của ông ta và các nhà lảnh đạo khác của Đông Đức có thể mở đường cho những cải cách hay chỉ là bảo vệ quyền lực độc tài. Sự mong mỏi cải cách của nhân dân Đông Đức không chỉ giới hạn giới hạn bởi một thay đổi nhân sự tầm thường." Riêng tại Đông Bá Linh, nhóm Nghị Hội Mới (New Forum) cho biết sự chỉ định Egon Krenz thay thế Honecker không chứng tỏ một thay đổi sâu rộng nào trong đầu óc của Bộ Chính Trị Cộng Sản Đông Đức. Làm sao tin chắc được Egon Krenz sẽ đưa ra chương trình đổi mới, khi trong quá khứ ông ta đã chịu trách nhiệm bao nhiêu việc tồi tệ xảy ra ở Đông Đức khiến người ta nghi ngờ. Như vậy, sự thay đổi nhân sự chóp bu của Đảng Cộng Sản sẽ không đáp ứng được đòi hỏi dân chủ của nhân dân Đông Đức và chắc chắn rằng các cuộc biểu tình lớn rộng hơn sẽ tiếp tục diễn ra.

**LÊ THIỆN TÙNG**

(*) Erich Honecker đã mất chức hôm 18 tháng Mười, 1989.

# ĐÔNG ĐỨC & VIỆT NAM

NGUYỄN HỮU CHUNG

Khi tôi viết những giòng này thì một triệu người dân Đông Đức vừa trở về sau một cuộc đi dạo cuối tuần bên lãnh thổ Tây Đức. Biến cố "phá tường" mà mọi người trong chúng ta đều thấy trên truyền hình có lẽ là biến cố quan trọng nhất trên thế giới kể từ ngày đệ nhị thế chiến chấm dứt. Nó quan trọng chẳng những đối với người dân Đông Đức hay người dân Tây Đức, mà đối với tất cả mọi người, kể cả người Nga, người Mỹ, người Âu Châu, người Á Châu, người Việt Nam. Vài lổ thủng trong bức tường Berlin quan trọng hơn cả sự tiêu hủy hàng trăm hỏa tiễn có đầu đạn nguyên tử mà người Nga vừa làm tháng trước.

Phải nói ngay rằng việc phá tường của ông Krenz trước hết là một hành động tự cứu vì chỉ có thể làm như vậy mới đem lại niềm tin nơi người dân Đông Đức, mới chấm dứt được cuộc nổi dậy, vì người dân không còn tin nơi những lời hứa nữa, sau hơn bốn mươi năm độc tài và lừa dối. Honecker, trước khi từ chức, đã hăm dọa dân Đông Đức về một cuộc tắm máu kiểu Thiên An Môn. Có thể vì vậy mà Honecker đã phải ra đi vì ông Gorbachev không muốn thấy điều đó. Nhưng nếu không đàn áp thì phải làm sao khi hàng trăm ngàn người bỏ xứ ra đi làm tê liệt các hoạt động kinh tế, khi hàng trăm ngàn người khác ngày ngày biểu tình chống chánh phủ? Để vậy, không làm gì hết là đương nhiên chánh phủ sẽ bị lật đổ trong hỗn loạn. Phá tường, Krenz đã thành công trong việc "ổn định tâm lý" người dân Đông Đức hầu mua thời gian để ổn định tình hình chánh trị, để nếu đảng Cộng Sản có phải lùi bước thì cũng lùi trong danh dự như ở Ba Lan hay ở Hung Gia Lợi.

Nhưng đó là chuyện nhỏ, chuyện quyền lợi của đảng Cộng Sản Đông Đức. Chuyện lớn trong vụ nầy là chuyện quyền lợi của nước Nga. Tôi thấy rằng đây không phải là một sáng kiến riêng rẻ của Đông Đức, mà là một cuộc tấn công ngoại giao của Nga Sô, một cuộc tấn công ào ạt, chớp nhoáng, đặt Hoa Kỳ vào thế thụ động, khiến Tổng Thống George Bush phải ngơ ngác.

Không theo chủ trương của những lãnh tụ đi trước, Gorbachev đã thẩm định lại quyền lợi của nước Nga để đi đến quyết định giải tán khối Cộng Sản Đông Âu. Chắc chắn rằng sau Đông Đức sẽ tới Tiệp Khắc, Bảo Gia Lợi, Lổ Ma Ni. Nếu khối Cộng Sản Đông Âu không còn và liên minh quân sự Varsovie (Warsaw) bị giải tán thì Tây Âu cũng không còn liên minh Bắc Đại Tây Dương (NATO) và lực lượng quân sự Hoa Kỳ. Gorbachev đang đánh lá bài thua một, ăn mười. Cái thua (khó có thể) là rủi ro bị Đức quay lại tấn công trong tương lai khi mà liên minh quân sự hùng mạnh đã bị giải tán. Cái ăn (rất lớn) là (1) bỏ gánh nặng quân sự, giảm chi tiêu quốc phòng, (2) loại NATO và Hoa Kỳ ra khỏi Âu châu, (3) kết thân với Âu châu để phát triển kinh tế; chắc chắn cường quốc kinh tế số hai trên thế giới là Tây Đức sẽ viện trợ và đầu tư mạnh mẽ vào nước Nga.

Con người thông minh và thực tế Gorbachev đã thấy rằng thiên đàng vô sản, thế giới đại đồng mà Lénine vẽ ra không có và cũng không cần có. Cái cần có là bánh mì, thịt cá, trái cây, là nhà ở, xe hơi, là phấn son cho đàn bà và vợt tennis cho đàn ông. Ba thế hệ người Nga, sau 70 năm cách mạng, đã thiếu những thứ đó. Quên đi những giáo điều, thay đổi chánh sách đối ngoại, thay đổi cơ cấu sản xuất và đường lối quản trị trong xứ, đó là tất cả chương trình đổi mới của ông Gorbachev. Ông ta hành động rất ngoạn mục và nhiều người tiên đoán rằng ông sẽ thành công đem nước Nga vào thế kỷ 21 như một nước tiến bộ.

Nhưng có một câu hỏi được đặt ra: tất cả chương trình đó sẽ ảnh hưởng thế nào đến cơ cấu chánh trị trong nước Nga? Gorbachev có muốn dân chủ

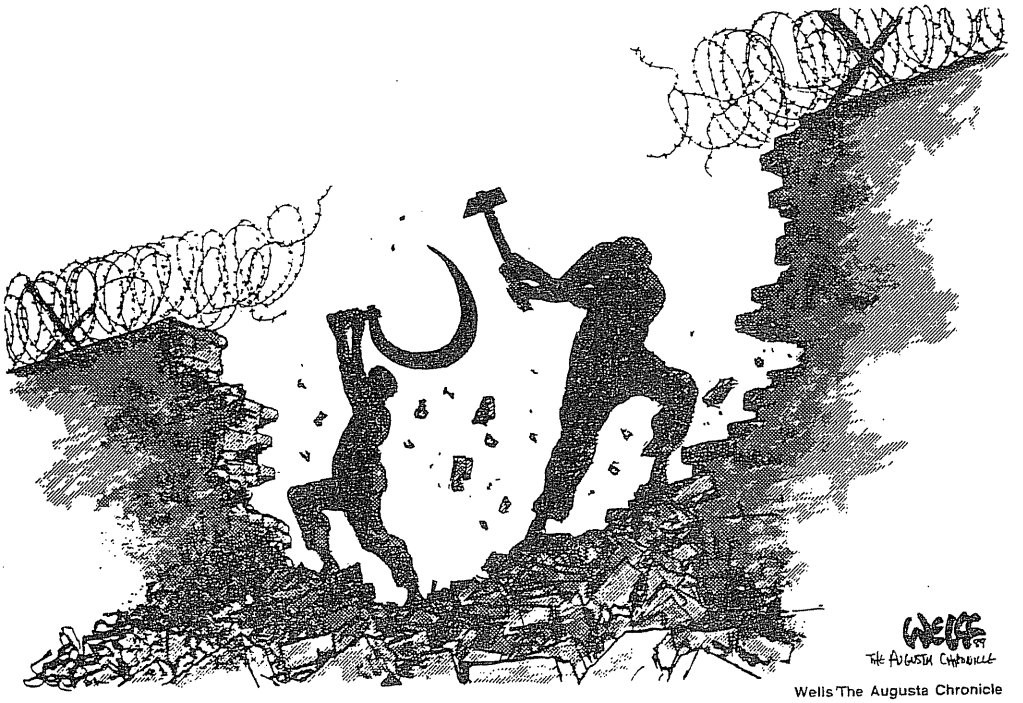

Wells The Augusta Chronicle

hóa nước Nga, để cho dân Nga tự chọn như Hung gia lợi đang làm không? Gorbachev là Bí thư đảng Cộng sản Nga, đương nhiên ông ta không muốn dẹp đảng, làm cái việc xô ngả cây thang trên đó ông ta đang đứng. Nhưng người Nga cũng là những con người bình thường dù đã sanh ra trong chế độ Cộng Sản, ngoài những nhu cầu vật chất họ còn có những nhu cầu tinh thần, nhu cầu tự do, những đòi hỏi mâu thuẫn với bất cứ một hình thức độc tài nào, một tư tưởng độc tôn nào. Gorbachev có thể điều khiển tài tình những con cờ trên bàn cờ thế giới nhưng không thể kiểm soát tư tưởng của người Nga và kiểm soát tiến trình của dân tộc Nga. Đó chính là cái rủi lớn (high risk) trong chương trình đổi mới của ông ta. Nhưng nghĩ cho cùng, cái rủi đó nếu có xảy ra thì nó đến cho đảng Cộng Sản chứ không phải cho nước Nga và ông Gorbachev không có vẻ lo ngại lắm. Dù sao ông ta cũng là một người Nga và điều gì xảy đến cho chủ nghĩa Cộng Sản trong mười hay hai mươi năm nữa cũng không quan trọng, khi tên ông ta đã đi vào lịch sử. Khi đã an vị trên đỉnh đài rồi, cây thang có ngả cũng không sao.

Khi tôi thấy người ta tháo gở mấy tảng tường, tôi tin nơi sự đổi mới của ông Gorbachev, tin lời nói của ông trước đại hội đồng Liên Hiệp Quốc trong tháng Mười Hai năm rồi rằng "tự do lựa chọn của mỗi dân tộc là một nguyên tắc phổ quát (universal)." Tự do lựa chọn đường lối của mình, dù điều đó đưa đến sự ly dị đối với chủ nghĩa Cộng Sản. Chẳng những chấp thuận nguyên tắc tự do lựa chọn, Gorbachev còn giúp thi hành nguyên tắc đó bằng cách dẹp bỏ những trở ngại. Chính Gorbachev đã điện thoại can thiệp với chủ tịch đảng Cộng Sản Ba Lan khi đảng nầy muốn cản trở phe Solidarity lập chánh phủ. Gorbachev đã đích thân đến Đông Đức để ép Honecker từ chức và đã thảo luận với Krenz trong mấy tiếng đồng hồ hai tuần trước khi bức tường Berlin bị phá. Nói một cách thực tế, Gorbachev đã chấp nhận giải tán khối Cộng Sản để đổi lấy sự phục hưng kinh tế của nước Nga. Trước sự kiện này, người Việt ta không khỏi đau lòng khi thấy các lãnh tụ đảng Cộng Sản Việt Nam, ngày ngày cứ lập đi lập lại câu "Mát xít ưu việt," cứ xì xụp quì lạy, khấn vái trước bàn thờ Lénine và Staline, không màng gì tới nhân dân đang đói khổ. Thử hỏi bám lấy chủ nghĩa Cộng Sản thì sẽ bám vào đâu khi mà đế quốc Cộng Sản đang bị giải tán? Chỉ có một con đường: con đường dân tộc, chánh trị đa nguyên, tự do ngôn luận, kinh tế thị trường. Khi những cánh cửa đó đã mở rộng thì mọi người Việt trong và ngoài nước sẽ làm mọi điều cần thiết cho xứ sở cũng như người dân Đông Đức đã ngưng không ra đi nữa.

Ngày 14 tháng Mười Một, 1989
**NGUYỄN HỮU CHUNG**

# CẢM TƯỞNG VỀ "BIẾN CỐ BỨC TƯỜNG BÁ LINH"

*LTS. -- Những dấu hiệu sụp đổ của thành trì cộng sản dường như khởi đầu hiện ra ở Ba Lan, khi đảng cộng sản nước này lùi bước trước sức đấu tranh của nhân dân -- đặc biệt là công nhân dưới sự lãnh đạo của Lech Walesa. Nhưng người ta chỉ thực sự nhìn nhận sự sụp đổ đó khi "bức tường Bá Linh," biểu tượng cụ thể của "thành trì cộng sản," bị chọc thủng những ngày đầu tháng 11 vừa qua.*

*Trước biến cố lịch sử đó,* Thế Kỷ 21 *(và nhật báo* Người Việt*) làm một cuộc phỏng vấn chớp nhoáng một số người Việt Nam ở nhiều nơi trên thế giới. Sau đây là ý kiến được ghi lại, do Lê Tam Ca tổng kết, qua các phỏng vấn trực tiếp hoặc điện thoại của Từ Nguyên, Trần Thanh Hiệp (Âu Châu), Nguyễn Văn Khanh (Washington DC), Hạ Quyên (Canada), Nguyễn Xuân Hoàng, Phạm Quốc Bảo, Nguyễn Hoàng Nam (California).*

**Bùi Diễm** *(Chủ tịch BCH Nghị hội Toàn quốc người Việt tại Mỹ)*

Những biến chuyển ở Đông Đức trong tuần qua và ở Đông Âu trong những tháng qua đã chứng tỏ một cách rõ rệt rằng với áp lực mỗi ngày một gia tăng của người dân đòi cơm áo và tự do, những chế độ cộng sản ở khắp nơi đã phải lùi bước.

Mức độ thay đổi ở mỗi nước còn tùy thuộc vào những điều kiện lịch sử, địa dư, chính trị, xã hội và nhân sự ở nước đó.

Nhưng nói một cách tổng quát thì sớm hay muộn những chế độ cộng sản cũng phải sụp đổ. Và bây giờ là lúc những người quốc gia tranh đấu cho tự do và thanh bình của đất nước phải nhìn rõ thấy thời cơ để ngồi lại với nhau và sửa soạn một cách tích cực và cụ thể cho một tương lai không cộng sản của đất nước.

**Nguyễn Ngọc Huy** *(giáo sư Chính trị học, Chủ tịch BCHTƯ Liên minh Dân chủ Việt Nam).*

Ở Âu Châu, vì cái thế của Nga, không thể cưỡng lại được. Các nước Đông Âu phải thay đổi thao. Nhưng Việt Nam ở xa, lại vốn rất ngoan cố, nên chưa có.

Ăn thua mình tranh đấu -- cả trong lẫn ngoài. Trong đứng dậy, ngoài yểm trợ.

**Nguyễn Mạnh Hùng** *(giáo sư Chính trị học, đại học George Mason, Washington D.C.)*

Đoạn kết của chủ nghĩa cộng sản. Hungary khôn khéo nhất vì trút bỏ được cái áo chủ nghĩa để vẫn nắm quyền. Chỉ có Nga còn cố níu bằng khẩu hiệu "đổi mới." Việt Nam? Đường cùng rồi. Cả thế giới đều dồn về Đông Âu, thì Việt Nam rơi vào lãng quên. Những người lãnh tụ ở Việt Nam muốn chuyển và chuyển cho nhanh, nhưng không có người và không có tiền.

**Nguyễn Đồng Sơn**
*(Vụ trưởng Kế hoạch TVHN/MTQGTNGPVN)*

Về sự kiện chính quyền cộng sản Đông Đức phải chấm dứt tình trạng phân chia Đông và Tây Bá Linh bởi Bức tường Ô nhục dựng lên 28 năm về trước, chúng tôi xin có hai phần nhận định, *thứ nhất* liên quan đến vấn đề của nước Đức và dân tộc Đức trong tương quan Đông Tây Âu và, *thứ hai,* liên quan đến tình hình của nước ta.

*Thứ nhất,* sự kiện nước Đức bị cộng sản hóa một phần lãnh thổ và người dân Đức tại miền Đông bị rơi vào ách cai trị của chủ nghĩa cộng sản là một hậu quả của trận Đệ nhị Thế chiến với vai trò chủ động của Liên bang Sô Viết. Đông Đức bị cộng sản cai trị và bị Liên Sô khống chế kể từ đó. Nhưng, chế độ này không tiêu diệt nổi lòng khát khao tự do và thống nhất của dân tộc Đức. Khi Liên Sô gặp khủng hoảng và áp dụng chính sách *lao chạy về phía trước,* người dân Đức đã vùng lên, và chính quyền cộng sản Đông Đức đã phải lần lượt nhượng bộ.

Nhưng, sự thắng thế của tư tưởng tự do phải đi đôi cùng sự chủ động trong đấu tranh chính trị giữa người dân bị áp bức với chính quyền cộng sản. Chúng tôi thấy biến cố vừa xảy ra tại Bá Linh là sự thắng thế của tư tưởng, nên coi đó là đáng mừng. Nhưng, đồng thời chúng tôi nghĩ là người dân Đức nên ưu tư về những gì sẽ xảy ra sau này: Biến cố vừa xảy ra là một cuộc "*tổng bỏ chạy*" đi tìm tự do, ở bên kia bức tường. Nếu đồng thời dân tộc Đức tiến hành một cuộc "*tổng nổi dậy*" để làm cuộc cách mạng thay thế chế độ áp bức và ô nhục ở bên sau bức tường, chúng ta mới có thể nói đến một sự thắng thế toàn diện và bất khả hồi của dân tộc Đức.

Và khi đó vấn đề vị trí của một nước Đức thống nhất sẽ đặt ra trong tương quan Đông và Tây Âu, và trong tương quan giữa hai khối Varsaw và NATO.

Các dân tộc Âu Châu không thể quên nổi những kinh nghiệm kinh hoàng của lịch sử khi nước Đức thống nhất và hùng mạnh nhất Âu Châu. Tây Đức đang là nước giàu nhất Tây Âu, Đông Đức đang là nước mạnh về kinh tế trong khối cộng sản. Sức mạnh của dân tộc Đức làm Âu Châu ưu lo, và họ không phải là không có lý. Ở một cấp cao hơn, trong tương quan giữa Đông và Tây, việc thống nhất nước Đức có thể dẫn tới việc hủy bỏ NATO, một minh ước phòng thủ đã bảo vệ Âu Châu trong hơn 40 năm qua. Âu Châu mà không còn NATO và Liên Sô thay đổi đường lối lần nữa, thí dụ khi Gorbachev bị thay thế chẳng hạn, thì nền tự do của Tây Âu và cả hòa bình của thế giới sẽ bị đe dọa.

*Thứ hai*, so sánh tình hình nước Đức với nước ta, chúng tôi nghĩ là tình hình Việt Nam sẽ không biến đổi như vậy, vì Việt Nam có những hoàn cảnh khác. Cộng Sản Việt Nam khác với Cộng Sản Đông Đức ... Chúng ta sẽ không mong thay thế những người cộng sản già nua bằng những cộng sản trẻ hơn vì thành phần này cũng cũng chỉ muốn tiến lên vị trí lãnh đạo để trở nên những tên Việt Cộng lạc hậu và ác độc mới. Muốn có tự do, dân ta phải tranh đấu để lật đổ thiểu số thống trị cộng sản trong nước. Đối với dân Đức, bức tường Bá Linh là một biểu tượng, Tây Đức là một sự mời gọi, và những ai đạp qua bức tường là có thể có tự do. Tại Việt Nam, bức tường đó là cả một hệ thống cai trị lạc hậu và ác độc của chế độ Việt Cộng. Vì không có điều kiện "tống bỏ chạy" để tìm tự do bên kia một lằn ranh, người Việt Nam chỉ còn giải pháp là "tống nổi dậy". Kết quả sẽ khả quan hơn, và đáng lạc quan hơn tại nước Đức, vì chúng ta không gặp những ràng buộc của lịch sử hay của tương quan quốc tế khó khăn như người đức, và vì điều quan trọng hơn nữa, đó là tự do sẽ đến trên lãnh thổ của mình, với những khát khao tự do và vẫn còn hiện diện tại chỗ để tiến hành cuộc cách mạng canh tân đất nước.

Muốn như vậy, chúng ta vẫn phải quan tâm đến ý thức đấu tranh, tức là tổ chức và đường lối lẫn nhân sự tiến hành, chứ không chỉ mừng rỡ là tư tưởng tự do đã thắng thế ý thức hệ cộng san. Tư tưởng tự do luôn luôn thắng thế, nhưng sau khúc ngợi ca tự do, đời sống của xã hội và tương lai đất nước vẫn đòi hỏi sự sáng suốt, thiết thực và kiên trì của mọi người, của cả chúng ta ở hải ngoại, để xây dựng lại một nước Việt nam khác. Người ta có thể ngợi khen dân tộc Đức vì những chuyện đang xảy ra tại Bá Linh, nhưng chúng ta biết chắc là dân tộc Việt Nam muốn tranh đấu cho tự do trên quê hương mình, và sẽ thành công vì biết mình muốn gì và có ý chí, sự quả cảm và khả năng thực hiện điều đó.

**Phạm Cao Dương,** *(nguyên giáo sư Sử học, hiện đang giảng dạy tại CSU/Long Beach và UCLA, Nam California)*

Bao giờ đến lượt Việt Nam mình? Nói thế thôi chứ khó xảy ra ở Việt Nam. Mặc dầu dân đã đói lắm, dễ loạn lắm rồi, nhưng bộ máy kiểm soát của cộng sản vẫn còn mạnh, và tin tức từ bên ngoài chưa được đưa vào đầy đủ.

**Thế Giang** *(Nhà văn ở Dortnumd, Tây Đức):*

Rõ ràng là một biến cố rung chuyển thế giới. Tôi thấy nó giống như cách đây 200 năm có vụ phá ngục Bastille. Nhưng điểm khác nhau ở hai vụ là sau Bastille mới có những cuộc cách mạng dân chủ nổ ra ở nhiều nơi trên thế giới; còn bây giờ, những đợt sóng cách mạng Dân chủ dâng lên ở nhiều nơi, để xô đổ bức tường Bá Linh.

"Bức tường Bá Linh" đổ, cả Đông lẫn Tây Đức không ai thiệt hại gì. Nhưng còn Việt Nam, chưa có "bức tường" nào đổ, nhưng hàng triệu sinh mạng đã mất.

**Đỗ Hùng** *(chuyên viên, 30 tuổi, ở San Jose)*

Vụ Đông Đức xảy ra nằm trong một chuỗi biến động có tính cách dây chuyền ở đông Âu. Trình độ dân trí và ý thức dân chủ của dân Âu Châu đã cao, nên phong trào đòi dân chủ, tự do ở đó mới lên được.

Ở Việt Nam khó có một vụ tương tự. Nhất là sau khi "vụ Thiên An Môn" bị xẹp xuống, phong trào đòi dân chủ ở các nước vùng Á Châu mất đà.

**Nguyễn Gia Kiểng** *(kỹ sư, cựu thứ trưởng VNCH)*

Những gì đang xảy ra ở Đông Âu, nhất là Đông Đức, chứng tỏ sự thiển cận kinh khủng của những người lãnh đạo cộng sản Việt Nam. Trào lưu dân chủ đa nguyên đang là dòng thác chính trị áp đảo. Chống lại dân chủ đa nguyên là chước lấy thất bại. Mới cách đây một tháng, Nguyễn Văn Linh còn lớn tiếng bài bác đa nguyên và coi Cộng Hòa Dân Chủ Đức (Đông Đức) như một chứng cớ chủ nghĩa xã hội Mác-Lê chính thống vẫn có thể thành công.

**Phan Thanh Văn** *(Linh mục, Ba Lê)*

Chắc chắn vụ Đông Đức có ảnh hưởng mạnh tới Việt Nam. Việt Nam thay đổi chỉ là vấn đề thời gian, chậm lắm là một hai năm tới.

**Thụy Khuê** *(nhà báo, Ba Lê)*

Biến chuyển tuyệt vời. Kinh nghiệm Đức cho thấy phải tránh lầm lẫn lớn là đi vào con đường hiếu chiến. Dân tộc Việt Nam chắc chắn cũng muốn đi vào con đường hai nước Đức đang đi. Có điều không hiểu là những người cộng sản có đủ sáng suốt để đẩy mạnh sự thay đổi hay không.

**Huỳnh Hùng** *(kỹ sư, cựu chủ tịch THSVVN tại Pháp thập niên 60)*

Đông, Tây Đức chọc thủng bức tường ô nhục làm chúng ta hy vọng rằng ở Việt Nam cũng sẽ có xúc tiến triệt hạ mọi "bức tường ô nhục" (nghĩa bóng). Vụ bức tường Bá Linh chắc chắn đã làm phe bảo thủ mở mắt."

**Nguyễn Duy Phước** *(chủ tịch CĐNV ở Orléans)*

Việt Nam chậm hơn Đông Âu. Nhưng ở mọi nơi, điều rõ ràng là chủ nghĩa Cộng sản không còn nữa.

**Vũ Quốc Thúc** *(giáo sư đại học Ba Lê)*

Đây là một sự kiện lịch sử quan trọng. Người ta vẫn coi Đông Đức là một trong những nước Cộng sản trung thành với chủ nghĩa Mác-Lê, hơn cả Cuba, và Việt Nam. Nay Đông Đức thay đổi, là đi đúng trào lưu thay đổi trong nội bộ Cộng sản chắc chắn làm cho những người lãnh đạo dù ngoan cố tới đâu cũng phải thấy rằng họ phải đi theo ý nguyện của nhân dân. Khi các nước cộng sản đàn anh thay đổi, đàn em không bám được vào dân, tự nhiên sẽ chỉ là quay về dân tộc, đặt quyền lợi dân tộc lên trên quyền lợi ý thức hệ. Biến cố Đức có lợi cho Việt Nam, nhưng hàng ngũ Việt Nam chưa chuẩn bị, e lỡ cơ hội.

**Nguyễn Văn Cường** *(Chủ tịch Ban Chấp hành Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia/ Montréal, Canada)*

Việc phá vỡ bức tường Bá Linh là tiếng chuông báo tử của chủ nghĩa cộng sản toàn cầu. Cuối cùng chúng ta đã thấy điều gì không phù hợp với bản tính con người bắt buộc bị đào thải.

Tiếc thay điều này không xảy ra khoảng 20 năm trước, để chúng ta không phải đi ra tứ xứ. Tuy nhiên, vấn đề của chúng ta ngày nay là phải hỗ trợ cho hơn 60 triệu đồng bào trong nước lật đổ bức tường vô hình đang đè nặng lên toàn thể Việt Nam, một bức tường kiên cố do bọn cầm quyền giáo điều dựng nên. Kiên cố nhưng 60 triệu người Việt chắc chắn sẽ phá vỡ để tìm lại tự do và dân chủ thực sự.

**Nguyễn Tấn Hồng** *(Bác sĩ, nguyên Chủ tịch Hội Y Sĩ Việt Nam/ Montréal, Canada)*

Những biến cố ở Đông Âu cho thấy chế độ Cộng sản sẽ sụp đổ và sụp đổ rất nhanh. Liệu đồng bào chúng ta ở trong nước có sẵn sàng làm công việc xây dựng một chế độ mới về văn hóa, kinh tế cũng như về chính trị hay không? Và người Việt hải ngoại phải hỗ trợ đồng bào trong nước như thế nào?

# TÍNH CHẤT MA TÚY CỦA CHỦ NGHĨA MÁC XÍT

VƯƠNG HỮU BỘT

Có những anh em đã trông thấy cảnh nghèo đói, sa đọa do chủ nghĩa Mác gây ra ở nước ta, đã thoát ra ngoài, vẫn còn thắc mắc: "Chủ nghĩa đó nó có cái gì mà người ta theo đông như vậy?"

Ví dụ bây giờ mình ở một nơi đang có bịnh dịch đau bụng, nhiều người khổ vì đau bụng. Có người thiết tha giúp bà con, đi tìm thuốc. Anh ta tìm ra chất cô-ca-in (cocaine), dùng thử thấy nó làm hết đau, lại thêm cảm giác lâng lâng sung sướng. Anh học vội mấy cuốn sách về y thuật, rồi viết cả ngàn trang sách bàn về bịnh đau bụng cùng với công dụng của chất cocaine chữa đau bụng. Mấy ông lang băm thấy anh này cũng nói chuyện y lý rất rành rọt, bắt đầu tin. Đưa người ta uống. Các thầy lang phát tài, vì bịnh nhân cảm thấy hết đau thật. Bệnh nhân lại ghiền chất cocaine nên cứ phải đi mua thuốc của các thầy lang. Bịnh đau bụng không hết căn, nhưng bịnh ghiền càng ngày càng làm bịnh nhân khốn đốn. Các thầy lang đã lỡ cho lỡ luôn, tổ chức đội quân bảo vệ nghề buôn bán cocaine của mình. Thế là một nửa nhân loại bị bắt buộc trở thành tín đồ của cocaine. Vì đội quân (nomenklatura) nó cũng nhờ cocaine mà sống. Còn các thầy lang thì dù biết cocaine không phải thuốc chữa bịnh, nhưng nếu muốn nói ra sự thật thì phải cai thuốc cho người ta, mà đội quân nomenklatura nó đâu dám cho cai.

Karl Marx bảo tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân. Trong gần thế kỷ qua Mác xít đã trở thành một thứ tôn giáo duy vật, trở thành thứ ma túy cho một số người. Các người này bắt dân chúng cả nước phải tôn thờ tôn giáo mới đó.

Cái quốc giáo đó rất cần để củng cố một chế độ chuyên chế. Chuyên chế đòi hỏi mọi người phải "nhất trí," tin cùng một điều thôi. Không ai được phê phán, được bàn cãi. Nói theo kiểu "kết luận của Bộ Chính Trị" thì "...được tranh luận tự do nhưng không được tuyên truyền những quan điểm cá nhân trái với chủ trương của Đảng, ảnh hưởng không tốt đến sự nhất trí..." (báo *Nhân Dân*, Hà nội, ngày 9-12-1988). Một bạn yêu đảng vô địch cũng phải hỏi "Người không có quan điểm cá nhân có bao giờ tranh luận với ai?" (báo *Đoàn Kết*, Paris tháng 3-1989). Ông bạn tôi dám hỏi vì ông ở nước ngoài, có thể yêu nước theo lối hàm thụ miễn phí, yêu đảng mà không cần hộ khẩu, không cần vào biên chế. Trong bài này chúng ta sẽ bàn về tánh chất tín ngưỡng và thần quyền của đạo Mác-Lênin.

Trước hết là tìm hiểu tại sao Mác xít lại lôi cuốn nhiều người thông minh và có tâm địa tốt. Bởi vì người thông minh thì cũng rất mê say cái trí thông minh của mình, và muốn thế giới xếp đặt theo cái biết, cái lý luận của mình. Mác xít đã đáp ứng nhu cầu lý luận và nhu cầu biết. Người có tâm thì động lòng trắc ẩn trước cái khổ của nhân loại, nổi giận trước cảnh giàu nghèo chênh lệch, và muốn giúp loài người sống công bằng hơn và bớt khổ hơn. Mác xít cống hiến cho họ hy vọng hão huyền về một thế giới hết khổ đau, hết chênh lệch.

Nhưng khi người ta càng dùng lý luận mác xít, thì càng say mê, thờ phượng, đồng hóa mình với đạo. Lênin, Stalin đã vạch ra cách dùng Mác xít để cướp chính quyền và bảo vệ quyền hành. Theo đạo Mác Lênin thì đó phải là một nhà nước chuyên chế! Vì vậy phải dùng Mác xít để duy trì tính chất nhất trí của cả chế độ, biến nó thành ra tôn giáo mới, một tôn giáo duy vật. Muốn củng cố nền chuyên chế họ phải kiểm soát tư tưởng, dùng văn nghệ, khoa học để minh họa cho chế độ. Đó là bản chất của chính thể chuyên chế, không phải một biến chất. Kiểm soát cái bao tử của dân, họ còn muốn kiểm soát cả con tim và khối óc nữa. Do đó tôn giáo mới này cũng độc quyền về cái thiện, cái đẹp, và sự thật. Nhân danh các giá trị tuyệt đối trên, việc gì cũng có thể làm được. Dối trá, thủ đoạn trở thành việc bình thường. Thét rồi dân chúng không tin họ, họ không tin nhau, nhưng vẫn ôm lấy những điều dối trá, hoang đường họ nói.

Đó là quá trình khiến cho Mác xít trở thành một tín

ngưỡng để củng cố một thứ thần quyền.

## Đi tìm bàn tay vô hình

Vào thế kỷ 18, kinh tế học mới sơ khai, người ta có một tin tưởng khá lãng mạn vào một thị trường tự do. Adam Smith đã dùng văn ảnh "bàn tay vô hình" để mô tả sự biến thiên tự nhiên của thị trường. Hồi trẻ Adam Smih đã viết một cuốn sách về lịch sử Thiên Văn học. Khi nghiên cứu kinh tế ông cũng tưởng tượng nền kinh tế tư bản có một thứ trật tự vận động tự nhiên, vượt lên trên lý trí và ý định của cá nhân. Trong chương 2, tập I của cuốn *Tìm hiểu bản chất và căn nguyên sự thạnh vượng các quốc gia* (1776) ông bảo "chúng ta có cơm ăn hàng ngày không phải vì lòng từ thiện của người làm bánh, người hàng thịt, người làm rượu nho; nhưng vì cả mấy người đó đều muốn kiếm lời cho chính họ." Adam Smith cho rằng óc vị lợi và sự trao đổi là hai điều kiện cho nền kinh tế phát đạt. Khi ai nấy đều tìm cách kiếm lời thì tự dưng mọi người đều hưởng lợi như thể có một bàn tay vô hình xếp đặt.

Kinh tế gia mác xít Ernest Mandel nhận xét rằng Karl Marx cũng chia sẻ ý niệm bàn tay vô hình của Adam Smith. Nhưng thay vì để chỗ trống cho bàn tay vô hình hoạt động, Marx đã nhận diện, đặt tên cho nó rõ ràng. Nó cũng là động cơ cho một thứ luật vận hành tự nhiên của nền kinh tế. Marx chỉ đích danh nó là "quy luật về giá trị lao động." Trong các bài trước chúng ta đã trình bày và phê phán quy luật này. Marx đã dùng nó để tiên đoán sự sụp đổ tất yếu của nền kinh tế tư bản, cũng như tiên đoán một xã hội theo lối Cộng Sản sẽ ra đời. Mấy chục năm cuối của đời ông, Marx vẫn chờ chế độ tư bản sụp đổ, nhưng bàn tay vô hình vẫn bắt ông chờ hoài. Ông tạ thế năm 1883; sau đó bao nhiêu người theo ông vẫn chờ đợi "quy luật tất yếu của lịch sử" làm công việc kết liễu nền kinh tế tư bản. Chờ đợi lâu quá họ sốt ruột, xách súng thúc cho lịch sử chạy cho mau. Nếu chúng ta biết quy luật tất yếu buộc lịch sử tiến về phía đó, đâu có lý gì ta để nó đi bước một, tại sao không xách súng thúc nó chạy cho lẹ? Tốt hơn nữa là sẵn có súng ta cho lịch sử đi đường tắt, tiến tới xã hội chủ nghĩa. Vì thế họ hăm hở thúc cho lịch sử chạy, thiếu điều hụt hơi, với bao nhiêu triệu xác chết rải dọc bên đường. Năm bảy chục năm sau, ngó qua xứ người ta, mới biết lịch sử nó quẹo lối khác.

Bây giờ họ làm gì?

Trong tiểu thuyết *Những Thiên Đường Mù,* một nhân vật trẻ nói với bạn:

*... một loạt người tôi từng gặp. Họ là những kẻ đã phao phí gần hết đời sống của mình vào việc vẽ nên một thiên đường dưới trần ai, nhưng trí khôn ngắn ngủi của họ lại không đủ để hiểu thiên đường ấy ra sao và con đường nào đưa tới đó. Vì thế khi biết công việc ấy hão huyền thì họ hối hả tìm kiếm những miếng ăn thực, nhặt nhạnh những hạt ngũ cốc thực trên mảnh đất bùn lầy. Họ làm việc ấy bất kể bằng cách nào...* Họ là tấn thảm kịch cho chính họ, là tấn thảm kịch cho thế hệ chúng ta..." *(NXB Phụ Nữ, 1988, trang 245)*

Tấn thảm kịch đó, theo Dương Thu Hương, là do trí khôn ngắn ngủi của mấy người chạy đi tìm thiên đường. Nhưng chị cũng biết, trí khôn của loài người chúng ta vốn ngắn ngủi, ngắn ngủi và đầy cạm bẫy. Những tôn giáo đi tìm thiên đường đều dùng trực giác, không dùng óc phân tích. Họ gọi là mặc khải hay đốn ngộ, hoặc nói là nó ở trong tâm. Dùng trí khôn ngắn ngủi để đi tìm thiên đường thì chắc chắn gây tai họa. Trực giác ở gần tâm nên gần tình yêu thương. Trí khôn phải có đối chọi, phân biệt, nên sanh ra thù nghịch, đấu tranh.

Karl Marx có tham vọng dùng trí khôn nhiều hơn Adam Smith. Ông đặt ra hồn ma mới là thuyết giá trị lao động cho sinh hoạt kinh tế. Ông không bằng lòng làm một nhà kinh tế học. Ông muốn xây dựng một khoa học về xã hội loài người, đi tìm các "quy luật tất yếu của lịch sử." Vì thế ông dựng một thần linh mới nữa, tôn xưng là thuyết Duy Vật Lịch sử.

Muốn tìm ra một trật tự đằng sau cái hiện tượng của vũ trụ là một khát khao có tự thời bán khai. Trong phạm vi vật lý, các giả thuyết từ Newton đến Einstein đều nhắm vào hướng đó. Nhưng trong phạm vi đời sống loài người thì các lý thuyết sẽ chứa đựng các tình tự yêu ghét, không thể tránh được. Lý thuyết, chủ nghĩa sẽ biến thành lý tưởng. Mang lý tưởng nọ chọi với lý tưởng kia là một quá trình tự nhiên và ích lợi. Chỉ tác hại là khi nào một lý tưởng được tôn thờ làm chân lý tuyệt đối để giết hại các người có lý tưởng khác. Chủ nghĩa Marx đã phạm vào lỗi lầm đó.

## Cái bẫy ý thức hệ

Bây giờ những người cầm quyền ở các nước Cộng Sản không thiết tha đến chủ nghĩa nữa, trừ khi cần hô khẩu hiệu để bắt dân theo và củng cố quyền hành. Sinh viên trường đại học kinh tế ở Budapest mang tên Đại Học Karl Marx bây giờ cũng không cần phải học Mác Xít nữa. Người cầm quyền dám nói sự thật, gọi ý hệ Mác xít là cái còng, bó chân, bó tay.

Chắc chỉ còn một số nhà trí thức lãng mạn vẫn tin vào các huyền thoại Marx vẽ ra. Dầu sao đó cũng là giấc mộng thời hoa niên của họ. Họ bỏ nhà ra đi, chịu gian khổ, tù đầy, giết

người không gớm tay cũng vì các huyền thoại đó.

Một số người còn trẻ tuổi, phải học kinh bổn Mác Xít từ nhỏ, không biết một cách suy nghĩ nào khác, cũng thấy kẹt nếu họ phải nhận Mác Xít là sai lầm. Họ sẽ hỏi: "Nếu Mác xít nói sai, vậy những quy luật đúng của lịch sử là cái gì? Phải có một quy luật khách quan nào đó của lịch sử chớ?"

Đó cũng là câu hỏi của một số người bị đi học tập cải tạo được thả về. Bị nhốt vô để nghe lên lớp hoài biết là người ta nói xạo hết, nhưng thoát ra ngoài rồi vẫn còn hậm hực. Thắc mắc là phải kiếm ra cái gì đúng để chọi với mớ lý thuyết ba xạo đó. Vẫn muốn trở về cãi nhau tay đôi với mấy anh cai tù đã hành hạ lỗ tai mình. Tội nghiệp.

Vậy những quy luật khách quan của lịch sử là cái gì?

Đặt câu hỏi đó là rơi vào một cái bẫy. Cái bẫy đó là chính chúng ta tạo ra, loài người tạo ra. Vì chúng ta cứ muốn biết. Ôm lấy một cái biết là một chướng ngại của sự học hỏi, của sự mưu tìm hạnh phúc, của cả cái việc mà chúng ta gọi là đi tìm sự thật, sự thật tuyệt đối hay cả sự thật tương đối. Người Đông Phương gọi là "Chướng ngại vì cái mình biết." Trong các chướng ngại của cái biết, *biết lý luận* có lẽ là cái chướng ngại lớn nhất. Biết lý luận tức là biết khép những cái biết rời rạc về sự vật vào một khuôn khổ, cái khuôn khổ của bộ óc con người tạo ra. Người biết lý luận cũng giống như biết dùng một cái máy. Sau đó lúc nào cũng muốn mang cái máy đó ra, làm tất cả mọi chuyện. Tôi đã thấy một anh bạn trẻ học được cách dùng cưa máy chạy xăng. Chúng tôi đi phạt cây mở một con đường trong núi. Anh sử dụng cái cưa máy cầm tay một cách lành nghề, anh gọi nó là "Đồ Long đao." Nó quả thật là tiện dùng. Đến lúc chúng tôi muốn đóng mấy cái ghế bằng cây, thấy tôi cưa từng cái chân ghế bằng cưa tay, anh ngăn lại. Anh ghép chung mấy thanh gỗ lại, bó kỹ, néo chặt, rồi mang Đồ Long đao ra thi triển. Kết quả không như anh muốn. Mấy đường cưa bị lệch lạc, chân ghế méo xẹo.

**Chủ nghĩa Mác xít đã trở thành một tín ngưỡng duy vật, là ma túy của các đảng viên. Chủ nghĩa Lê nin là các lễ nghi phụng vụ để giai cấp pháp sư tiếp tục bóc lột và hưởng lợi. Không tỉnh ra thì không thể đổi mới kinh tế.**

Nhưng chúng ta đã học được cách dùng một cái máy rồi thì khó quên nó đi lắm. Nó là một chướng ngại như cục bướu giữa đầu nhưng ta không hay. Người Tàu đời xưa có kể câu chuyện này. Một ông già dùng gầu giây kéo nước ở giếng. Có người hỏi: ở làng bên người ta đã chế ra cái máy kéo nước, lẹ và đỡ mệt. Sao ông lão không theo mà dùng máy? Ông già trả lời: "Dùng máy móc (cơ khí) thì sợ rằng lòng mình nó sẽ bắt chước máy (cơ tâm). Thét rồi quen, mình sẽ tôn thờ máy móc (cơ sự)."

Trí khôn ngắn ngủi của chúng ta cũng đại khái như vậy: Dùng Lý Trí, mê lý luận, rồi thờ lý thuyết. Mang một lý thuyết trừu tượng thay sự thật chứng nghiệm trong cuộc sống, thờ lý thuyết đó làm thần tượng, đó là mối nguy lớn. Cho nên một đại hiền giả như ngài Tất Đạt Đa căn dặn học trò phải coi các giáo lý thầy dậy như chiếc đò dùng để qua sông, qua bờ bên kia thì bỏ nó đi, chớ có đội nó lên đầu. Một đại hiền giả khác là ngài Khổng Khâu, cũng dặn dò: "Con người làm cho Đạo sáng tỏ, không phải Đạo làm cho con người sáng tỏ." Trang Chu thì dặn: "Dùng lời đạt ý, đạt được ý rồi phải quên lời."

Hãy thử coi cái trí khôn ngắn ngủi của chúng ta đó làm việc như thế nào. Trước hết hãy coi trong phạm vi vật lý. Chúng ta nhìn mấy hành tinh ở tít xa, quan sát cách chúng nó vận chuyển. Căn cứ vào các định luật vật lý mà chúng ta biết, ta thấy hai sao Hải Vương (Neptune) và Thiên Vương (Uranus) có những quỹ đạo hơi kỳ kỳ. Vẫn căn cứ vào những điều ta biết ta đoán phải có một thiên thể nào ở gần, mà ta không trông thấy vì xa quá. Bây giờ giả thiết là có thiên thể mới, hai hành tinh trên sẽ vận động đúng như là ta đã quan sát. Vậy dù không trông thấy nó, ta cũng đoán ra có thiên thể mới này. Mấy chục năm sau có khí cụ tốt hơn để quan sát, ta thấy đúng. Thật là sung sướng, hả hê. Hành tinh Pluto đã được khám phá.

Bỏ qua khu vực vật lý, hãy coi lãnh vực tâm lý con người. Quan sát các hiện tượng tâm lý, chúng ta thấy có những điều mà lý trí, có ý thức, của chúng ta không hiểu được, không kiểm soát được. Ngủ mê, nói nhịu, bịnh tâm thần v.v... Vậy phải có một bộ phận nào ở bên dưới (gọi là bên trên, hay bên cạnh cũng không sao) của ý thức. Gọi là bộ phận đã là gượng ép, vì ta không thể mô tả nó như mô tả một thiên thể. Cái đó nó có hay không, không biết. Ta tạm coi là nó có đó, để giải thích những hiện tượng mà mắt, tai, mũi, lưỡi, da, và ý thức không hiểu được. Đặt cho nó cái tên là Tiềm Thức. Dùng ý niệm đó để giải thích các hiện tượng đặc biệt thì thấy xuôi tai. Cứ thế tiếp tục dùng khái niệm về tiềm thức, chúng ta thấy nó có ích lợi trong nhiều chuyện, từ truyện quảng cáo xà bông tắm đến chuyện tuyên truyền

chánh trị. Tiếp tục như vậy sẽ đến lúc người ta coi cái tên Tiềm Thức là chỉ một vật có thật. Nói đến nó như thể một vật sờ mó được, nghĩ đến nó như một cái chậu đựng đồ, hay một cái máy chạy như đồng hồ. Chúng ta đặt ra một tiếng để chỉ một khái niệm, rồi bắt đầu coi tiếng đó là một sự thật, khái niệm lúc đầu đặt ra để nói đến nhiều hiện tượng mù mờ khó hiểu. Nhờ có khái niệm đó ta hiểu rõ hơn một chút (và một chút thôi) nhưng ta sẽ có thói quen coi nó như người nhà. Bây giờ nếu có một người bảo nên dùng khái niệm khác, nó tổng quát hơn và giải thích được nhiều hơn, thì sao? Theo tinh thần khoa học thì chúng ta phải sẵn sàng vứt bỏ cái khái niệm cũ kỹ và quen thuộc, thân thiết đó để thử cái mới. Thí dụ có ai bảo đằng sau ý thức (đằng sau, đằng trước, bên trong hay trên đầu, dùng chữ nào cũng được) có hai phần, phần gọi là *mạt na thức*, phần gọi là *tàng thức*. Hãy thử dùng các khái niệm mới đó giải thích các hiện tượng tâm lý coi. Nhưng hãy coi chừng, vẫn phải cẩn thận đừng coi các cái tên mà chúng ta đặt ra đó là các vật sờ mó được, hay những cái chậu để chứa đựng. Khoa học của loài người chưa đi xa đến chỗ đó; một, hai trăm năm nữa có thể đi tới đó mà quan sát chăng, chưa biết được.

Bây giờ qua phạm vi xã hội và lịch sử. Đây là một phạm vi đáng mê nhất, vì nó có mình, có cái ta đáng yêu của mình trong đó. Các tiểu thuyết gia Nga, Tolstoi, Dostoievsky, Pasternak đến Soljenitsyn, mỗi ông đều có một quan niệm về lịch sử. Nhưng những triết gia, không phải tiểu thuyết gia, thì họ muốn lập ra một lý thuyết về lịch sử. Họ dùng cái máy lý luận, và ngôn từ, để dựng lên lý thuyết. Ngôn từ là sản phẩm của chúng ta. Chúng ta nói thì ngôn từ chạy ra thành một chuỗi tiếng, tiếng trước, tiếng sau. Chúng ta viết sách nó cũng chạy ra thành dòng. Tính chất đó làm cho ta cũng suy nghĩ theo dòng (sequential); ông Guttenberg chế ra máy in làm cho lối suy nghĩ theo dòng càng mạnh hơn. Thạch Lam viết tiểu luận đặt tên là *Theo Giòng* cũng phải. Marshall Macluhan đã khám phá ra thế hệ coi tivi nhiều hơn đọc báo, đọc sách sẽ suy nghĩ cách khác. Nhưng triết gia ghét tivi lắm, nhất là thời mà máy tivi chưa ra đời. Thời đó các thi sĩ có thể nhìn thấy cuộc đời như trẻ con coi tivi, không theo dòng, nhưng nhìn toàn bộ. Cho nên cái nhìn của thi sĩ, của tiểu thuyết gia có máu thơ thì toàn bộ hơn lối nhìn của triết gia thiên về toán học. Vì vậy Soljenitsyn nhìn thấy lịch sử lăn tới như một guồng máy. Pasternak thơ mộng hơn, thấy lịch sử loài người biến đổi như cỏ mọc mùa xuân. Còn các nhà triết lý, nhất là các học sinh trung học thích triết lý, họ sẽ dùng cái trí khôn ngắn ngủi để vẽ ra bản đồ lộ trình của lịch sử giống như bản đồ tìm kho vàng của giặc cờ đen. Nó là một trò chơi lý thú của cái trí khôn ngắn ngủi, nó lại được óc mơ mộng phiêu lưu hỗ trợ. Nó là một thứ máy, dùng nó rồi quen. Dùng cơ khí lý trí, say mê cái cơ tâm lý luận, rồi tôn thờ lý thuyết như cơ sự. Đó là cái bẫy mà các nhà trí thức tự bầy đặt cho họ té vào. Nhất là các ngài cán bộ tuyên huấn. Họ được truyền cho một số lý luận xuôi tai. Họ có thể dùng nó để bảo vệ quyền hành của mình. Họ có thể theo chủ trương an bần lạc đạo bao nhiêu năm miễn là họ còn có ảo tưởng đang lái cái đầu máy xe lửa của lịch sử trên con đường sắt mà Karl Marx đã vẽ ra. Sự thành công nhờ bạo lực lại tăng cường niềm tin của họ vào con đường sắt của Marx. Lênin và Stalin củng cố niềm tin đó cho họ. Cho đến khi ngó lại chung quanh, lịch sử đi theo một dòng sông khác, con đường xe lửa thì bị ăn trộm hết cả bù loong lẫn đà sắt. Thôi thì nhặt nhạnh quanh cái cối xay vậy.

**"những kẻ đã phao phí... đời sống mình... vẽ nên một thiên đường... khi biết công việc ấy hão huyền thì họ hối hả tìm kiếm những miếng ăn thực..."**

Những Thiên Đường Mù của Dương Thu Hương

## Cái cơ tâm làm đói bụng

Đối với những thứ máy như máy cưa, máy bay, cho đến máy computer nữa, mình có thể đề phòng tránh cảnh cơ tâm, cơ sự. Nhưng cái máy gọi là biết lý luận, và lòng yêu thích say sưa lý luận, nó ở ngay trong đầu mình, nó dễ cho mình bị sa bẫy lắm. Nó như cái vòng kim cô chụp lên đầu Tề Thiên Đại Thánh.

Nhưng chắc cũng phải có những quy luật khách quan nào đó của lịch sử chớ? Nhiều vị chắc còn thắc mắc.

Chắc phải có!

Suốt mấy ngàn năm nay con người tư duy (homo sapien) vẫn đi tìm. Chúng ta vẫn tiếp tục đi tìm, đời con cháu chúng ta sẽ còn đi tìm. Nhiều người đã hò reo: "Tìm ra rồi, Eurêka!" Rất tốt, chúng ta cùng khảo sát coi nó có đúng với thực tại không. Nhưng nếu một nhóm người ôm lấy một cái "Eurêka" của mình buộc tất cả ai nấy phải theo mình thì nguy hiểm.

Họ có thể giết triệu người này đến triệu người khác. Vì một triệu mạng sống có ăn nhằm gì đối với chân lý tuyệt đối của họ? Nếu có ai vì đói mà phạm tội sát nhân thì chắc cũng chỉ giết một vài mạng. Nhưng vì "chân lý" thì giết bao nhiêu cho đủ?

Chúng ta yêu cái máy lý luận của chúng ta quá. Nên cứ muốn đem cưa cả lịch sử loài người bằng cái Đồ long đao lý luận.

Ngày xưa có một người thợ làm kiếng đeo mắt ở Den Haag, Hòa Lan (Người Pháp gọi là La Haye). Ông cũng say mê toán học. Cho nên ông đã viết một bộ Đạo Đức Học như lối người ta viết sách hình học. Với một số định đề, óc lý luận của ông tìm ra các định lý, các hệ luận, và từ đó ta dùng để tìm ra đáp số của mọi bài toán. Hồi trẻ tôi cũng say mê hình học, nên khi đụng vô sách Đạo Đức Học của ông tôi thấy như mình đưa tay chạm tới đỉnh ngân hà, nó rực rỡ, trang nghiêm, tinh thuần hết sức. Nhưng cái ông thợ mài kiếng sống lương thiện, giản dị, khiêm cung và thông minh tuyệt vời đó, liệu mỗi ngày giờ ông có giải các bài toán đạo đức trong đời như giải hình học không? Chúng ta có yêu mẹ, kính cha, thương xót đồng loại vì định lý số 8, chương 17 chẳng hạn, hay không? Tôi chắc đa số loài người sẽ trả lời là không. Cuốn Đạo Đức Học của Spinoza vẫn là một tác phẩm vĩ đại, nhưng chưa chắc nó đã ảnh hưởng đến đời sống đạo đức của chúng ta bằng một cuốn tiểu thuyết của Dostoievski, một truyện ngắn của Doãn Quốc Sĩ.

Để giải thích xã hội loài người, gần đây có vị đã đề nghị một lý thuyết sinh-xã hội học (bio sociology) Họ bảo rằng tất cả các chủng loại, kể cả con người, đều tìm cách bảo tồn cái gene di truyền của chủng loại, của chi tộc mình. Một người mẹ xả thân cứu con là vì sự thúc đẩy của nhu cầu giữ cái gene của mình. Bao anh hùng, liệt nữ đều vì cái gene nó đẩy nên đã có các hành động phi phàm. Họ tuẫn tiết để cứu cái gene của mình, của dòng họ, của dân tộc, hay loài người. Nghe lý thuyết cũng hấp dẫn.

Với một ý kiến sơ khởi đó, người thích lý luận cũng có thể viết ra cả một lý thuyết giải thích lịch sử. Thay vì nói "lịch sử loài người là lịch sử đấu tranh giai cấp," họ có thể xác quyết: "Lịch sử loài người là lịch sử việc bảo vệ cái giống di truyền."

Nhưng sang thế kỷ 20 này khoa học đã tiến bộ và trở nên khiêm tốn hơn. Không ai muốn trở thành lố bịch mà đi sáng tạo cả một lý thuyết vĩ đại về lịch sử nhân loại, bắt đầu với một nhận xét đơn giản. Tinh thần khoa học buộc người ta phải coi ý kiến thô sơ đó chỉ là một giả thuyết, chờ đợi sự kiểm chứng. Biết làm cách nào kiểm chứng?

Vậy cái quy luật khách quan của lịch sử loài người là cái gì? Có ai gặp nó ở đâu để chỉ đường cho bà con tới coi?

Chắc cũng có một quy luật khách quan của lịch sử. Mọi nhà coi tử vi đều gắng công truy tầm. Nhưng trong khi chờ đợi, tại sao chúng ta không thử tìm những quy luật khách quan của lịch sử. Mỗi nhà coi tử vi đều gắng công tìm những quy luật khách quan nó quyết định chuyện chúng ta có thể đi ăn phở khi chúng ta đói bụng thèm ăn phở? Đi tìm những quy luật rộng lớn và tổng quát của cả lịch sử loài người là chuyện xa xôi lắm, cãi nhau cả ngàn năm chưa chắc đã xong. Ôm lấy mối quan tâm đó lại là một chướng ngại cho việc đi tìm những quy luật về chuyện làm phở, bán phở và ăn phở. Nó là một thứ sở tri chướng lớn lắm. Không phải chỉ là chướng ngại cho nhận thức và tư duy không đâu, mà còn gây chướng ngại cho cả việc ăn phở đỡ đói nữa. Cái cơ tâm của ta đã tạo ra nạn đói, đúng là lửa cơ đốt ruột!

Những người khao khát đi tìm ý thức hệ nên nghe lời khuyên thiết thực này: nếu anh bị mũi tên bắn trúng, thì chuyện đầu tiên là hãy tìm cách rút mũi tên ra và săn sóc vết thương. Chuyện đi tìm ai bắn mũi tên, tại sao nó bắn, có thể để đó, tìm sau. Đi tìm ông tổ mười đời của nó, coi ông ăn cái gì mà đẻ ra con cháu dữ vậy là chuyện thừa không cần.

Câu chuyện ăn phở là thí dụ một nhu cầu kinh tế. Đi tìm những quy luật giúp ta hiểu các hoạt động kinh tế, rồi sau khi tự cho là hiểu rồi, ta hy vọng tiên đoán được mỗi chính sách kinh tế sẽ đưa tới các hậu quả nào. Đó là phạm vi của khoa học về kinh tế. Nó rất khiêm tốn. Nó không đòi hỏi giải thích và tiên đoán tất cả sinh hoạt, cả lịch sử loài người. Khiêm tốn là đặc tính của khoa học. Khoa học chỉ nêu lên những đề án có thể đo lường và kiểm chứng, không dám bước sang phạm vi của siêu hình học. Càng khiêm tốn, thì nếu sai lầm, tai hại càng nhỏ, càng dễ sửa chữa. Một chánh phủ có chính sách kinh tế sai lầm chắc trong vòng ba bốn năm dân đã thấy. Dân có thể bầu chánh phủ khác, vì mang bao tử của người ta ra làm thí nghiệm bốn năm đủ lắm rồi. Làm thí nghiệm 70 năm, cả đời người, lâu quá.

## Cơ khí - Cơ Tâm - Cơ Sự, Dùng Lý Trí, Mê Lý luận, thờ Lý thuyết. Cả hai cùng một diễn trình

## Từ Chủ Nghĩa đến Lý Tưởng

Chủ nghĩa có tính chất lý trí. Lý tưởng thêm yếu tố xung động tình tự.

Gần đây nhiều người theo Marx lo lắng bảo vệ chủ nghĩa Mác, sợ không ai tin tưởng ở chủ nghĩa Mác thì không còn lý tưởng gì để dạy cho thanh niên Việt Nam.

Nỗi lo lắng đó do thiện ý mà ra. Cũng như thế kỷ trước có người lo rằng nếu Thượng Đế chết thì con người muốn làm gì tha hồ làm. Viễn tượng đó đáng lo ngại cho luân thường đạo lý thật!

Nhưng nỗi lo lắng đó cũng là do lòng tự yêu mình mà ra. Tự yêu mình, yêu cả cái chủ nghĩa của mình. Nếu nhận rằng lý thuyết đó sai lầm thì chính cái ta to lớn của mình cũng sụp đổ, ôm lấy chủ nghĩa cũng chính là ôm lấy cái ta. Tiếng Hán Việt kêu là ngã ái, ngã mạn.

Trước khi có chủ nghĩa Marx bộ không có lý tưởng nào để dạy cho thanh niên hay sao? Trần Quốc Toản có lý tưởng không? Nguyễn Công Trứ, Nguyễn An Ninh đều giác ngộ giả chăng? Chỉ có một thứ lý tưởng của ta đang dạy sao? Đây cũng là một chướng ngại: ôm lấy "cái ta" của mình, cho rằng chỉ mớ giáo điều mình tin mới đúng, mới đáng theo, phải đem reo rắc cho các thế hệ sau kẻo mất giống. Nó cũng là một thứ bản năng tương tự như bản năng truyền giống. Bản năng truyền giống có thể đẩy người ta phạm những tội về hình sự. Bản năng yêu và ôm lấy "cái ta" ngăn trở người ta nhìn thấy những sai lầm của mình, những cái đúng của người khác, vì thế trở thành cố thủ, hẹp hòi. Không lẽ một người trí tuệ thông thái như mình, có ông thầy lỗi lạc đặt ra cái chủ nghĩa khoa học độc đáo xuất chúng như thế, mà mấy chục năm đâm quàng đâm bậy vào hết lỗi lầm này đến lỗi lầm khác hay sao? Chắc những sai lầm đó chỉ là "hiện tượng," không phải "bản chất" của chủ nghĩa. Các hiện tượng cứ chồng chất lên mãi. Giá một ký sữa rẻ hơn một ký khoai lang trong khi các bịnh viện, nhà nuôi trẻ thiếu sữa. Đó là hiện tượng. Con cháu nhịn ăn cất gạo để lo hậu sự cho mẹ phòng khi mẹ chết, mà nỡ lòng cướp giựt gạo cúng mẹ không chút sót thương. Cũng là hiện tượng! Bác sĩ bỏ nghề chữa bịnh để đạp xích lô, bán nước trà rong ngoài chợ lợi hơn dạy đại học. Hiện tượng. Toa xe lửa bị lần lượt ăn cắp đệm ghế ngồi, trần, vách tường phóc mi ca; thay ghế gỗ và tường bằng cót ép, lại bị ăn cắp. Toàn là hiện tượng. Đảng viên dùng kẹp dụ trẻ em ăn cắp van thắng xe lửa, cái van nhập cảng mỗi cái 500 đô la, để bán cho hàng đồng nát sáu chục mỗi cái. Cũng là hiện tượng. Xây trường, hợp tác xã cần 96 cái bù loong, ban quản trị họp nhau biểu quyết thuê dân xã tháo gỡ bù loong ở đường rầy xe lửa. Dân vượt chỉ tiêu, ăn cắp được gấp đôi. Sao mà lắm thứ "biến chất" thế?

Vậy cái bản chất nó là cái gì? Lý tưởng ở chỗ nào? Dạy dỗ cho ai?

Cảnh này giống chuyện một anh mù đi đêm. Có người trao cho anh cây đèn, nói khi anh đi đường người khác thấy đèn sáng sẽ tránh khỏi đụng anh. Đi một hồi lâu (không đến 70 năm) có đứa nó vội vàng chạy qua đụng anh té cái rầm. Anh la: "Đi đâu mà vội thế? Không trông thấy cây đèn người ta soi sáng đây à? "Đứa kia trả lời: "Thưa giáo sư đèn tắt từ lâu rồi ạ! Ôm nó mãi để soi sáng cho ai đây?"

**Tại sao không thể tìm những quy luật khách quan quyết định chuyện chúng ta có thể đi ăn phở khi đói bụng thèm ăn phở?**

## Tại sao Mác Xít lại hấp dẫn

Sai lầm căn bản từ thời Lê nin là biến Mác Xít thành một quốc giáo.

Ngày tự biến thái đó đã chứa sẵn mầm móng tác hại rồi. Tư tưởng của Marx từ đấy được hiểu là một thứ thánh kinh, tự coi mình là chân lý tuyệt đối, từ chối không nhận các bằng cớ chứng tỏ mình là sai. Lúc đầu Karl Marx có lẽ không nghĩ sẽ phạm vào sai lầm đó, chính ông không nhận mình là người mác xít. Friedrich Engels mới thật là người mác xít đầu tiên, đặt chủ thuyết của Mác lên làm thần tượng mới, mở đầu cho một tín ngưỡng duy vật.

Khát vọng dựng lên một "tôn giáo mới" đã phát sinh từ lúc tư tưởng duy lý xuất hiện trong lịch sử Âu Châu. Người ta đặt kỳ vọng lớn lao vào khả năng của lý trí. Lại thêm trào lưu lãng mạn trong văn học nuôi dưỡng óc mơ mộng, làm nảy sinh ra một nhu cầu tín ngưỡng mới. Trong thời Cách mạng Pháp 1789 nhờ Robespierre đã có lúc nữ thần "Lý Trí" được mang thờ, lễ nghi phụng vụ được cử hành ngay trong nhà thờ Đức Bà ở Paris. Một thế kỷ sau, tín ngưỡng mới của những người theo Mác xít là thờ danh từ "Lịch Sử," hay "quy luật khách quan của lịch sử." Cả thần *Lý Trí* lẫn thần *Lịch Sử* đều cho tín đồ tràn đầy lạc quan, hy vọng ở tương lai.

Tại sao tín ngưỡng mới đó lại có nhiều người theo như vậy?

Lý do thứ nhất là nó bắt nguồn từ thực trạng khổ đau trước mắt và nó chỉ cho mọi

người thấy hy vọng giải thoát, cứu rỗi tập thể. Nếu quý vị nghe câu trên rất quen thuộc, thì đó là vì các tôn giáo khác cũng từ khổ đau đi tìm hy vọng giải thoát. Phật giáo đã dạy bài học đầu tiên như vậy, và đề nghị dùng trí tuệ và thương yêu để giải thoát. Thiên chúa giáo đã khuyên dùng tình thương và công lý để giải thoát. Có khổ đau và có hy vọng giải thoát nên mới có tín ngưỡng.

Trước và cùng thời với Marx đã nhiều người đả kích chế độ kinh tế bóc lột gây đau khổ cho thợ thuyền. Trong thời cách mạng 1789, Babeuf đã hô hào hủy bỏ chế độ tư hữu mà ông coi là nguồn gốc của mọi bất công. Saint Simon cho rằng căn nguyên của khổ đau là do cạnh tranh kinh tế và tính chất hỗn loạn của thị trường. Do đó Fourier vẽ ra những tập đoàn lao động (phalanstère) trong đó các phương tiện sản xuất là của chung, gia đình được bãi bỏ, trẻ con sanh ra đem nuôi chung ở nhà nuôi trẻ, mọi người được hưởng thụ đầy đủ. Đó là cảnh Vườn địa đàng.

Karl Marx bị lôi cuốn bởi những giấc mơ đại đồng không tưởng kiểu Fourier, Saint Simon. Nhưng ông muốn cho giấc mơ của ông có vẻ thực tế hận làm võ khí, phân biệt bạn thù làm quy tắc hành động. Nhiều tôn giáo và học thuyết khác cũng xây giấc mộng tạo thiên đường dưới thế, nhưng họ lấy tình yêu giữa người với người làm căn bản. Do đó họ không nhân danh loài người để giết loài người.

Bạo động, căm thù được tôn làm thuyết chỉ đạo, nên mới đẻ ra loại thơ "không biết căm thù thì không biết thương yêu."

Karl Marx đã mang thuốc tiên thế giới đại đồng trộn với độc dược bạo động bằng một toa thuốc siêu hình học của Hegel pha màu chủ nghĩa duy vật của Feuerbach. Ông trộn khéo lắm, vì ông dùng đúng các món ăn thời thượng của thế kỷ 19. Có kinh tế, có biện chứng, có lãng mạn, có óc tôn thờ khoa học. Nếu thiếu gì Engels lại bổ túc thêm. Chung lưng mở một ngôi hàng, hai ông có những trí thức sốt ruột và phong trào lao động giữa thế kỷ 19 hưởng ứng ngay. Ông bày ra lý thuyết cứu rỗi, giải thoát hàng loạt theo lối đại công nghiệp. Hy vọng về thiên đường lại càng sáng hơn.

Bắt đầu từ thực tại khổ đau, ước mơ một thế giới không tưởng, nhưng biết sử dụng óc tôn thờ lý trí để làm gạch nối, Karl Marx vẽ ra chủ nghĩa xã

## Trăm năm trước thờ thần Lý Trí. Trăm năm sau thờ thần Lịch Sử.

nên nghiên cứu kinh tế để tìm cách chứng minh giấc mơ đó là hệ quả tất yếu của quy luật lịch sử.

Tại sao những giấc mơ đại đồng khác trong lịch sử nhân loại, của Platon, Mặc Tử, của các tôn giáo Đông, Tây, không có giấc mộng nào tàn hại loài người như giấc mộng của Marx? Vì các tôn giáo, các học thuyết khác không chứa mầm bạo động. Chủ thuyết của Marx lấy đấu tranh, bạo động làm căn bản. Từ đó Lênin lấy thù hội, vì thế nó rất quyến rũ.

Marx không hề mô tả chi tiết cái thiên đường Cộng sản của ông ta sẽ sinh hoạt, làm ăn, tổ chức như thế nào. Nhưng một khẩu hiệu "làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu "là đủ thu hút lắm rồi. Trong cõi thiên đường đó không cần luật pháp, nhà nước, không chia giai cấp, bỏ luôn tiền tệ vì hàng hóa không dựa vào giá trị (Engels mỉa mai: cái gọi là giá trị!) vân vân. Vì thiên đường vô sản hiện chưa đâu có nên không thể kiểm chứng tính chất khả thi, thực tế của nó.

Đạo Mác xít thâu hút người ta là nhờ một chuỗi lý luận sít sao, dựa vào một tiền đề hấp dẫn. Tiền đề hấp dẫn mang tên "quy luật giá trị là do hao phí lao động xã hội vật hóa cần thiết." Nghe dài dòng như vậy, thay vì vắn tắt "giá trị là do lao động" cũng bởi vì trong lúc viết bộ *Tư bản luận*, Marx càng ngày càng phải lý luận vòng vo thêm để đoạn sau sửa chữa các nhầm lẫn, hồ đồ trong đoạn trước. Kết quả là một mớ từ ngữ càng ngày càng trở nên trừu tượng và khó hiểu; nào là vật hóa, lại xã hội, rồi cần thiết nữa. Nhưng nói vắn tắt "giá trị do lao động" thì dễ hiểu và rất hấp dẫn. Hấp dẫn bởi vì người ta cảm thấy họ hiểu nguyên nhân cái khổ là do bóc lột. Và chỉ có lao động làm ra giá trị, anh chủ nhân trả lại một tý tiền công rồi hưởng hết chỗ thặng dư. Vậy nên chủ nhân càng giầu, lao động càng nghèo.Đẻ thêm con thì chỉ làm tăng "đạo quân thất nghiệp," dễ cho tư bản bóc lột hơn. Cùng khổ đưa tới đấu tranh. Tiến tới thiên đường Cộng Sản mới hết khổ.

Lý thuyết về bóc lột hấp dẫn vì người nghe vẫn còn trong đầu hình ảnh một nền kinh tế tiền tư bản. Trong nền kinh tế lấy nông nghiệp làm gốc thì của cải chỉ có giới hạn. Tổng số của cải chỉ có thế. Nếu người này giàu hơn tất nhiên người khác nghèo hơn. Hình ảnh đó giống như một "trò chơi ăn bù thua" (zero-sum game). Vì thế những người trí thức xuất phát từ các xã hội nông nghiệp dễ bị hấp dẫn hơn về thuyết giá trị lao động, về bóc lột, về đấu tranh của Marx.

Phải có thực tế mới cho họ biết rằng nền kinh tế hiện đại không phải là một "trò chơi ăn bù thua," mà là loại trò chơi hai bên đều có thể ăn. Mức sống của người thợ tăng và lợi nhuận của người chủ cũng vẫn

tăng. Chuyện phân chia có thể bàn luận, có lợi cho cả hai bên hơn là đạp đổ đi.

Tóm lại lý do khiến người ta theo Mác Xít là vì khát vọng tôn giáo được che đậy bằng mớ lý luận rất trừu tượng nhưng dễ đơn giản hóa làm cho hấp dẫn. Thay vì *Thượng Đế* đáp ứng khát vọng của tín đồ, bây giờ *Lịch sử* kêu gọi họ hùng hồn không kém. Thế là "những mắt buồn sắp nhắm, bừng dậy thấy tương lai!" đi xây dựng "thiên đường mù."

Một khi chúng ta bắt đầu tin một điều gì, dù điều đó nhỏ nhặt tới đâu, chúng ta có thể trở nên một người bạn trung thành, một người cha hay mẹ muốn bảo vệ đứa con, một sở hữu chủ của điều chúng ta tin, hay một tín đồ của một tôn giáo. Chúng ta đã thấy những người tin rằng vitamin là thuốc ngừa bá bịnh. Họ uống vitamin mỗi ngày một cách chăm chỉ như người mộ đạo đi lễ. Họ muốn giúp cả họ hàng bà con biết cái hay, cái ích lợi của điều họ biết, như một giáo sĩ muốn truyền đạo. Có những người thích đánh bài, họ nói rằng ai không chơi bài thì không biết gì về thú vui của đời sống. Có người tin rằng thói quen rửa chân mỗi buổi tối là phép vệ sinh cần thiết, tìm cách bắt chồng, con phải theo đúng nghi thức đó mỗi ngày. Vân vân. Rất nhiều chuyện nhỏ nhặt hàng ngày có thể được chôn sâu vào đầu óc chúng ta, có giá trị ràng buộc như một tôn giáo. Việc tôn thờ một chủ nghĩa còn mạnh hơn nữa.

## Tín ngưỡng và thần quyền mới

Đặc tính tín ngưỡng của đạo Mác xít lộ rõ khi Marx và các tín đồ mô tả thiên đường Cộng sản bằng các hình dung từ chỉ giá trị thay vì tả các sự việc khách quan. Một dự phóng xã hội loài người không thể chỉ đem tả bằng các giá trị mà còn phải cho biết nó có cơ cấu và vận hành thế nào. Thí dụ một cái xe hơi có thể mô tả là bền, nhanh, rẻ, đỡ hao xăng ... Nhưng muốn chế tạo xe thì phải cho biết máy xe làm thế nào, hộp số ra sao, thắng, nhíp làm bằng gì v.v... Thiên đường Cộng Sản cũng giống như một bản phác họa nói cái xe sẽ chế ra bằng tính bền, tính nhanh, tính rẻ v.v..., những giá trị mà ai cũng đồng ý. Nhưng Marx không cho biết hình thù, máy móc, hệ thống xăng, điện v.v... của cái xe ra sao, liệu có chạy không.

**Một tín ngưỡng phát xuất từ lòng thù hận thì khó giúp loài người trở nên thiện hơn.**

Nhưng các tín đồ của một tôn giáo thường không cần đặt câu hỏi về tình trạng bếp núc, nhà vệ sinh, y tế, chuyên chở... ở trên thiên đường. Chỉ cần biết đó là cõi phúc lạc viên mãn - ai muốn hiểu chữ đó thế nào tùy thích.

Kể cả khi họ nắm được chính quyền hơn nửa thế kỷ, cai trị một nửa nhân loại, họ vẫn có thể nói. Còn chưa tới thiên đường, cần chờ đợi thêm. Trong khi chờ đợi thì chuyện Stalin giết hết các đồng chí, tàn sát bao nhiêu triệu dân Nga, họ sẵn sàng bỏ qua, vẫn làm thơ "Hoan hô Xít ta lin, đời đời cây đại thọ." Đấu tố, bước nhảy vọt, cách mạng văn hóa của Mao Trạch Đông giết cả triệu người, cũng là để xây dựng cõi thiên đường lý tưởng cả.

Vì cảnh thiên đường mơ hồ trừu tượng nên tín đồ Mác Xít có thể xoay trở, lui tới tùy tiện miễn là làm sao dụ người ta theo mình đi tìm thiên đường. Họ không khác gì hơn Prudhon khi ông ra tòa năm 1848 vì tội hô hào mọi người theo chủ nghĩa xã hội của ông. Tòa hỏi: "Bị cáo có nhận mình theo chủ nghĩa xã hội không?"

"Có." Prudhon hãnh diện trả lời.

"Vậy chủ nghĩa xã hội là gì?

"Là tất cả các khát vọng cải thiện xã hội."

"Vậy thì ai ở đây cũng theo chủ nghĩa xã hội hết, còn gì nữa?"

"Tôi cũng nghĩ vậy."

Tín đồ của ông Marx cũng tin tưởng lối đó. Họ tự coi tất cả những cái gì tốt đẹp của loài người là của chủ nghĩa xã hội. Một niềm tin rất đáng mến nhưng không có căn cứ nào cả. Vì vậy khi thấy cả thế giới Cộng Sản chao đảo, trong nước tín ngưỡng bị dao động, họ lo lắng. Không phải lo cho địa vị của họ, mà còn thành thực lo cho cả loài người. Có vị đe dọa những khuynh hướng "ngấm ngầm xuyên tạc đầy ác ý lý tưởng xã hội chủ nghĩa, *làm cụt hứng ước vọng của loài người hướng đến điều thiện...*"

Nói vậy là ông anh bảo chỉ có chủ nghĩa xã hội mới có điều thiện, nắm độc quyền cái thiện. Độc quyền phân phối gạo chỉ mới làm cả nước đói thôi, chứ độc quyền cái thiện thì giết cả loài người cũng không ngại.

Khi đọc những hàng này chắc bạn cũng đang thiết tha xây dựng một loài người hướng đến điều thiện. Bạn biết khi ở Hung ga ri, ở Ba Lan thay đổi cả chánh trị, kinh tế thì hàng triệu người ở đó dễ tìm đến điều thiện hơn, hăng hái hơn. Bao nhiêu người, trước kia chỉ tính toán chuyện ăn cắp, chuyện mánh mún, phe phẩy, từ nay họ sẽ nghĩ đến làm việc, có làm mới có ăn. Tháng Sáu năm 1989 khi sinh viên, công nhân Trung Quốc ngang nhiên hùng dũng tay không chống lại xe tăng của Đặng Tiểu Bình, nhân loại không hề cụt hứng.

Trái lại, cả nhân loại bừng bừng hứng khởi. Giống khi một thi sĩ Việt Nam nghĩ đến dân Budapest vùng lên năm 1956. Ông cảm hứng viết: "Chúng ta hãy đan những ngón tay, kết những hơi thở, buộc những cảm tình - Thành anh em, vợ chồng, bằng hữu." Tử tế đấy chứ?

Các tôn giáo dựa trên tình yêu thương dễ đưa loài người hướng đến điều thiện. Vì loài người không thể giải quyết mọi vấn đề với nhau cho cùng kỳ lý. Có lúc chỉ còn tình thương làm căn bản để giải quyết cho ổn thoả. Lý luận không đủ.

Còn một tôn giáo xuất phát từ lòng thù hận thì khó lòng giúp loài người trở nên thiện hơn. Khi nói chuyện hết lý lẽ không xong, thì chỉ còn cách thủ tiêu nhau, dùng thủ đoạn khó cai trị hơn là cái bao tử. Tuần Báo *Polityka* (29-7-89) ở Varsovie cho biết rõ đảng viên *Đảng Công Nhân Thống Nhất Ba Lan* đã giảm từ 3,15 triệu năm 1980 xuống còn có 2,1 triệu năm 1989. Trong đảng Công nhân này, công nhân là thiểu số, cán bộ quản lý - giai cấp mới chiếm đa số.

## Độc quyền về Sự Thật

Lòng hăng say yêu loài người, yêu điều thiện rất đáng kính trọng. Nhưng khi thấy ai không đồng ý, cứ tha hồ mắng họ ngu, đủ rồi. Còn nổi sùng, cầu cho người ta chết, thì đó là cuồng tín, là gốc rễ sinh ra điều ác. Là không tử tế! Cũng như các tôn giáo thời trung cổ về

## "Có nhiều cái sai không thể sửa được."

Hồn Trương Ba Da Hàng Thịt của Lưu Quang Vũ

nào cũng tốt.

Chuyện đơn giản như vậy mà không cảm nhận được hay sao?

Cho nên hiện giờ không ai cần xuyên tạc, chủ nghĩa xã hội cả. Sau khi đi thăm nước Nga về, Bertrand Russell cũng đã vỡ mộng, nhận xét Lênin là người độc địa (evil) nhất ông chưa từng thấy. Russell đã mô tả quốc tế Cộng Sản như một tôn giáo, có thiên đường, địa ngục, giáo sĩ, rửa tội, nghi lễ phụng vụ v.v... không thiếu thứ gì cả *(Lịch sử Triết học Tây Phương)*

Chế độ đó đã tàn phá, tác hại loài người như thế nào, chuyện sờ sờ ra đó. Hỏi cần ai xuyên tạc nữa? Lo sợ loài người cụt hứng tức là lấy cái hứng của mình làm cái hứng của loài người. Độc quyền phát thẻ thực phẩm, độc quyền trên điều thiện, lại còn độc quyền cả cái hứng nữa. Trong lịch sử chưa có một chế độ thần quyền nào đạt tới đỉnh cao như vậy.

Nhưng cái hứng của người ta trước, tín đồ Mác xít tin rằng họ là chủ nhân ông của sự thực, của Chân Lý viết hoa, mà họ gọi là "tính quy luật tất yếu của lịch sử." Ai không tin thì không thể hiểu, là ngoại đạo. Xưa Pascal bảo hãy dự thánh lễ đi, rồi sẽ có đức tin. Đạo Mác Xít cũng bảo có giác ngộ thật mới biết tin.

Vì tánh chất tôn giáo của Mác xít nên họ lạm dụng khi nói về sự thật, chân lý, lẫn lộn một cách cố ý. Các tín đồ đạo nào cũng nghĩ đạo mình nắm được chân lý, trừ các tôn giáo lấy việc phá chấp làm điểm bắt đầu. Tín đồ Mác xít thì rất tự cao, tự đại.

Lukacs viết: "Cái điều làm cho cuộc đấu tranh giai cấp của giới vô sản đặc biệt hơn các cuộc đấu tranh giai cấp khác là: sự kiện nó đã nắm được võ khí sắc bén từ khoa học đích thực, từ cái nhìn rõ rệt về thực tại... công cuộc giải phóng của giai cấp vô sản bị trị cuối cùng này đã tìm ra tiếng gọi xung phong và võ khí mạnh nhất khi nó vạch ra chân lý nguyên hình" (1). Hãy chú ý các chữ: khoa học đích thực, thực tại, chân lý nguyên hình.

Marcuse viết: "Hạnh phúc đích thực chỉ có nếu đạt tới cái gì cao nhất trong hiện hữu của họ, biết quyền lợi đích thực của họ là gì." (2). Lại đích thực và đích thực.

Bao hàm trong các lời tuyên dương về sự thật, quy luật khách quan, tất yếu v.v... là niềm tin rằng chủ nghĩa Marx nắm được chân lý tuyệt đối. Các vị pháp sư rao giảng chủ nghĩa đó có thể thay mặt thần linh bảo cho dân biết quyền lợi đích thực của họ là gì, làm cách nào họ có hạnh phúc thật, tại sao nên ăn khoai mì, ăn bo bo, tại sao họ nên ôm bom tự sát. Ai nói ngược với họ không những là phản động, mà còn là tha hóa, vật hóa, giác ngộ giả..., xấu lắm.

Nhưng chữ *Thật* có ít nhất hai cách dùng. Một là khách quan như khi ta nói đôi giầy vàng làm bằng da thật (không phải simili bắt chước da). Điều đó có thể chứng nghiệm được, nó phù hợp với điều mọi người công nhận. Chữ *Thật* lại có nghĩa khác khi ta nói hạnh phúc thật, tình yêu thật, thỏa mãn thật sự. Trong trường hợp này chữ thật đi đôi với một hệ thống giá trị: chúng ta coi thế nào là tình yêu, hạnh phúc, thỏa mãn, như các mục tiêu của đời người. Những người Mác xít dùng các chữ đích thực, chân lý v.v... với hàm ý rằng họ biết rõ hơn chúng ta cái gì làm chúng ta có hạnh phúc, khi nào chúng ta thực sự yêu, như thế nào thì chúng ta thỏa mãn. Cái họ biết là *Thật* như giầy da thật, vàng thật.

Nói một cách khác là họ chọn lựa giá trị và mục đích giúp cho mọi người, như các giáo sĩ đi truyền đạo ở các xứ "chưa giác ngộ" giảng cho dân "mọi rợ" về tôn giáo mới để họ biết quy luật lịch sử nhờ thế

được cứu rỗi.

## Cúng Thần phải có hy sinh

Trong xã hội dân chủ một điều căn bản là sự thỏa thuận chung rằng người nào trưởng thành không bịnh thần kinh, không phạm tội, thì được tự do chọn mục đích của đời mình, chọn hệ thống giá trị về luân lý, thẩm mỹ cho mình.

Chế độ thần quyền ngược lại, họ tự gánh lấy trách nhiệm quyết định hộ dân chúng về giá trị. Hai thế kỷ trước Kant đã báo động: "Một chính phủ.. có tính cách làm cha mẹ dân (imperium paternale) - coi dân như con nít... phải nhờ chánh phủ mới biết nên hạnh phúc thế nào... - là loại bạo chúa ghê gớm nhất có thể tưởng tượng ra, nó sẽ tước đoạt hết tự do của dân, hủy bỏ hết các thứ quyền của dân (3)." Dưới thời Stalin dân Nga không được phép đọc Kant, cũng như Leon Tolstoi. Maxime Gorki đã phản đối chính sách đó nên sống lưu đầy bên Ý cho đến khi nhớ quê hương quá phải trở về làm cảnh cho Stalin sử dụng.

Lênin là người hiểu rõ tánh chất thần quyền của chủ nghĩa Marx, nên đã lấy đó làm gốc cho việc thiết lập chánh quyền vô sản. Ông dùng các lý luận kiểu Bukharin: "Chiếm lấy thực phẩm của nông dân là đi đúng quyền lợi khách quan của họ," hay "Bạo lực vô sản dưới mọi hình thức, dù xử bắn hay cưỡng bách lao động, chính là để... xây dựng nhân loại cộng sản từ vật liệu nhân loại của thời tư bản" (4) khi Lenin đọc đoạn trên ông đã bút phê: Đúng, Tuyệt! Bukharin sau làm chủ tịch đệ tam quốc tế mà Lênin dựng ra.

Lênin đã theo đúng các lập luận của Bukharin. Các chính sách thu mua nông sản của Lenin đã gây ra nạn chết đói khắp vùng lưu vực sông Volga, thuộc Nga, Ukraine, Trung Á. Trong nguyệt san *Molodaya Gvardiya,* tháng 8-1989 nhà dân số học Nga, Pereverzev ước tính có 5,9 triệu người chết đói trong khoảng thời gian 1921-1923, vì chánh sách thu mua nông sản của Lênin. Cũng theo Pereverzev thì sau này Lenin đã nhận đó là một sai lầm. Nói như cố kịch tác gia Lưu Quang Vũ trong vỡ *Hồn Trương Ba, Da hàng thịt* thì "có nhiều cái sai không thể sửa được." Gần sáu triệu cái sai lầm không thể sửa được!

Stalin đã thủ tiêu Bukharin năm 1937, có lẽ không theo quyền lợi khách quan của Bukharin nhưng chắc cũng để lấy vật liệu xây dựng một nhân loại Cộng sản mới hơn. Tuy vậy Stalin vẫn theo đúng sách của Bukharin. Cũng trong các tìm tòi mới của Pereverzev,chánh sách tập sản hóa nông nghiệp trong khoảng 1931-33 của Stalin đã làm chết 9,4 triệu người nữa. Nếu kể thêm 4,8 triệu người chết trong thời nội chiến 1918-1921 thì trong 14 năm đầu của chế độ Cộng sản Pereverzev đã đếm được 21,1 triệu xác chết. Ông ta bảo đó là "một đại họa về dân số học."

Chỉ là một vấn đề số học thôi ư?

Khi lấy máy tính bỏ túi Sharp ra để kiểm lại con tính cộng trên, tôi chùn tay. Cộng xác chết thì bất nhẫn thật. Như thế khi đầu ngón tay mình bấm lên cái nút vô hồn là mình đã xúc phạm, thiếu lòng kính trọng, không xót thương những người đã chết. Các anh chị em Mác xít, quý vị nghĩ thế nào? Có vẻ tình cảm lãng mạn kiểu tư sản quá chăng? Tôi nhớ chuyện một nhà trí thức mác xít Việt Nam nổi tiếng. Ông là đảng viên Cộng Sản lỗi lạc ở ngoại quốc, giúp ích cho đảng ở Việt Nam nhiều lắm. Khi nghe tin bố mẹ ông bị tố khổ, một người em năn nỉ ông viết thư về xin cho bố mẹ. Ông đã từ chối. Ông nói rằng trong nhà thương mỗi ngày người ta giết bao nhiêu chuột. Nếu không giết thì không biết thuốc nào có thể dùng để cứu người. Trên con đường bánh xe Lịch sử cũng phải có loại người bị hy sinh như vậy. Người em sau này trở về miền Nam Việt Nam, và ông em đã kể lại chuyện này khi đang ở trong trại cải tạo. Chưa ai đem chủ nghĩa Cộng Sản thử cho chuột trước khi thử cho loài người, có sai cũng không sửa được là vậy.

Ngày xưa một ông vua phong kiến Trung quốc trông thấy người ta dẫn con trâu đi làm thịt để tế trời đất, nhìn thấy mắt con trâu có vẻ buồn bã ông động tâm ra lệnh tha cho nó. Những người ký một pháp lệnh, một chính sách làm chết cả triệu dân chắc không có dịp nhìn mắt nạn nhân lúc hấp hối. Họ có bao giờ nhìn mắt ai không?

## Từ Marx tới Lenin

Khi đã tin tưởng điều mình nghĩ là Chân Lý tuyệt đối thì cái gì phải hy sinh cho chân lý "cũng tốt thôi." Karl Marx đã reo mừng về hồi chuông báo tử của giai cấp tư bản. Khi nói đến giai cấp tư bản ông không nghĩ tới người có da thịt. Đó chỉ là một ý niệm trừu tượng trong dòng tư tưởng của ông. Khi nói đến báo tử ông cũng không nghĩ đến cái chết thật, cái chết của người hấp hối, có tim

**Những người ký một pháp lệnh làm chết cả triệu dân chắc không có dịp nhìn mắt nạn nhân. Họ có bao giờ nhìn mắt ai không?**

ngừng đập, mắt nhắm lại. Chết cũng trừu tượng và còn lãng mạn nữa (Marx viết *mors immortalis* trong *Khốn cùng của Triết học.)* Marx sẽ nhân danh dòng tư tưởng trừu tượng đó mà làm cách mạng, cứu nhân loại, một nhân loại trừu tượng, chứ chẳng phải đám đông lúc nhúc ở ngoài kia. Bọn đó không cần hỏi ý kiến, vì họ chưa giác ngộ.

## Thầy lang hô khẩu hiệu: "Thuốc, Thuốc!" hoài mà con bịnh vẫn ngất ngư

Chủ nghĩa Marx và chủ nghĩa Lê nin gặp nhau ở điểm trên. Trong cuốn *Phải Làm Gì?* Lênin đã đưa ra ý kiến căn bản của ông là phải đứng ra giúp vô sản giác ngộ quyền lợi giai cấp. Nếu không thì họ sẽ theo khuynh hướng nghiệp đoàn, cải cách chứ không còn là cách mạng. Vậy thì các nhà "cách mạng chuyên nghiệp" phải lập ra "đảng tiền phong của giai cấp vô sản" để đưa cả nhân loại lên thiên đường, trước khi nhân loại bị bọn xuyên tạc làm cụt hứng.

Trước Lênin, Karl Marx cũng thấy nhu cầu thêm bớt các lý luận và tiên đoán của ông để "giữ niềm tin vào cách mạng." Khi thấy giới thợ thuyền của Anh có đời sống cải thiện nhờ tranh đấu qua nghiệp đoàn, Marx cũng sốt ruột. Ông bảo chuyện tư bản nhượng bộ chẳng qua là hiện tượng, chứ còn bản chất tư bản vẫn là bóc lột (hai phạm trù hiện tượng và bản chất lấy từ triết lý Hegel). Lúc đầu ông trông đợi cách mạng vô sản xảy ra ở Âu Châu và Bắc Mỹ, do thợ thuyền Anh dẫn đầu (thời kỳ từ 1843 đến 1850). Đến năm 1881 trong thư từ ông còn quả quyết: "Cái nhìn sáng tỏ khoa học vào sự tan rã không thể cưỡng nổi của trật tự thống trị đang diễn ra trước mắt chúng ta." (5)

Sau đó năm 1882, khi đề tựa bản tiếng Nga của Tuyên Ngôn Cộng Sản ông lại viết rằng: "Nếu cuộc cách mạng ở Nga có thể báo hiệu cho cuộc cách mạng vô sản ở phương Tây, để bổ túc lẫn nhau, thì chế độ tư hữu ruộng đất ở Nga có thể dùng làm điểm xuất phát của quá trình đi về hướng Cộng Sản" Trong chủ trương đó ông đã muốn lợi dụng phong trào ruộng đất ở Nga để "giết tư bản Nga ngay từ trong nôi." Như vậy thì quá trình tất yếu của lịch sử không còn là tất yếu nữa. Nhiều người thường nói chữa rằng chế độ thiết lập ở Trung Quốc, hay ở Việt Nam sở dĩ vấp ngã vì không theo đúng sách vở, vì bỏ quên một giai đoạn, chế độ tư bản, trong xê na ri ô của thầy Marx. Nhưng cả thầy Marx cũng muốn giết chế độ tư bản ngay từ trong trứng, thầ cũng muốn đi đường tắt mà. Kể từ năm 1872 thầy đã thấy các phong trào cách mạng bình dân Nga coi bộ dễ thành công hơn phong trào vô sản ở Tây Âu (6).

Nếu Lênin không gặp may cướp được chính quyền ở Nga thì có lẽ tín đồ của Marx không biết còn đợi đến bao giờ. Từ 1850 Marx đã đưa ra thuyết cách mạng thường trực. Năm 1919 Lênin lập đệ tam quốc tế, để xuất cảng cách mạng vô sản sang Tây Âu. Mùa hè năm 1920 hồng quân phải dừng lại rồi rút về: Vô sản anh em ở các nước Tây Âu chưa sẵn sàng. Đến bây giờ họ vẫn chưa sẵn sàng!

Không sao, quyền bính đã nắm rồi, lý thuyết chỉ cốt biện minh cho quyền bính mà thôi. Ta có thể đặt ra lý thuyết mới, thí dụ "chủ nghĩa đế quốc" làm trì hoãn sự sụp đổ của chủ nghĩa tư bản. Miễn là làm sao tín đồ giữ vững niềm tin ở thiên đường.

## Thủ đoạn nào cũng tốt

Vì cảnh thiên đường rất mơ hồ, và tính chất tuyệt đối của giáo điều, nên tín đồ Mác xít tự cho mình quyền làm bất cứ cải gì để thực hiện mục tiêu tối hậu, bất chấp các quy tắc đạo đức luân lý thường tình của bọn người chưa giác ngộ. Thủ đoạn chiến thuật nào cũng tốt miễn là để thực hiện "quy luật khách quan của lịch sử." Như Lukacs nhận định: "... tính chất uyển chuyển của chiến thuật cộng sản là hậu quả tất nhiên của tính chất kiên cường trong các nguyên lý Cộng Sản" (7) Tánh uyển chuyển (non-rigidity) đó cho phép các người mác xít có thể dùng các chiêu bài thay đổi từng giai đoạn: liên hiệp, đại đoàn kết, chủ nghĩa dân tộc, kinh tế mới, cải cách... Quý vị thích món hàng nào họ bày ra món đó.

Chính Karl Marx cũng rất uyển chuyển trong tư tưởng. Lúc thì ông khen ngợi chuyện người Anh cai trị Ấn Độ, nhờ thế đã thành lập xã hội tư bản, coi đó là bước tiến bộ cần thiết. Lúc khác ông lại đồng ý làm cách mạng vô sản ở Nga, bỏ qua giai đoạn tư bản. Tánh chất kiên cường (rigidity) không thấy đâu.

Tánh uyển chuyển trên được áp dụng thích hợp nhất trong thời chiến, vì "việc quân sự cần phải yếm trá" như binh pháp đã dạy. Và đối với tín đồ Mác xít thì cách mạng nghĩa là lúc nào cũng chiến tranh. Ở Liên Sô, Trung Quốc, Việt Nam, họ đều xuất hiện và lớn lên trong chiến tranh. Thói quen yếm trá không dễ gì bỏ được. Hình ảnh yếm trá, lươn lẹo cũng không dễ gì xóa bỏ trong đầu mọi người. Khi dân chúng nhìn vào đảng Cộng Sản, hay khi đảng viên cấp dưới nhìn cấp trên, khi các đồng chí đối phó với nhau, lúc nào cũng nghi ngờ, lo sợ.

Những đặc tính đó đều bắt

nguồn từ chủ nghĩa của Marx. Đây là trở ngại lớn nhất của các cuộc đổi mới kinh tế, vì không có chữ TÍN thì không ai dám làm ăn. Chữ tín chỉ có trong một chế độ pháp trị, không có trong một chế độ thần quyền dựa trên yếm trá nhưng trong suốt nửa đầu thế kỷ thì nhờ có đặc tánh thần quyền, với các thủ đoạn yếm trá nên các đảng Cộng Sản mới cướp được và củng cố chánh quyền được ở một nửa trái đất. Không có các thủ đoạn yếm trá thì những lý thuyết không tưởng họa chăng thu hút được đám trí thức tiểu tư sản chứ không có cách nào lôi cuốn được nông dân, binh sĩ.

Chính những giai cấp mà Marx coi thường nhất (tiểu tư sản, nông dân), chính những tư tưởng mà Marx chê bai nhất (chủ nghĩa dân tộc, tín ngưỡng trừu tượng) hóa ra lại là nền tảng tạo nên các chế độ Cộng Sản. Đời rất trớ trêu.

Ngược lại, trong quá trình vận động phế thải chế độ Cộng Sản ở các nước Đông Âu thì công nhân lại là lực lượng tiền phong. Rõ rệt nhất là ở Ba Lan. Nổi dậy năm 1956 ở Poznan là công nhân, vận động từ 1980 ở Gdansk cũng là công nhân.

Nhưng tại sao những đảng Mác-Lênin vẫn gọi họ là đảng của giai cấp công nhân?

## Không tỉnh ra thì khó đổi mới

Theo tâm lý học, nói dối lâu ngày quá người ta bắt đầu tin ở lời nói dối của mình, tìm cách nói dối tiếp để tự biện minh, tự mình thỏa mãn với mình. Bắc chước Marx, có thể nói: "Bọn đi bịp lại tự bịp." Họ bắt đầu mê cái điều mình mang ra bịp, yêu cả nghệ thuật bịp bợm tinh vi của mình, không còn tỉnh ra để nhìn thấy sự thật nữa.

Những sự thật sai lầm trầm trọng thì coi là biến chất, là hiện tượng chứ không phải bản chất, đồng đổ cho cốt, cốt đổ cho đồng. Thấy lực lượng sản xuất của mình kém xa của phía tư bản khiến đảng viên buồn lòng? "Không sao cả... còn buồn lòng tức là còn thiên lương." Còn thiên lương tức là còn tìm về điều thiện. Lịch sử sẽ không tha thứ bọn làm nhân loại mất hứng tìm điều thiện khi chúng xuyên tạc chủ nghĩa xã hội. Tại sao? Vì chủ nghĩa xã hội là đấng toàn thiện, toàn tri, toàn năng.

Tôi nghĩ rằng người đưa ra chuỗi lý luận như trên (8) có thiên lương và hướng về điều thiện, như tôi và có thể hơn tôi nữa. Nhưng bị cái vòng kim cô cột chặt trên đầu, Tề Thiên Đại Thánh cũng chưa tỉnh ra được. Một là yêu cái chủ nghĩa đại đồng của mình, ôm ấp từ thời thanh niên. Hai là yêu cái khung lý luận ngược xuôi mỗi lần đem dùng đều có hiệu quả. Không cởi được cái vòng kim cô đó thì không thể nào thoát khỏi ngõ bế tắc.

Cho nên muốn tiếp tục con đường đổi mới thì hô khẩu hiệu hoài cũng không đi tới đâu. Cả nước tung hô cũng không đủ, nếu cái não trạng ở trên chỗ ngồi cao nhất còn chưa tỉnh ra. Thày lang cứ hô "thuốc! thuốc!" hoài mà con bịnh vẫn ngất ngư.

Lại kể một câu chuyện cổ. Ngày xưa có anh bị bịnh trầm trọng. Có người mách anh hãy đi tìm một ông thầy thuốc giỏi có tiếng. Anh tới tận nơi cho thày coi bịnh, thầy bảo: "Bịnh của anh phải có xương xa hạt lựu mới khỏi" (Nguyên văn chuyện là Chim Trĩ, ở đây sửa lại xương xa hạt lựu cho... đỡ sát sanh). Bịnh nhân mừng quá trở về, suốt ngày cứ tụng đọc: "Xương xa hạt lựu! Xương xa hạt lựu! Hạt lựu xương xa" Có người bạn hỏi thăm, biết chuyện, cười bảo: "Để tôi chỉ anh trang sách này dạy làm xương xa hạt lựu. Người bịnh được trang sách, mừng quá, chép làm nhiều bản, ngày ngày mang ra đọc, như đọc nghị quyết đại hội II. Cứ như vậy bao nhiêu ngày, coi bộ môn thuốc xương xa hạt lựu không công hiệu. Đến khi bịnh trầm trọng quá rồi, vợ anh giục anh đi kiếm thầy xin coi lại. Thầy hỏi: "Ăn xương xa hạt lựu vô anh thấy nó làm sao?" Bấy giờ bịnh nhân mới ngạc nhiên: "Thưa thầy, nhà cháu phải ăn cơ ạ?" Sau đó thày mới chỉ đường cho anh vô chợ Bến Thành mua thuốc đổi mới.

Ở Ba Lan đợi lúc bịnh quá trầm trọng đảng mới nhả bớt chính quyền. Ở Hung Gia Lợi sau 20 năm đổi mới vẫn bế tắc bây giờ đã tỉnh ra. Chủ nghĩa Mác xít bị coi là cái còng tay phải cắt đi. Độc tài đảng trị có cơ xóa dần dần. Các nhóm đối lập thật được chính thức lập đảng tranh cử trong các năm tới. Tức là Lê-nin-nít trên nguyên tắc cũng bỏ. Trong thời suy thoái của chủ nghĩa Cộng Sản hiện nay Marx bỏ thì dễ nhưng bỏ Lênin thì khó. Thực sự ngay sau năm 1917 ở Nga chủ nghĩa Mác cũng chẳng còn. Nó đã được đem đơn giản hóa, gò ép, bóp méo cho có hình thức, chỉ cốt để bảo vệ giai cấp mới. Nó cũng giống như nhiều tôn giáo. Lúc đầu là tín ngưỡng có nội dung như vị giáo chủ dạy. Sau đó tiến sang thời

**Trên bức tượng vua Quang Trung người ta thờ chữ TÂm. Đừng thờ chữ Đấu Tranh giai cấp. Đừng thờ chữ Duy Vật Biện Chứng nữa.**

Jeff McNelly/Chicago Tribune

kỳ chuyên về cúng tế, tụng niệm, nhưng bên trong trống rỗng. Chủ nghĩa Lênin là giáo lý bảo vệ quyền lợi của các pháp sư cho nên khó bỏ. Các pháp sư có cần tin ở thần linh của họ không? Không cần. Họ dùng thần linh làm phương tiện. Đổi mới khó khăn chỉ vì các pháp sư còn hưởng lợi nhiều quá nhờ các dịch vụ lễ nghi thờ phượng. Lại phải có người đủ can đảm vô đền thờ đuổi hết bọn con buôn và bọn đổi tiền. Lại cần có người dậy cách phá bỏ những ngẫu tượng, phá bỏ sự u mê và lòng tự yêu cái ta to lớn của mình. Đó là thuốc cai ma túy.

Chúng ta phải từ bỏ không mang tín ngưỡng của mình ra bó buộc người khác phải theo. Không tin một tín ngưỡng lấy bạo động để thực hiện cứu rỗi tập thể nữa. Khát vọng tín ngưỡng phải đi với tình yêu và sự hiểu biết.

Sự hiểu biết cho ta thấy niềm tin mù quáng vào chủ nghĩa Mác là phản khoa học, đã gây nhiều điều ác, khiến con người muốn tử tế với nhau mà không được. Tôi đã coi đoạn phim trong đó nhà đạo diễn trước khi chết dặn lại bạn bè "hãy làm một cái gì tử tế." Xin nói thật, còn thờ ông Marx thì khó làm được cái gì tử tế. Thờ vua Quang Trung đi. Trên bức tượng Quang Trung người ta thờ chữ Tâm. Đừng thờ chữ Đấu Tranh Giai Cấp nữa. Đừng thờ chữ Duy Vật Biện Chứng nữa. Thử như vậy đủ rồi. Có thứ có thể sửa sai được, đó là lòng người, nên sửa sai ngay, cho nhà viết kịch được mỉm cười nơi chín suối.

**Vương Hữu Bột**

(1) Lukacs, G, *Lịch sử và giác ngộ giai cấp,* Darmstadt & Neuwied: Luchterland - trang 399.

(2) Marcuse, H., *Văn Hóa và Xã Hội,* Franfurt am Main: Suhrkamp, 1965, trang 150.

(3) Kant, I., *Tác phẩm,* VI, Berlin: B. Cassirer, 1914 trang 374.

(4) Bukharin, N.I "The economics of the transition period" trong *The Politics and Economics of the Transition Period* do K.J. Tarbuck biên tập, London: Routledge and Kegan Paul, 1979.

(5) Marx-Engels, Thư tuyển chọn, Moscow: Progress Publishers, 1955, trang 338.

(6) Marx rất giao động về vấn đề thúc đẩy cách mạng vô sản Nga. Trong những năm cuối đời, các lá thư gởi Vera Zasulich bày tỏ sự giao động này, ông ngả sang ý tưởng nên làm cách mạng ở Nga mặc dù ở đó chế độ tư bản còn non.

Ở Nga "các lực lượng sản xuất tư bản chưa dùng hết tiềm năng của nó," nói theo Marx, cho nên đáng lẽ nó chưa thể bị hủy diệt. Những lá thư gởi Zasulich được công bố lần đầu ở Moscow năm 1924. Xin đọc trong *Late Marx and the Russian Road* của T. Shanrin, London, 1984.

(7) Luckacs, G, *Chiến thuật và Đạo Đức,* (Các bài viết về chánh trị 1919-1929), London: NBL, 1972.

(8) Coi "*Tiếp tục con đường đổi mới,*" báo *Sàigòn Giải Phóng* ngày 13-11-1988.

**Kỷ niệm 41 năm (10-12-1948) công bố Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền nói về**

# NHÂN QUYỀN VÀ HIẾN PHÁP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TRẦN DANH SAN

Vấn đề vi phạm nhân quyền trong các nền chuyên chính vô sản đã được nói đến nhiều. Đã có nhiều cuốn bạch thư giá trị về vấn đề này đã công bố. Và lẽ dĩ nhiên các chế độ cộng sản cũng đưa ra liên tiếp các giải thích, biện minh để chạy tội, hay ít nhất họ cũng cố gắng làm sao cho dư luận quốc tế bị "chia rẽ" một phần nào về vấn đề này.

Từ chỗ đó, tính chính xác, khách quan của các tài liệu, các nguồn tin được đặt ra. Vậy có thể có một bản cáo trạng nào mà người Cộng Sản không còn có thể phủ nhận được không? Ở đây người viết muốn nói đảng Cộng Sản đang cầm quyền ở Việt Nam.

Điều chắc chắn là Đảng Cộng Sản Việt Nam không thể phủ nhận được Bản Hiến Pháp mà họ đã long trọng ban hành ngày 18-12-1980. Vậy cứ căn cứ vào văn kiện nền gốc này để thử xem Đảng Cộng Sản Việt Nam có vi phạm nhân quyền hay không?

Nói đến nhân quyền, thì phải viện dẫn đến pháp chế quốc tế chi phối vấn đề này. Đó là Bản Quốc tế tuyên ngôn nhân quyền ngày 10-12-1948 (Universal decleration of human rights), Công ước quốc tế về quyền kinh tế, xã hội và văn hóa ngày 10-12-1966 (International Covenant on economic, social and cultural rights), Công ước quốc tế về công dân quyền và quyền chính trị ngày 16-12-1966 (international covenant on civil and political rights).

Để bảo đảm tính cách khách quan và chính xác, việc trích dẫn Hiến Pháp của Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban bố ngày 18-12-1980 là một sự cần thiết.

Trong phần Lời Nói Đầu của Hiến Pháp, đảng Cộng Sản Việt Nam có ghi như sau: "Là luật cơ bản của Nhà Nước, Hiến Pháp này qui định chế độ chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, cơ cấu tổ chức và nguyên tắc hoạt động của các cơ quan nhà nước. Nó thể hiện mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ và nhà nước quản lý trong xã hội Việt Nam."

Vậy cứ căn cứ theo thứ tự các mục ở trên để xem nhân quyền có bị vi phạm hay không?

Trước tiên không thể không đề cập đến bản chất của Hiến Pháp mà người Cộng Sản Việt Nam đã đặc biệt nhấn mạnh. Cũng trong phần Lời Nói Đầu, bản chất nói trên đã được định nghĩa như sau: "Nước CHXHCN VN cần có một bản hiến pháp để thể chế hóa đường lối của đảng Cộng Sản Việt Nam trong giai đoạn mới. Đó là hiến pháp của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong phạm vi cả nước."

Như vậy bản hiến pháp ngày 18-12-1980 không phải là một văn kiện nền gốc biểu hiện ý chí của toàn dân Việt Nam mà bản hiến pháp chỉ có mục đích là Thể Chế Hóa Đường Lối của Đảng Cộng Sản Việt Nam. Đó là mục đích thứ nhất, và mục đích thứ hai là tiến lên chủ nghĩa xã hội trên toàn nước Việt Nam. Người Cộng Sản Việt Nam nói thẳng ra là Hiến Pháp chỉ là công cụ cho Đảng, và cho việc tiến lên xã hội chủ nghĩa.

Về chế độ chính trị, bản Hiếp Pháp qui định ra sao?

Điều 2 Hiến Pháp đã long trọng tuyên bố trong nước, và trên toàn thế giới là: "nhà nước CHXHCN VN là Nhà nước chuyên chính vô sản." Như vậy không còn hồ nghi gì nữa về bản chất độc tài của chế độ: chuyên chính vô sản (proletarian dictatorship). Vì là một nền độc tài, nên nhà nước chuyên chính vô sản không cần sự ủy nhiệm của nhân dân (mandat du peuple). Nhà nước chuyên chính vô sản "có sứ mạng lịch sử" cũng như quân chủ chuyên chế (monarchie absolue) có đế quyền (de droit divin) hay quân chủ đông phương trị dân với tư cách là Thiên Tử. Cả ba loại thể chế này đều không đặt nền tảng trên sự ưng thuận của nhân

dân (popular consensus).

Tính độc đoán lại được tăng cường đến mức độ tuyệt đối với vai trò độc quyền lãnh đạo của Đảng Cộng Sản Việt Nam, và quan trọng hơn hết là bản chất độc đoán được thể chế hóa một cách minh thị trong hiến pháp. Thực vậy, điều 4 Hiến Pháp đã qui định như sau: "Đảng Cộng Sản Việt Nam, đội tiên phong và bộ tham mưu chiến đấu của giai cấp công nhân Việt Nam được vũ trang bằng học thuyết Mác-Lênin là Lực Lượng Duy Nhất Lãnh Đạo Nhà Nước, Lãnh Đạo Xã Hội." Như vậy không có sinh hoạt nào dù trong lãnh vực Nhà Nước, hoặc ở ngoài xã hội của nhân dân mà lại không đặt dưới sự chỉ huy lãnh đạo của Đảng.

Khi mà người dân phải sống trong khung của chuyên chính vô sản, và đặt dưới sự chi phối của Đảng, thì ý niệm về người chủ tập thể, hay quyền làm chủ tập thể mang ý nghĩa đích thực gì?

Theo điều 3 Hiến Pháp, thì người chủ tập thể là nhân dân lao động. Tuy nhân dân lao động được phong tước là người chủ tập thể, nhưng quyền làm chủ tập thể lại không nằm ở trong tay nhân dân -- tức là người chủ tập thể -- mà lại ở trong tay Nhà nước chuyên chính vô sản. Về điểm này, điều 2 Hiến Pháp đã minh định rõ: "Sứ mệnh lịch sử của nhà nước đó (nhà nước chuyên chính vô sản) Là Thực Hiện Quyền Làm Chủ Tập Thể của nhân dân lao động." Do đó mặc dầu trên danh nghĩa thì nhân dân lao động là người chủ tập thể, nhưng quyết định về quyền làm chủ tập thể lại nằm trong thẩm quyền của Nhà Nước chuyên chính vô sản.

Nếu người dân mà làm chủ thực sự thì đã không có việc quyền của mình lại do một người khác thực hiện. Hơn thế nữa chưa bao giờ thấy một người làm chủ lại bị giáo dục và bị động viên để hiểu rõ về quyền làm chủ của chính mình. Nhưng điều vô lý này lại được ghi ở điều 9 Hiến Pháp: "giáo dục và động viên nhân dân đề cao ý thức làm chủ tập thể."

Vậy quyền làm chủ tập thể là gì? Khi mà nhà nước chuyên chính vô sản thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, thì quyền làm chủ của mỗi người dân không còn nữa. Chỉ có nhân dân -- hiểu theo nghĩa là sự tổng cộng của mọi người -- mới có quyền. Người Cộng Sản Việt Nam định nghĩa là quyền làm chủ tập thể (the people mastering collective right).

Đây là nội dung của điều 18 Hiến Pháp qui định về cách mạng quan hệ sản xuất đã chủ trương chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa. Cá nhân không có quyền sở hữu, mà chỉ có toàn dân mới có quyền sở hữu, hoặc sở hữu tập thể của nhân dân lao động. Từ điểm đó có định nghĩa tài sản thuộc sở hữu toàn dân tức là tài sản nhà nước, vì chỉ có Nhà Nước Mới Đầy Đủ Tư Cách Đại Diện Toàn Dân. Do đó khi nói đến quyền làm chủ tập thể, thì chỉ có toàn dân mới sử dụng được quyền này. Và vì ngoài nhà nước ra, thì không còn ai có thể đại diện toàn dân, nên chỉ có Nhà Nước mới có quyền sử dụng quyền làm chủ tập thể. Chính vì vậy mới có tình trạng nhân dân là người chủ tập thể, nhưng quyền làm chủ tập thể lại do nhà nước thực hiện.

Về kỹ thuật pháp lý, định chế quyền làm chủ tập thể của nhân dân có một số điểm tương đồng với hư quyền của các trẻ vị thành niên. Khi một người cha chết đi để lại di sản cho các con vị thành niên, thì các trẻ này chỉ là các hư chủ (nu propriétaire, fictive ownership) đối với khối di sản ở trong tình trạng vị phân (indivision). Khi chúng còn vị thành niên, thì khối di sản không thể mang chia ra từng phần một cho mỗi đứa hưởng được. Do đó chúng chỉ là hư chủ đối với khối di sản vị phân. Trong thời gian này, một người giám hộ được cử ra quản lý tài sản thay mặt chúng. Khi chúng đến tuổi thành niên, thì tình trạng vị phân về tài sản phải chấm dứt. Khối di sản phải được chia ra từng phần một để cho mỗi người trong chúng thực sự hưởng nhận. Hư quyền trước đây trở thành quyền sở hữu thực sự và vai trò của người giám hộ quản lý tài sản thay mặt chúng đương nhiên chấm dứt. Với quyền làm chủ tập thể cũng vậy. Tất cả tài sản đều thuộc về toàn dân. Nhưng khối tài sản này không thể mang chia ra cho mỗi người dân được, vì không còn quyền sở hữu nữa. Đó là tình trạng vị phân về tài sản. Và nó cũng đòi hỏi một người dại diện để quản lý tài sản vị phân nói trên. Người đại diện ở đây là Nhà Nước. Các điểm tương đồng giữa hai định chế dừng lại ở đây. Vì trẻ vị thành niên đến một lúc nào chắc chắn chúng trở thành các người thành niên, và chắc chắn tình trạng vị phân cũng phải chấm dứt theo đó. Vai trò của người giám hộ, đại diện quản lý tài sản cũng phải chấm dứt, vì từ hư chủ, chúng trở thành sở hữu chủ thực sự. Trong khi đó người dân dưới chế độ chuyên chính vô sản là Những Trẻ Vị Thành Niên Muôn Đời, vì khối tài sản vị phân cứ vĩnh viễn ở trong tình trạng này, lý do không còn ai được thừa nhận có quyền tư hữu nữa. Trong điều kiện này, người dại diện quản lý tài sản trở thành BẤT KHẢ TRUẤT BÃI.

Khi đã nắm rõ được bản chất của chế độ chính trị được qui định bởi Hiến Pháp ngày 18-12-1980, vấn đề còn lại là xem chế độ chính trị này có vi phạm nhân quyền hay không?

Khi mà người dân chỉ còn là những trẻ vị thành niên muôn đời sống đóng khung trong nền chuyên chính vô sản, và mọi sinh hoạt trong lãnh vực của nhà nước hoặc của người dân sống ở ngoài xã hội đều bị đặt dưới sự chỉ huy của Đảng, thì những hậu quả gì sẽ đến?

Theo điều 1 của Bản Quốc Tế

Tuyên Ngôn nhân quyền, thì mọi người sinh ra đều tự do và bình đẳng về nhân phẩm và quyền hạn. Làm gì có tự do cho người dân đã bị đẩy xuống hàng các trẻ vị thành niên, và bị đóng khung trong nền chuyên chính vô sản. Lại càng không có bình đẳng, vì các người đảng viên ở vị trí tuyệt đối của "lực lượng duy nhất lãnh đạo Nhà Nước, lãnh đạo xã hội." Do đó điều 1 của Bản Quốc Tế Tuyên Ngôn Nhân Quyền đã bị phủ nhận bởi các điều 2, 4 của Hiến Pháp của CHXHCN Việt Nam.

Căn cứ vào điều 21 của Bản Quốc Tế Tuyên Ngôn Nhân Quyền, thì mọi người có quyền tham gia vào trong chính phủ của nước họ, trực tiếp hoặc qua các người đại diện được tự do chọn lựa. Rằng mọi người có quyền ngang nhau để tham gia vào các công quyền trong nước họ. Và rằng ý chí của nhân dân là căn bản cho quyền lực của chính phủ. Ý chí này phải được biểu hiện qua những cuộc bầu cử định kỳ, và thực sự bằng phổ thông đầu phiếu, bỏ phiếu kín hoặc các thủ tục bầu cử tự do tương tự.

Trong các nền chuyên chính vô sản, các chức dân cử, hay bổ nhiệm là độc quyền của Đảng viên. Muốn ứng cử phải được Đảng Cộng Sản chấp thuận trước.

Các sự kiện này đã vi phạm vào điều 21 nói trên. Nay cứ giả thuyết là có những cuộc bầu cử thực sự tự do, thì ý chí của nhân dân cũng chả bao giờ là căn bản của quyền lực của chính phủ như điều 21 của Bản QTTNNQ chủ trương. Người dân có bầu ra các dân biểu trong Quốc Hội, thì quốc hội cũng chỉ tuân theo lệnh của đảng Cộng Sản mà thôi. Vì quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước theo điều 82 Hiến Pháp CHXHCN VN mà nhà nước thì phải đặt dưới sự lãnh đạo của đảng Cộng Sản Việt Nam theo điều 4 Hiến Pháp.

Về tự do ngôn luận và tư tưởng, điều 19 Bản QTTNNQ đã qui định như sau: "mỗi người có quyền tự do ngôn luận và tư tưởng. Quyền này bao gồm tự do giữ lập trường mà không có sự can thiệp bên ngoài, và đi tìm, tiếp nhận, phát đi ý kiến qua mọi hệ thống truyền thông và không kể đến giới hạn của biên giới." Trong khi đó điều 38 HP CHXHCN VN lại chủ trương: "Chủ nghĩa Mác-Lênin là hệ tư tưởng chỉ đạo sự phát triển của xã hội Việt Nam." Sau khi thiết lập độc tài đảng trị, người Cộng Sản lại ban hành độc tài tư tưởng. Độc tài tư tưởng đi ngược hẳn lại điều 21 của Bản QTTNNQ. Rõ rệt hơn nữa điều 67 của HP CHXHCN VN đã minh thị giới hạn các tự do ngôn luận, báo chí, hội họp, lập hội, biểu tình, khi qui định rằng các tự do này phải "phù hợp với lợi ích của chủ nghĩa xã hội và của nhân dân" mà lợi ích của nhân dân có nghĩa là lợi ích của nhà nước qua quyền làm chủ tập thể. Như vậy đây là các loại tự do có điều kiện. Người dân được quyền tự do làm theo lệnh của Nhà Nước! Điều 67 Hiến Pháp cũng vi phạm vào điều 20 của Bản QTTNNQ qui định về quyền tự do hội họp và lập hội. Cần ghi thêm là hệ thống thông tin, báo chí, xuất bản, thư viện, phát thanh, truyền hình, điện ảnh đều là độc quyền của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Và bầu cử ở một xã hội nhất trí về chính trị (political unanimity), thì không biết có tác dụng gì? Vì điều 9 HP CHXHCN VN như sau: "Quốc hội, Hội Đồng nhân dân các cấp và các cơ quan khác của Nhà nước đều được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ," khi mà quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp đều được tập trung lại một mối, thì nếu có bầu cũng chỉ bầu ra một nền độc tài không hơn không kém.

Về chế độ kinh tế, HP CHXHCN VN đã qui định tại điều 18 là chỉ còn có hai thành phần kinh tế: thành phần kinh tế quốc doanh thuộc sở hữu toàn dân, và thành phần kinh tế hợp tác xã thuộc sở hữu tập thể của nhân dân lao động. Ngay cả với thành phần kinh tế hợp tác xã cũng hoàn toàn nằm trong tay nhà nước vì theo điều 23 HP CHXHCN VN thì: "hợp tác xã kinh doanh theo phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch của Nhà nước và của địa phương." Hơn thế nữa theo điều 20 của HP CHXHCN VN, thì chỉ có nhà nước, và chỉ riêng nhà nước mới có quyền sở hữu về đất đai. Người Cộng Sản gọi là thiết lập và củng cố chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa. Do đó các điều 18, 20 nói trên đã vi phạm vào điều 17 của Bản QTTNNQ qui định: "mỗi người có quyền sở hữu về tài sản cho mình hoặc hùn hiệp với người khác. Không ai bị tước đoạt tài sản sở hữu một cách độc đoán." Điều 17 nói trên làm gì còn ý nghĩa trong cơn lốc tước đoạt mà người Cộng Sản gọi là cuộc cách mạng quan hệ sản xuất được chủ trương tại điều 18 HP CHSHCN VN.

Theo điều 29 HP CHXHCN VN, thì nhà nước giữ độc quyền phân bố và sử dụng lực lượng lao động trong cả nước, ở từng địa phương và ở cơ sở. Điều 3 HP còn xiết chặt hơn nữa. Nhà nước qui định và kiểm tra chặt chẽ việc sử dụng lực lượng lao động, vật tư và tiền vốn trong mọi hoạt động kinh tế và quản lý nhà nước. Điều 33 Hiến Pháp dành cho nhà nước quyền huy động mọi lực lượng lao động, tài nguyên thiên nhiên và cơ sở vật chất kỹ thuật của đất nước. Khi mà nhân lực, tài nguyên, tiền vốn, khoa học kỹ thuật và mọi hoạt động kinh tế đều là độc quyền nhà nước, thì không làm gì có quyền tự do chọn công ăn việc làm như qui định ở điều 23 bản QTTNNQ. Với các điều 29, 30 và 33 của HP CHXHCN VN, thì không làm gì có quyền cho mỗi người có cơ hội kiếm sống bằng công việc mà họ tự chọn lựa, chấp

thuận và quyết định các biện pháp để bảo đảm quyền này theo đúng sự qui định của điều 6 của Công ước quốc tế về quyền kinh tế, xã hội và văn hóa ngày 16-12-1966.

Và lẽ dĩ nhiên theo Hiến Pháp của CHXHCN VN, thì không có quyuền tự do lập nghiệp đoàn, và quyền đình công. Như vậy điều 8 khoản a, và d của công ước nói trên đã bị vi phạm cũng như điều 23 khoản 4 của Bản QTTNNQ.

Nói tóm lại chế độ độc tài về kinh tế mà Hiến Pháp CHXHCN VN chủ trương hiển nhiên là đi ngược lại tinh thần và các điều khoản của Bản QTTNNQ và Công Ước Quốc Tế về quyền kinh tế, xã hội và văn hóa.

Về chế độ văn hóa, điều 37 HP CHXHCN VN nhấn mạnh đến việc tiến hành cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa nhằm mục đích, xây dựng một nền văn hóa mới có nội dung xã hội chủ nghĩa, và có tính đảng. Lẽ dĩ nhiên ở đây là đảng Cộng Sản Việt Nam.

Như vậy tất cả những tư tưởng, và các nền văn hóa không có nội dung xã hội chủ nghĩa và tính đảng đều bị gạt ra ngoài. Và quyết tâm này được qui định ở điều 38 kế tiếp như sau: "Chủ nghĩa Mác - Lênin là hệ tư tưởng chỉ đạo sự phát triển của xã hội Việt Nam." Đây là cái khung duy nhất cho xã hội Việt Nam phát triển, hay đúng hơn xã hội Việt Nam bị cầm tù trong đó.

Như vậy quyền tự do tham gia vào đời sống văn hóa của cộng đồng qui định ở điều 27 Bản QTTNNQ không còn chỗ đứng nữa.

Theo sự qui định của các điều 37 và 38 HP CHXHCN VN, thì một bức tường kiên cố đã được dựng lên để ngăn cản các tư tưởng và các nền văn hóa nào không mang nội dung xã hội chủ nghĩa, và không có tính đảng.

Các điều nói trên đã vi phạm vào điều 26 Bản QTTNNQ và điều 13 của Công ước Quốc tế về quyền kinh tế, xã hội và văn hoá kêu gọi tinh thần bao dung về tư tưởng. Còn điều 15 của Công ước Quốc tế về quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, thì đã bị bẻ gẫy vì không có vấn đề bảo tồn, phát triển và phổ biến các nền văn hóa khác hơn là văn hóa xã hội chủ nghĩa, và đúng theo qui định của Đảng. Điển hình nhất là điều 19 của Công ước Quốc tế về quyền công dân và quyền chính trị đã bị trắng trợn vi phạm. Thực vậy không làm gì có chuyện mỗi người có quyền giữ lập trường mình mà không có sự can thiệp từ bên ngoài vào, mỗi người có quyền tự do phát biểu, quyền này bao gồm tự do tìm kiếm, tiếp nhận và phát đi các thông tin, tư tưởng mọi thể loại, không kể đến biên giới, hoặc dưới hình thức nói, viết, hay in, dưới hình thức nghệ thuật hay bất cứ loại truyền thông nào mà người ta chọn, như điều 19 nói trên đã qui định. Trong khi đó điều 44 HP CHXHCN VN rất gay gắt như sau: "Văn học nghệ thuật Việt Nam được xây dựng trên lập trường, quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin và theo đường lối văn nghệ của Đảng Cộng Sản Việt Nam."

Về chế độ văn hóa, HP CHXHCN VN đã tái lập lại trong thực tế, và trên các điều luật cái giường của Procust (Procust Bed). Trong cái khung bằng sắt này Bản QTTNNQ, Công ước quốc tế về quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, và Công ước Quốc tế về công dân quyền và quyền chính trị đương nhiên bị phủ nhận.

Về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân đã được Hiến Pháp của CHXHCN VN định nghĩa tại điều 54 như sau: "Quyền và nghĩa vụ của công dân thể hiện chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động." Đối với những ai chưa hiểu rõ chế độ làm chủ tập thể, thì định nghĩa này đưa đến nhiều ngộ nhận. Chính vì vậy tại phần đầu bài này, người viết đã phải trình bầy rõ lên ý nghĩa đích thực của chế độ làm chủ tập thể. Và nay xét thấy cần, phải nhấn mạnh lại một lần nữa. Chế độ làm chủ tập thể trước nhất tước hết quyền của mỗi người dân để tập trung vào nhân dân, hay nhân dân lao động, hay người chủ tập thể cũng vậy. Kế tiếp đến vì không ai có đủ tư cách đại diện người chủ tập thể, ngoại trừ nhà nước chuyên chính vô sản, nên kết cuộc nhân dân thì làm chủ tập thể, nhưng quyền làm chủ tập thể thì lại nằm trong tay nhà nước. Nhân dân chỉ là các trẻ vị thành niên không bao giờ lớn lên được, và người giám hộ đại diện cho quyền lợi của các trẻ vị thành niên đặc biệt này trở nên bất khả truất bãi. Đấy chính là Nhà nước chuyên chính vô sản.

Dưới chế độ chuyên chính vô sản, người công dân chỉ có hư quyền và hư quyền này được khoác cho một mỹ từ là quyền làm chủ tập thể. Vậy khi định nghĩa quyền của công dân thể hiện chế độ làm chủ tập thể, tức là quyền công dân đã bị phủ nhận một cách lắt léo.

Chính vì vậy điều 54 HP CHXHCN VN đã đặt ra điều kiện cho quyền công dân phải: "bảo đảm sự nhất trí về lợi ích giữa nhà nước, tập thể và cá nhân." Do đó mỗi khi quyền công dân không nhất trí với lợi ích của nhà nước, thì quyền đó cũng không còn căn bản nữa.

Cách áp dụng này được ghi nhận ngay ở điều 67 HP CHXHCN VN như sau: "Công dân có các quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do hội họp, tự do lập hội, tự do biểu tình, PHÙ HỢP VỚI LỢI ÍCH CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CỦA NHÂN DÂN." Như vậy tất cả các tự do được liệt kê ở điều 67 nói trên sẽ không còn nữa, nếu không phù hợp với lợi ích của chủ nghĩa xã hội mà Đảng Cộng Sản Việt Nam vừa là hiện thân vừa là thẩm phán tối cao, hoặc các tự do này

không phù hợp với lợi ích của nhân dân, tức là không phù hợp với lợi ích của nhà nước, vì theo chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động, thì chỉ có nhà nước mới đủ tư cách đại diện cho nhân dân mà thôi. Nói một cách khác các quyền tự do của công dân là các tự do có điều kiện. Khi nào các quyền công dân ăn khớp với chủ nghĩa xã hội tức là ăn khớp với lợi ích của Đảng Cộng Sản Việt Nam, và ăn khớp với lợi ích của Nhà nước đại diện nhân dân, thì chỉ khi đó công dân mới có quyền hành xử các tự do.

Như vậy rõ ràng các điều 19, 20 qui định về tư tưởng, ngôn luận, hội họp, lập hội của Bản QTTNNQ đã bị vi phạm.

Cùng với một kỹ thuật tương tự, điều 71 của HP CHXHCN VN đã dùng lối hành văn sau: "Quyền tự do đi lại và cư trú được tôn trọng, theo qui định của Pháp Luật." Vậy nếu Pháp Luật quyết định giới hạn quyền tự do đi lại, và cư trú, thì công dân sẽ bị tước đoạt quyền này. Và trong thực tế với chính sách Nhân Hộ Khẩu (Household census policy) áp dụng trên toàn lãnh thổ Việt Nam, thì chả ai được hưởng các quyền tự do nói ở điều 71 đoạn cuối nói trên. Hơn nữa theo điều 29 HP CHXHCN VN đã phân tích ở trên, thì lực lượng lao động hoàn toàn nằm trong sự chi phối của Nhà nước. Một khi lực lượng lao động nằm trong sự kiểm soát chặt chẽ của nhà nước, thì con người cũng không thể khác hơn được, vì làm sao tách rời sức lao động ra khỏi con người được.

Do đó quyền tự do đi lại và cư trú nói ở điều 13 Bản QTTNNQ đã bị vi phạm.

Về cơ cấu tổ chức và nguyên tắc hoạt động của các cơ quan nhà nước, điều 6 HP CHXHCN VN đã qui định dứt khoát như sau: "Quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp và các cơ quan khác của Nhà Nước đều được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ." Nguyên tắc tập trung dân chủ phủ nhận nguyên tắc tam quyền phân lập (tripartite separation of powers). Dưới chế độ chuyên chính vô sản, quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp được tập trung lại một mối. Và chính cái nhà nước đầy quyền uy này vẫn còn phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng Sản Việt Nam. Vậy trên tột đỉnh của Kim Tự Tháp quyền lực là Đảng Cộng Sản. Sự khẳng định này đã được tôn thờ ở điều 4 HP CHXHCN VN: "Đảng Cộng Sản Việt Nam đội tiên phong và bộ tham mưu chiến đấu của giai cấp công nhân Việt Nam được vũ trang bằng học thuyết Mác-Lênin là lực lượng duy nhất lãnh đạo nhà nước, lãnh đạo xã hội."

Với cơ cấu tổ chức như trên, không làm gì có quyền Tư Pháp riêng biệt, chứ đừng nói đến quyền Tư Pháp độc lập. Và cũng không làm gì có chế độ trọng pháp (the rule of law) vì luật pháp là sản phẩm của Quốc Hội, là Nhà Nước theo sự định nghĩa của điều 82 HP CHXHCN VN, và đã là nhà nước thì phải đặt dưới sự lãnh dđạo của Đảng Cộng Sản Việt Nam. Mệnh lệnh của Đảng là tối hậu.

Chính vì vậy mà Tòa án chỉ là công cụ của Đảng và của Nhà Nước không hơn không kém. Điều 127 HP CHXHCN VN đã vạch rõ ra điều này như sau: "Tòa án nhân dân và viện kiểm sát nhân dân nước CHXHCN VN trong phạm vi chức năng của mình có nhiệm vụ bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, BẢO VỆ CHẾ ĐỘ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA, VÀ QUYỀN LÀM CHỦ TẬP THỂ CỦA NHÂN DÂN LAO ĐỘNG." Bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa có nghĩa là bảo vệ sự vĩnh cửu của Đảng Cộng Sản Việt Nam, bảo vệ quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tức là củng cố nền móng cho chuyên chính vô sản, vì nhà nước chuyên chính vô sản là người đại diện duy nhất cho người chủ tập thể là nhân dân lao động.

Trong những điều kiện ở trên làm sao các điều 9, 10 của Bản QTTNNQ được tôn trọng. Điều 9 nói đến nguyên tắc không ai bị bắt bớ, giam cầm hoặc bị đầy một cách độc đoán. Chỉ lấy riêng một thí dụ hàng trăm ngàn người bị bắt, nhốt vào các trại tập trung, mà không hề được mang ra xét xử cũng đủ thấy nguyên tắc mọi người có quyền bình đẳng để được xét xử một cách công minh bởi một tòa án độc lập, không thiên vị trong việc định quyền và nghĩa vụ và mọi sự buộc tội chống lại họ, được qui định ở điều 10 Bản QTTNNQ đã bị vi phạm.

Trong Hiến Pháp của CHXNCN VN không có điều khoản đề cập đến nguyên tắc bất cứ ai bị truy tố về một tội phạm nào đều có quyền được suy đoán là vô tội đến khi xác nhận được là có tội, theo đúng luật trước một phiên tòa công khai, nơi đó họ có tất cả các bảo đảm luật định cho quyền biện hộ. Nguyên tắc này được qui định ở điều 11 Bản QTTNNQ.

Các vi phạm nhân quyền trong Hiến Pháp CHXHCN VN ban bố ngày 18-12-1980 được trích ra ở trên chỉ là các điểm điển hình nhất. Nhưng chỉ với bấy nhiêu vi phạm nhân quyền cũng đủ cho phép kết luận là nền chuyên chính vô sản ở Việt Nam là ba chế độ độc tài chồng lên nhau: độc tài chính trị, độc tài kinh tế, độc tài tư tưởng. Vậy những ai có thói quen cho rằng chế độ Cộng Sản cũng chỉ là một chế độ độc tài như các chế độ độc tài khác, thì sự đánh giá này có thể chưa chính xác. Thực ra chuyên chính vô sản mang bản chất của chế độ độc tài cực quyền (totalitarian regime) mới đủ nói lên tính cách độc đoán đã lên đến cường độ cao nhất.

Viết xong ngày 26-9-1989 tại trại tỵ nạn Kominato ở Nhật.

**TRẦN DANH SAN**
*(nguyên Luật sư Tòa Thượng Thẩm Huế -- Nguyên Chủ Tịch Ủy Ban Nhân Quyền Việt Nam)*

Nói chuyện với Arkady Vaxberg, phó chủ tịch Trung Tâm Văn Bút Nga

# GHI VỘI VỀ MỘT CUỘC TRỰC DIỆN VỚI CỘNG SẢN

TRẦN THANH HIỆP

Tháng Sáu, năm 1989, René Tavernier nói với tôi, khi tôi phỏng vấn ổng, rằng tại Hội Nghị Văn Bút Quốc Tế lần thứ 54, họp ở Gia Nã Đại, ông sẽ hỏi đại biểu Trung Tâm Văn Bút Nga về sự tiếp tay của thành viên mới này của VBQT để vận động nhà cầm quyền Việt Cộng trả tự do cho các văn nghệ sĩ hiện vẫn còn bị giam giữ.

Tháng Bảy 1989, René Tavernier lại gửi cho tôi mấy chữ thân mật nhắc tôi sẵn sàng một dự án quyết nghị để đưa ra trước Đại Hội Đồng Đại Biểu của Hội Nghị ấy. Làm sao có thể nói cho người bạn Pháp quí mến này hiểu thấu được những khó khăn của vấn đề, tuy rằng vấn đề ấy thật quá giản dị: tự do và sinh mạng của những người bị giam cầm phải để trên hết! Soạn thảo một dự án quyết nghị không phải là điều khó, nhưng lấy quyết định đưa nó ra đệ trình vào thời điểm Hội nghị VBQT lần thứ 54 quả thật không phải là điều dễ.

Nhưng rồi vài ngày trước hôm Hội Nghị đó khai mạc, một dự án cũng đã được chuyển tới tay Tổng Thư Ký Alexandre Blokh với sự vận động ở hành lang để nó được ưu tiên thảo luận, nghĩa là vào lúc Đại Hội Đồng Đại Biểu hãy còn có thì giờ để bàn cãi.

Và nó đã được cứu xét sau khi Đại Hội Đồng Đại Biểu thông qua phúc trình của Ủy Ban Văn Nghệ Sĩ Cầm Tù và sau lời tường trình lý do của chủ tịch Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại. Tất cả các Trung tâm thành viên của VBQT hiện diện, trong đó hơn 1/5 thuộc các nước cộng sản kể cả Liên Xô, đều bỏ phiếu đòi nhà cầm quyền Việt Cộng phải trả tự do cho các văn nghệ sĩ còn bị giam giữ, phải để cho họ ra khỏi nước nếu họ muốn.

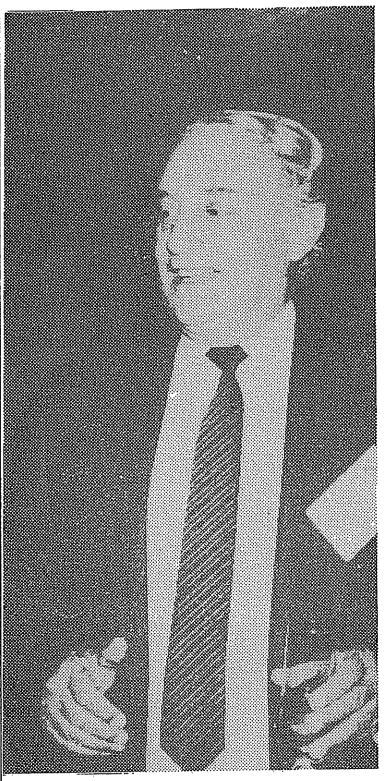

Phó Chủ tịch Trung tâm Văn bút Nga Arkady Vaxberg

Nhà văn kiêm nhà báo, nhà phê bình, nhà đạo diễn điện ảnh Arkady Vaxberg, phó chủ tịch Trung tâm Văn bút Nga, một cựu luật sư thôi hành nghề từ 20 năm nay, đã dứt khoát dơ tay ngay từ đầu, ủng hộ quyết nghị của Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại.

Một cử chỉ đàng hoàng như vậy cần được trả lễ, nhất là từ phía những người chống cộng. Nhưng trả lễ như thế nào cho vẹn toàn mọi đường? Chính thức hay không chính thức? Tốt nhất có lẽ là vừa chính thức lại vừa không chính thức. Như vậy, tất không thể tránh "trực diện."

Vẫn biết rằng lúc này, cố thủ trong những "pháo đài" tâm lý tiêu biểu, tuyên xưng, tránh "trực diện" là một thái độ "khôn ngoan." Khốn nỗi nay địch đã bắt đầu trở lại chiến trường, tránh "trực diện" là bỏ ngỏ chiến trường để nhường đất cho địch.

Phải chọn một cơ hội tốt để "trực diện" với Arkady Vaxberg. Và cơ hội đó đã tới.

Tôi tìm gặp Arkady Vaxberg nhân dịp Trung Tâm Văn Bút Gia Nã Đại, vùng nói tiếng Pháp, mở cuộc tiếp tân tại khách sạn Hilton International

ở Montréal đón chào Hội Nghị VBQT. Người đại biểu văn bút Nga này đang nói chuyện với một đại biểu của một trung tâm văn bút những nhà văn lưu vong Đông Âu.

Chúng tôi cúi đầu chào nhau, theo kiểu phương Đông. Rồi bắt tay nhau, theo kiểu phương Tây. Rất tự nhiên và thành thật.

"Tôi cảm ơn anh đã ủng hộ quyết nghị về văn nghệ sĩ Việt Nam bị cầm tù mà tôi đệ trình Đại Hội Đồng Đại Biểu tôi nói với Arkady Vaxberg bằng tiếng Pháp vì thấy anh phát biểu ý kiến trước Đại Hội Đồng bằng tiếng Pháp.

"Lẽ tự nhiên tôi phải ủng hộ," Arkady Vaxberg tươi cười trả lời tôi.

"Anh vừa nhận lời cám ơn của một đồng nghiệp đó. Tôi cũng là cựu luật sư. Tôi thôi hành nghề vì hiện nay ở nước tôi luật sư đoàn đã bị giải tán."

"Thật vậy hả?" Arkady Vaxberg nhìn tôi, vẫn với nụ cười rất tươi. Rồi chúng tôi chuyển sang chuyện "nắng, mưa." Được một lúc, tôi cáo từ và hỏi Arkady Vaxberg:

"Tôi muốn còn gặp lại anh để phỏng vấn anh về một vài vấn đề. Được không?"

"Sẵn sàng," Arkady Vaxberg trả lời ngay tức khắc, "lúc nào anh muốn, anh cho tôi biết." Và chúng tôi chia tay nhau, mỗi người đi một ngả. Arkady Vaxberg lại cúi đầu chào tôi.

*
* *

Ngày thứ Sáu 29 tháng Chín là ngày quyết định đối với tôi. Buổi sáng, phải khai mạc Đại Hội VBVNHN, buổi chiều phải mời cho kỳ được mấy người khách danh dự cho buổi tiếp tân. Một trục trặc nhỏ cũng đủ làm hư bột hư đường. Buổi sáng, chủ tịch của Văn Bút Gia Nã Đại, Jean Ethier Blais, hứa chắc với tôi sẽ đến chào mừng Đại Hội. Ông đã đến. Bài nói của tôi phút chót phải thu ngắn lại, Trưởng Ban Tổ Chức chỉ cho tôi có 15 phút, kể cả đoạn ứng khẩu bằng tiếng Pháp cảm ơn quan khách ngoại quốc và giới thiệu Đại Hội. Sự việc diễn tiến tốt đẹp. Nhưng buổi chiều thì thật gay go. Làm sao mời nhưng thật sự là "dẫn giải" được chủ tịch, Tổng thư ký Văn Bút Quốc Tế, những khuôn mặt không thể vắng thiếu trong tiệc rượu bế mạc Hội Nghị VBQT cùng ngày cùng giờ với buổi tiếp tân của VBVNHN? René Tavernier, một tháng trước khi Hội Nghị Toronto/Montréal khai mạc đã ba lần vào bệnh viện để mổ ruột, mổ mắt... Rồi lại còn cả một tuần chủ tọa Hội Nghị ở hai nơi Toronto và Montréal. Di chuyển đối với ông là cả một vấn đề. Nhưng ông đã nói "đến," là ông phải đến. Ông đã chấm dứt sớm đôi chút cuộc họp báo của Hội Nghị VBQT để chuẩn bị đi dự tiếp tân của "Trần." Cùng đi với ông, còn phải có Solange Fasquelle trong Ban Chấp Hành của trung tâm văn bút Pháp để trông nom săn sóc ông. Alex, tên gọi thân mật của Alexandre Blokh, Tổng thư ký VBQT, phải thay mặt "Chủ tịch" trong tiệc rượu tại khách sạn Méridien khoản đãi giới văn học, nghệ thuật Gia Nã Đại. Georges Emmanuel Clancier, cựu chủ tịch văn bút Pháp kiêm phó chủ tịch VBQT, người đã ủng hộ đơn của VBVNHN năm 1979 xin gia nhập VBQT cũng nhận lời đi cùng René Tavernier tới thăm các nhà văn Việt Nam. Ban Tổ Chức hứa dành cho tôi một chiếc xe "trực," ngay ở khách sạn Hilton International cho thêm vẻ trang trọng. Nhưng phút chót, không có xe "nhà." Tôi đề nghị đi bằng Taxi. Mọi người vui vẻ nhận lời. Tiếp tân "nhà nghèo" mà! Khi tới hội quán YWCA, nơi tiếp tân, René Tavernier vừa đẩy cửa vừa cười quay sang nói với G.E. Clancier "đây là khách sạn của Trần đây!" Cả ba chúng tôi cùng cười, vào hội trường sớm hơn giờ khai mạc 15 phút. Nhưng là 15 phút vàng ngọc vì René Tavernier không thể nấn ná lâu hơn nữa. Ông phải hiện diện trong tiệc rượu ở Méridien, ít ra là nửa giờ trước khi tan và bắt đầu chương trình nhạc hòa tấu, mời nhập tiệc tiến hành. Tôi mời các "thượng khách" thưởng thức hương vị các món ăn Việt Nam. René hỏi nhỏ với tôi: "Thứ tôi cần lúc này là một cái ghế!" Người bạn già an tọa xong, tôi đi hối thúc mở máy vi âm và mời mọi người tề tựu. Rồi giới thiệu René Tavernier, chủ tịch Văn Bút Quốc Tế, người bạn của Việt Nam. Tavernier tiến đến máy vi âm giữa một tràng pháo tay ròn rã. Ông nói rất ngắn. Về Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại. Về người chủ tịch của nó. Về những người cầm bút còn bị đọa đày ở Việt Nam. Tiếp theo là G.E. Clancier, với kỷ niệm cũ mười năm đầy ý nghĩa của một lời ủng hộ...

Solange bảo tôi "Thôi, vậy là được rồi, ta đi thôi."

Đúng vậy, đối với tôi, thế là xong chuyện Đại Hội, xong chuyện Văn Bút, cả quốc tế lẫn Việt Nam. Ngày mai nếu còn phải trở lại YWCA một vài phút, cũng chỉ là để ghi nhận kết quả mà thôi.

Tôi đưa ba người khách quý tới khách sạn Méridien, trả René Tavernier về cho Văn Bút Quốc Tế, đúng lúc mọi người đang mong đợi ông...

Đã lâu lắm, tôi mới có được cái cảm tưởng kỳ diệu của một người vừa làm xong việc. Tôi muốn xa lánh đám đông để được thư thái trong lòng. Nhưng tôi chợt nhớ còn một việc chưa làm: gặp Akady Vaxberg mà tôi có ý tìm suốt một buổi chiều không thấy.

Chỉ còn cách đợi anh trong bữa tiệc tiến hành với gần một ngàn thực khách. Tôi ngồi vào bàn với những người bạn quốc tế, kẻ ở châu Phi, kẻ ở Nam Mỹ, kẻ ở châu Âu, thường gặp nhau mỗi năm một lần. Tình cờ, Arkady Vaxbergh tới ngồi

bàn bên cạnh. Tôi vơ vội hai bảng thực đơn, viết vào mặt sau 5 câu hỏi rồi đến chỗ Arkady Vaxberg ngồi. "Đây là mấy câu hỏi tôi định hỏi anh. Anh đọc trước, câu nào không ưng ý trả lời thì bỏ. Bỏ tất cả cũng được." Arkady Vaxberg cầm hai bảng thực đơn, liếc qua rồi nói "Để tôi đọc đã, sau bữa tiệc sẽ tính..."

Tiệc tan, chúng tôi cùng rời phòng ăn, kiếm một chỗ ngồi tĩnh lặng. Nơi phòng khách. Tôi nhập đề ngay "Bây giờ đã hết hội nghị rồi. Anh sắp nói chuyện với một ký giả. Đây là máy ảnh để chụp hình anh. Đây là máy thâu thanh để ghi lại những gì anh nói. Những điều anh phát biểu sẽ được dịch ra tiếng Việt và đăng trên báo tiếng Việt ấn hành tại Mỹ. Anh có thấy điều gì trở ngại không?"

"Không có gì trở ngại cả," Arkady Vaxberg trả lời tôi, "anh hoàn toàn tự do muốn đăng đâu cũng được." Anh trả lại tôi các câu hỏi để tôi hỏi và để anh trả lời.

"Anh có nghi ngại tôi cắt xén, thay đổi lời anh nói không?" -"Không một mảy may nghi ngại nào cả. Anh muốn đăng gì cũng được, không thành vấn đề," Arkady vừa trả lời vừa vỗ vai tôi...

Giữa lúc đó có mấy người Bảo Gia Lợi đến tìm anh để hỏi chuyện. Tôi lấy máy ảnh, chụp Arkady Vaxberg. Anh nói chuyện bằng tiếng Nga và khi nghe anh nhắc tới "Việt Nam," tôi đoán rằng anh cho các người đối thoại của anh biết anh đang trả lời cuộc phỏng vấn của một ký giả Việt Nam.

**T.T.H. Arkady Vaxberg, tại các phiên họp của Đại Hội Đồng Đại Biểu, anh đã khiến cho mọi người ngạc nhiên:anh đòi mở rộng cho cả Liên Xô các yêu sách của các nước vùng Ban tích, anh tán thành việc thành lập trung tâm văn bút Ukraine, anh ủng hộ quyết nghị của Văn Bút Việt Nam hải ngoại đòi nhà cầm quyền Việt Cộng trả tự do cho những người cầm bút còn đang bị giam giữ. Ở ngoài đời, anh là ai?**

**A.V.**Tôi viết văn, làm báo, viết kịch, viết truyện phim, phê bình văn học... Tôi rời bỏ luật sư đoàn để cầm bút. Tôi đã xuất bản 37 tác phẩm, truyện dài, truyện ngắn, sách phê bình, bốn vở kịch, bảy truyện phim, v.v... Tôi là phó chủ tịch trung tâm văn bút Nga vừa được thành lập năm nay.

**T.T.T. Phải chăng những điều anh vừa làm chỉ là những bước lùi "chiến thuật?"**

A.V. Không. Không phải chỉ là những bước lùi chiến thuật đâu. Nhiều người không biết rằng ở Liên Xô không phải chỉ có một lập trường độc nhất cho tất cả mọi vấn đề. Nhất là trong giới nhà văn. Chúng tôi có đủ mọi xu hướng. Điều tôi muốn nói với anh, với tất cả lòng thành thật, là những gì thế giới bên ngoài nghe nói về perestroika chính là những thay đổi sâu rộng của cả xã hội Liên Xô chứ không phải những thay đổi ngoài mặt. Dĩ nhiên là vẫn còn nhiều thế lực bảo thủ. Nhưng không nên vì vậy mà quả quyết rằng không hề có thay đổi. Làm sao có thể thay đổi trong chốc lát đời sống của cả một nước 300 triệu dân đã từng sống hơn 70 năm dưới chế độ độc tài cực quyền (totalitaire) để trở thành dân chủ ngay tức khắc! Không thể có điều đó được, nhất là những thế lực bảo thủ vẫn còn đang công khai nói lên ý định bảo thủ của họ.

Trung tâm văn bút Nga qui tụ rất nhiều nhà văn lớn của nước Nga hiện nay. Chúng tôi rất độc lập. Chúng tôi muốn thực hiện *perestroika,* tiến tới thực sự có tự do tư tưởng, tự do nhân quyền, v.v... Lập trường của tôi trước Đại Hội Đồng không phải chỉ là lập trường cá nhân tôi mà là lập trường chung của trung tâm văn bút Nga. Mỗi khi tôi phải lấy quyết định để tán thành hay bác bỏ một điều gì, tôi đều qui chiếu vào lập trường chung của tập thể chúng tôi và phản ảnh trung thực lập trường chung đó.

**T.T.H. Hiện giờ việc dân chủ hóa chế độ Cộng sản ở Nga đã tiến hành đến đâu rồi?**

A.V. Theo tôi quá trình dân chủ hóa đang tiếp diễn và không có gì có thể đảo ngược được mặc dầu có chống đối của các thế lực bảo thủ. Điều đó không có nghĩa là sẽ trở lại chế độ cũ. Mới đây quyết định của Ủy Ban Trung Ương bãi bỏ chức vụ của nhiều đảng viên bảo thủ đã làm cho thế lực tiến bộ trở thành đa số. Bởi vậy, tôi rất lạc quan và tin rằng chúng tôi sẽ được chứng kiến nhiều quyết định khác của chính phủ, của quốc hội đẩy mạnh nữa việc dân chủ hóa.

**T.T.H. Anh nghĩ gì về những thay đổi mới đây tại Ba Lan? Liệu có những thay đổi như vậy ở Liên Xô không?**

A.V. Tôi hoàn toàn ủng hộ những thay đổi ở Ba Lan vì đó là những thay đổi có tính cách lịch sử, theo chiều hướng dân chủ và thể theo nguyện vọng của nhân dân Ba Lan. Tôi rất hoan nghênh những thay đổi ấy của nước Ba Lan.

Nhưng dựa vào đó để nêu lên câu hỏi "liệu nước Nga có thay đổi như vậy hay không" thì cần phải thận trọng nếu muốn trả lời. Tình hình hai nước hoàn toàn khác nhau về mọi mặt, chính trị, văn hóa, xã hội, tâm lý, kinh nghiệm chính trị v.v... Theo tôi sẽ chỉ có những thay đổi theo cùng một chiều hướng với Ba Lan, chứ không có sự sao chép tình hình Ba Lan vì nước Nga có những đặc thù mà nước Ba Lan không có. Cùng chiều hướng nghĩa là sẽ có thi đua giữa nhiều chính đảng. Có

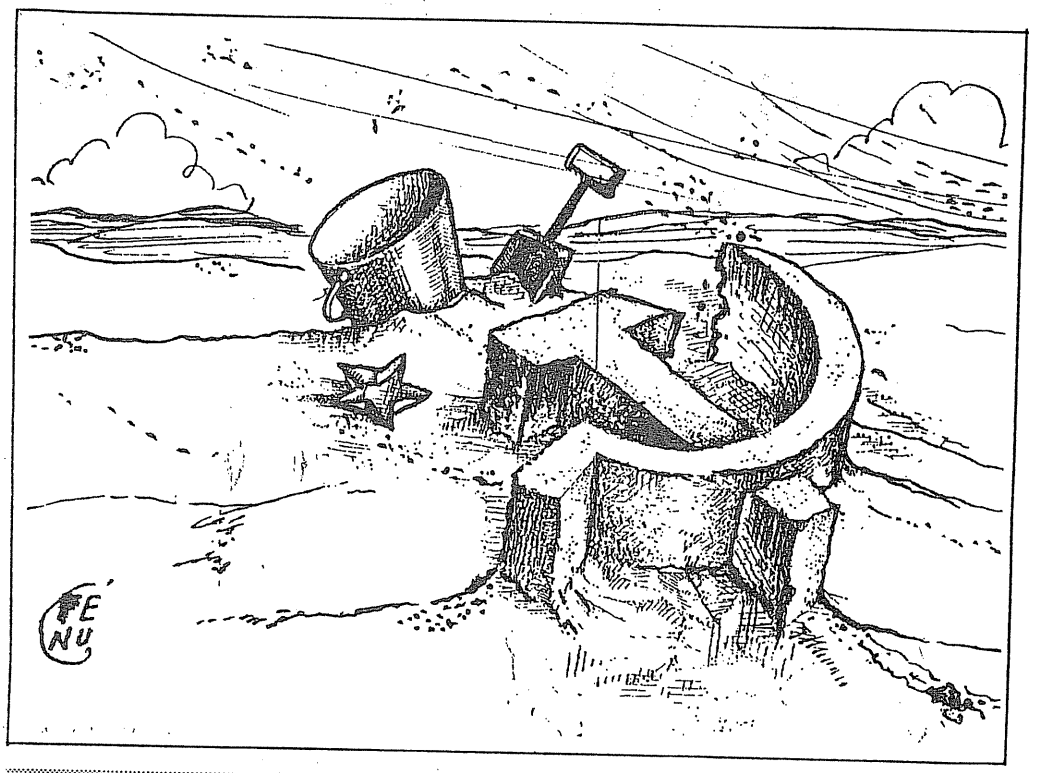

thể là không nhất thiết toàn là những chính đảng mà còn có nhiều tổ chức quần chúng, mặt trận, liên minh, liên đoàn v.v.. để cho các xu hướng được thực sự và liên tục biểu lộ qua cơ cấu chớ không phải qua khẩu hiệu. Như vậy xã hội sẽ trở nên một tấm gương trung thực của các xu hướng.

**T.T.H. Trong tương lai, Đảng Cộng Sản Liên Xô sẽ ra sao?**

A.V. Tôi nghĩ rằng đảng ấy sẽ vẫn tiếp tục phấn đấu để giữ quyền hành. Nó phải chứng tỏ vẫn có đủ sức mạnh để thực hiện các dự án đã đưa ra. Nhưng đưa ra là một chuyện, thực hiện lại là một chuyện khác. Liệu nó có thực hiện được không? Chúng ta hãy chờ xem.

**T.T.H. Anh là một luật gia, một cựu luật sư. Anh nghĩ gì về các nhà văn, nhà thơ, nhà báo Việt Nam đang bị đàn áp, giam cầm tại Việt Nam?**

A.V. Như anh đã biết, việc đòi tự do cho họ là cả một vấn đề. Nhưng phải tranh đấu để cho họ được tự do. Với tư cách một người đại diện văn bút Nga, một thành viên của Ủy Ban Văn Nghệ Sĩ Bị Cầm Tù tôi sẽ vận động để có đủ mọi yếu tố rõ ràng, khách quan do chính quyền sở quan cung cấp. Tôi còn muốn đích thân đi Việt Nam để nghiên cứu tại chỗ vấn đề này. Và tôi đã đi được một vài bước đầu. Nhưng chẳng có gì bảo đảm là tôi sẽ đi tới đích. Dù sao phải phấn đấu. Để đi tới nơi, để quan sát tại chỗ. Để gặp những người bị giam giữ nếu có thể được. Để nắm vững tình hình và đưa ra trước công luận nếu có những sự bất công. Phải phấn đấu...

**T.T.H. Anh sẽ cho tôi biết kết quả chứ?**

A.V. Dĩ nhiên. Tôi sẽ cho anh biết.

**T.T.H. Anh có địa chỉ của tôi rồi đó. A mà tên anh, theo kiểu Nga, đọc như thế nào?**

A.V. Arkady Vaxberg. (A.V. nhấn mạnh ở chữ x). Đây danh thiếp của tôi đây.

**T.T.H. Arkady Vaxberg, cám ơn anh đã trả lời tôi.**

A.V. Tôi phải cám ơn anh vì anh đã phỏng vấn tôi.

Đêm đã khuya. Tôi từ biệt người Nga đầu tiên mà tôi đã gặp trong đời, sau khi đã nói với anh những lời mà René Tavernier định nói hộ, mà nhiều người ngoại quốc khác đến nay đã nói hộ. Nói cho những người "Việt Nam" còn đang cầm quyền trong nước nghe. Một ngày nào đó, tôi muốn trực tiếp nói thẳng với họ và họ phải nghe. "Hãy trả tự do cho tất cả anh chị em tôi, cho tất cả đồng bào tôi."

Tháng Mười, 89
**TRẦN THANH HIỆP**

# NHỮNG NGƯỜI VƯỢT BIÊN GIỚI

ROLF SCHNEIDER
PHẠM VIỆT CƯỜNG dịch

**LND** -- *Bá Linh với 3,350,000 dân cư là một thành phố giàu có đầy dẫy các nhà máy. Nó cũng là một thành phố khoáng đãng với biết bao nông trại, công viên, rừng cây và ao hồ. Vào năm 1945, Bá Linh trở thành "một vùng nông trại đặc biệt" đặt dưới sự kiểm soát của Tứ Cường. Khu vực phía Tây với 2,250,000 dân trên 188 dặm vuông. Nhưng đó vẫn còn là một thành phố với hơn 500,000 người qua lại đường ranh giới mỗi ngày.*

*Vào ngày Chủ Nhật 13 tháng Tám 1961, Herr Walter Ulbricht đã chấm dứt tình trạng đặc biệt đó. Ông cho dựng lên Bức Tường Ô Nhục nổi tiếng, một dấu hiệu hoảng sợ và suy sụp của Cộng Sản Đông Âu.*

*Truyện ngắn sau đây kể chuyện một cô bé mười ba tuổi trong ngày lịch sử đó.*

*Cô bé sống trong sự đùm bọc của cha mẹ ở Đông Bá Linh. Nhưng cô có người anh đã tự lập, làm việc ở Tây Bá Linh. Lúc đó, Đông và Tây Bá Linh vẫn chưa có bức tường. Cô bé đi thăm anh, được anh săn sóc và chuẩn bị cho cô ở lại.*

Bức tường *dựng lên vào đúng lúc đó. Cô bé trở về phía Đông. Không hề là một chọn lựa. Như định mệnh dẫn dắt. Cô bé 13 tuổi, mũi to, và cận thị... "Cái miệng đen ngòm của lối vào ở trạm Friedrichsstrasse nuốt chửng chiếc xe lửa." Trong xe lửa có cô bé. Người ta "nhìn cô chăm chú, ngạc nhiên hoặc mỉm cười." Cô bé 13 tuổi, cận thị, trở về nhà như thế đó.*

*Giờ đây, trong những ngày sôi động của nửa đầu tháng Mười Một năm 1989, trong đám đông những người dân Đông Đức đổ xô đến biên giới, khi* bức tường *sụp đổ, liệu có cả "cô bé" (năm nay 41 tuổi, vì* bức tường *đã* sống *được 28 năm!) hối hả đi về phía Tây, tìm gặp lại anh mình?*

*
* *

*Rolf Schneider sinh năm 1932 tại Chemnitz. Học Đức ngữ, Anh ngữ và Văn chương tại đại học Halle từ năm 1951 đến 1955. Ông là biên tập viên cho tạp chí* Aufban *ở Bá Linh từ 1955 đến 1958. Từ 1958 trở đi ông là một nhà văn độc lập ở Đông Bá Linh. Tác phẩm ông gồm nhiều tiểu thuyết, truyện ngắn, thơ, kịch...*

*Truyện ngắn* "Những Người Vượt Biên Giới" *sau đây dựa trên bản dịch Anh ngữ "Border Crossers," trong tập* "Voices East and West German Short Stories since 1945," *do Roger E. Norton dịch và giới thiệu, nhà xuất bản Frederick Ungar Publishing Co., New York, ấn hành năm 1984.*

Người anh cả của Hanna làm việc ở Tây Bá Linh từ mùa xuân 1961. Anh có hợp đồng học nghề thợ máy ở nhà máy Borsig. Lúc bấy giờ Hanna được mười ba tuổi. Tấm gương lớn trong nhà cho cô thấy hình ảnh mình: cô gầy nhom và có chiếc mũi quá lớn. Cô nhăn mặt với mình trong gương. Ngay đến những bộ quần áo ở tiệm Karstadt (1) cũng không giúp cho cái hình ảnh phản chiếu trong gương trông khá hơn lên được mấy.

Werner, anh cô, người mà cô rất yêu mến, luôn vắng mặt trong những ngày này. Nhiều đêm anh còn không trở về nhà hẳn; anh nói anh ngủ lại nhà bạn ở Wedding (2).

Trong những tờ báo mà họ đọc (trừ tờ *Groschenzeitung* ở Tây Bá Linh, mà cha cô mang về nhà mỗi chiều), có nhiều bài đã bắt đầu lộ vẻ chống lại những người vượt biên giới. Hanna khám phá ra chuyện này trong lớp học. Những người vượt qua biên giới là những người làm việc ở Tây Bá Linh nhưng sống ở Đông Bá Linh. Đài phát thanh ở Oberschoneweide truyền đi những bài xã luận phản đối những người vượt qua biên giới. Thoạt tiên, cha của Hanna chỉ cười khi nghe những điều này; ông cười, tiến đến máy thu thanh và chuyển sang một đài khác có nhạc.

Hanna đã từng đi vài chuyến đến nhà máy ở Borsig. Vào lúc xế chiều, cô thường đứng ở chiếc cổng lớn nơi lối ra. Không khí tràn ngập tiếng động máy móc và xe cộ. Đầy mùi bồ hóng, bụi bậm, khói xe và mùi mồ hôi người. Hanna chờ mãi cho đến khi, giữa đám đông thợ thuyền, một nhóm nhỏ những thợ học nghề xuất hiện, trong đó có cả Werner.

Trong những tuần lễ này, cha cô thường trở nên gắt gỏng. Việc công kích những người vượt qua biên giới vẫn chưa lắng dịu. Với những nguyên cớ thật ngớ ngẩn, cha cô thường bất chợt giận dữ và to tiếng, khiến cho em bé phải thức giấc khóc. Càng lúc ông càng uống nhiều bia hơn vào buổi chiều.

Vào một buổi sáng Chủ Nhật, ông có chuyện cãi cọ với Werner. Cái nguyên nhân bề ngoài là vì Werner đã đi chơi thuyền suốt ba đêm với bạn ở Wedding mà cha cô nghi rằng không phải anh đi với bạn trai. Dạo ấy, Werner cũng đã vắng nhà nhiều đêm rồi nhưng chuyện ấy chưa bao giờ gây ra cuộc tranh luận nào cả. Hanna co rúm người ngoài vườn. Cô ngồi với cô em nhỏ cùng cha khác mẹ. Đứa bé đang bốc cát ướt bỏ vào cái thùng nhựa, vấy bẩn đầy mặt, trên miếng đất bỏ bê đầy cỏ dại ngoài vườn. Hanna nghe thấy tiếng của Werner và cha cô vọng ra từ khung cửa sổ mở. Cô nghe Werner cười và hỏi thế thì tại sao họ không đi khỏi nơi lộn xộn này và chỉ việc qua phía bên kia là xong. Tiếng nói càng lúc càng lớn. Họ không còn lắng nghe nhau nữa. Đó là một cuộc tranh cãi ngớ ngẩn. Nó chấm dứt với một tiếng tát mạnh vào mặt. Nửa tiếng đồng hồ sau, Werner ra khỏi nhà, ôm trên tay hai chiếc túi du lịch màu nhạt. Hanna đi theo anh ra trạm xe điện. Lối đi vẫn khô ráo và đầy cát như mọi khi. Những mẩu thuốc lá nằm rải rác quanh đường rầy. Họ chờ. Xe điện chạy đến và dừng lại. Khi Werner bước lên bậc thang xe, Hanna nói với anh ta rằng cô muốn tiếp tục đi thăm anh. Cô chắc chắn như vậy. Cô nhìn xe điện chạy đi nhưng không vẫy tay.

Mùa hè rất ấm áp dù có nhiều mưa. Có nhiều buổi chiều, Hanna đi xe đạp đến Rahmsdorf, rồi băng qua rừng cây đến Friedrichshagen. Cô đi tận mãi đến Muggelsee. Một hồ bơi công cộng lớn đang được xây cất ở đó. Ngay bên cạnh công trình đó, giữa đám lau sậy và bờ hồ, là một khu vực cho phép người ta được tắm tự do. Nước ở ven bờ hồ đầy bùn. Mấy con thiên nga đang bơi trên mặt nước, làm rơi rớt phân phía sau. Với vài động tác mạnh mẽ, cô bơi qua khỏi phần nước bùn. Nước ấm. Giữa hồ có một vài chiếc buồm, xa xa bên trên chúng là những ngọn đồi vùng Muggel. Nước không có mùi như nước sông Havel. Vài đám rong xanh bập bềnh dưới mặt nước.

Một buổi chiều, cô nghe tiếng cha mẹ cô đang trò chuyện ở phòng bên cạnh. Mẹ cô đề cập đến tên của Werner. Bà khóc khi nhắc đến tên anh. Nhưng nó vẫn làm việc tốt kia mà, cha cô nói, hơn nữa đó lại là quyết định của chính nó. Kế đó họ nói đến việc họ nên làm gì bây giờ. Chỉ khi nào rơi vào những hoàn cảnh tệ hại nhất, họ mới chịu rời bỏ ngôi nhà họ đã sống. Nó thuộc về họ. Mẹ Hanna đã thừa hưởng nó từ cha mẹ bà.

Một buổi chiều khác, có hai người đàn ông rung chuông ngoài cổng. Hanna để cho họ vào. Họ nói họ muốn nói chuyện với cha của Hanna. Một người mang huy hiệu đảng Đoàn Kết bằng kim khí hình bầu dục trên ve áo. Hanna đưa họ vào nhà. Cha Hanna mặc sơ mi trần, đang ngồi nơi bàn nhà bếp với một chai bia trước mặt; trên đùi ông là con mèo tam thể mà mọi người gọi đơn giản là "Mulle." Người ta ra lệnh cho Hanna đi ngủ. Nằm trong phòng cô có thể nghe thấy tiếng nói của ba người đàn ông và hơi thở nhẹ nhàng của em bé trong chiếc nôi phủ bằng vải mỏng ngay bên cạnh. Có lẽ họ lại nói về những người vượt qua biên giới.

Nhìn chung đó là một mùa hè thật xáo động. Tại các trạm xe lửa ở biên giới Tây Bá Linh, tờ *Neukolln* hoặc tờ *Gesundbrunnen*, những tờ nhật báo đầy màu sắc được bày bán. Số lượng báo đã tăng lên vài ngàn tờ và in khổ lớn, cho thấy rằng báo đã được phổ biến rộng rãi hơn đến các nơi khác.

Hanna đọc báo dọc đường khi đi mua cà phê, chuối, sữa bột bằng đồng mác Tây Đức chưa đổi, lương của cha cô.

Một chiếc ô tô mui kín màu xanh xậm dừng trước nhà cô. Hai người cảnh sát bước ra, người thứ ba ngồi lại nơi tay lái. Lần này thì chính mẹ Hanna bước ra cổng khi tiếng chuông rung, nhưng Hanna đi bên cạnh và theo dõi mọi chuyện. Viên cảnh sát đưa bà một mảnh giấy. Mẹ Hanna sợ hãi. Với cử chỉ bối rối bà đưa hai người vào nhà. Cha Hanna đang ở trong buồng tắm; ông hát ầm ĩ và sai giọng bài hát duy nhất mà Hanna thường nghe ông hát, bài hát về hoa đỗ quyên, loài hoa mọc dại ngoài đồng. Những người cảnh sát ngồi xuống nơi chiếc bàn nhà bếp. Một người nghịch với điếu thuốc lá nhưng không đốt. Cha Hanna bước vào nhà bếp, tóc ướt đẫm, choàng khăn tắm. Người cảnh sát nghịch thuốc lá đứng dậy và trao ông một mảnh giấy. Hanna, đang nhìn mọi chuyện, chờ đợi cơn giận của cha cô bùng nổ, giống như cơn giận đã khiến Werner bỏ nhà đi. Nhưng cha cô chỉ chăm chú nhìn mảnh giấy. Nước nhỏ giọt từ tóc ông, rơi xuống mảnh giấy nhưng cha cô cũng không buồn gạt đi. Ông hỏi mấy người cảnh sát vì lý do gì. Cảnh sát trả lời tỉ mỉ, họ thay nhau giải thích cho ông; những chữ quan trọng nhất lập đi lập lại nhiều lần là "vi phạm về tiền tệ lưu hành." Cha Hanna không la lối gì cả. Ông chỉ gật gù. Ông nói ông muốn thay quần áo đã. Viên cảnh sát đã trao ông mảnh giấy ngồi lại xuống ghế.

Sau khi cha Hanna rời khỏi nhà bếp, ông lại lấy thuốc lá ra nghịch ngợm mãi cho đến khi nó vỡ nát ra, và những vụn thuốc vương vãi trên tấm khăn trải bàn. Cha Hanna trở lại, khoác áo ấm bên ngoài sơ mi. Hai người cảnh sát đứng dậy đi ra cùng ông đến chiếc xe chờ bên ngoài. Điếu thuốc lá vỡ nát vẫn còn đó, trên chiếc khăn bàn vải hoa.

Ngày hôm sau, cha Hanna trở về. Ông đã bị giữ lại ở khu quận đường thuộc Đông Bá Linh. Tuyến đường trở về rất phức tạp vì xe phải đổi chuyến nhiều lần -- cũng tệ hại như tuyến đường đi Siemensstadt. Cha Hanna đã uống rượu trên đường về. Ông chỉ nói một cách khinh miệt là ông đang bị điều tra; ông tả lại cuộc thẩm vấn và nói rằng họ báo cho ông biết là sẽ có một cuộc thẩm vấn tiếp theo nữa. Ông lấy một chai bia trong tủ lạnh ra và mở nắp. Sáng hôm sau ông cau có đáp xe đi làm tận Siemensstadt, cách hai tiếng rưỡi giờ xe chạy.

Werner không trở về sau trận cãi vã và cũng không có lấy một dòng chữ nào. Mẹ anh kín đáo nướng một chiếc bánh ngọt lớn và gói lại bằng giấy sáp. Vào buổi chiều thứ Bảy, ngày mười hai tháng Tám, Hanna cầm gói bánh, đáp xe đi Wedding. Bạn của Werner, cũng là một người học nghề tại Borsig như anh mà Hanna đã gặp vài lần và biết địa chỉ của anh, nói rằng Werner bây giờ đang ở Charlottenburg. Người bạn cho tên đường và tên người trông nom chỗ Werner ở. Hanna lại đến trạm xe lửa thành phố lần nữa. Cô đáp xe đi đến quãng trường Savigny, sau khi đổi xe ở Westkreuz. Cô bước xuống xe, hỏi thăm cảnh sát và tìm ra chỗ cô muốn đến. Đó là một dãy nhà không dài lắm, đối diện với một công viên, xa hơn nữa là những tòa nhà cao. Hanna tìm thấy số nhà. Cô đứng nhìn mặt tiền nhà theo kiểu xưa làm bằng sa thạch; mọi thứ đều dơ bẩn, nhiều chỗ hồ vữa loang lổ trên tường. Hanna bước vào tòa nhà. Lối đi lát gạch có hình những chiếc lá xanh. Cạnh cầu thang là chiếc lồng sắt đen lớn dành cho thang máy. Hanna nhấn đủ thứ nút bấm bên cạnh nhưng chiếc thang máy vẫn bất động. Cô bước lên cầu thang. Lồng cầu thang ngát mùi mỡ nóng và mùi cà phê. Trên một chiếc bảng nhỏ bằng đồng đã xỉn, cô tìm thấy cái tên mà người bạn của Werner đã ghi cho cô. Kế bảng đồng là một tay cầm bằng sắt thay vì nút bấm chuông. Hanna nhấc nó lên. Chó lập tức sủa vang sau cánh cửa, và một lát sau một người đàn bà tóc hoa râm mở cửa. Cầm một điếu thuốc trên tay. Con chó cọ mình vào chân bà ta. Đó là một con chó lông dài, đốm nâu và trắng, ngoe nguẩy, bồn chồn, kêu lên những tiếng ăng ẳng ngắn gần như là tiếng rít. Hanna nói tên của anh cô. Người đàn bà giữ con chó lại bằng chiếc vòng buộc cổ và để cho Hanna vào.

Hành lang tối thui. Người đàn bà tóc hoa râm chỉ một cách cửa ở góc nhà. Hanna mở cửa, cô nhìn thấy một căn phòng hẹp, trần cao với một chiếc giường trong đó. Werner đang nằm trên giường; anh vụt choàng dậy khi nhìn thấy Hanna. Đang ở trần, anh khoác vội lên người chiếc sơ mi màu nhạt. Hanna mở gói giấy, lấy ra chiếc bánh mẹ cô nướng. Werner chỉ liếc sơ qua chiếc bánh. Anh nói con chó của bà chủ nhà thích bánh ngọt lắm.

Anh đi với Hanna đến nhà ga thành phố và đáp xe đến trạm ở vườn Bách Thú. Anh ngồi với cô trong một nhà hàng rẻ tiền, bàn xếp thành dãy dọc lối đi trước một khung cửa sổ rất lớn nhìn ra người xe qua lại trên đường Joachimtaler. Anh mời cô ăn cơm. Lúc ấy, anh mới cho cô biết là anh không còn là thợ học nghề nữa, anh không có đủ tiền trả cho chỗ ăn ở; bây giờ anh làm công nhân chuyên chở cho một nhà máy xây cất lớn ở Charlottenburg. Và đó cũng là lý do tại sao anh chuyển đến sống ở vùng này. Anh vừa nói vừa uống nước ngọt và rượu mạnh. Hanna ăn không được nhiều.

Anh đi với cô đến một rạp hát gần nhà thờ Gedachtniskirche (3), là nơi mà trước đó cô chưa từng đến bao

giờ. Anh tự tin thọc tay vào túi áo khoác bằng da màu đen, lấy ra mấy đồng tiền bạc đặt lên quày. Cuốn phim họ xem nói về những người giàu có ở Ý, những người dùng thì giờ cho rượu, đánh lộn, những chuyến du hành bằng xe hơi và những phép lạ công giáo.

Sau đó họ trở lại quãng trường Savigny. Werner nói cô có thể ngủ lại đêm ở phòng cạnh. Hanna đã mỏi mệt. Werner uống thêm nước ngọt và rượu trong một quán rượu trên đường về. Hanna ngủ lại trên giường anh, còn anh dọn chỗ cho mình bằng cách ghép hai chiếc ghế bành vào nhau.

Đó là một ngày sáng sủa khi Hanna thức giấc. Chỉ có một mình cô trong phòng. Cô có thể nhìn thấy ánh nắng bên ngoài qua khung cửa sổ. Werner bước vào, mang trên tay một khay đồ ăn, bánh mì và một lon cà phê sữa. Anh đặt khay xuống và mở cửa sổ. Không khí ấm áp tràn vào phòng có mùi khói xe ngọt dịu. Bên kia vách tường, máy thu thanh oang oang; họ có thể nghe thấy giọng nói hối hả của người xướng ngôn nhưng không hiểu anh ta đang nói gì. Hanna ăn. Werner kể cho cô nghe về việc làm của anh, về số tiền mà anh kiếm được; anh hãnh diện khoe với cô chiếc máy vô tuyến truyền hình nhỏ loại bỏ túi mà anh mới mua được.

Anh muốn đi với cô đến Wannsee (4). Họ đi xuống đường; Werner mang theo chiếc túi đựng đồ tắm. Nhiều cánh cửa sổ được mở toang, và qua đó vọng ra tiếng nói hấp tấp của người xướng ngôn. Họ đi đến một góc đường. Đèn đỏ nên họ phải đợi. Kế bên họ, một thanh niên đeo chiếc máy thu thanh nhỏ cũng đứng đợi, và giọng nói hấp tấp của người xướng ngôn nghe vang vang. Lần này thì họ có thể hiểu việc gì đang xảy ra. Người xướng ngôn đang báo cáo một cách đầy kích động rằng Đông Bá Linh đã đóng kín tất cả các ngõ qua biên giới, rằng những công nhân xây cất đang bận rộn dựng lên một bức tường quanh Tây Bá Linh. Người thanh niên dường như chẳng buồn để ý đến tin tức này. Anh ta đưa tay vuốt mái tóc dài mượt của mình với cử chỉ buồn buồn. Khi đèn chuyển qua xanh, anh ta từ tốn tản bộ băng qua đường với chiếc máy thu thanh.

Werner nắm lấy tay Hanna, nói: "Đi nào!"

Họ đi quanh quẩn rồi trở lại phòng Werner. Werner mở máy vô truyền hình. Vài giây sau, hình ảnh về biên giới hiện ra trên màn ảnh. Họ có thể nhìn thấy những toán thợ xây cất của quân đội đang dựng lên những trạm gác và giăng dây kẽm gai giữa các trạm. Hình ảnh khác cho thấy một đoạn đường dọc biên giới bị chận lại; phía sau là những người mặc đồng phục; phía trước là một đám đông dân chúng đang được những thông tín viên đài truyền hình phỏng vấn; ở những khung cửa sổ mở bên phía đông, qua ống viễn kính giao động, dân chúng đang đứng và nhìn chăm chăm vào những máy ảnh; một vài người đang vẫy những tấm vải trắng.

Werner nói: "Thật là may vì em đã ở đây rồi!"

Hanna không trả lời; cô nhìn chăm chú vào màn ảnh. Một nhà bình luận xuất hiện, với vẻ mặt khó tính, tuôn ra những lời lẽ nặng nề. Werner lấy trong tủ ra một chai rượu ngọt, vặn, nắp và rót đầy ly cho anh và Hanna. Trên màn ảnh vô tuyến truyền hình, những hình ảnh lập đi lập lại. Werner uống rượu và bắt đầu sắp xếp kế hoạch cho tương lai của Hanna ở đây; cô bé sẽ đến trại tiếp nhận ở Lichterfelde; có lẽ sẽ có nhiều khó khăn bởi cô ta còn nhỏ quá; họ sẽ tìm một cơ quan nào đó, có lẽ là một tổ chức thuộc giáo hội có thể chăm sóc cho cô. Hanna cảm thấy ngây ngất vì rượu ngọt và vì những lời nói của Werner. Bên ngoài cửa sổ, mặt trời đang chiếu sáng và gió lay động những bức màn.

"Dĩ nhiên là em phải ở lại đây rồi," Werner nói.

"Em cũng không biết," Hanna trả lời.

"Em phải ở lại," Werner nói, "bởi vì em đâu có ngu ngốc gì, phải không?"

Chợt anh nảy ý định gọi điện thoại cho người xếp ở nhà máy xây dựng anh đang làm việc. Người này là một đại biểu của đảng Công Giáo trong Hội Đồng Thành Phố Tây Bá Linh, và Werner nói chắc chắn là ông ta sẽ nói giúp thêm vào, tạo ấn tượng tốt đẹp về Hanna. Ngoài ra ông cũng là người giao thiệp rộng rãi. Werner nói: "Anh đi ra góc đường để gọi điện thoại; em hãy tự rót thêm rượu ngọt uống nếu em thích. Còn một hộp kẹo nữa đấy!" Anh cười, vẫy chào và vội vã rời khỏi phòng.

Hanna ngồi thu mình trên giường. Cô cảm thấy bụng quặn thắt cùng với cảm giác gần như sợ hãi. Cô đến bên cửa sổ, vén màn nhìn xuống đường. Bên dưới có một vài chiếc xe đậu ở lề đường. Trời vẫn nhiều gió và ấm áp. Hanna không mang theo đồng hồ nên không thể biết bấy giờ mới đúng ngọ hay trễ hơn nữa.

Cô rời phòng Werner. Khi cô ra lối đi, con chó sau cánh cửa nào đó bắt đầu sủa vang. Cô qua dãy phòng, đi xuống cầu thang. Cô lo ngại sẽ chạm trán với Werner nhưng cô không gặp một ai cả. Cô bước ra đường. Trên lối đi vài đứa bé đang chơi đùa với một quả bóng màu đỏ. Cô chạy qua khỏi những dãy nhà và ngoặt sang vỉa hè đầu tiên.

Cô có tiền Tây Đức trong túi, mấy đồng tiền bạc Werner cho. Cô đến trạm xe buýt và bước lên chiếc xe đầu tiên vừa trờ tới. Cô cũng không biết đi đâu. Cô mua vé từ người bán vé nhễ nhại mồ hôi. Trên xe, cha mẹ ngồi với trẻ con mặc quần áo ngày Chủ Nhật. Hanna xuống xe sau khi đi khoảng mười lăm

phút. Cô thấy mình đang ở một quảng trường mà cô chưa từng biết. Ở đó có cây cối, bụi rậm, cỏ, một vài con chim bồ câu và những băng ghế dài dọc theo những lối đi được làm cỏ cẩn thận.

Cô ngồi xuống một băng ghế. Vài chiếc máy bay lượn vòng trên trời. Cô cảm thấy muốn khóc mà không thể nói chính xác tại sao.

Cô đi dạo qua những con đường, xa lạ. Chẳng mấy chốc cô cảm thấy vô vị và mệt mỏi. Chân cô bắt đầu đau nhức. Cuối cùng, cô chợt đi đến lối vào xe điện ngầm. Cô bước xuống những bậc thang. Mùi đường hầm quen thuộc phủ lấy cô. Cô mua vé ở quầy. Chuyến xe nào vừa đến sẽ đi về hướng bắc. Cô kiểm soát lại lộ trình trên chiếc bản đồ treo bên cửa. Cô muốn đi đến Brunnenstrasse mà không biết vì lý do gì. Cô phải đổi xe ở đó. Cô rời xe, ra khỏi nhà ga, đi bộ xuống đường phố. Từ xa cô có thể nhận ra biên giới; người xe lẫn lộn đông đúc, tràn ngập cả con đường. Cô đi về phía biên giới, càng lúc càng đi chậm rãi. Dân chúng tụ thành từng nhóm, nói chuyện với nhau một cách khích động; cảnh sát mang nón trắng đi tới đi lui giữa đám đông. Hanna thấy rằng cô không thể nào đi xuyên qua đám đông đó được, và cô cũng tự hỏi không biết mình có muốn thế không.

Cô lại ngồi xuống mặt băng ghế nơi công viên. Trời đã xế chiều. Cô cảm thấy đói. Cô tự hỏi không biết cô nên trở lại với Werner không. Cô nghĩ đến căn phòng hẹp với những tấm màn cửa lay lắt và chiếc máy vô tuyến truyền hình. Cô vẫn yêu mến Werner.

Cô đứng bên mặt quày hàng bán xúc xích. Một người đàn bà béo phị mặc tạp-dề trắng chậm rãi dùng kẹp gỗ gắp xúc xích từ chiếc vỉ bốc khói ra, đặt nó vào chiếc đĩa màu vàng; bà ta đổ nước sốt cà chua đựng trong bình nhựa lên xúc xích, rắc bột cà ri và đặt thêm chiếc bánh mì vào đĩa. Quày hàng nằm phía dưới một đường rầy cao bên trên. Chung quanh quầy hàng vương vãi những chiếc đĩa giấy màu vàng nhạt; thùng rác bên trụ cột đường sắt cũng đầy ứ những chiếc đĩa vàng đó. Hanna hối hả ăn bánh, xúc xích nóng làm cô bỏng lưỡi.

Cô ngồi nơi một chiếc bàn đặt ngoài sân trước một tiệm bán kem và bánh ngọt. Cô lật lướt qua một tờ tạp chí minh họa nhiều hình mới mua. Trên bàn cô có một ly kem trái cây. Cô chỉ ăn chút ít. Bây giờ thì cô còn lại ba đồng tiền mác bằng bạc. Trừ tiền kem thì cũng còn đủ tiền để cô trở lại với Werner.

Khi cô mua vé xe lửa thì trời đã xế chiều. Chiếc vé in chữ đỏ trên nền vàng. Bây giờ cô còn lại một đồng mác và bốn Pfennigs bằng kim khí. Cô đáp xe đến Westkreuz. Cô rời xe, đón một chiếc khác chạy về hướng vườn Bách Thú. Toa xe cô ngồi trống trơn, đầy mùi thuốc lá mốc. Xe lửa vào trạm ở vườn Bách Thú. Cô đã đến đây với Werner mới ngày hôm qua: cô nhớ điều đó và bây giờ đối với cô dường như đã có một khoảng thời gian dài không thể tin được từ lúc ấy đến bây giờ. Vẫn không có ai bước vào toa xe cả. Xe tiếp tục đi. Nó vượt qua khỏi vườn thú. Hanna nhìn thấy những tòa nhà chọc trời với bề ngoài đầy màu sắc. Ở các trạm ngừng đầy những bích chương lớn quảng cáo kem và thuốc lá, những thứ cô đã nhìn thỏa thuê trước đó nhưng bây giờ cô muốn nhìn ngắm chúng lần chót, nếu cô không thay đổi ý định của mình. Xe chạy vào trạm ở Lehrt. Trên sân ga có nhiều thanh niên nhìn chằm chặp với vẻ đe dọa khi xe chầm chậm đến và dừng lại. Hanna khom mình xuống để người ta không nhìn thấy mình qua cửa sổ. Xe lại đi ra khỏi trạm. Đám thanh niên hướng về những toa tàu đang chuyển động mà la ó. Hanna ngồi thẳng người dậy. Qua khung cửa con tàu đang chạy, cô nhìn thấy những kho hàng và những khu nhà tường vôi trắng. Cô nhìn thấy bờ sông Spree. Cô nhìn thấy cây cầu vươn mình qua sông. Xe lửa ầm ầm băng qua. Hanna nhận ra nóc bệnh viện Từ Thiện trước khi cái miệng đen ngòm của lối vào ở trạm Friedrichsstrasse nuốt chửng chiếc xe lửa. Có lẽ cô vẫn còn có thể trở lại, ngay cả vào lúc này -- cô cũng không biết được. Cô cũng không cân nhắc kỹ lưỡng. Ở nhà ga cô thấy nhiều người mặc đồng phục, hầu hết đều có mang vũ khí. Xe lửa dừng lại. Hanna đẩy cửa ra. Cô bước xuống, cô bé mười ba tuổi gầy gò, với mái tóc xõa ngang vai và đôi mắt cận thị sau tròng kính. Một vài người mặc đồng phục nhìn cô chăm chú, ngạc nhiên hoặc mỉm cười. Cô tiến đến người mặc đồng phục đứng gần nhất, nhận thấy khuôn mặt anh ta đầy thịt và nhễ nhại mồ hôi, và cô nói với anh ta rằng cô muốn về nhà.

**ROLF SCHNEIDER**
**PHẠM VIỆT CƯỜNG** dịch

(1) Một hệ thống cửa hàng nổi tiếng ở Tây Bá Linh và Tây Đức

(2) Một khu vực thuộc Tây Bá Linh

(3) Một nhà thờ nổi tiếng ở Tây Bá Linh, giữ nguyên tình trạng đổ nát để kỷ niệm những nạn nhân của Đệ Nhị Thế Chiến.

(4) Tên hồ và khu vực giải trí bên sông Havel.

VĂN BÚT ÂU CHÂU

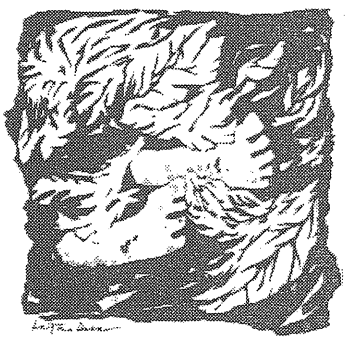

# GIÁNG SINH CỦA GRAND PA

NGUYỄN VĂN BA

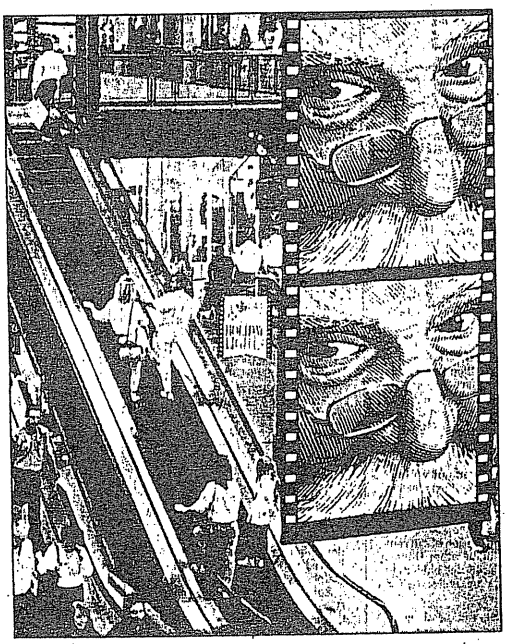

Quan về tới sở thì đồng hồ đã chỉ mười giờ kém hai mươi sáng. Anh hối hả rửa tay với xà phòng, lau khô bằng giấy, đoạn vội vã tráng cái bình đựng cà phê với nước nóng. Cà phê và phễu giấy lọc được đặt vào vị trí rồi nước được cho qua hệ thống làm nóng.

Bây giờ thì Quan có thể thư thả. Anh ngắm những giọt cà phê nâu sậm rơi xuống bình thủy tinh trong suốt, giọt nầy nối tiếp giọt kia, mùi cà phê thơm lừng. Anh hít hít mũi như muốn đem thêm ít hương thơm vào buồng phổi. Quan ngó lên mẩu giấy trên tường mới được thay vài tuần trước, những hàng chữ chạy bằng máy điện toán bên cạnh tách cà phê bốc khói: *Coffee $5.00/month; 25 cents/cup; Effective December 1/89.* Giá cà phê mới tăng còn được nhấn mạnh bằng một tấm giấy hẹp và dài, chữ viết tay, nắn nót: *Coffee monthly rate now $5.00.* Một bảng giấy cứng trắng, khá lâu đời, lớn hơn đã ngã màu vàng ố với mấy dòng chữ: *Please switch off warmer when pot is emty and wash your own cup,* phần sau chữ *and* được tô đậm bằng màu đỏ. Quan ngó sang bảng coffee duty, hôm nay đúng là tới phiên anh.

Tụi công chức ở đây rề rề lắm, không phải quần quật như ở cái hãng Quan làm năm năm về trước. Trên lý thuyết cũ cà phê giải lao cho buổi sáng là từ mười giờ tới mười giờ mười lăm, nhưng 15 phút trước 10 giờ đã có đứa rời công việc với tách cà phê bên cạnh, tay ung dung lật từng trang báo hằng ngày, tuần báo... Tùy hôm, cữ cà phê sáng có thể kéo dài đến 10 giờ 30, nghĩa là 45 phút thay vì 15 phút như qui định.

Như Quan dự đoán, có tiếng chân người từ phía sau lưng.

"Hi, Quan."

Quan quay lại:

"Hi, Jim."

"Cà phê đã sẵn sàng?"

"Ừ, cà phê đã sẵn sàng, mầy có thể uống được."

Rồi một người nữa, cô Joan gác tổng đài điện thoại:

"Quan, mầy đã đọc tờ giấy tao để trên bàn mầy chưa?"

"Chưa, tao mới về tới sở là phải lo ngay cà phê sáng cho tụi bây, bữa nay tới phiên tao, mà ai gọi tao vậy? Lúc mấy giờ?"

"Ba mầy, đâu khoảng tám giờ ba mươi.

"Ba tao?"

"Ờ, ổng gọi mầy từ bến xe buýt, dường như ổng mới từ xa đến."

"Cám ơn mầy, Joan."

Quan trở về bàn mình, mảnh giấy ghi: "Ba mầy đang ở Bus Deposit, số..., đường..., chờ mầy đến rước, số điện thoạt chỗ đó là..."

Nơi Quan làm là bộ phận lựa và giao hàng (parcel) của sở bưu điện thành phố. Gần tới Giáng sinh, số kiện hàng, quà tặng... gia tăng rất nhiều so với những tháng trước. Người làm bưu điện xứ nầy là công chức, lương hậu, muốn vô rất khó nhưng vô rồi thì được bảo vệ bởi nghiệp đoàn (union), nên công việc nhiều thì mặc kệ công việc, nhân viên cứ tà tà, giải quyết không xong trong giờ thường lệ thì làm thêm giờ phụ trội (overtime), lương gấp hai lần rưỡi giờ thường.

Đã hơn mười lăm năm rồi Quan không gặp lại cha, kể từ ngày anh đến đơn vị thăm ông lần cuối cùng trước năm 1975. Lẽ ra anh phải vui mừng sung sướng lắm, anh có thể nói với thằng xếp lấy vài tiếng đồng hồ ra bến xe rước cha về nhà, đi ăn trưa với ông, nhưng anh đã không làm vậy, anh bốc điện thoại nhắn tụi nhân viên ở bến xe buýt, anh quen tụi nầy lắm do công việc giao hàng và lãnh hàng hằng ngày, tìm ba anh báo tin ở đó chờ, anh sẽ đến.

*

* *

Ông Lân, người Việt Nam duy nhất trong phòng đợi, dáng cao lớn, tráng kiện, tóc bạc trắng, lúc đi tới đi lui, lúc ngồi xuống cái băng gỗ màu xám, giở sách ra đọc, chốc chốc ngó lên cái đồng hồ trên vách tường trạm xe buýt. Cái đồng hồ vuông vức, bìa trắng, nhân đỏ có chữ *Enjoy Coca-Cola,* cây kim ngắn là một vệt đen hình mũi tên. Thời gian trôi qua thật chậm đối với ông Lân, mười một giờ, mười hai giờ, rồi một giờ, hai giờ,... người bán vé xe buýt ngồi trong khung cửa hẹp đã đôi lần nhìn ông ái ngại, lúc vắng khách hắn nói vọng ra mấy câu xã giao đơn giản như muốn chia xẻ sự nôn nóng, đợi chờ của ông.

Rồi ba giờ, bốn giờ, năm giờ, người bán vé xe buýt mới đến đổi ca, người cũ chuẩn bị ra về, hai người thì thầm với nhau mấy điều, có lẽ nói về ông lão. Người bán vé xe cũ đã hết giờ làm việc, hắn bước ra khỏi cái khung dành cho người bán vé, tiến tới bắt tay ông Lân:

"Ông vẫn còn chờ ai?"

"Vâng."

"Ông có chắc Quan sẽ tới đón không? Hay để tôi đưa ông về khách sạn."

"Cám ơn ông, tôi chắc thằng Quan sẽ tới đón tôi. Nó làm ở sở bưu điện, mùa nầy bận lắm, Giáng Sinh mà, quà tặng chất cao như núi, phải làm sao tới tay người nhận trước ngày lễ, chắc ông cũng hiểu?"

"Ờ, ờ ông nói đúng, thôi tôi về đây. Chúc ông một lễ Giáng Sinh vui vẻ."

"Cám ơn ông."

Sáu giờ, rồi bảy giờ, bên ngoài trời đã tối hẳn, tuyết rơi lất phất dưới ánh sáng vàng ẻo của ngọn đèn đường trước bến xe, đã bao nhiêu lượt hành khách đến rồi đi, bao nhiêu chuyến xe vô bến, rời thành phố, ông Lân vẫn còn ngồi đó, đợi chờ. Tới lượt người bán vé xe mới mấy lần nhìn ông ái ngại.

Cuối cùng lúc chín giờ đêm Quan đến, anh không còn trong bộ đồng phục bưu điện, đã về nhà tắm rửa, ăn uống nghỉ ngơi, rồi tươm tất trong mấy lớp quần áo mùa đông trước khi đến đây.

Ông Lân thấy Quan từ xa, mười mấy năm xa cách, một ngày trời chờ đợi trong căn phòng này, nước mắt chực trào ra khóe, ông bước tới, hai tay dang rộng:

"Quan, con!"

Nhưng Quan đã đứng lại hoàn toàn, mặt anh lạnh lùng như tuyết giá đang rơi ngoài trời.

"Ai mời ông tới đây? Ông tới đây để làm gì?"

Ông Lân khựng lại, hai tay buông xuống. Lấy lại bình tỉnh, ông nhỏ nhẹ:

"Ba tới thăm con và hai đứa cháu nội của ba nhân dịp Giáng Sinh."

"Tôi đâu có mời ông. Hồi nào tới giờ ông đâu biết cháu ông là ai mà nay nói chuyện thăm với viếng?"

Ông Lân nhẫn nhục:

"Đời ba đâu còn mấy mùa Giáng Sinh nữa đâu con!"

Quan vẫn gay gắt:

"Bây giờ ông muốn đi đâu tui đưa ông đi?"

Ông Lân theo chân con ra xe. Quan vẫn mặt lạnh như chì, khóng mở cửa mời ông lên xe, để ông tự lo liệu lấy.

Khi xe đã bắt đầu chuyển bánh, Quan nhắc lại:

"Tối nay ông ngủ đâu, tui đưa ông về đó?"

Ông Lân lặng người, ông nuốt nước miếng một cách khó khăn, thật lâu sau mới nghe ông trả lời, nhỏ như tiếng muỗi kêu:

"YMCA."

Quan ngừng xe, đợi ông già lấy xong hành lý, anh đóng xe lại một cái rầm, nhấn ga cho chiếc xe vọt tới, bụi tuyết cuốn mù lên đằng phía sau xe.

*

* *

Quan về đến nhà thì hai đứa con anh và Janet, cô bạn gái tóc vàng mắt xanh, làm cùng sở, bên bộ phận lựa thơ, đang ngồi xem truyền hình. Thấy Quan bước vào, Janet với tay lấy cái *remote control* tắt máy.

"Hồi chiều tao nghe tụi nó nói ba mày tới đây nên tao đến thăm, ổng đâu rồi?"

Hai đứa con Quan reo lên, chúng nói toàn tiếng Anh:

"Ông nội hả?"

"Ông nội? Ông nội hiện ở đâu?"

Quan lườm con, bảo chúng đi ngủ. Hai đứa cụt hứng rút vô buồng. Janet nhắc lại câu hỏi:

"Ba mầy hiện ở đâu? Mà trông mày như có vẻ khóng vui?"

Quan trả lời cụt ngủn:

"YMCA."

"Tai sao? Tao tưởng ông ấy ở

đây chớ. Có lần mầy nói với tao là cha mẹ Việt Nam đi thăm con thì ở với con chớ không bao giờ ở khách sạn như người Canada mà! Vả lại nhà mầy còn một phòng trống chớ đâu có chật chội gì?"

"Tại tao không muốn ổng ở đây!"

"Mầy nói nghe lạ quá. Mười mấy năm không gặp, rồi ổng từ ngàn dặm tới đây thăm mầy, thăm con mầy, mà mầy không muốn ổng tới nhà, mầy nghĩ lại coi? mầy có kỳ cục hông? tao thiệt tình không hiểu nổi mầy!"

Quan quí trọng Janet lắm, nó là người Canada gốc Đức nhưng có tâm hồn rất Á Đông, có hiếu với cha mẹ, yêu mến anh em. Quan thấy tính tình Janet phù hợp nên kết bạn với nó và dự tính đi tới hôn nhân trong tương lai. Thật khó xử cho Quan vì anh chưa muốn Janet biết nhiều về đời tư anh trong lúc nầy. Nhưng cuối cùng Quan biết mình không thể nói quanh:

"Mầy nghe đây Janet, nghe để hiểu tại sao tao lạnh nhạt với ba tao. Chuyện dài lắm nhưng tao sẽ cố vắn tắt. Trước ngày miền Nam Việt Nam rơi vào tay Cộng Sản, tao và ba tao đều là quân nhân, đơn vị tao ở một nơi, ba tao ở một nơi khác, còn má tao thì ở Sàigòn buôn bán để tiếp tế cho tao và ba tao, vì lương lính không đủ sống. Ba tạo thường về Sàigòn thăm má tao, còn tao thì mãi chinh chiến và vui chơi nên ít khi đi thăm ba lẫn mẹ. Lần cuối cùng tao gặp ba tao là đầu năm 1974, khoảng một năm trước ngày Sàigòn thất thủ, trong một dịp đi công tác gần nơi đơn vị ông đồn trú. Sau 30-4-1975, tao về lại Sàigòn, trình diện học tập cải tạo một thời gian rồi được thả về với má tao. Gần hai năm dài má tao tuyệt vọng vì tưởng rằng ba tao đã chết trong cuộc chiến. Sau đó bà mới hay qua những người có thân nhân ở Mỹ là ba tao di tản sang Hoa Kỳ và hiện sống chung với một người đàn bà trẻ tuổi mà ông cưu mang trong lúc ra đi. Má tao không còn đau khổ công khai, nhưng hằng đêm âm thầm lệ nhỏ, vì người đàn ông bạc bẽo ấy không liên lạc thư từ gì với gia đình. Má tao tủi phận, ngày một thêm gầy ốm, xanh xao, tự trách không biết mình đã thiếu bổn phận hay đã làm điều gì lầm lỗi với chồng để đến phải bị đối xử khắc nghiệt như vậy? Tao nhiều lần khuyên dứt, má tao vẫn không nguôi. Có một dạo má tao nghe đồn ba tao ở Mỹ phao tin má tao đã có chồng khác, điều nầy là hoàn toàn bịa đặt, có lẽ ba tao muốn lừa dư luận, muốn gián tiếp bào chữa cho việc ông có vợ khác, má tao càng đau đớn, mỏi mòn hơn.

Janet rưng rưng nước mắt:

"Trời ơi! Ba mầy tệ đến vậy sao? Chắc má mầy khổ lắm?"

"Tao không biết dùng ngôn từ gì để diễn tả hết nỗi thống khổ của má tao. Trong khi đó ba tao vẫn im hơi lặng tiếng, dù rằng má tao có nhắn nhiều tin ra ngoại quốc, yêu cầu ba tao chỉ viết cho bà mấy chữ để an tâm biết ông thật sự còn sống, bà không đòi hỏi tiền bạc, quà cáp, cũng không yêu cầu ông bảo lãnh sang Mỹ đoàn tụ. Những người đưa tin cho má tao hay đã gặp ba tao và bày tỏ hết sự tình, ba tao nói sẽ viết thư nhưng rồi không bao giờ làm. Chuyện tao lập gia đình, vượt biên, có con, rồi vợ tao qua đời vì bị ung thư thì tao đã kể với mày rồi. Ngày tao vượt biển tìm tự do má tao cũng có điều kiện đi, nhưng bà quyết định ở lại, bà nói rằng trong cuộc đời người đàn bà Á Đông, chồng là người quan trọng, gần gũi nhất, nay ba tao đã không bảo lãnh, cũng không liên lạc, thì bà sang đó chỉ làm cho ông khó xử chớ có ích gì! Tao không xin định cư ở Hoa Kỳ cũng là vì không muốn gặp lại ba tao. Sang đây đâu được ba năm tao hay tin má tao qua đời ở quê nhà, bà bị lao phổi.

Janet nước mắt ràn rụa, nép sát vào vai Quan thì thầm:

"Thiệt là thê thảm!"

"Cách đây hơn năm năm có người cho biết là ba tao nhắn tin tìm tao trên nhiều báo Việt ngữ, nhưng tao không trả lời. Rồi dịp Giáng Sinh năm ấy tao ngạc nhiên nhận được cái *post-card* đầu tiên có hình ông. Tao cũng không hồi âm. Và cứ mỗi mùa Giáng Sinh sau đó tao lại nhận thêm một *post-card* mới với địa chỉ mới. Như mầy biết tao không để hình ba tao ở phòng khách, cũng không để ở phòng ngủ, vì lòng tao luôn uất hận ổng, tao không muốn thấy mặt ổng. Tao gắn mấy cái *post-card* trong tủ đựng đồ làm thợ mộc dưới *basement* nhà. Tao cố quên ổng, cố coi mình như một kẻ không cha, vậy mà nhiều đêm khó ngủ tao đã xuống *basement* bật đèn lên nhìn mặt ổng, quan sát nét chữ viết tay của ổng hằng giờ. Tao xót xa cho ổng biết bao khi có người từ Mỹ sang chơi cho hay người đàn bà trẻ ngày nào được ổng giúp mang ra khỏi nước đã không còn ở với ổng nữa. Khoảng thời gian sáu, bảy năm trở lại đây ông lang thang khắp nước Mỹ từ đông sang tây, từ nam lên bắc. Có lẽ ông cô độc nên thư cho tao và nay tìm đến thăm tao."

Cả Quan và Janet đều im lặng, thời gian như ngưng đọng lại. Lâu lắm Janet mới lên tiếng:

"Quan à. Tao ngh đầu gì thì chuyện cũng đã lỡ và đã qua rồi. Mùa Giáng Sinh và năm mới là mùa bình an, mùa hạnh phúc, là lúc mà người ta nhìn lại để bỏ qua những lỗi lầm của nhau, tha thứ cho nhau. Tao thấy mầy nên ra YMCA rước ba mầy về đây. Có thể lòng mầy vẫn còn bực tức, không vui, nhưng tao tin rằng ba mầy sẽ rất mừng và các con mầy cũng mừng lắm. Làm một việc mà ba người thân của mình được sung sướng, nếu tao là mầy, tao sẽ không do dự."

*
* *

Tính ra ông Lân đã về đây được sáu ngày, Quan không nói chuyện với ông, ngoại trừ hôm trở lại YMCA chàng đã xẳng giọng:

"Tui cho ông ở với cháu ông tới qua lễ Giáng Sinh."

Tuy nhiên qua Janet, con Thy và thằng Tường, cùng sự quan sát kín đáo, Quan đã thấy, đã biết nhiều chuyện, nhiều thay đổi kể từ ngày có mặt ông già trong nhà.

Con Thy, thằng Tường đã nói chút ít tiếng Việt dù còn rất lạ tai, ngộ nghĩnh, trặc trẹo, khó khăn. Hôm con Thy gọi anh bằng ba, nó đã làm anh bất ngờ, xúc động. Tiếng "ba" thân mến đã lâu lắm từ ngày người vợ Việt Nam yêu quí qua đời anh mới được nghe lại. Con Thy nói:

"Ông nội nói tiếng Việt Nam hay lắm, có ba, có má, chú thím, anh chị, cô dì... phân biệt, còn tiếng Anh ai cũng là you. Ông nội biểu con với thằng Tường phải học tiếng Việt Nam để sau nầy quê hương hòa bình về xây dựng đất nước."

Thằng Tường:

"Bữa nay nội dẫn con và chị Thy đi chợ, nội cho tụi con ăn *McDonald, Dairy Queen...* Nội muốn mua cho con con chó lông xù làm quà Giáng Sinh nhưng nội không có tiền nên nội về nội làm con chó bằng gỗ."

Con Thy:

"Nội cũng muốn mua cho con cây đờn piano làm quà Giáng Sinh, mà nội nghèo quá, chỉ đủ tiền mua đồ chơi giống cây đờn."

Janet:

"Tao thấy hai đứa con mầy mê ông nội nó quá. Ổng thì khỏi nói, cưng cháu vô kể, làm bò cho cháu cỡi, đắp *snow hill, snow man...* với cháu, cái gì tụi nó muốn ổng cũng làm, sức già, nhiều khi không theo kịp tụi con nít, ổng thở hồng hộc, thiệt tội nghiệp. Thấy ba người đó vui, tao cũng vui theo."

Con Thy:

"Bữa nay nội dắt con ra tiệm Việt Nam mua dưa cải, về nhà nội chỉ con xắt nhỏ xào với hột gà, nội nói món này hồi nhỏ ba thích lắm, mà con với thằng Tường cũng thấy ngon hơn scramble-egg nhiều. Nội nói mai sẽ dẫn con đi mua me, bạc hà... về nấu canh chua gà. Nội nói con gái Việt Nam phải biết nấu ăn, biết làm bánh..."

Thằng Tường:

"Hôm qua nội với tụi con nấu món thịt bò với khoai tây, cà rốt... thiệt ngon mà thiệt vui đó ba. Nấu ăn mà như chơi đồ chơi vậy."

Con Thy:

"Tối hôm kia, khuya rồi, con đi tiểu, thấy đèn dưới *basement* còn sáng, con bước xuống thì thấy nội đang ngồi nhìn mấy tấm *Christmas card* có hình nội mà ba gắn trong cái cánh cửa tủ đựng đồ mộc, nội khóc, nội hỏi con bộ ba không thương nội sao? Con nói ba thương nội lắm chớ, nhắc nội hoài! Nội nói ba thương nội sao không để hình nội ở phòng khách mà để dưới basement lạnh lẽo như vầy? Con trả lời là con không biết."

Thằng Tường:

"Dường như nội đang làm cái gì ở dưới basement, trưa nào giờ nội biểu tụi con đi ngủ con cũng nghe nội làm lộp cộp dưới đó."

...

Do sáng kiến của Janet, tối qua ông Lân, làm ông già Noel đến phát quà cho trẻ con tại sở bưu điện thành phố trong buổi liên hoan cuối năm. Ông già Noel trong bộ đồ đỏ thường lệ từ hậu trường bước ra, tay lắc chuông leng keng, vai mang túi quà thiệt lớn, tụi con nít reo mừng tở mở, mừng nhứt là thằng Tường và con Thy vì chúng nhận ra ngay ông nội chúng, mấy đứa khác cũng mừng, nghe *Santa Claus* từ Hoa Kỳ sang, chắc có quà đặc biệt, chúng nói ông Santa năm nay sao nhỏ hơn ông Santa mọi năm, quần áo rộng thùng thình, quá khổ.

*

* *

Tối nay là đêm Chúa ra đời, dù không có đạo nhưng năm nào Quan cũng tổ chức một lễ nhỏ cho con anh, có Janet cùng vài người bạn Tây, vài người bạn Việt.

Trong nhà bếp, con gà tây dồn thịt đút lò vàng hực tỏa mùi thơm phưng phức, ba dĩa *pumpkin-pie* có mấy vết nứt trên mặt, hương bay ngào ngạt. Trên bàn ăn, nĩa dĩa, ly tách được sắp xếp thật ngay hàng, thẳng lối, mấy chai rượu *champagne,* rượu chát trắng, chát đỏ, chậu cây trạng nguyên (Poinsettia) lá xanh ửng đỏ, dĩa quít ta vàng tươi... ngoài trời tuyết rơi ngập đường báo hiệu cho một mùa Giáng sinh và một năm mới an vui, thịnh vượng. Thực khách đã sẵn sàng để bắt đầu buổi dạ tiệc.

Có tiếng kèn xe trước cửa nhà, mọi người đổ dồn ra. Quan bước vào, phủi tuyết, giở nón, kéo dây kéo áo mùa đông xuống để lộ bộ đồng phục bưu điện. Quan nhờ hai người nữa theo anh ra mở cửa sau chiếc xe của sở, bên hông có chữ *Special Delivery* trắng thật to trên nền đỏ. Con chó lông xù cho Tường, chiếc đàn piano mới toanh cho Thy được mang vào, còn nguyên trong thùng có dán giấy hoa, thắt nơ xanh đỏ. Được những món quà từ lâu mơ ước, khỏi phải nói, hai đứa bé mừng rỡ, cám ơn ba rối rít, rồi còn quà của Janet, của khách, gói từng hộp để dưới chân cây Noel cũng được mở ra.

Trước khi khui *champagne,* ông Lân xin phép đi lấy món quà Giáng Sinh cho Quan. Ông khệ nệ mang từ *basement* lên đặt giữa phòng khách một gói lớn, trang trọng mở ra, đó là một bảng gỗ trên có mô hình một đoạn đường xe lửa chạy theo vòng tròn, một đầu máy kéo năm toa. Ông Lân cắm điện, bật *contact,* chiếc xe lửa di chuyển rầm rập trên đường rầy, mỗi lúc gần tới ga còi rúc lên inh ỏi, qua cổng đèn đỏ chớp lia, chớp lịa. Quan nhìn

món quà, dáng thẳng thốt, xuyến xao, bất động hồi lâu, không nói được tiếng gì, ngay cả một lời cảm ơn.

Mọi người chờ đợi Quan có quà tặng cho ông Lân sau nhiều năm xa cách, nhưng không, Quan mua quà cho Janet, cho Tường, cho Thy, nhưng tuyệt nhiên không có gì cho ông Lân, không hề nhớ đến chuyện đó như đã ví mình mồ côi cha.

Quan không nghĩ nhưng Janet có, nàng mở ngăn dưới buffet lấy ra gói quà đã được chuẩn bị từ trước, có tên ông Lân trên đó. Ông mở ra và vô cùng cảm động nhìn thấy chiếc áo mùa đông dầy hai lớp, vàng cổ bằng lông thú trắng mịn màng, nhãn hiệu con ngỗng trời, *Made in Canada,* trên nền *polyester* xanh thẩm.

Janet nói:

"Bác còn ở Canada lâu, rất cần chiếc áo này."

Trong buổi tiệc, một người Việt Nam hỏi ông Lân:

"Bác còn ở chơi Canada bao lâu? Cháu còn nghỉ lễ, để mai cháu đem xe rước bác đến nhà chơi?"

Ông Lân lặng thinh, liếc mắt qua chỗ Quan.

Quan lên tiếng:

"Ba tôi còn ở đây đến Tết Dương Lịch, khi con Thy và thằng Tường đi học lại."

*

* *

Khách đã về hết, mọi người trong nhà đi ngủ. Quan từ trong phòng bước ra. Anh ngồi bẹp xuống bên cạnh mô hình chiếc xe lửa, bật *contact* điện cho xe chạy, lắng nghe tiếng còi rúc, nhìn ánh đèn đỏ chớp sáng. Bao nhiêu kỷ niệm thời ấu thơ bỗng ào ạt kéo về như giông bão.

Trước khi ba má Quan dọn về Sàigòn, năm Quan mười ba, mười bốn tuổi gì đó, gia đình anh sống gần một ga xe lửa nhỏ trong một tỉnh miền Đông. Đây rồi, nhà anh ở đây, căn nhà nóc đỏ được ba anh đánh dấu bằng sơn trong xóm nhà lao động nằm về phía tây nhà ga, hai khoảng đường rầy song song, đi về, trước mặt, đàng xa, thật xa là một khoảng ruộng, năm nào sau mùa gặt nông dân cũng chất rơm thành những cây cao mà ba anh đã cẩn thận đắp đất, tô màu vàng để tượng trưng, bên kia đường rầy cũng là ruộng với những cây rơm tương tợ. Phía sau nhà, một khoảng xanh lục, đó là những vườn sầu riêng, măng cụt... rợp bóng quanh năm.

Anh quên sao được những trưa hè ngày đó, anh và mấy thằng bạn vô vườn tìm bóng mát, bắn chim bằng nạng dàn thung, hái trộm trái cây giải khát, hoặc lội ra cánh đồng bắt dế đá chơi. Dù sau nầy anh ở Sàigòn hoa lệ, anh về miệt Hậu giang để thấy đồng ruộng phì nhiêu, màu mỡ hơn, lòng Quan vẫn mến yêu ngôi làng nhỏ đìu hiu, những đám lúa rẫy miền Đông nghèo nàn, nhiều sỏi đá.

Rồi những đêm sương lạnh, tiếng những toa xe lửa chuyển động rì rầm, não nuột, tiếng còi rúc trong đêm nghe ai oán, thê lương, Quan quấn mền thật chặt, ngay ngáy ngủ với một cảm giác lo sợ vẩn vơ. Những trưa hè khô ráo, tiếng nghiến ken két của đoàn tàu trước khi dừng lại sân ga làm Quan rởn tóc gáy. Chiếc bánh sắt ấy đã có lần lăn qua thân xác một người đàn bà bán hàng, trong cái đám người bán hàng dạo, lỡ té xuống đường rầy lúc đang chạy theo xe bán hàng rong. Ai đó đã viết lại câu chuyện thương tâm ấy bằng một bài vọng cổ mà Quan chắc suốt đời sẽ đeo đẳng anh vì thảm cảnh đã xảy ra nơi quê hương Quan mà Quan đã tận mắt chứng kiến.

"*... Bánh xe nghiền đứt qua thây chị Nhành. Bao nhiêu mộng đẹp gia đình, bị nghiền nát dưới đôi vành khô khan. Chiều nay trời phủ màu tang, bụi đường và máu đỏ loang xâu gùi...*"

Nhiều buổi chiều trước khi mặt trời chen lặn, Quan và mấy thằng bạn nhỏ trong xóm đi bộ dọc theo đường sắt, tranh nhau đếm những thanh tà vẹt, tìm những mẩu đá trắng như những viên ngọc trong vô số những mảnh đá xanh đập nhỏ, để bỏ trong lu nước, hòn non bộ hay chậu cá trong nhà, hỏi nhau những câu vớ vẩn về chiều dài những đoạn đường sắt, những đoạn đường ấy sẽ đi về đâu? Chia ra bao nhiêu ngã, những đầu xe bốc khói, những toa xe kín mít hàng hóa, trong đó là loại gì?... có lúc cả bọn nghịch ngợm nằm lăn ra ngay giữa lòng đường sắt, tưởng tượng ra đoàn tàu sắp đến để tối về gặp ác mộng.

Rồi còn những cảnh xum họp, biệt ly ở sân ga, và nhất là bài "Vu Vơ" của Tế Hanh, mà những người đã một thời sống cạnh một ga xe lửa như Quan sẽ không bao giờ quên được:

*Những ngày nghỉ học tôi hay tới*
*Đón chuyến tàu đi, đến những ga,*
*Tôi đứng bơ vơ xem tiễn biệt,*
*Lòng buồn đau xót nỗi chia xa.*

*Tôi thấy tôi thương những chiếc tàu*
*Ngàn đời không đủ sức đi mau,*
*Có chi vướng víu trong hơi máy,*
*Mấy chiếc toa đầy nặng khổ đau.*

*Bánh nghiến lăn lăn quá nặng nề,*
*Khói phì như nghẹn nỗi đau tê,*
*Lâu lâu còi rúc hồi rền rĩ:*
*Lòng của người đi réo kẻ về.*

*Kẻ về không nói bước vương vương...*
*Thương nhớ lan xa mấy dặm trường.*
*Lẽo đẽo tôi về theo bước họ,*
*Tâm hồn ngơ ngẩn nhớ muôn phương.*

Cái mô hình xe lửa đó ông Lân đã làm một lần lúc Quan còn nhỏ, chỉ cho anh chỗ nào là

# Hỏi chút

**này em, đôi mắt bâng khuâng nắng**
**có chở đời anh lên ngát xanh?**

**này em, đôi má tiền duyên dáng**
**có lúm giùm anh một mối tình?**

**này em, tóc cúp thon thon cổ**
**có giữ cho lòng thương ngón tay?**

**này em, vai nhẹ như hơi thở**
**buồn anh sao nặng thế -- ô hay!**

NGUYỄN TẤT NHIÊN
Westminster, CA ngày 25/11/89

nhà ga, nhà anh, chỗ nào là cây rơm, vườn cây ăn trái... Quan đã mang nó theo về Sàigòn. Mô hình ngày xưa đơn sơ, bất động. Mô hình ngày nay chuyển động, tân kỳ hơn, dẫn dắt anh về kỹ niệm, làm anh hoay hoắc nhớ nhung thuở ấu thời, thật êm đềm, dạt dào tình quê hương, tình bè bạn, đậm đà tình phụ tử. Quan nghĩ có thể ba anh muốn đánh một đòn tâm lý, muốn khơi dậy trong anh tình nghĩa cha con thiêng liêng, sâu đậm? Nếu thật vậy thì đòn nầy quả nặng và Quan đang bị ngất ngư.

*
* *

Cuộc gặp gỡ nào rồi cũng có lúc chia tay. Đêm mồng một tháng Giêng dương lịch năm 1990, hai cha con ngồi trong phòng khách, không ai nói với ai một lời, cái truyền hình mở lên đó, hai người cùng dán mắt vào màn ảnh nhưng tâm trí để đâu đâu. Ai sẽ là người nói trước? và sẽ nói gì?

Thằng Tường, con Thy đã vào buồng riêng, giờ bắt đầu ngủ thường lệ qua từ lâu nhưng cả ông Lân lẫn Quan đều nghe rõ tiếng rọ rậy, rọt rẹt của chúng, chúng vẫn còn thức và chúng biết sáng sớm ngày mai ông nội chúng sẽ rời căn nhà nầy, chúng muốn ông nội ở lại đây với chúng, mãi mãi, trọn đời, nhưng chúng không biết làm cách nào thực hiện ý muốn ấy. Từ ban trưa ông nội đã ôm chúng hun nhiều lần, gò má cả ông và cháu đều ươn ướt.

Đã quá khuya, cuối cùng ông Lân nhượng bộ, lên tiếng:

"Thôi ba đi ngủ đây, mai ba trở lại Hoa Kỳ. Ba chúc con và hai đứa cháu nội ba được nhiều may mắn."

Quan:

"Ba có thể ở lại nếu ba muốn."

Ông Lân thái độ mệt mỏi, gượng gạo:

"Chắc ba sẽ không ở lại đâu con, con cho ba ở đây tới ngày hôm nay là ba đã hạnh phúc lắm rồi!"

Quan cố giữ vẻ bình thản:

"Cái đó tùy ba."

Sáu giờ sáng ông Lân lặng lẽ rời căn nhà. Cửa vừa đóng lại, con Thy và thằng Tường đã phóng ra khỏi phòng ngủ. Quan cũng đâu ngủ được. Hai đứa nhỏ mở cửa phòng, chúng quì bên giường Quan:

"Ba lam ơn giữ ông nội lại."

Ba đừng cho ông nội về Mỹ nghe ba."

"Giữ ông nội lại." "Please."

"Please."

"Please."

...

Chiếc *Greyhound* đã rồ máy, hành khách xếp hàng chuẩn bị lên xe. Ông Lân mang hành lý đến bên hông xe để chất vào ngăn chứa.

Quan và hai đứa con vừa đến. Thằng Tường và con Thy nhảy lại ôm cứng ông nội.

"Nội ở lại với con."

"Đừng về Mỹ nghen nội."

"Please."

"Please."

...

Quan thiết yếu:

"Ba ở lại với con và các cháu nghe ba."

Ông Lân chống chế yếu ớt:

"Ba không muốn làm phiền con."

"Hay ba sợ lạnh, muốn về bên Mỹ cho ấm?"

"Không, ba đâu có sợ lạnh, Canada đất lạnh nhưng... tình nồng."

NGUYỄN VĂN BA
NGUYỄN BẠCH MAI
Canada

# CAPE COLLINSON? Ở CUỐI ĐƯỜNG

LÊ ĐẠI LÃNG

Ngang một ngã ba, chiếc taxi rẽ trái và con đường bỗng nhiên thắt lại như chỗ hõm của cái hồ lô rượu. Bên phải là triền núi dựng, hùng vĩ đâm vút trời xanh. Bên trái là thung lũng sâu như vực ở trong và thoai thoải triền cát vươn ngoài biển xanh. Con đường vẫn khi bóp khi mở, những chỗ quành gắt như cùi chỏ tưởng chừng xe sắp lao xuống vực nhưng liền trên triền dốc, một lối đi lại mở ra vun vút. Biển trải rộng xanh ngát trời lên những lọn sóng bạc đầu vỗ, trên kẽ đá văng bọt tung trời khiến nhiều lúc tôi có cảm giác như nghe được tiếng sóng át tiếng xe. Xa hơn nữa, tít đường chân trời giữa hai hòn đảo nhỏ một cánh buồm trắng mỏng manh hiện, cô độc như sự dịu dàng trỗi lên trên trùng khơi biển cả. Bỗng nhiên hai câu thơ của Quách Tấn hiện về. *Chiều chiều trông nước Lai giang thủy. Thấp thoáng buồm treo mộng cố hương.* Tôi chắc là tất cả những người Việt xa xứ đều không khỏi chạnh lòng khi nhìn thấy một cánh buồm lơ lửng tít xa ngàn ở một nơi nào không là quê hương. Tôi đã từng thấy những chiếc tàu sắt to lớn và hàng không mẫu hạm của Hoa Kỳ neo ngoài khơi của Hương cảng nhưng những kỳ công nhân tạo ấy chỉ cho cái cảm giác chiếm đoạt -- sự chiếm đoạt ngạo nghễ của con người trước thiên nhiên -- đầy thách thức và dục vọng. Nhưng một cánh buồm ẻo lả trên biển chơi vơi như nỗi nhớ nằm giữa muôn trùng xa cách, lại đẩy vào lòng cái âm vị của lạc loài cô độc. Không một nhà tù, một tà niệm nào lại có thể dấy lên trong lòng người giữa trời xanh và biển vút như thế! Cũng không có một nhà tù nào thực sự, có hàng rào mắt kẽm, cổng sắt, lính gác hiện hữu ở chốn này, khó tin lắm. Bởi đây là con đường đèo, tuy hẹp, nhưng rõ ràng đang dẫn lên trời, xa lìa đất bằng người bé, xa lìa cao ốc khói tàu buông, và nơi đến dường như bất cùng.

Nhưng đã hiện ra đằng trước, qua lớp kiếng xe và màng sương mỏng, một lờ mờ thành trì bít lối đi. Nghẽn lối. Xe lùi ra không được; tiến tới thì cổng sắt nằm chờ. Lưỡng nan xoay sở. Bỗng một nhân viên cải huấn sắc phục vàng hiện ra từ trạm canh xây dính liền vách núi.

"Chỉ cho xe vào trại để *de* ra. Người phải xuống."

Người tài xế nói lại bằng tiếng Anh. Nhìn chiếc taxi chầm chậm bò vào trại vòng trở ra, tôi bỗng nhiên hồi hộp. Adam há chẳng từng đi bộ ngược lại con đường núi với ba lô nặng trĩu trên vai khi không được vào trại là gì! Nhìn những cành cây rơi rải rác trên đường còn ươn ướt nước mưa, hậu quả của trận bão Brenda vừa quét qua hai ngày trước, tôi bỗng...nản. Gì chớ đi bộ trên đường đèo trơn như thế này với một *sắc* tay lớn đầy sách báo thì chắc chắn là chân mình sẽ mềm hơn đá. Mấy ông "A Xòe" (1), cho tôi vào đi, đường trơn thế này làm sao đi bộ về.

"Chờ chút, chờ người dẫn đi."

Người gác cổng nói sau khi trả lại thẻ chứng minh. Như vậy là họ cho tôi vào. "Chờ người dẫn đi" bởi trại giam Cape Collinson nằm sau và bên trong khuôn viên của một nhà tù nhốt thiếu niên Hồng Kông phạm pháp. Muốn vào trại phải băng ngang nhà tù này. Ở đâu không biết chứ so với các thứ "trại cải tạo" của Hà Nội thì đây đúng là một trại cải tạo hiểu theo nghĩa tốt rất phù hợp với danh xưng đề ngoài cổng. *Trại Cải Tạo Cape Collinson* (Correctional Institute). Một dãy nhà hai tầng có tường bằng ca-rô đỏ với phòng học, bảng đen, thầy giáo (mặc thường phục) đi ra đi vào trông không khác một trường học thứ thiệt. Trước sân, từng nhóm "cải tạo viên" đang xếp hàng một đi ắc-ê diễn hành theo nhịp đếm của

nhân viên Cải huấn. Tôi tin chắc là chính phủ Hồng Kông không thèm dàn cảnh (kiểu ma mãnh của nhà đương cuộc Hà Nội khi có phái đoàn đến thăm nhà tù của họ) mà đây đích thực là sinh hoạt thường ngày. Không một dấu hiệu đối ăn nào trên mặt cải-tạo-viên Hồng Kông. Tiếng nhạc quân hành rộn rịp từ một góc sân trỗi dậy hùng tráng với những "quản giáo" không mang vũ khí bỗng tạo nên một khí hậu hiền lành.

Người đàn ông bụng phệ đứng chờ giữa sân cờ tự giới thiệu là trại trưởng, chào tôi vui vẻ.

"Anh đến đây lần đầu phải không?"

"Vâng, đường sá xa xôi quá."

Nụ cười đang reo chợt tắt. Người đàn ông cúi mặt thở dài.

"Ít người tới đây thăm họ (người tỵ nạn) lắm. Chỉ có một ông râu xồm tới đây vào ngày thứ Bảy."

"Tôi không chính thức làm việc ở trại này thưa ông trại trưởng. Chỉ đến biếu họ một ít sách báo Việt ngữ."

"Tốt lắm. Nếu có gì cần sự giúp đỡ của tôi xin cứ nói. Cứ gọi tôi là Diệp Tống, khỏi "xín-xáng" (tiên sinh) gì nhé."

Ông giơ tay chỉ văn phòng làm việc rồi kêu một nhân viên dẫn tôi đi. Thế đất càng đi càng chúi xuống, những căn nhà gạch, sơn vàng sáng sủa do đó nằm nghiêng như những con ốc sên đang cố trườn lên núi. Người dẫn đường đưa tay chỉ một góc núi, nơi đó, hai dãy nhà tôn cũ kỹ nằm song song bên trong cái lồng lưới sắt.

"Trại tỵ nạn."

"Trại tỵ nạn." Tôi lẩm bẩm lập lại. Đúng là nơi thâm sơn cùng cốc. Trẻ con đang co ro bám vào mắt lưới nhìn ra đời, một đời tù khác ở phần đất cao ở trước mặt chúng. Dưới chân chúng là nền đá hay chân núi, rất dựng. Biển sóng tung gầm cuối tầm mắt bỗng như xóa trong tôi cái tâm cảm đẹp đẽ về sóng nước chỉ mấy phút trước đây. Những đợt sóng triền miên vỗ dưới chân núi trại tỵ nạn chợt hóa thành loài thủy quái trắng dã lè lưỡi hăm he tràn lên nuốt chửng cái trại giam nhỏ nhất ở Hồng Kông. Người vượt biển đang ở trong cũi lồng trên biển, nhìn ra bầu trời đâm đầu xuống nước, như bi khúc *Hổ Nhớ Rừng*. Những con hổ nhớ rừng, một thứ rừng man rợ độc ác ngày đêm bên dưới mở mắt ra là thấy. Những con hổ đang chờ quyền phán xét của người, không phải *Biển* như *kẻ phán xét cuối cùng* trong ca khúc của Phương.

Ông cụ y phục chỉnh tề, áo bỏ vào quần thắt dây lưng da, đôi giày cũ sờn mũi nhưng tươm tất dù cách trang phục như thế càng khiến ông cụ lạc lõng giữa những người mặc quần đùi ở trần trùng trục. Cái cửa lưới vừa mở thì cụ đã vội vã chìa tay ra, trịnh trọng. Tôi ngạc nhiên.

"Bác đi "tiếp kiến" (2) ạ?"

"Tôi đón cậu đây." Cụ trả lời, điềm đạm. Tôi vừa sợ nhưng lòng chợt nảy sinh một sự kính nể đối với phong thái của cụ Nhiên, hiệu trưởng cái trường trong trại gồm hai lớp học rưỡi. ("Rưỡi" bởi căn phòng dành cho mẫu giáo chỉ vuông vức mỗi bề ba thước). Tôi khỏa lấp sự lúng túng của mình.

"Sao bác biết con vào?"

"Họ vào hỏi tôi đó cậu."

"Con đem mấy thứ trường cần hôm trước chị An Phương nhắn."

"Cám ơn cậu."

Cụ trả lời chậm chạp, có cái gì buồn buồn trong khóe mắt. Hình ảnh của "cụ Tú" viết câu đối Tết trong một truyện ngắn của Phan Tấn Hải bỗng hiện về. Lâu rồi tôi cứ tưởng bức chân dung *cụ Tú* chỉ là một hoài niệm xa xôi về một nét đẹp đã mất. Nhưng bây giờ, ở đây, *một cụ Tú* vẫn còn, vẫn trầm tĩnh trong lồng sắt nơi núi chận biển dừng.

Mọi thứ ở đây đều chật và tối tối. Hai lớp tiểu học mờ mờ. Cái phòng chu vi ba thước vuông làm lớp mẫu giáo cũng ẩm đạm. Vách núi che hết ánh sáng chăng? Thật ra, ba phòng học xây như phòng biệt giam của nhà tù cộng sản dù diện tích lớn hơn. Không khí ẩm và ướt. Quanh quẩn nỗi nặng nề thinh lặng, ngay cả trong hai dãy *barrack*. Cái không khí sinh hoạt, cãi vã, chơi đùa trên sân béton ở vài trại giam khác như thiếu; và màu sắc của buổi chợ chiều quạnh hiu nhuộm trời.

"Tụi em không có sách toán. Phải tự soạn lấy."

Phong nói. Chúng tôi vừa nhận ra nhau là hàng xóm của hai mươi mốt năm trước. Hồi đó Phong ở nhà đối diện, buổi sáng mở cửa ra là thấy mặt nhau. Tôi nhiều lần dùng ná dây thun đứng bên này hàng rào bắn rơi những trái khế bên nhà Phong, và ù té chạy mỗi khi thấy mẹ Phong xuất hiện. Bây giờ mẹ Phong đã mất sau những đau buồn ly loạn. Phong dắt đứa em lưu lạc tận chân trời. Chúng tôi không bao giờ nghĩ hơn hai mươi năm sau lại gặp nhau trong cùng thân phận lưu đày. Những ngày thơ ấu của rượt bắt, đánh lộn, cây khế, tiếng ve mùa hè và những cơn lụt mùa đông Huế về trong trí lung linh và ẩm đạm, xa ngắt. Thân phận thì chung nhưng cảnh ngộ thì khác. Dường như ý nghĩ đó lóe trong mắt Phong, người giáo viên cô đơn cầm cục phấn trước đám học trò rời rạc nói về những công thức toán, những định lý; và một *phương trình vô định*. Tiếng giảng bài của Phong nghe chừng lặng lẽ trong lớp học thu hẹp tối tăm, một thế giới nhỏ trong một thế giới nhỏ. Ngoài kia, những thùng cháo buổi trưa đang được tù nhân Hồng Kông đẩy trượt trên đường dốc hẹp chuyển xuống cho người tỵ nạn. Từng tù nhân Hồng Kông mặc đồng phục xanh xám chuyền những thùng cháo qua cánh cửa lưới tỵ nạn. Những thùng cháo có pha đậu xanh được đón nhận bình thường, không hấp tấp,

vội vàng chi với món ăn đã ngấy.

Bên chân núi, những cô gái xăn quần ngồi chụm nhau trước những lỗ hủng đục sâu vào núi để lấy nước. Cơn bão đã cắt nguồn nước cung cấp cho toàn trại ba ngày nay. Tắm, giặt, uống, tất cả từ "nguồn" nước ri rỉ chảy từ chân núi. Một cô gái vừa dùng ca nhựa khoét sâu thêm lỗ hổng vừa nói.

"Nước Thạch Sanh đó anh ơi."

Cape Collinson đa phần là người Huế. Tôi sực nhớ điều đó vì tích "Thạch Sanh" buột ra từ nơi cô tịch này. Người Huế -- hoặc có thể cả hai miền kia nữa -- thường lấy chữ thạch-sanh để chua cay nói về một việc bất tận. Chẳng hạn khi có khách đến nhà thình lình không kịp thổi thêm cơm thì họ nói "Cứ ăn đi, nồi ni nhỏ nhưng rồi thạch-sanh đó nghe!" Nếu cứ nhại theo kiểu này thì có thể nói "người vượt biển thạch sanh", "đánh nhau trong trại thạch sanh" vân vân. Tôi nghĩ sự tách biệt cố tình của nhân viên cải huấn để các miền không sống chung nhau là sự lập lại của "chủ nghĩa chia để trị" tưởng đã theo bóng ma Pháp thuộc. Những trận đổ máu giữa một số miền Nam và miền Bắc ở Hei Ling Chau năm ngoái thực sự ra ngoài tầm nghĩ tới. Cơn ác mộng đó vẫn đeo những người ở đây theo lời họ kể lại. Tuy nhiên không thể coi là xung đột *tất nhiên* giữa hai người. Vấn đề nằm ở chỗ có một sự ngộ nhận quá đáng, đúng hơn là thành kiến cho rằng ở lâu với cộng thì thành người cộng sản. Khi bàn cãi vấn đề này trong trại tôi thường nhận những ánh mắt nhiều ngụ ý, xăm xoi. "Thằng cha này binh cộng!" Tôi không hiểu khi nhìn trẻ thơ miền Bắc, và trẻ miền Nam cũng sinh và trưởng thành trên đất nước hoàn toàn bị thống trị, những người có ác cảm với người phía bên kia vĩ tuyến 17 nghĩ gì. Có sự khác biệt nào giữa hai cặp mắt tròn thơ dại, màu da trắng mũm mĩm, nhận chịu cùng một nền gọi là giáo dục, ăn cùng một tiêu chuẩn "quốc doanh", cười chung một tiếng, khóc cùng nỗi đau và sống trong cùng một đường hầm tắt điện? Cùng trong một môi trường như thế, vấn đề hòa giải tất không cần đặt ra. Mọi sự tự né đã đồng dạng rồi. Dường như cộng đồng hải ngoại đang loay hoay sang mệt "phong trào" khóc, phong trào đặt vấn đề "hòa giải". Hết "quốc ca" thì đến "hòa giải". Để coi, hòa giải với ai? Với chính thể Hà Nội à? Tôi nghĩ nếu tính đến chuyện hòa giải với Hà Nội thì người ta đã đặt sai vấn đề tự *căn bản*. Không một con quỉ nào lại hạ mình ngồi nói chuyện tay đôi với con người nếu con người không có *bùa*. Mình tay không mà đòi thương lượng với người có vũ khí. Chỉ là chuyện phi tưởng và cao ngạo quá đáng, hoặc tệ hơn là tự ái vặt.

Lúc lấy xong bức ảnh lấy nước thạch sanh, tôi chợt nghe tiếng hỏi:

"Đi đến đây có dễ không anh?"

Tôi chợt nhớ câu trả lời của người tài xế tắc xi, lúc tôi hỏi đường đến trại giam.

"Cape Collinson hả? *Cái mậy* (Ở cuối đường)!"

**LÊ ĐẠI LÃNG**

# Ngàn vàng ca dao

**Yêu nhau gởi cả hoang đàng**
**Trăm cay cúng tặng, ngàn vàng cúng cho**
**Trăm cay trả lại người xưa**
**Ngàn vàng anh giữ cho vừa lòng nhau**
**Biết chừng mai mốt gặp đâu**
**Ngàn vàng mua được câu chào hay không?**
**Cầm bằng nước lá người dưng**
**Đôi mình sau trước chưa từng quen nhau**
**Vô duyên ơi! cái tình đầu**
**Thề trăng, trăng lặn, thề sao, sao mờ**
**Thề sông, sông lại đắm đò**
**Thề non, non lặng, thề hồ, hồ im**
**Thề ngày rồi lại thề đêm**
**Ngày mưa ủ dột, đêm chìm sương vây**
**Leo lên thề lá trên cây**
**Vàng Thu lá rụng phủ đầy thề xưa**
**Bực mình thề nắng, thề mưa**
**Nắng qua hàng xóm, mưa chưa tới mùa**
**Thắp nhang thề miếu, thề chùa**
**Miếu giăng tơ nhện, chùa mờ rêu phong**
**Thôi dành neo ở giữa sông**
**Đêm trăng đổ hết ngàn vàng ca dao**

**ĐỊNH NGUYÊN**
10/89

# GANG TẤC, QUAN SAN

VŨ HUY QUANG

Penny Prengschat cao cỡ thước bảy là ít. Cô ta gốc Đức. Tôi không biết gì về cô ta cả nhưng mới gặp là tôi cảm tình liền. Gọi là bà mới đúng ngôi thứ tuổi tác, nhưng tôi cứ gọi bằng cô, bởi người đàn bà này với tính tình, nói cười, dáng dấp... phải là cô trong tiếng Việt. Khi nói là tôi không hiểu gì về cô cả, bởi lẽ với người nào không phải gốc Á Châu, tôi rất kém nhạy cảm nơi tâm tình họ. Penny đi giày đế thấp, với tóc vàng chải bồng, tôi đứng cạnh, lấp ló thua cô nửa cái trán. Chỉ trong mươi phút trò chuyện, với tâm tính cởi mở và lối kể chuyện vui vẻ của cô, tôi mới biết là Penny đã từng đi lính, lại là lính Thủy Quân Lục Chiến Mỹ. "Quá trẻ để dự thế chiến II, quá già để dự trận với Mc Arthur bên Triều Tiên" cô cười dòn dã "Vả lại, tôi chỉ trong ban quân lương ở hậu cứ." Joe và tôi cũng cười.

Tôi khoái tỉ vì Penny cởi mở, lịch sự, thẳng thắn. Năm năm ở Mỹ, qua ít bạn Mỹ tôi đã chơi, tôi thấy được một điều: phản ứng của họ không giống người Á Châu, càng khác tâm tính người Việt. Điều mà tôi tưởng họ thế này, thì họ thành thế khác. Nhưng mà trên hết, giao tế của họ thẳng thắn.

Một buổi chiều trở lạnh, tôi lái xe đi nhận nhiệm sở. Khi một anh sinh viên quèn, độc thân vui tính như tôi thì điều gì tôi cũng làm được cả. Joe bảo tôi, tao làm Security cho cái cơ sở thương mại này, vừa có tiền, vừa đỡ vướng cẳng, mấy con mái cứ rủ tao đi chơi, cái kỳ thi vừa qua may quá mà tao không rớt. Tôi chộp lấy cơ hội, được rồi, tao cũng có licence gác dan như mày, cả năm nay bỏ nghề, tao xin làm cùng chỗ, được không?

Nó dắt tôi đi điền đơn, chỉ tuần lễ sau sở gọi tôi làm cùng chỗ với nó. Nó bỏ việc, nên tôi thay chỗ nó thì đúng hơn. Penny Prengschat làm ca từ tám giờ sáng đến bốn giờ chiều, tôi thì tiếp theo, tới nửa đêm. Khi hai đứa bàn giao, Joe cứ ngồi im, nghe Penny giảng giải về công việc.

Cái cao ốc làm cơ sở thương mại này sang trọng, sạch sẽ, từ cách trang trí đến loại thảm đắt tiền lót sàn. Lâu lâu, các nhân viên vào làm giờ phụ trội, đa số phụ nữ, ngồi mãi ở tầng trên. Chắc Calif. sợ động đất, nên cao ốc này, gọi là cao ốc, chỉ có hai tầng. Gác dan ngồi tầng dưới, điện thoại, tủ lạnh (hai cái), bàn ghế, máy nóng, máy lạnh... đủ cả. Máy bán nước ngọt. Máy bán cà phê. Máy bán thức ăn.

Penny hướng dẫn tôi dạo quanh bin đinh và căn nhà lớn gọi là nhà kho. Vừa đi vừa nói chuyện ríu rít. Đối với đàn bà, tôi được cái là hay nghe họ. Thế là vừa hỏi nhát gừng về chìa nào dùng cửa nào, bấm số tắt báo động điện ra làm sao, định nhiệt độ nơi nhiệt kế phòng chứa *chips* điện tử sao cho phải phép, mở cửa tắt đèn thế nào.. tôi biết được luôn là Penny ở không xa đây "... tám phút lái xe..." và "... chưa có con bao giờ... vì chưa bao giờ lấy chồng..." và "... ở nhà hoài cũng buồn, nên tao mới đi làm, ôi, một tháng hai ba ngày mà thôi..."

Penny đưa cho tôi mấy tờ tạp chí Time, Newsweek cũ mèm, đều nói về chủ đề Thiên An Môn, bảo "... để cho mày đọc... tối thứ Bảy, tao phải chuẩn bị đi party..."

Tôi cười, nhìn theo cô ta ra

xe, xe Nova màu xanh đời 77, 78 gì đó. Penny vẫy vẫy, mạnh khỏe, tươi tắn, trông như vợ một ông Thượng Nghị sĩ, hay một bà Hiệu trưởng trường trung học. Bộ đồng phục của công ty vừa khít người, váy xám, vest đỏ, sơ mi trắng lại có nơ sợi mảnh thắt ở cổ áo như tôi thấy đàn bà Mỹ ở Texas hay buộc, màu đỏ. Tôi nhìn theo mà cảm tình quá đi mất. "Chỗ này là chỗ lý tưởng của bạn đây, đi tuần vài vòng, thỉnh thoảng thôi, rồi tha hồ mà học" Penny lái xe vòng quanh, thò đầu ra nói một câu rõ lảnh lót. Joe cũng lên xe nó vẫy tôi một hồi mới về.

Khi còn ở Việt Nam, tôi chả có bạn gái hay bồ bịch gì cả. Các tương quan tình cảm của tôi về tình duyên toàn là thương vay khóc mướn qua tiểu thuyết, của người khác, tôi cũng không phiền hà gì Penny khi cô gọi lầm tên tôi. Tôi là Trọng, thì Penny gọi là Trung. Dĩ nhiên họ Nguyễn của tôi bề gì cũng khó phát âm, nhưng tôi đâu có gọi họ cô ta ra là Prengschat bao giờ. Ở cái nhà trọ của tôi toàn bọn nhóc con, nhỏ tuổi hơn tôi nữa, ồn ào quá sức, nên chỗ gác dan này làm tôi học bài dễ hơn. Đổi ca với Penny cuối tuần, thay vì đến sở bốn giờ, có khi tôi đến hai giờ sớm hơn, bảo cô cứ về nhà, tôi làm thế cho. Dĩ nhiên bảng chấm công tính tiền vẫn bình thường. Penny khoái lắm. Tụi tôi thường nói chuyện cà kê với nhau nửa giờ, bốn lăm phút... rồi mới chia tay.

Tôi bảo cô ta:

"Tao muốn nói tiếng Anh nhà nghề, mà tao không học ngành văn chương được, cứ phải học nghề, tao buồn."

"Thế thì mày đợi có việc xong rồi, đi học Anh văn thêm có sao? Đời mày dài mà."

Tôi nháy nhó:

"Tao không trẻ nữa, chỗ vắng người Việt thế này, tao phải lấy vợ Mỹ. Nên phải nói hay mới có gia đình được."

"Tao thấy mày nói được rồi."

Tụi tôi nói chuyện với nhau lẩm cẩm như thế, thế mà sau lại thành thân, hơn cả bạn học cùng lớp của tôi nữa. Thằng Joe xong tam cá nguyệt học toán với tôi, nay nó qua lớp khác, cũng xa cách với tôi hơn, vì nó lại có việc pha rượu cho một quán nhậu và nhảy đầm "lương khá mà vui."

Tôi buồn gần chết, vì nó thích tôi lắm, đủ mọi sự, chỉ trừ "không biết uống bia, nên ít nói, ít thích con gái." Tụi tôi bớt thân nhau vì ít gặp nhau như trước.

Nhưng mà tôi kể lại với Penny là tôi ít khi có người nói chuyện, cô ta không nói gì, suy nghĩ một hồi, rồi có lần bỗng bảo tôi: "Mày đừng có mang cơm đi ngày mai, tao biết cơm Việt Nam mày thích, nhưng mà tao cho mày ăn thịt thỏ tao nấu kiểu đặc biệt một bữa." Câu này viết thành tiếng Việt, bạn có hiểu không, nhạt mà còn buồn cười nữa. Nhưng khi Penny nói, cái giọng quyến rũ lắm, sexy, vì cái lối lên bổng xuống trầm trong tiếng Mỹ của cô, lại bảo là nấu thịt thỏ, bạn nên tin là cô ta tốt bụng thật, vì tôi biết, đàn bà Mỹ không giống đàn bà Việt, nấu đồ ăn đem cho bao giờ. Còn bảo đừng mang cơm theo là thường trong tiếng Việt, nhưng RICE với tiếng Anh lại buồn cười như ta bảo cô bạn Mễ đừng ăn beans, ăn đậu vậy.

Khi tôi hỏi "Mày cho tao đồ ăn left-over à" Có nghĩa là đồ ăn không hết bữa trước, thì Penny cười vui lắm "Không, đã thế, mày cứ ăn rice, nhưng sau khi xuống ca gác dan, mày lại nhà tao."

"Chắc chắn có Kraut nhé" Kraut là món cải chua của Đức, Penny gốc Đức mà, còn đọc báo, xem sách tiếng Đức được, nên Penny lại cười "chắc chắn."

Tôi đổi ca cho Penny hôm ấy gần Giáng Sinh, trời lạnh gần chết từ lúc bốn giờ chiều, nghĩ đến nửa đêm lại nhà người khác để ăn bữa cơm, ngại quá. Tôi chưa lại nhà Penny bao giờ.

"Đây, mày đi theo như tao vẽ đường." Penny viết địa chỉ vẽ đường, cười. Đuôi mắt tít lại, nhiều nếp nhăn, cả ở mắt cả ở cổ. Đàn bà Mỹ da không mịn bằng đàn bà Việt Nam, tôi nghĩ, nhưng mà mình có biết đàn bà ngoại quốc bao giờ đâu? Penny về rồi, tôi ngồi ngẩn ra.

Làm một mình được ít bài tập ôn ở lớp, tôi băn khoăn khi nghĩ lúc đến nhà Penny. Thân thì thân vậy. Xa cách thì vẫn xa cách. Tôi chả phải con cháu Khổng Tử, ông Khổng Tử ở bên Tàu thì phải. Tôi thích dáng khỏe mạnh của Penny, và đôi mắt xanh. Nhưng mà tôi không thích ở thế yếu.

Thế nào là thế yếu? Tôi không văn hoa được với đàn bà bao giờ. Penny, như nói ở trên, cao hơn tôi. Chắc cũng nặng hơn tôi. Xương cổ tay cổ chân to hơn tôi. Nó tiếng Mỹ giỏi hơn tôi là chắc. Giống như người ta hạ cố đến mình vậy. Thông minh coi bộ cũng hơn tôi. Có lần tôi đọc cuốn Older Women, nói về các mối tình của thanh niên với phái nữ lớn tuổi hơn họ, Penny biện luận thao thao. Tôi chỉ nghe được và cãi lý được nửa phần đầu.

Nhưng mà chưa chắc đã có tình gì với tôi đâu. Có hay không? Nếu không, sao mời tôi lại nhà? Hay là thấy tôi hiền lành, tội nghiệp tôi ở một mình, không ai nấu đồ ăn home made (đồ ăn nấu ở nhà), và thuần vì lòng tốt?

Nửa đêm, thằng José Aquinas lại đổi ca cho tôi. Tôi lên xe, tới nhà Penny.

Chết cha, căn nhà khu sang trọng. Căn nhà lịch sự, mà chủ nhân lại là người gác dan! Tôi đậu xe trước nhà, vừa tắt đèn xe thì đèn hiên nhà cũng bật. Sương phủ là đà, thần tiên như trong phim Peter Pan tôi đã xem vậy. Bà chủ nhà tươi rói mở cửa, nhường lối cho tôi. Sau những hồi nghe Ô với A để tỏ lòng thán phục với cách trang trí bày biện, Penny nói giọng dịu dàng "TRUNG (lại Trung, tên tôi là Trọng mà) mày thấy

không, tao trả nợ cái nhà này lâu rồi, từ hồi tao ở Thủy Quân Lục Chiến lận, tao đi làm vì tao thích có vẻ như tham dự với sinh hoạt xã hội. Mày là cựu quân nhân mà, tao với mày cứ nói chuyện với nhau như hai cựu quân nhân (tiếng Việt nghe không diễu bằng tiếng Mỹ trong câu nói này), mày cứ khen nhà tao làm chi." Tụi tôi cùng cười lớn.

Penny mặc áo dài phủ chấm gót màu trắng, đốm đỏ. Cổ áo khoét đủ sâu để tôi thấy một phần ngực trắng có lốm đốm tàn nhang. "Không có đèn cầy" Tôi nghĩ thầm. Penny cúi xuống múc thịt thỏ ra đĩa, cổ áo lấp loáng, vừa giải nghĩa cách nấu, nêm gia vị, ướp (tôi chả hiểu, chả nhớ gì).

"Mày phải uống rượu chát Đức." Penny nhìn tôi đăm đăm như không muốn nghe tôi từ chối.

"O.K."

Tôi ngồi ngay như tượng. Mặt đần độn. Không biết quyết định thái độ ra sao.

Tôi có đi nhậu khi ở trong quân ngũ. Tôi có xuống xóm. Nhưng mà tuy hồi ấy còn quá trẻ, tôi biết tôi phải nói gì, làm gì. Theo tụi bạn, tụi nó làm gì, mình làm nấy. Nay một mình với Penny ngồi trước mặt, xem ra tôi ở vào tình trạng khác hẳn. Sự nhập nhằng, tiến thối lưỡng nan xoay chuyển trong trí tôi làm tôi giống như một tên vừa gian xảo, vừa đê tiện. Penny nói về thời 1951, thuở gặp Mc Arthur với bà vợ và đứa con, nói về quỹ pension, về đầu tư, về tiền chiết giảm thuế... tôi nghe gật gật gù gù. Vả lại rượu chát đến mấy ly làm tôi dần dần đặc sệt đầu óc. "Đông Tây khó gặp nhau, có phải không" tôi hỏi.

Penny bảo "Tao cũng không biết."

"Tôi nói Tao thích mày lắm."

Tôi nói rồi biết lỡ lời, lấy tay bịt mồm lại.

*And now the end is near*
*And so I face*
*The final curtain*
*My friend...*
*I'll say it clear...*

Tiếng nhạc đệm tí tách run rẩy quyện với giọng Sinatra. Tình tứ bay tỏa căn phòng.

Penny quài tay, cởi nút áo lưng, nói "Đây." Cả bộ ngực thấp thoáng trước mắt tôi.

Tôi nhìn vào đấy. Tỉnh hẳn ngủ. Rồi nhìn cặp mắt cô ta, cặp mắt biếc như cặp mắt con mèo nhìn con chuột. Tôi nhột nhạt.Penny đến gần.Tôi ngồi yên. Penny ngồi lên đùi tôi. Đặt tay vào người tôi. Tôi nói khẽ.

"Tao không biết. Sex, với tao, là tình yêu. Tao sợ mày chỉ giải trí thôi."

"TRUNG, tình yêu không cần sex. Và sex không cần có tình yêu."

"Thế... sao?"

Mông của Penny đầy và tròn đầy. Phần hạ thể trắng và khít. Tôi quen lần với sự chủ động của Penny.

Tôi biết người da trắng cũng chung tình. Cũng tình cảm. Cũng rung động. Tôi vừa trao đổi phần rung động nhất với một người nữ khác chủng loại. Vậy mà tôi không biết tôi nghĩ gì. Chúng tôi vừa cùng mê man với nhau, rồi tôi chỉ còn thấy ngây ngây và thấy có gì trống rỗng, buồn buồn.

Tôi đứng dậy, sửa soạn về. Penny kéo mền lên ngang cằm. "Mày có thể ở đây nếu mày muốn." Tôi muốn dịch chữ you là anh. Có được không? Nếu là anh thì tôi ở lại. Nhưng mà You can stay here if you want, lần này tôi không hiểu. Có vẻ như câu nói của nơi sở làm. Âm thanh Penny thật khêu gợi, êm tai. Nhưng mà, you thì hiểu là gì? Biên giới thể xác đã vượt qua rồi, thế đã đủ chưa.

Trước khi khép cửa, bao nhiêu điều tôi muốn nói với Penny, nhưng tôi không nói ra được. Tôi không biết nói. Rung động từ tôi chuyển sang một ngôn ngữ khác với quy ước của nó, không còn là của tôi nữa rồi.

Cuối cùng, tôi nói nhỏ "Thank you, Penny." Và tôi ra về.

Đồng hồ trong xe chỉ năm giờ mười lăm sáng.

**VŨ HUY QUANG**

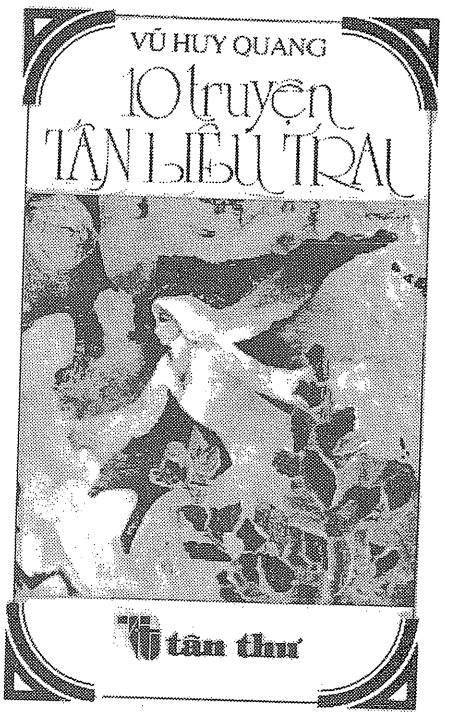

# VẠN LÝ ĐỘC HÀNH

## VĂN LANG THI SĨ

Helsinki, ngày 1 tháng Chín, 1989

Anh T.L.V.S.

Hình ảnh oai hùng của tôi, các bạn đã thấy trước khi đi: một anh 47 tuổi hiên ngang (không mặc cảm) đeo cái ba lô và túi ngủ, sánh vai với các thanh niên trẻ khắp nơi trên thế giới... lăn lóc ở các nhà ga Âu Châu. Họ đi rất đông, tuổi chỉ trung bình từ 16 tới 22, 23... đại đa số là dân da trắng khắp các nước.

Đại diện cho bạn trẻ Việt Nam là tôi, cùng chen vai thích cánh đi học hỏi khắp nơi, vì: đi một ngày đàng học một sàng không - đi cho biết đó biết đây, ở nhà bia rượu biết ngày nào khôn?

Ở Âu châu, với một cái vé EURAIL PASS người ta có thể tới khắp các nước... và nếu người ta đi kiểu giang hồ: không ở khách sạn, đi để quan sát đời sống từ dưới đáy lên chứ không đi kiểu con nhà giầu xem viện bảo tàng, thì chẳng tốn kém gì, mà lại học hỏi rất nhiều. Vâng, tôi đã đi như thế. Ăn vài miếng bánh mì kẹp phó mát, xúc xích. Uống: nước mang theo trong bi đông. Ngủ: kiếm nhà bạn, nhà người quen, trải túi ngủ ra xin ở nhờ. Do vậy tôi đã có dịp lăn lộn khắp Phần Lan, Thụy Điển, Đức, Đan Mạch, Pháp, Thụy Sĩ, Hòa Lan, Tây Ban Nha... Ba ngày nữa đi Na Uy. Lại vừa trở về từ Moscow Liên Sô... Tính ra từ năm ngoái tới nay lang thang khắp Á châu: Hồng Kông, Macao, Thái Lan, Mã Lai, Tân Gia Ba, Nam Dương... Về Mỹ, hơn một tháng lại lăn lóc khắp nước Mễ Tây Cơ...

Tôi đã học nhiều, vâng nhưng không nơi nào có ấn tượng sâu đậm ghê gớm như chuyến đi Moscow Nga Sô.

Tại đây, thấy tận mắt các cửa hàng quốc doanh những hàng dài con người thèm thuồng mệt mỏi đứng làm hàng suốt hai, ba tiếng đồng hồ để mua một gói đường, miếng thịt. Nhìn những nhà phố không sinh khí, không cửa tiệm. Nghe ban đêm cái tín hiệu ma quái của đài phát thanh Mạc Tư Khoa - Nhìn các công an cảnh sát chìm nổi vây bọc lấy khách sạn với du khách do cơ quan nhà nước Intourist tổ chức. Nghe những câu hỏi ngớ ngẩn của người dân Nga. Nói chuyện với những thanh niên Việt Nam 19, 20 tuổi đi làm công nhân xuất khẩu... (Nam, đi sáu năm, nữ đi bốn năm khóc đòi về, nhưng lại sợ bị đền tiền. *Tôi không còn một chút ảo tưởng nào nữa về chế độ cộng sản*. **Chấm hết.**

Về Phần Lan nói chuyện, những người bạn Phần Lan cười bảo: đấy là **thủ đô** Moskva - cuộc sống còn tệ hại hơn nữa ở các miền khác. Có lẽ tôi phải viết nhiều mới đủ, nhưng hiện vẫn còn tiếp tục đi nên chưa có thì giờ để làm việc này.

Nhưng tựu trung, thật hữu ích, những chuyến đi. Ở Paris mua một thùng hơn 80 cuốn sách CSVN để xem thêm. Thùng sách đó có lẽ đang trên tầu về Mỹ. Cần đọc họ để xem có cái gì biến đổi? Nên đọc cuốn "*Những thiên đường mù*" của Dương Thu Hương in 1988 - Cuốn "*Nhớ nghĩ chiều hôm,*" hồi ký trước khi chết của Đào Duy Anh. Ở Moscow có ghé tiệm sách đường Goocki mua thêm một số nữa, và sau chuyến đi này, đọc về Perestroika và Glasnost mới thấy thú vị. Gooc ba chốp là lãnh tụ có học đầu tiên của Nga kể từ khi Lênin - chắc ông ta rất khổ tâm khi muốn thay đổi nước Nga, nhưng có thuyết phục nổi một guồng máy đã khô cứng từ 1917 tới nay không, đó là một chuyện khác. Hay là lại... nửa đường đứt gánh?

Hai ngày nữa quay lại Thụy Điển, thăm Trần Dạ Từ (bốn ngày nữa hắn sang Mỹ). * Tôi sẽ qua Oslo xem nước Na Uy cho biết... Đến 21 tháng Chín lại đi Ấn Độ. Sẽ thăm nước Ấn bằng tầu lửa trong vòng năm tuần. Tiếp, đi Nepal hai tuần. Cuối tháng Mười Một qua Thái, lần này đã xin được chiếu khán ở Thái ba tháng (Tòa lãnh sự

Thái ở Helsinki khá dễ dãi. Lý do dễ hiểu: đại diện lãnh sự và toàn thể nhân viên đều là... người Phần Lan. Không làm khó dễ).

Nhờ công việc tổ chức trại hè văn hóa ở Phần Lan, tôi có tiền đi tiếp. Làm có 13 ngày, sau khi trừ thuế 35% vẫn còn được hơn 1,200 đô Mỹ. Đi vé máy bay eroflot của Nga rất rẻ. Qua Á Châu không tốn kém gì, và với cái túi ngủ thì màn trời chiếu đất: ngày ăn bánh mì cà ri, đêm ngủ nhà ga. Qua Thái... lại ở nhà cô G. Cô ấy đã trịnh trọng viết thơ qua phần Lan mời tôi. Tất nhiên tôi vui vẻ nhận lời.

Bác sĩ H. và tôi đã bàn bạc, phân tích và kết luận: chúng tôi không nên kết hôn. Nhưng cô ấy thấy tôi đi giang hồ đâm ra động lòng. Phần nữa, cũng đã chán các công việc nặng nhọc ở nhà thương, lại phải phụ trách công việc... phá thai, nên cô ấy đột nhiên bỏ việc trong lúc tôi đang ở Hauho tổ chức trại hè. Bán cái apartment. Và thu xếp cùng lên đường đi Ấn Độ Nepal, nhưng đồng ý: Đến Bangkok chia tay. Cô ấy sẽ xuống miền Nam Thái, vào một tu viện Phật giáo ở Surathanee. Rồi sang Mã Lai làm việc ngắn hạn cho Hồng Thập tự trước khi qua Nhật Bản vào một thiền viện khác. Chúng tôi hôm nay vừa thu xếp xong.

Đó là vài chi tiết về chuyện tình xin kể ra: nó vốn không có gì riêng tư khác. Tôi làm gì, định cái gì, không bao giờ e thẹn dấu diếm. Tính tôi khác hẳn tính của anh T. (Nhút nhát, kín đáo, sợ thay đổi, không dám nói rõ cái gì mình thích, cũng mơ mộng nhưng không đi vào hành động, hay bỏ cuộc.. trước dục vọng) Tất nhiên anh T. có nhiều tính tốt (cương quyết... không có tiền vẫn hay đãi bạn... Nghèo nhưng vẫn đưa tiền cho bạn đi du lịch v.v...) Còn tôi, tất nhiên nhiều tính xấu, nhưng xét ra đa số chỉ là tính xấu chung của người Việt Nam mà ông Trần Trọng Kim đã mô tả trong cuốn Việt Nam Sử Lược (nghèo thích khoe khoang, hay nhạo báng bài bác, hay sợ quỉ thần). Còn nói cho ngay cũng có vài tính tốt như: phải ra trận thì cũng can đảm (đi Moscow, giữa lòng đất địch v.v...)

Ngoài ra, nhờ lăn lộn trên trường quốc tế, các tính xấu đang bớt, các tính tốt phát triển thêm, mà trí óc lại mở mang... cho nên anh T. sẽ đi lui, mà tôi đi tới!

Chỉ có thiên nhiên mới làm tôi khiếp sợ! Sức khỏe kém. Bệnh Thyroid trở lại. Mắt mờ. Làm việc chóng mệt... Nhưng tôi vẫn chiến đấu và học hỏi... Hướng đến cái đẹp (của những chuyến tầu băng qua rừng cây bạch dương... của lúc chuyến tầu ngừng lại một nhà ga xứ Thái...) Và biết đâu, trong vài tuần nữa khi mặc quần đùi lội xuống sông Hằng thì thánh thủy sẽ làm tôi khỏe lại, trẻ lại? Chưa kể ở Phần Lan đã ăn rất nhiều thứ nấm, có những dược chất không ngờ?! Và khi đến đất Phật thăm vườn Lâm Tì Ni? Khi leo ngọn Hy Mã Lạp Sơn ngồi trên băng tuyết? Biết đâu?

Bọn Tư bản và bọn Cộng Sản đều là bọn duy vật. Các bọn ấy không thể hiểu rõ vũ trụ này, thế giới này ai dựng nên? Sau khi chết đi đâu? Thế giới biết bao nhiêu bí mật nan giải?!

Tại sao tôi đi Ấn Độ? Tại sao tôi đi Népal? Tại sao tôi sẽ có mặt ở một nơi mà từ thế kỷ thứ bảy, thầy Huyền Trang tức Đường Tam Tạng đã có mặt cùng với Tôn Ngộ Không, Trư Bát Giới và Sa Tăng? Nếu không phải duyên nghiệp? (Tại sao tôi đi Mã Lai? Tại sao tôi gặp cô H. người Phần Lan? Tại sao cô H. rủ tôi đi Ấn Độ trong khi tôi định đi chuyến tầu băng nước Nga, băng Tân Cương Mông Cổ qua Bắc Kinh thăm nước Tầu? Nếu không phải duyên nghiệp?)

Có lẽ đây là cuộc trở về chứ không phải ra đi! *"Trở về đất Phật,"* thấy tiền kiếp của mình lại là một chú bé Ấn Độ? Xứ Ấn huyền bí biết bao! Và ở Katmandou, trên nóc nhà thế giới, chắc sẽ khám phá thêm bao điều mà một đời người không nghĩ hết, biết hết.

Rồi một ngày khi quay lại Mỹ, cùng ngồi xem football với anh H. Taekwondo, ngồi bên chú Ba cùng với hai cô bạn Việt Hoa đề huề... Ngồi hát "ai về bên dẫy núi xanh lơ" với anh H. dược sĩ... sáng sớm mai đến phòng anh T. (nay đã dọn nhà) xem anh ta khịt mũi: đi ra đi vào mở máy xe ô tô... Có lẽ tôi sẽ chỉ lặng yên!

Có lẽ, ngay cả khi ngồi bên anh, Thăng Long văn sĩ Trương Tam, dẫu cho anh có nói gì... Dẫu cho Bắp thịt trước đã Lý Quật có lấy thịt đè người... Tôi cũng chỉ lặng yên!

Vì tôi đã đi trên khắp các đại lục - đã qua mọi kinh thành: xem Tây thuộc địa kỷ niệm 200 năm phá ngục Bastilles... Mạc Tư Khoa... Hoa Thịnh Đốn... Kuala Lumpur... Bangkok... Mexico city... Amsterdam... Stockholm... Copenhagen... Đã tắm trong những hồ nước cực lạnh của miền Bắc Phần Lan... Đã cởi trần dưới ánh nắng gay gắt của hòn đảo Pulau Bidong... Còn gì nữa để nói??? Và giả dụ, có ngồi nghe các đại cán bộ Cộng Sản giảng về Tư Bản Luận, cách mạng tháng 8, tháng 9, tháng 10, Lê nin nít, Kờ rút chốp, Xít ta lin, lô gích khách quan của tiến bộ lịch sử, quy luật phát triển tư tưởng chống áp bức giai cấp, áp bức dân tộc, áp bức tinh thần... thì tôi cũng chỉ cười xòa! Vì tôi đã chụp hình ở quảng trường đỏ trước mặt nhà thờ Saint Basil bên hông nhà xác Lênin. Vì tôi đã đi trên đường Arabát, đường Goóc ki. Vì tôi đã đi thăm các công nhân xuất khẩu Việt Nam ở I van Giép Ka, lương 200 rúp một tháng. Đóng thuế 30 rúp. Trả tiền ăn ở tằn tiện hết sức mới dành được 50 rúp. Đổi theo giá chợ đen cả tháng còn được 5 đô la. Vì cuốn sổ thông hành của tôi đã đóng hàng trăm con dấu với đủ các thứ chữ ngoằn nghoèo (chữ Thái, chữ Sanskit), chữ Nga, chữ Phần Lan... Còn ai sẽ bịp được tôi?

**Tôi là mặt trời khô bắt đầu từ bóng tối!**
**Là phút chốc của một muôn thuở lạnh lẽo và ẩm ướt.**
**Tôi đã đi từ châu Á, sang châu Mỹ, châu Âu**
**đêm ngày ngồi im trên những chuyến tầu!**
**Đã khóc từ Hồng Kông qua Thái Lan**
**trên làn sóng bạc đầu**
**trên hòn đảo Mã Lai đau như tiếng gọi**
**toàn Á châu cùng một nỗi sầu!**

Tôi đã nhẩm hát ở Barcelona trên con đường đá, bên nhà thờ dựng bởi bàn tay Gaudi. Chui rúc trong những con đường hẹp tìm Miro, nhìn sợi râu Dali, và Picasso cũng một nỗi sầu.

**Biển Ban Tích mùa đông đóng băng:**
**mặt trời không mọc!**
**Ở đây ở đâu, đã nói gì?**
**đã làm gì, ở Ba Li, ở Cali?**
**tiếng trống, tiếng cồng, tiếng đàn gamelan**
**con tu hú trong bụi cây Băng Cốc**
**vặn ngược thời gian từ cuộc sống phẳng lì!**
**Tôi đã đi từ châu Mỹ về châu Á**
**có một lần dừng lại nhà ga nọ**
**đêm đã khuya, núi non đứng dậy**
**cả một thời xưa xao động vẫy tay chào**

**Tôi cúi xuống, có gì hối tiếc**
**thời gian qua chờ đợi đã lâu**
**con đường cũ, đi không trở lại**
**theo ánh trăng chạy trốn nỗi sầu.**

**Hát đi em, Barcelona con đường đá**
**nhà thờ, bàn tay Gaudi,**
**cái đầu Miro, sợ râu Dali...**

Ở Dormund bên Đức, có một người bạn trẻ Việt Nam: Một nhà văn. Bố cũng là một nhà văn đã nằm tù ở Việt Nam 20 năm vì là một nhà văn. Ở tổng Palais, Thụy Sĩ, vây bọc chung quanh là những núi đá phủ tuyết trắng xóa, có một đứa trẻ tỵ nạn Việt Nam không cha mẹ: Suốt ngày ngồi trên cửa sổ viết thư về Việt Nam: Ở Katrinehoc Thụy điển có vợ chồng một thi sĩ và một nhà văn nữ Việt Nam, đến định cư cùng những đứa con. Họ đã rời bỏ Cộng Sản Việt Nam.

**Tôi cúi xuống biết gì hối tiếc?**
**Thời gian qua chờ đợi quá lâu!**
**Con đường cũ nhiều khi không trở lại**
**Như bóng trăng chạy trốn nỗi sầu.**

**Tôi tự hỏi có gì vĩnh cửu?**
**nếu phút giây chứa đựng thiêu thân?**
**nếu mặt đất cựa mình bật khóc?**

**Mùa hè Phần Lan mặt trời không lặn!**
**nụ hoa hồng trắng từ năm ngoái**
**con chim kivitasku hót trên cành cây bạch dương.**

**(Kivi là cục đá**
**Tasku là cái túi)**

**Con chim tivitasku reo lên như một cái túi**
**đựng những cục đá kêu róc rách.**
**Có một con chim khác:**
**hót vào buổi chiều, con chim satakieli.**
**(Sata là một trăm**
**Kieli là cái lưỡi)**
**Nó là con chim họa mi kêu trăm giọng véo von**
**Và một con chim khác nữa, màu nâu nhạt,**
**sọc trắng, chạy trên những cánh đồng Phần Lan,**
**vừa chạy vừa nhảy. Đó là con chim vastarakki.**
**Kivitasku, con chim túi đá hót trên cành cây bạch dương**
**nụ hoa hồng trắng giữa mùa hạ**
**mặt trời mọc suốt ngày đêm!**

**Có lẽ:**
**thời gian không đi, nhưng ta**
**đã đi vào mùa thu của cuộc đời**
**Lá chớm vàng, tóc chớm bạc**
**Giọt nước mắt chảy xuôi như hạt mưa rơi**

**Có lẽ:**
**trái đất không quay, nhưng ta đã đi**
**quá xa trên những chuyến tầu**
**Mỗi nhà ga dừng lại không lâu**
**Đã đi, ít khi trở lại**
**Mặc đêm nay ở đây, đêm mai ở đâu!**

**Ngồi một mình nghe gió Bắc thổi về:**
**chẳng bao lâu tuyết sẽ phủ kín rừng bạch dương**
**Mặt hồ hôm nay sóng lăn tăn**
**rồi sẽ đóng băng**
**Mùa đông Bắc Âu vĩnh viễn một màu trắng xóa**
**Mối tình Bắc Âu vĩnh viễn buồn sầu!**

Đó, vui buồn của một người đi du lịch, mà từ tháng Sáu người ta đã hỏi: Chết chưa tôi làm gì ở xứ này, đã bao lâu, bây giờ là lúc nào, mùa hè mặt trời không bao giờ lặn, mười hai giờ đêm vẫn sáng như ban ngày, mọi người khoác tay ngả nghiêng đi uống bia như đi xem hội.

Từ tháng Sáu, người ta đã nhận thấy thân thể béo đẫy ra, vì muốn ngủ là ngủ, muốn dậy là dậy. Ngoài trời, trên ngọn bạch dương lúc nào cũng có những con chim kêu "huýt viiô, huýt viiô." Bên dưới, đám lá cây trường xuân nở những nụ hoa đỏ tía. Bên trên, bầu trời chạy dài đến tận xứ sở người Lapp thấp bé miền Bắc, người Nga Sô mỏi mệt xếp hàng mua thịt phía đông, người Thụy Điển, Na Uy, Đan Mạch phía Tây, người Đức, Thụy Sĩ, Pháp Lang Sa, Tây Ban Nha phía Nam.

Ở đây, lúc nào đói: ăn bánh mì đen phết mật ong rừng, cá hương cá hồi ướp muối qua loa, rắc hành hoa và rau thìa là. Thay vì cơm, người ta ăn một thứ khoai tây nhỏ bằng đầu ngón tay cái trộn với kem sữa chua. Tráng miệng: Phó mát trắng nấu với dâu dại. Còn nấm rừng ngâm nước muối, ăn với các thứ dồi làm bằng thịt lợn xông khói bồ đào hoặc cá trích bắt ở bể Ban Tích.

Đi! Đi ra khắp thế giới, mở tung các cánh cửa của một căn phòng u ám buồn sầu. Đi ra khắp thế giới từ bỏ bóng tối ủ rũ ở đó người ta gặm nhấm mãi một dĩ vãng teo tóp mà thời gian không chịu giải quyết, cứ để cho mũi nhọn ốm đau khoan mãi vào cái đầu mê tín, cái lồng ngực thiếu dưỡng khí, (e sợ kiểm thảo, công an) làm cho da thịt mục rã và linh hồn chìm xuống vực sâu. Xin hẹn một lá thư sau!

Thân
**VLTS**

* Trần Dạ Từ đã đến Hoa Kỳ trước khi thư của VLTS đến.

# THI SĨ VÀ THƠ

NGU YÊN

Nhân vật chính trong cõi thơ là thi sĩ. Từ trời đất sinh thành đã có thơ. Thơ ấy vô hình. Trước một cảnh hữu tình, có người thảng thốt: Cảnh đẹp như thơ. Nghe lời thi vị, có kẻ gật gù: Nói hay như thơ. Những người ấy chỉ mới cảm nhận được thi tính phải đợi có thi sĩ, cảnh đẹp mới thành thơ:

**Ngày mỏng quá ngày ơi**
**Sắc xanh là sắc da trời**
**Mong manh là khói lặng lời là mây.**
*Thu Ca - Võ Phiến)*

Phải chờ có thi sĩ, ý hay mới hóa nên thơ:

**Thế giới có triệu điều không hiểu**
**Càng hiểu không ra lúc cuối đời**
**Chẳng sao khi đã nằm trong đất**
**Đọc ở sao trời sẽ hiểu thôi.**
*(Không hiểu - Mai Thảo)*

Thi tính ở khắp nơi. Cảnh vật, sự việc, ý tưởng đều có thi tính. Thi tính làm lòng người rung động. Thi tính gợi nên cảm hứng. Thi tính gây ra những phản ứng của tâm tình. Thi tính không những ở trong cái đẹp, cái hay, cái thi vị, mà ở cả trong cái xấu, cái dở, cái không thi vị. Một phần, vì chẳng có thứ gì xấu mà không có cái đẹp, vì chẳng có điều gì dở mà không có cái hay. Chỉ thấy mặt trước mà không thấy mặt sau, ấy là vì mắt người có giới hạn. Chỉ nghe được bên ngoài mà không nghe được bên trong, ấy là vì lòng người không có lá nhĩ. Phần khác, chính cái xấu, cái dở, tự nó cũng gây nên những xáo trộn trong hồn người. Bất cứ là gió xuân hoặc gió đông, hễ có gió thì có sóng. Gió lớn làm sóng lớn. Hễ tâm tình có phản ứng, thì hoặc buồn, hoặc vui, hoặc đau khổ, hoặc khoái trá, hoặc phẫn nộ, hoặc khinh bỉ, hoặc thắc mắc,... Bất kể ở trạng thái nào, hễ có tài, thì có thể làm thơ. Thơ tình cảm, thơ trí tuệ, thơ tả cảnh, thơ thân phận, thơ thời cuộc, thơ trào phúng, thơ đen, thơ điên, thơ ngông, thơ giập mật, thơ trào máu, thơ cù nèo... Thơ nào cũng có thể hay. Thơ hay không do loại thơ mà do người làm thơ. Ai cũng có thể cảm nhận được thi tính, nhưng thi sĩ là người duy nhất có linh năng biết dùng những thi tính ấy để khai sinh ra thơ.

Rất nhiều học giả đồng ý với nhau rằng: Thơ là một loại văn chương có trình độ cao nhất và cô động nhất trong văn học. Suy ra, người sáng tác thơ có một địa vị oai phong. Văn chương là cái gốc của văn hóa, là động cơ của văn minh. Không thể không tin, thi sĩ đóng một vai trò quan trọng trong lịch sử phát triển của nhân loại.

Người ta thường nghe: làm thơ không thành mới viết văn. Viết văn không thành mới viết khảo cứu phê bình. Suy ra, danh vọng của thi sĩ dẫn đầu trong giới sáng tác văn chương. Vượt ra khỏi văn chương, danh vọng ấy còn bao trùm cả thời đại và thế kỷ. Muốn chối cãi danh tiếng của thi sĩ Nguyễn Du còn khó hơn là chỉ một cây cổ thụ bảo là cỏ dại.

Không tin? Hãy nghe từ bên kia, nhà thông thái Wallace Stevens xác nhận: "Thi sĩ là gạch nối giữa con người và vũ trụ." Denise Levertov còn ví von một cách thi vị: "Thi sĩ là những khí cụ mà huyền lực của thơ dùng để hòa nên âm điệu." Thi hào Czeslaw Milosz, trong bài diễn văn đọc khi lãnh giải Nobel văn chương, đã diễn tả khả năng siêu thường của thi sĩ, là "người bay trên cao, nhìn bao quát cả mặt đất, nhưng cùng một lúc, có thể nhìn rõ mặt đất trong từng chi tiết nhỏ." Không những chỉ rình rập canh chừng để tri hô báo động cho thiên hạ biết những tin lành tin dữ, những cái đẹp cái xấu, những điều hay điều dở. Từ bên nầy, Xuân Diệu còn cho thi sĩ là kẻ bậc nhất phong lưu lãng mạn: "Là thi sĩ nghĩa là ru với gió, mơ theo trăng, và vơ vẩn cùng mây..." Chưa hết, với Nguyễn Tất Nhiên, thi sĩ còn là kẻ

ngông nghênh. Sinh ra để làm những chuyện nghiêm trang. "Kẻ biết thế nào là đứng đắn khi đùa giỡn với ngôn ngữ. Đứng đắn khi hiến đời cho thơ. Đứng đắn khi hiến thơ cho đời." Cả Tây lẫn Đông, người tung kẻ hứng, người hô kẻ ứng. Thử hỏi, trên thế gian này, còn có mấy ai hơn được thi sĩ?

Chưa đủ tin? Hãy vào thư viện. Còn có hàng vạn câu nói cao kỳ của trăm ngàn danh nhân, học giả ca tụng người làm thơ. Có người nhận xét rằng: Thánh nhân hoặc anh hùng cũng chỉ được khen ngợi nhiều đến thế là cùng. Lời nói nầy không đến nỗi khoác lác.

Lấy cái lý thông thường mà xét. Một bác sĩ hành nghề bất cẩn, bất chính, sẽ bị treo bằng. Một danh tướng bị đảo chánh có thể trở nên thường dân. Nhưng một người đã trở thành thi sĩ, sẽ không bao giờ bị tước đoạt danh hiệu ấy. Dù không còn làm thơ hoặc làm thơ trái nghịch với ý nghĩa sáng tác, như Tố Hữu, vẫn được nhắc đến như một thi sĩ. Nói cách khác, danh vị thi sĩ khi đã có thì không mất. Có lẽ vì vậy mà thời nào, ở đâu, cũng có lắm thi sĩ. Có người tỉ mỉ so sánh rằng: Nhân số thi sĩ nhiều hơn cả tinh tú ở trên đời.

Thi sĩ ở khắp nơi. Đi đâu mà không gặp thi sĩ. Ra đường thấy thi sĩ thì không dám tin những gì đã nghe. Thấy được mặt trước và mặt sau khác nhau, thường sinh sự nghi ngờ. Nghe được bên ngoài và bên trong nghịch nhau, thường gây lòng hoang mang. Không tin không phải vô cớ. Khó mà dám tin một kẻ có nhiệm vụ canh phòng báo động những chuyện quan trọng mà tính khí lại bất thường, mơ nhiều hơn tỉnh. Khó mà dám tin một kẻ đang làm đẹp làm hay cuộc đời chung mà cuộc đời riêng của hắn không có gì hay đẹp. Kẻ không biết lo cho mình, làm sao biết lo cho thiên hạ? Khó mà dám tin một kẻ thường ngày thích tưởng tượng mông lung. Có người xét rằng, thơ lãng mạn tả một con gà trống thành một con công. Thơ siêu thực tả con gà trống thành con Đại Bàng. Đến thơ Biểu Tượng, con gà chỉ còn mỗi cái mồng. Qua thơ Ấn Tượng, con gà hoàn toàn biến mất.

Cái khí cụ để thơ hòa nên âm điệu thường như không mấy hữu ích. Cái gạch nối giữa người và vũ trụ thường như không mấy cần thiết. Không tin là thực tế. Nếu có bay trên không trung hoặc bò sát mặt đất, thường chỉ làm cho thi sĩ tăng thêm vẻ rồ dại. Nếu vơ vẩn ru gió, mơ trăng thường chỉ khiến cho thi sĩ ngớ ngẩn ngô nghê. Còn đứng đắn hiến thơ cho đời thì chắc gì đời đã muốn nhận? Có lẽ vì vậy mà thơ càng ngày càng thừa thãi, thặng dư.

Nghe năm không bằng thấy một. Nghe chuyện xưa, chuyện xa không bằng chính mắt thấy nhãn tiền. Nghe kể thi sĩ như một nhân vật siêu phàm. Không hiểu đã hiển lộng nơi nào? Hoặc thời ấy đã qua rồi. Hàng ngày thấy thi sĩ thì tầm thường, xoàng xĩnh. Trời cũng có lý do sinh cho con người đôi mắt ở trước và chính diện, còn đôi tai nằm hai bên. Mẹ của hiền nhân Tăng Sâm nghe đồn con mình phạm tội trọng. Đến lần thứ ba thì bỏ nhà chạy trốn vì sợ vạ lây. Há chẳng phải là người nhẹ dạ ư?

Việc danh vị thi sĩ có mà không mất, được một người trào lộng giải thích rằng: Người đời thường chỉ tước đoạt những danh vị có giá trị. Lấy cái lý thông thường mà xét: Khi không còn tại chức, người ta vẫn kính nể những danh vị quan trọng. Họ xưng tụng nhau: Cựu Đại sứ, cựu Dân biểu, cựu Trung tướng... Nào có ai xưng là: cựu thợ thuyền, cựu phu xe, cựu rửa chén... Chẳng nghe ai gọi là cựu thi sĩ cả. Danh vị thi sĩ có đáng gì. Thiên hạ hơi đâu mà mất công phê bỏ. Danh nhân thời xưa đã có an ủi: "Hãy choàng cho thi sĩ một vòng hoa, rồi đuổi ra khỏi thành phố."

Ngay cả trong văn chương hiện nay, văn sĩ, người bạn đồng sàng chia mộng với thi sĩ, cũng đã lấn lướt cả thế lẫn danh. Giới thưởng ngoạn, giới chủ bút, giới xuất bản đều nâng niu văn hơn thơ. Cần gì chứng cớ, cứ xem sách ai in nhiều bán chạy thì biết. Cần gì đếm sách, cứ tự hỏi lòng mình thì rõ. Cái cao nhất và cô đọng nhất của văn học đã thua sút cái dài nhất và rườm rà chi tiết nhất rồi chăng? Thậm chí có kẻ nhận xét: "Thơ dùng để trám vào những chỗ trống, những trang thiếu quảng cáo trong một tờ báo." Hết thời đến như thế ư?

Nói xa rằng: Thi sĩ như tinh tú. Chỉ lấp lánh rạng rỡ trong những đêm trong sáng. Hơn nữa, phải tùy thời. Khi lòng người không rối rắm tơ vò cơm thiếu áo khan, khi mất người không bận bịu cúi gầm chăm chú dò đường, thì mới có thể ngước lên nhìn vũ trụ. Cả vạn tinh tú, chỉ có mặt trời, mặt trăng là sáng sủa đáng nhớ đối với nhân gian. Khi người ta không biết có những ngôi sao lớn hơn cả mặt trời, là tại vì người kém hay sao mọc quá xa. Trong những ngày tháng âm u, giông tố, những thứ mây đen phù du, những lũ sương mù mong manh, cũng có thể che kín ánh sao vạn kỷ.

Nói gần rằng: Cọp chết để da. Thi sĩ chết để thơ. Da có đẹp mới được chưng bày ở những nơi cao quí, mới được lưu truyền. Da xấu đành chịu quên lãng ở xó núi hay vực sâu. Thi sĩ là nhân vật siêu phàm hay xoàng xĩnh là tùy vào thơ của mỗi thi sĩ. Thơ dở, thi sĩ có cũng như không. Thơ hay, thi sĩ là gạch nối, là khí cụ, là siêu nhân, là người ôm trăng, gió vào lòng, là kẻ đứng đắn hiến đời cho thơ.

Thi sĩ như nhân vật chính trong truyện cổ tích Hoàng Tử Cóc. Từ thuở sinh ra đã đội một lớp da sần sùi. Bị người đời ruồng bỏ xa lánh. Trời muốn giao trọng trách cho người nào thì đày đọa thử thách người ấy trước. Cho đến khi nào làm được thơ hay, sẽ như con cóc gặp được phép lạ. Lớp da xấu xí kia sẽ biến mất. Con cóc hóa nên một vị hoàng tử khôi ngô, quyền thế hơn người. Từ lúc làm thơ hay, thi sĩ cóc trở thành thi vương. Không có một thi sĩ nào mà không có một thời như cóc.

Thơ dở, danh vị thi sĩ chỉ tạm thời, lấy lệ. Thơ hay, danh vị ấy trường tồn, chính hiệu. Định như thế chỉ là lý thuyết. Thực tế, người thưởng ngoạn, người phê bình, người làm thơ, đố ai dám khẳng định thế nào là thơ hay?

**Hay, không có một danh nghĩa toàn vẹn.**
**Hay, không có một cảm nhận chính xác.**
**Hay, mỗi người mỗi nhận xét khác nhau.**
**Hay, mỗi thời mỗi đổi thay, tiến hóa.**
**Hay nầy và hay kia có khi như trắng với đen.**
**Hay trước và hay sau có khi như núi với biển.**
**Hay trái và hay phải có khi như tướng cướp với thầy tu.**
**Hay một, hay hai, hay ba... Nhất sinh nhị, nhị sinh tam, tam sinh vô cùng. Không có gốc thì không có ngọn, nhưng ngọn thì không phải là gốc.**
**Hay có thể đồng dạng nhưng khó chung chi tiết.**
**Hay có thể giống lời nhưng thường khác ý.**
**Hay có thể quen ý nhưng dễ lạ lòng.**

Sẽ không bao giờ có một cái hay mà tất cả mọi người đồng ý. Sẽ không bao giờ có một cái hay mà không bị chê bai. Sẽ không bao giờ có.

Bao giờ cũng có một cái hay tương đối: Cái hay của thời gian gạn lọc. Cái hay của văn học sử chọn lựa. Cái hay của một số người có trình độ cao, ca ngợi. Nhưng cái hay tương đối thường do người đời sau thẩm định. Người cùng thời thường chỉ biết rõ cái hay của quá khứ.

Trong thi ca, nếu cái hay hiện tại rập khuôn theo cái hay cũ, là cái hay nhàm. Nhàm quá thành dở. Cái hay hiện tại hoặc đồng dạng, hoặc tiến hóa, hoặc khác mới so với những cái hay đã qua. "Hay khác mới" chính là mấu chốt của sự tiến bộ trong thi ca. Cái hay hiện tại là cái hay khó lường. Đếm biển có bao nhiêu sóng còn dễ hơn.

Đã là thi sĩ, ai lại không muốn làm thơ cho hay. Mà cái hay đương thời thì vô định. Biết làm sao để lượng cái hay? Mỗi thi sĩ đành phải hết sức mình tự định mỗi ý nghĩa và giá trị của cái hay. Chuyện còn lại chỉ có trời đất mới biết. Khó mà chối cải được kết luận của Đỗ Phủ: "*Văn chương thiên cổ sự. Đắc thất thốn tâm tri. Tác giả giai thù biệt. Thành danh khởi lãng thùy.*" *(Văn chương việc ngàn đời. Hay dở lòng biết thôi. Mỗi người mỗi vẻ khác. Tiếng tăm để cho đời.)* Và khó biết được cái hay nào, của ai, là cái hay tương đối của tương lai.

Chưa tìm được cái hay, chưa cởi được lớp cóc. Chưa tự định được cái hay mà đã xông xáo, tự hào, rán phình bụng cho lớn bằng người, coi chừng sẽ nổ tung cái bụng. Chết tươi rồi vẫn chưa hiểu vì sao. Mà hay thì không dễ tìm thấy. Thật là lẩn quẩn. Làm thi sĩ là chơi trò lẩn quẩn. Xưa mai, biết bao nhiêu là thi sĩ vì đi tìm cái hay mà xơ xác cả một đời. Cao ngạo "Ba bồ chữ" như Cao Bá Quát mà còn có lúc hối ơi: "*Ta ngã bế hộ điêu trùng, xỉ khẩu giảo văn tự... Hướng tích văn chương đẳng nhi hý.*" *(Đáng khinh ta làm thơ xó bếp, nhai từng câu từng chữ bo bo... Văn chương nghĩa lý ngày nào, buồn cười như thể trẻ con chơi đùa... Tường Vũ Anh Thy - dịch.)*

Đa số thi sĩ thì giống như một linh hồn. Sau khi chết không được lên thiên đàng, than van oán trách. Thượng Đế kêu đến, hỏi rằng: "Người có điều gì bất mản chăng?" linh hồn ấy trả lời: "Vâng, thưa ngài, ngài sinh cho tôi một trí khôn nhỏ bé, một óc nhận xét có giới hạn, một linh cảm mơ hồ. Làm sao tôi biết rõ cái gì hay, việc gì tốt mà làm. Không được thành thánh ấy là lỗi của ngài. Sao ngài lại trừng phạt tôi?"

Thượng Đế hỏi lại:

"Ngươi có biết thế nào là lầm lỗi chăng?"

"Thưa, vâng."

"Ngươi có biết cái gì là dở chăng?"

"Thưa, vâng."

"Thế là đủ rồi. Chỉ cần lúc sống ngươi không làm việc xấu, tránh những điều dở, không phạm lỗi lớn, thì ngươi đã vào được thiên đàng. Ấy là lỗi của ngươi."

Giữa hay và dở, dở dễ định hơn hay. Con người vốn từ chỗ dở cố trèo lên chỗ hay. Con người quen biết với cái dở, thường phải tập tành để hay hơn.

Trong thi ca, người ta khó thỏa thuận với nhau về một bài thơ háy, nhưng dễ đồng ý với nhau về một bài thơ dở, hoặc những điểm dở trong bài thơ. Dở không cần nhiều thời gian gạn lọc. Dở không được văn học sử chọn lựa. Dở không có các cao nhân ca ngợi. Có thi sĩ nào muốn tìm tòi, học hỏi những cách làm thơ dở chăng?

Dưới hay là dở. Giữa dở và hay là trung bình. Trung bình có nghĩa luận lý là không hay không dở. Thông thường có nghĩa là hay dở lẫn lộn, hay nhiều hơn dở.

Suy nghĩ, luận tầm cái dở trong thơ tương đối dễ hơn tìm cái hay. Hàng ngày thơ dở xuất hiện nhiều hơn thơ hay. Hàng ngày cao kiến về thơ dở tề chỉnh hơn nhận xét về thơ hay. Chí nhỏ dễ tương phùng hơn là chí lớn. Vô duyên vẫn thường xuyên đối diện hơn là hữu duyên mà thiên lý. Người xấu không tìm vẫn thấy, người đẹp muốn thấy phải tìm.

Có những cái ở dễ tìm và những cái dở khó tìm. Cái gì khó tìm thì đòi hỏi thời gian và sức tầm tập công phu. Có những cái dở bắt đầu từ quan niệm về thơ. Có những cái dở phát xuất từ lòng tin về thơ. Có những cái dở về nghệ thuật sáng tác. Có những cái dở trong kỹ thuật làm thơ. Cái dở lớn nhất là biết dở mà không sửa đổi.

Tránh xa nhiều cái dở chừng nào, thì tiến gần được cái hay chừng nấy. Người làm thơ chỉ cần tránh phạm những thứ làm thơ dở, thì sớm muộn gì cũng đạt đến cái hay. Hoặc có khi hết dở đã tự nhiên hay rồi.

Thi sĩ không cần phải gồng mình cử những bút tạ ngàn cân. Cây bút tầm thường tuy nhẹ, nhưng cầm cho lâu, cho khoái chí, cho thông suốt, đã đủ khó. Có người ngụ ý rằng: Bậc hạ nhân cầm bút nặng nề vì chữ hãm chế ngòi bút. Bậc trung nhân cầm bút nhẹ nhàng, chữ tuôn như nước sông. Bậc cao nhân cầm bút, không còn bút, chỉ có chữ.

Nếu vẫn còn nghi ngờ rằng, tìm cái dở cũng khó như tìm cái hay. Xin hỏi: Tìm vợ xấu dễ hay tìm vợ đẹp dễ? Đây là ví dụ: Một người chọn vợ theo đúng tiêu chuẩn: Cao ráo, mắt phượng, mày ngài, mũi cao, miệng nhỏ, môi trái tim, khuôn mặt trái xoan, má lúm đồng tiền, vòng ngực 38,

vòng eo 24, vòng mông 36... Đi khắp nơi. Tìm khắp chốn. Hai mươi năm ròng, người ấy mới tìm được một thiếu nữ vừa ý. Tưởng từ đây đã tròn trịa ước mong. Sau đêm tân hôn, người ấy mới khám phá ra vợ mình là một thân chủ lớn và thường xuyên của các thẩm mỹ viện chuyên giải phẩu sắc đẹp. Đẹp mà đụng mạnh thì méo. Đẹp mà chạm tức thì sợ vỡ. Đẹp như thế vốn chỉ để chụp hình. Hỡi ôi, hỏng cả một giấc mơ.

Cái dở ví như tóc và cỏ. Tóc không cắt sẽ dài. Cỏ không nhổ sẽ rậm. Tóc có cắt trông mới gọn gàng. Cỏ có nhổ mới trồng được hoa quả. Trước khi sáng tác, tìm thấy những cái dở, ấy là chuẩn bị. Trong khi sáng tác, cảm nhận được cái dở, ấy là tự chế. Sau khi sáng tác, sửa chữa những cái dở, ấy là hoàn tất. Có chuẩn bị công phu và thấu đáo thì tự chế mới tự nhiên và biến hóa. Bậc trí giả khi chuẩn bị việc gì thì thấy rộng nghĩ xa nên kết quả thường có chỗ hơn người.

Thi sĩ đúng nghĩa là người làm thơ hay, nhưng trước hết phải là người làm thơ không dở.

Người ta không chỉ phân biệt thi sĩ tạm vị và thi sĩ trường vị. Người ta còn phân biệt thi sĩ lớn và thi sĩ nhỏ.

Thi sĩ lớn là người làm thơ hay hơn những người làm thơ hay. Cái hay của thi sĩ lớn khác với cái hay lớn trong quá khứ, bao trùm và vượt lên cái hay đương thời, thành cái hay trường tồn trong tương lai.

Cái hay của các thi sĩ lớn không giống nhau. Mỗi người, mỗi vẻ, mỗi độc đáo, mỗi hay riêng. Nếu một dòng thi ca chỉ có toàn những đại thi hào như Nguyễn Du, thì nền thi ca ấy thoái bộ. Đem cái hay của mình núp dưới bóng cái hay của tiền nhân. Đấy là bản lãnh của các thi sĩ nhỏ. Thi sĩ lớn khâm phục chào tiền nhân rồi đường ai nấy đi. Vượt khác được cái hay của tiền nhân mà vẫn hay. Đấy là sự tiến bộ.

Đương thời, cái hay của một thi sĩ lớn gói ghém được cái hay của thời đại, nhưng lại có những độc đáo riêng tư để vượt lên cao, bay thật xa vào tương lai. Do đó, có người gọi thi sĩ là những nhà tiên tri của nghệ thuật. Thi sĩ lớn thường là những người tạo nên những tiến hóa, những thay đổi trong thơ.

Thi sĩ lớn đương nhiên phải có lượng lẫn phẩm. Một bông hoa đẹp không tạo nổi mùa xuân. Vài trăm viên gạch không xây được ngôi nhà đồ sộ. Ngoại trừ làm thơ hay, nhiều tác phẩm quan trọng, thi sĩ lớn còn có đặc tính thao thức về cái mới. Và có đức dũng để dám thí nghiệm những điều đã khám phá.

"Có khi nào mặt đất tròn hay không?"

Nếu hiện tại vẫn có người thắc mắc như thế, người ấy quả thật kém văn minh. Nhưng thử đi thử lại mươi thế kỷ trước, khi mọi người đều tin rằng mặt đất là một mặt phẳng nổi trên đại dương, thì thắc mắc nầy là câu hỏi lớn. Kẻ tìm ra câu trả lời là một vĩ nhân.

Sự tiến bộ thường khởi đầu bằng những câu hỏi khó được trả lời. Đa số những thao thức như thế thường bị xem là quái đản. Xét lại lịch sử văn minh, có rất nhiều ý tứ "quái đản" đã giúp cho con người thoát khỏi sự ngu dốt.

"Làm thế nào để bay được như chim?"

"Phi cơ."

"Làm thế nào để bơi được như cá?"

"Tàu ngầm."

Lãnh vực nào cũng cần có những câu hỏi "quái đản" như thế. Kể cả thơ. Nếu dò lại tiểu sử và sự nghiệp, đa số các thi sĩ lớn đều có nhiều ý tưởng "quái dị."

Không phải bất cứ thắc mắc "quái đản" nào cũng thành công. Nhưng không có câu hỏi tất không có câu trả lời. Không phải bất cứ thi sĩ nào cứ thắc mắc "quái đản," đều trở thành thi sĩ lớn. Nhưng không có thắc mắc, chắc chắn bộ óc sáng tạo ấy nhỏ.

Thi sĩ lớn thao thức câu hỏi lớn và thắc mắc ấy mới lạ. Câu trả lời có khi mang lại được một không khí tươi mát cho thơ. Có khi làm cho dòng thơ đương thời thêm độc đáo, đậm đà hương sắc. Có khi giải tỏa được những bế tắc của thi ca. Có khi cho thấy thơ không phải là thơ như người ta thường nghĩ.

Thắc mắc như thế không thể là thắc mắc tào lao, lập dị. Câu hỏi chỉ là kết quả của sự âm ỉ thao thức lâu ngày từ bên trong. Vượt qua người khác tuy khó, nhưng không khó bằng tự vượt qua chính mình. Nhận thức được cái dở, cái nhàm, cái bế tắc của bản thân, của thơ, cho thấu triệt, cho nản lòng. Thời cuộc nhiễu nhương, không gặp minh chúa, không ra làm quan, thì sự hối thúc truy tầm cái mới, cái khác, cái hay hơn, mới trung thật và cháy lửa.

Tiến bộ là cái nhìn từ bên ngoài. Khai tiến là cái nhìn từ bên trong.Nếu hay là yếu tố để thẩm định giá trị của thi sĩ, thì sự thành công của sức khai tiến là mức độ để đo lường chiều cao của thi sĩ. Hay và tiến quan hệ với nhau như bậc thang và khoảng cách giữa hai bậc thang. Thi sĩ từ chỗ thơ hay mà lớn lên để hay hơn nữa. Cây cao thì dân trong một làng đều thấy. Núi cao thì dân trong một tỉnh đều biết. Ngôi sao cao thì cả thế giới đều ngưỡng mộ.

Không cần phải định nghĩa thi sĩ là ai vì không có thơ thì không có thi sĩ. Không có thơ hay thì không thành thi sĩ. Không có mức hay của sức tiến bộ thì thơ ấy không thể vượt thời gian. Nói ngược lại, thi sĩ là người làm thơ, vượt cái dở để tìm đến cái hay, vượt cái hay để hay hơn, và làm thơ với ý thức khai tiến.

Vì khó dám định cái hay, vì cùng một cái tiến bộ mà có người nói tiến, có kẻ chê lùi, nên sự khai tiến của mỗi thi sĩ là điểm đáng ghi nhận. Và được thua, hay ở, lòng biết thôi. Danh là phước của trời. Nếu có một thi sĩ sau khi chết, người ta mới khám phá ra thi tài, thì có biết bao tài hoa chết tiêu mà không ai biết. Điều gì không thể không xẩy ra trong cõi người ta?

Thơ khai tiến về sự hòa dụng âm điệu, tiết tấu, văn phạm, ngôn ngữ và ẩn ý:

**Nó ở đâu ra. Cái nhe răng**
**Nó ở đâu ra. Cái trợn mắt**
**Nó ở đâu ra. Cái gầm gừ**
**Nó ở đâu ra. Móng và vuốt**

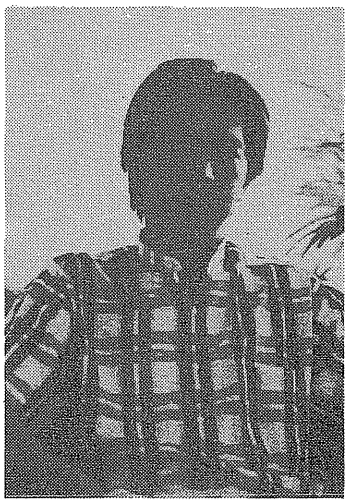

Ngu Yên

## TIỂU SỬ

Ngu Yên tên Nguyễn Hiền Tiên, quê quán Bình Định gốc miềm Kim Châu. Kể rằng thân thế khởi đầu, 20 tháng 11 sinh vào 52. Mặt mày trên mức xấu trai, học hành đại khái ngày ngày rong chơi. Nuôi hoài bão nhưng biếng lười, nên thường lấp liếm vài lời cuồng ngông. Sinh ra tâm tính lông bông, lớn khôn chỉ giỏi bềnh bồng nổi trôi, giữa cơn binh loạn dổi dời, xuôi dòng tản lạc thành người lưu vong. Tháng ngày sồi sụt long dong, vui buồn thơ động tiếng lòng nghêu ngao.

## TỰ THUẬT

Từ nhỏ tôi khoái chiêm bao, lớn lên ghiền mộng tuổi nào cũng mơ. Mộng mơ phát tiết thành thơ, rồi thơ tinh quái phỉnh phờ cả tôi.
Từ thơ quấn quít lôi thôi, tình trôi vào ý, ý trôi vào lời, lời trôi nhăng nháo vào đời, đời trôi uất kết hóa người Ngu Yên.

Chẳng ai yêu quý muộn phiền, chẳng qua cuộc sống dính liền khổ đau, mượn lộng ngôn hí lộng trào, thật ra trào lộng khác nào bi thương. Khi bình thường là nhiễu nhương, Ngu Yên vó vẩn bên đường yên ngu. Thú gì chẳng phải phù du, làm thơ để thỏ mịt mù thế thôi.

**Chúng ta đã gặp gỡ. Đã hẹn hò**
**Đã ôm ấp. Đã vuốt ve**
**Đâu thấy có nó**
**Chúng ta đã yêu đương. Đã sinh nở**
**Đã ghen tuông. Đã giận dữ**
**Đây thấy có nó**

**Chúng ta đã xụp đổ. Đã chia lìa**
**Đã nhắm mắt. Đã tưởng tượng**
**Đâu thấy có nó**

**Nó ở đâu ra. Sao nó ra vậy**
**Cụp nó lại. Dấu nó xuống**
**Bẻ nó. Chặt nó. Dục nó đi**

**Khó đấy**
**Làm cách nào bây giờ**
**Từ từ. Cẩn thận nhé**
**Anh hôn em.**

*(Thơ Tình Kiểu Nguyên Sa - Trần Dạ Từ)*

Nó là cái gì? Sao mà dơ vuốt, nhe răng, trợn mắt. Xưa, nó êm ái và lãng mạn, sao bây giờ dữ tợn như thế. Nó là phần nào trong tình yêu? Tình yêu vốn đã không đơn giản. Dù có trừ cộng nhân chia, tính nghĩ như thế nào, vẫn là một. Một mình. Có người đã nói rằng: Yêu nhau là cùng nhìn chung về một hướng. Ở đây, thi sĩ cho rằng: Yêu nhau, mỗi người nhìn về mỗi hướng. Chỉ có yêu mới quan trọng. Không nhất thiết phải cùng nhau chung nhau.

Tiến không chỉ cần thiết cho cá nhân mỗi thi sĩ, còn quan yếu cho mỗi dòng thi ca. Dân tộc nào cũng có thơ hay. Nền thi ca nào cũng có núi cao và cổ thụ. Nhưng ít cổ thụ thì hiếm gỗ quí, ít núi cao thì hiếm chỗ trèo cao. Một dòng thi ca chảy lờ đờ, chậm chạp, ấy là lỗi của thi sĩ. Gỗ kém, dễ bị mối mọt ăn mòn. Đứng thấp làm sao thấy được xa. Dòng thi ca nào càng tiến bộ càng có nhiều cái hay hơn những dòng thi ca khác.

Tiến không phải lúc nào cũng mới, nhưng đa số trường hợp là tìm đến cái mới. Nhắm mắt, bịt tai trước cái mới bây giờ, sao dám cười cổ nhân?

Không xưa lắm, khi ông Nguyễn Trường Tộ đi xuất ngoại trở về, giữa triều đình nhà Nguyễn, báo tin người Tây Phương có cái đèn treo ngược. Quan lớn, quan nhỏ, người học rộng, kẻ tài cao, đều lắc đầu quầy quậy nghi ngờ. Làm sao có thể tin khi một cây đuốc treo ngược mà không tắt. Bây giờ thì sao? Ai ai cũng tưng bừng bật đèn. Mấy ai nhớ đuốc. Quyền thế càng cao, càng muốn bảo vệ. Văn hóa càng lâu, càng muốn bảo thủ.

Đuốc và đèn đều là nguồn sáng. Và còn nhiều nguồn sáng khác nữa. Thời nào nguồn nấy. Tùy mỗi chỗ mà dùng nguồn. Mỗi bước tiến, ánh sáng thêm rực rỡ. Thi sĩ là người đi tìm ánh sáng cho thơ. Không phải là người dập tắt ánh sáng. Không phải là người chờ kẻ khác thắp sáng rồi đến đứng ké, soi chung.

Thi sĩ là người như thế. Đã nghe rồi. Sao còn lẩn quẩn đứng đây làm gì?

Tháng 10 năm 1989
NGU YÊN

# MỘT

TRẦN TRÚC GIANG

Lúc tôi đang đứng xếp hàng bên lầu, chuẩn bị châm điếu thuốc thì thấy nàng lẩn quẩn dưới sân. Đó là lần đầu tiên tôi bắt gặp nàng, cũng như những lần đầu tiên khác mà tôi vô tình bắt gặp một cái gì đó, rồi cũng có thể gặp lại hoặc không bao giờ gặp lại, thì diêm quẹt bị gió thổi tạt. Tôi châm lần thứ nhì bật lửa thật nhanh sợ rằng nếu bật chậm thì gió sẽ thổi tắt; tôi dí đầu điếu thuốc vào cụm lửa thoáng màu xanh tím. Chất diêm sinh làm tôi sặc sụa và chảy nước mắt sống. Hơi thuốc tanh ngòm. May ra, hút vội được một nửa thì mùi diêm sinh, cái vị chua lòm sẽ dịu bớt đi. Tôi vén tay áo dụi mắt thì thấy một tý ghèn màu vàng nhạt dính theo. Khói thuốc lá, mùi diêm sinh, những cơn gió nửa chừng, buổi chiều lưng lửng, sinh viên trên lầu, sinh viên dưới đất, tiếng cười nói, nước mũi vẫn còn lợn cợn giữa đôi mắt và hàm răng, chỉ còn hai người đứng xếp hàng trước tôi, cố gắng đánh hơi giống đực cái qua hơi thở nặng ở phía sau lưng, có tiếng chửi thề của vài người vừa đi qua tôi, cánh cửa bằng kiếng phản chiếu những hình thù lạ lùng, luống cuống cố tìm bóng dáng bằng cách vuốt tóc, lắc đầu qua lại rất chậm rãi, thì bỗng sực nhớ là đã thấy nàng đâu đó.

Ngoảnh đầu nhìn xuống dưới sân thì không thấy nàng đâu cả. Nàng đã bỏ đi hay tôi đã bỏ đi. Ngay đến ngày hôm nay, tôi vẫn chưa tìm được lời giải đáp. Tôi đứng, tôi nhón, tôi ướn. Tất cả những hành động liên đới đó chỉ để ngóng được nàng. Đằng trước tôi còn lại một người, đằng sau tôi hơn mười người. Tôi đã chờ hơn nửa tiếng đồng hồ để lãnh tiền bố thí của nhà nước cho sinh viên nghèo, chắc chỉ còn khoảng năm phút nữa thôi. Tôi đi, tôi bỏ đi. Tôi chạy xuống cầu thang. Tôi nghĩ rằng có vài người nhìn theo tôi. Tôi nghĩ rằng hơn mười người thích thú nhìn theo tôi. Chỉ một hành vi mà làm vui lòng hơn mười người, thì nghĩ cũng thích thú thật. Họ nhìn theo tôi, nhưng chắc rằng không ai ngóng theo tôi. Tôi vẫn không thấy nàng. Ồ, con gái nhiều quá! Tóc vàng, tóc đen, tóc bạch kim, tóc loe hoe. Gương mặt trái xoan, trái bí. Tôi vẫn không thấy nàng; dù rằng tôi không thể nào hình dung được nàng, cùng lắm là dăm bữa sau gặp vài đứa bạn rồi tặc lưỡi tiếc nuối về một người con gái thấp thoáng như câu chuyện tặng nhau không không, nhưng tôi vẫn nghĩ rằng, nếu cho tôi thấy nàng - một lần nữa thì tôi vẫn nhận ra nàng, như tôi vẫn từng nhận ra những người đàn bà con gái khác.

Khoảng mười phút sau, thì tôi thấy tôi đứng xếp hàng trên lầu. Trước mặt là mười mấy người, và không có hơi thở nặng nhẹ đực cái phía sau tôi. Tại sao lại không đứng xếp hàng thêm nửa tiếng và rồi bỏ đi? Nhớ đến thần thoại Hy Lạp,

đẩy đá lên núi và đẩy đá lên núi nhưng người đẩy phải là Charlot. Thảm kịch và tiếng cười. Lại nhớ đến thi sĩ vĩ đại của Ăng Lê. Đời sống tôi, tại sao, khi tôi trãi lòng, kể chuyện cho đời sống, tôi vẫn cứ phải tiếp tục vẽ ra những nhân vật quá khứ? Để biện minh cho hành động? Để làm cuộc đời hoặc một giai đoạn thời gian cá nhân trở nên thơ mộng huyền hoặc? Hay chỉ để kể chuyện như kể chuyện không không cho có vẻ kể chuyện? Tôi đã quên hẳn nàng và tôi cũng quên lẩm nhẩm tính toán cho những món nợ cần phải trả, cần phải khất cho tấm check sắp được lãnh.

*

* *

Gió buổi chiều ở Long Beach và gió buổi sáng ở Anaheim thật sự không có gì khác biệt, đó là sự kết luận của tôi trong suốt cả năm đi học. Buổi sáng thức dậy thì gió có mùi thơm của cây quỳnh mọc lén ngay cửa sổ. Buổi chiều thì gió lại gây gây lạnh, và tưởng chừng như có mùi của muối khô rào rạo trong lỗ mũi. Gần như ngày nào tôi cũng thắc mắc về sự khác biệt giữa gió của những thành phố mà tôi đã đi qua. Gió ở Sàigòn, ở Mã Lai, ở Nam Dương thì tôi đã quên. Ký ức của tôi được khai sinh từ những cơn gió vật vờ ở Van Nuys. Từ lúc đó, tôi sống với tuổi trẻ của tôi. Mùa xuân thì tôi có lý tưởng của bầu trời. Mùa hạ thì tôi có những cái nhìn vụng trộm về ngực của đàn bà con gái tung tăng trong *college*. Mùa thu thì có những chiếc lá xanh một mặt và vàng một mặt. Mùa đông thì ẩn mình vào những cuốn sách trong thư viện như một cách trốn tránh những trận mưa dầm dề và những ngọn gió cắt buốt da thịt. Tôi ước rằng có ngày tôi sẽ góp gió vào những điếu thuốc rồi tặng anh em. Tôi kể giấc mơ của tôi và tụi nó cười rần rần. Tụi nó cười từ lúc tôi học ở *college* cho đến lúc tôi vào *university*, tụi nó vẫn cười. Bạn của tôi, thật lạ. Lạ đến độ, có nhiều lần, tôi nhìn những gương mặt chung quanh tôi đang cười nói ầm ĩ và tôi hoàn toàn không biết tụi nó là ai cả. Có những khuôn mặt, nếu nhìn thoáng qua, thì thấy rất quen thuộc, nhưng nếu nhìn thật kỹ, rọi cả tâm hồn của mình vào ánh mắt thì sẽ khám phá nhiều điều kỳ dị và hụt hẫng. Nhưng có điều là tôi sống với tuổi trẻ của tôi là nhờ tụi nó. Mà quả thật, cuộc đời tôi chưa bao giờ có nhiều bạn như trong hai năm trời tôi đi học tại Valley College. Thế nhưng tôi vẫn thấy tôi ngồi một mình ở những chỗ đông người.Tụi nó ăn nhậu, tôi cũng ăn nhậu. Tụi nó nói chuyện tương lai, tôi cũng nói chuyện tương lai.Tụi nó buồn vui trời đất, tôi cũng buồn vui trời đất. Nhiều lúc, tôi nghĩ rằng tôi sống nhờ tuổi trẻ của tụi nó, tôi quên hết, tôi quên bẳng, quên cả tên, cả hình dáng của tụi nó. Nhưng tôi chắc hẳn, là tụi nó vẫn còn có tôi như có những hình bóng khác trong kỷ niệm của tụi nó, vì ký ức của tụi nó dù tôi có mượn, dù tôi có ăn cắp thì vẫn là của tụi nó. Nào ai có bị mất cắp ký ức, chỉ có người đánh rớt ký ức mà thôi. Cho nên những lúc tôi ở một mình, tôi một mình hơn bao giờ hết, hơn cả những người đang ở một mình, vì họ còn có ký ức, còn có những kỷ niệm dựng lên đời sống cô độc chung quanh; còn tôi, thì tôi chỉ có cá nhân tôi, có một cái tôi mà thôi.

Ngọc cười. Nàng lắc lắc đầu. Nàng chớp mắt. Thế giới của tôi lúc đó nằm nơi gương mặt nàng. Ngọc lại cười. Tôi nghĩ rằng lúc đó tôi yêu nàng vô cùng, yêu đến vỡ trần gian, như nàng vẫn thường nói, nhưng chưa bao giờ nàng nói yêu ai cả. Nàng hỏi:

"Thế còn Ngọc đâu?"

"Ngọc ở với anh. Ngọc ở trong anh."

Nàng cười. Tôi vẫn không biết tại sao Ngọc thường đặt những câu hỏi mà nàng đã biết trước những câu trả lời. Để dò lại bài toán cộng trừ nhân chia? Để hỏi, để tôi trả lời, và để nàng nhoẻn cười? Và để tôi quỳ xuống trước mặt nàng?

Tôi không nhớ tôi quen Ngọc vào dịp nào. Tôi biết chỗ nàng ở nhưng tôi chưa bao giờ được vào nhà. Tôi không có số điện thoại ở nhà của nàng.Bất cứ lúc nào nàng cần tôi, nàng đều có cách gặp tôi. Đúng ra, thì nàng chỉ có số điện thoại của tôi mà thôi. Và gần như trong suốt năm sáu tháng quen nhau, nàng chỉ gọi tôi hai hoặc ba lần là nhiều. Còn tôi. Mỗi ngày gọi nàng bốn năm sáu bảy lần ở sở làm của nàng, cho nên nhiều lúc nàng chưa cần tôi, thì tôi đã có mặt. Còn lúc nào tôi cần nàng, thì nàng chẳng bao giờ đoái hoài đến sự thiếu thốn của tôi.

"Như vậy là không công bằng, Ngọc biết không?"

Nàng cười:

"Vậy thì anh cứ tự nhiên không công bằng lại với Ngọc."

Nàng lớn hơn tôi ít nhất là bốn tuổi. Lúc mới quen nhau, nàng bắt buộc tôi phải gọi nàng bằng chị. Nàng lộ vẻ thỏa mản và sung sướng ra mặt khi tôi ngoan ngoản nghe lời. Nhưng đến lúc tôi nắm tay nàng thì kể từ đó, tôi xưng tên với nàng và gọi nàng bằng tên. Nàng để yên với cái thái độ là ban ơn cho tôi.

Tôi còn nhớ là khoảng một tháng đầu quen nhau, tôi rất khổ sở và phiền hà về sự bí mật của nàng. Tôi càng bực bội thì nàng càng vui vẻ. Tôi càng nằn nì xin nàng cho số điện thoại ở nhà thì nàng, nhiều khi, đã từ chối trước khi tôi mở miệng. Tôi có cảm tưởng là nàng bỏ tôi vào lòng bàn tay xinh xắn của nàng. Một đôi khi, tôi ước gì được bẹp dí trong bàn tay nàng.

"Anh là người con trai hèn yếu nhưng đáng yêu."

"Yêu anh đi."

Nàng nhắm mắt lại và để tôi hôn nàng.

Từ thứ hai đến thứ sáu, Ngọc cho phép tôi được lên sở

làm của nàng vào hai lần. Giờ ăn trưa và giờ tan sở. Mười một giờ rưỡi và bốn giờ chiều lái xe từ nhà tôi đến sở làm của nàng khoảng chừng hai mươi phút nếu không bị kẹt xe, cho nên thường thì tôi lên nàng vào lúc mười một giờ rưỡi, ăn trưa với nàng được một tiếng, và tôi ở lại cho đến bốn giờ chiều. Tôi giấu Ngọc chuyện tôi lén lút ở lại vì sợ nàng sẽ mắng tôi là thứ con trai èo uột. Nhưng tôi đoán chắc Ngọc dư hiểu vì đời sống của tôi lúc đó, thật sự, là của nàng ban cho. Tôi làm gì, tôi nói gì, tôi muốn gì thì nàng cũng đã thừa biết. Tôi là một nhánh xương sườn của nàng thì có lẻ là câu ví von đúng đắn nhất. Đời sống của người đàn ông phải phụ thuộc vào đời sống của người đàn bà thì mới đúng qui luật của Thượng Đế. Tôi tin như thế và tôi nghĩ như thế, mỗi khi tôi cảm thấy tôi không còn là tôi nữa. Vấn đề là khi tôi cảm thấy tôi là tôi, thì tôi cô độc và khổ sở vô cùng. Tôi không chịu nổi sự cô độc kinh khiếp đó. Nó bủa vây khắp giác quan và nó tỏa từ trong ra ngoài. Chỉ khi nào mà tôi đánh mất tôi, và tôi sống bằng đời sống của nàng thì lúc đó tôi mới cảm thấy an tâm. Ngọc cười vang lên, đôi vai nàng run rẩy trước mắt tôi. Tôi cũng cười theo nàng, nhưng tôi cười không có tiếng. Tôi còn nhớ là nàng tự động hôn tôi. Hôn phớt thôi, hôn thật nhẹ, nhẹ vô cùng, hâng hẩng như gió đùa trên cỏ nhưng người tôi thì nóng ran như uống một chai rượu mạnh. Có lẽ sự kích thích đó đã ám ảnh cuộc đời tôi cho đến ngày hôm nay, vì tôi vẫn nghĩ rằng, chỉ có da thịt, chỉ có hơi hám của người đàn bà mới tạo cho tôi được sự kích thích tột cùng mà thôi. Còn những loại kích thích tố khác như rượu chè ma túy chỉ dành riêng cho những người không biết hưởng thụ đồng loại. Tôi là người sống bằng khoái lạc và bởi khoái lạc, nhưng sự hưởng thụ khoái lạc hoàn toàn nằm ở trong đầu của tôi, cho nên ở cái bề mặt tại ngoại, thì rất nhiều người vẫn cho rằng tôi là một thanh niên gương mẫu, không rượu chè, cờ bạc hay trụy lạc. Tôi không kể cho Ngọc chuyện này. Chắc Ngọc không biết, vì nàng không để ý, chứ không phải không biết.

Tôi hay mang cho Ngọc những lát bánh mì trét bơ để nàng dùng cho buổi trưa. Có những lúc nàng ăn một tý và có những lúc nàng cầm theo vào văn phòng và nói với tôi rằng nàng sẽ ăn lúc tôi đi về; những lúc đó tôi biết rằng nàng sẽ ném những lát bánh mì vào thùng rác. Tôi chưa bao giờ chứng kiến cảnh tượng có vẻ tàn nhẫn đó, nhưng trong thâm tâm, tôi vẫn thấy nàng thản nhiên nhìn tôi đang nhìn nàng ném nó vào thùng rác.

Ở chỗ Ngọc làm việc có những bãi cỏ rất xanh mà nàng cho tôi biết đó là lý do nàng làm việc ở đây. Nàng đặt tên cho bụi cỏ ở gần cột đèn, nàng đặt tên cho bãi cỏ mà tôi và nàng thường nằm dài trên đó. Ngọc hay nằm sấp, còn tôi thì ngồi bó gối ngắm nàng. Có những buổi trưa, lúc tôi đến thì nàng đã nằm trên cỏ rồi. Tôi chỉ việc đậu xe, len lén đến gần nàng và ngồi xuống. Tôi đưa bánh mì cho nàng, và nàng vừa ăn vừa bóp vụn mảnh bánh rồi ném cho chim ăn. Nàng gọi tên của chim bằng đôi môi của nàng. Lâu lâu, nàng nhón bánh mì bằng hai ngón tay và mớm cho tôi ăn, nhưng chưa bao giờ nàng cho tôi ngậm ngón tay của nàng. Không nói với nhau một lời nào là chuyện vẫn thường xảy ra. Mới đầu, tôi còn mở lời, còn nói nhăng nói cuội nhưng nàng chỉ chống tay và nheo mắt nhìn tôi. Sau rồi tôi cũng chẳng thèm bận tâm. Nàng nói thì tôi nói. Nàng im thì tôi im. Nàng nằm trên cỏ thì tôi nằm trên cỏ, tuy rằng có lần tôi định nằm lên nàng mà bất kể đến người chung quanh. Lần đó, nàng ngồi bật dậy khi nàng thấy được ánh mắt của tôi. Chưa bao giờ nàng hôn tôi hoặc biểu lộ tình cảm thân ái khi có người lạ ở gần. Còn tôi thì như nàng vẫn nói, là con chó của nàng, chỉ quanh quẩn và ngoe nguẩy đuôi khi nàng tỏ vẻ yêu mến.

Tôi chơi với nàng, hay nàng chơi với tôi cho đến hết giờ ăn trưa thì nàng vào làm việc. Tôi nổ máy xe, lái xe ra khỏi chỗ đậu, giơ tay chào nàng, rồi lái đến tiệm cà phê gần đó. Gọi ly cà phê, ăn ổ bánh mì thịt, mang sách vở học bài, và chờ đến giờ gặp nàng. Đời sống sáu tháng liên tục của tôi là như vậy, nhưng tôi chưa bao giờ chán. Tôi chỉ chán nản khi thứ bảy và chủ nhật lại đột ngột đến. Ngày thứ bảy ngồi chờ chủ nhật, đếm ngón tay để gặp thứ hai.

Nhiều hôm, tôi lái xe thẳng ra biển. Vốc cát bỏ vào túi quần để tặng nàng. Lâu lâu, nàng cảm động thật sự; phần nhiều là nàng giả vờ cảm động trước những cử chỉ thần phục của tôi.

Hồi đó, tuổi tôi còn quá trẻ, cho nên tôi không để ý đến gió

của biển Santa Monica, và gió của đồi Hollywood. Khắp tôi là Ngọc. Mắt của tôi là Ngọc. Môi của tôi là Ngọc. Tay của tôi là Ngọc. Đời sống tôi, sao quá hạnh phúc!

Tôi còn nhớ là trong suốt sáu tháng trời quen nhau, chưa bao giờ nàng tỏ vẻ giận tôi, còn tôi thì trong hai tháng đầu, ôi thôi, giận dỗi hờn mát liên tục. Đôi khi, nàng hiện thân thành người mẹ. Nàng không giận tôi vì nàng không để ý đến tôi, hay nàng không giận tôi vì nàng quá để ý đến tôi - cho đến hôm nay, tôi vẫn không biết. Mà gần như với tất cả những người con gái đến với tôi rồi bỏ tôi đi, tôi vẫn hoàn toàn không hiểu gì về họ.

"Bao nhiêu người con gái đã đến với anh?"

"Ngọc phải hỏi là, anh đã đến với bao nhiêu người con gái chứ?"

"Không. Họ chọn anh rồi họ đến, chứ không phải anh chọn họ đâu."

Câu nói đó của Ngọc vẫn còn ám ảnh tôi đến ngày hôm nay.

"Vậy Ngọc đã chọn anh?"

Ngọc cười. Sau này, tôi mới hiểu rằng, cái cười của nàng là sự thay thế cho bất cứ câu trả lời nào mà nàng nghĩ rằng tôi sẽ bị tổn thương. Hồi xưa nếu tôi hiểu được chuyện đó, thì có lẽ tôi đã yêu nàng hơn nữa.

Bốn giờ chiều thì tôi đưa nàng về. Tôi đậu xe và đưa nàng đi bộ về. Về đến cổng nhà nàng là năm giờ mười lăm. Tôi đón xe bus, hai chuyến, đến chỗ đậu xe, rồi thảnh thơi lái về nhà, chờ ngày hôm sau. Mấy ngày đầu tiên thì người tôi nhức nhối vô cùng. Hai bàn chân đỏ ửng. Rồi cũng thành thói quen, cũng như mọi chuyện đã trở thành thói quen. Tinh thần lẫn thể xác của tôi đã trở thành thói quen của nàng.

Nếu có hỏi, cái gì là biểu tượng cho tuổi trẻ của tôi, thì tôi sẽ không ngần ngại trả lời rằng, đó là đoạn đường dài một tiếng mười lăm phút, từ sở làm cho đến nhà của nàng. Đoạn đường đó, tôi đã thấy bầu trời, hoa lá, cỏ cây. Tôi đã được nàng cho tôi biết thế nào là sự rung động trước thiên nhiên và chim chóc. Cũng trên đoạn đường đó, nàng dạy cho tôi những bài học vỡ lòng về văn hóa Việt Nam. Trí nhớ của nàng đã làm tôi thu gọn lại như một con kiến. Trí tuệ của nàng phủ lên thân thể tội nghiệp của tôi. Nàng đọc cả cuốn Kim Vân Kiều cho tôi nghe, nàng đọc ba mươi năm thi ca của miền Nam cho tôi biết. Nàng cho tôi, ôi, sao nhiều quá! Văn hóa Tây phương được tôi gom nhặt trong trường ốc chỉ vừa đủ cho nàng chớp mắt và mỉm cười với tôi mà thôi! Làm sao tôi có thể sánh được với nàng! Tôi với nàng, như một tiểu đồ lắt nhắt theo gót chân của tiểu thư mà thôi!

Mỗi ngày, nàng bắt tôi phải giảng lại cho nàng những gì nàng đã đọc hôm trước. Thuở đó, ôi, sao tôi quá đần độn! Tôi chỉ nhớ đến tên nàng gọi đến tên nàng là thế giới nở hoa. Văn hóa là gì, tôi đâu cần biết! Việt Nam là chi, tôi nào có màng. Hàng ngàn bài thơ từ trong trí nhớ nàng tuôn ra, đối với tôi, tôi tưởng là những lời yêu thương tình tự. Khi nàng cắn ngón tay suy nghĩ về một đoạn thơ chạy trốn, tôi chỉ nhìn thấy hàm răng nàng ngời sáng như thạch cao. Nàng nói:

"Anh là đứa học trò hư hỏng."

Ngọc đâu có biết, câu nói của nàng y hệt như tất cả những lời phê bình của những người dạy tôi từ trước đến nay.

Nàng có một cái tính rất lạ là không bao giờ giảng bài, hoặc cho tôi biết ý nghĩ của nàng về những gì nàng đọc cho tôi nghe. Nàng nghĩ gì về Nguyễn Du, tôi không biết. Nàng thấy gì ở Lý Bạch, tôi chịu thua. Thanh Tâm Tuyền, Bùi Giáng chỉ là những bài thơ hay sao, thì nàng chỉ cười.

"Thế giới này hư hỏng cả rồi. Thành kiến, định kiến suốt bao nhiêu thế hệ đã dầy đặc như sương mù. Ngọc cho anh dữ kiện mà thôi, còn sự suy nghĩ của anh thì để tự nó tự phát tiết."

Tôi vô cùng ngạc nhiên:

"Phát tiết?"

Rồi nàng đọc cho tôi vài bài thơ trong tập *Sa Mạc Phát Tiết*.

"Tại sao chữ trước lại là chữ sau, đi ra rồi lại đi vào, quẩn quanh quanh quẩn lại là đi vô?"

Ngọc lại cười:

"Anh là đứa học trò chậm hiểu."

Ngọc nào có biết, cho đến ngày hôm nay, tôi vẫn chưa hiểu gì cả. Tôi chỉ giải bày sự không hiểu của tôi để cho nó nghĩa lý mà thôi.

"Ngọc cho anh tự do với anh. Chỉ có sự tự do mới nuôi dưỡng được sự suy tư của chính anh. Thôi, anh đi về đi. Đừng lẩn quẩn nữa."

Tôi nhìn Ngọc:

"Ngay lập tức."

Tôi quay người, đi ngược hướng với nàng. Đó là lần đầu tiên tôi quay lưng lại với nàng khi chưa đến nhà của nàng. Tôi không giận, tôi không buồn. Tôi không nguyền rủa nàng là mụ phù thủy độc ác, cứng rắn. Cái cảm giác duy nhất mà tôi có là sự trống vắng vô biên. Tôi đi trên đoạn đường mà tôi đã từng trải tâm hồn lên đó, và lần này, tôi đi với tôi. Tôi không thấy hoa lá, chim chóc, người người. Tôi chỉ thấy tôi, và thấp thoáng bóng dáng của tôi. Kể từ hôm đó, tôi hiểu rằng, sẽ có ngày, sẽ có những ngày, tôi cũng đi về với bóng dáng của tôi mà thôi. Để bỗng dưng, tôi ứa nước mắt và người tôi đầm đìa nước mắt. Tôi chết đuối trong nước mắt của tôi. Không hiểu những giọt nước mắt đó là của Ngọc hay của tôi? Nếu là của tôi, thì tôi không nghĩ, nó là của Ngọc. Tôi không còn gì cả tôi đã tặng hết cho nàng rồi, thì ít nhất, phải còn cái gì dành riêng cho tôi chứ!

**TRẦN TRÚC GIANG**

Trích Thế Giới Của Loài Bò Sát

# PHỎNG VẤN CAMILO JOSE CELA GIẢI VĂN CHƯƠNG NOBEL 89

Bản dịch BÙI BẢO TRÚC

*Sau đây là cuộc phỏng vấn nhà văn Camilo Jose Cela, giải thưởng Nobel Văn Chương 1989. Người thực hiện cuộc phỏng vấn này là Kristina Bonella, một nhà văn sống tại Washington và Madrid, bạn thân của Cela từ mấy chục năm nay. Kristina Bonilla cho biết trước khi ngồi xuống trả lời cuộc phỏng vấn. Cela không ăn gì trong suốt 24 tiếng đồng hồ trước đó. Ông chỉ uống Champagne mà bạn bè khui để mừng ông.mà thôi.*

**BONILLA:**

**Ông có ngạc nhiên khi Hàn Lâm Viện Văn Học Thụy Điển loan báo ông được trao tặng giải Văn Chương Nobel không?**

CELA:

Rất ngạc nhiên. Tôi không chờ đợi điều đó, điều làm tôi ngạc nhiên nhất là việc Hàn Lâm Viện Văn Học Thụy Điển đã chọn lúc này để đưa ra quyết định đó. Bà cũng đã biết là từ nhiều năm nay, tôi vẫn được nghe nói là tôi có tên trong danh sách đề nghị, nhưng rồi sau đó lại không thấy gì cả. Vì thế, khi nghe tin thì tôi ngạc nhiên vô cùng. Dĩ nhiên là tôi mừng lắm.

**BONILLA:**

**Cuốn tiểu thuyết đầu tiên của ông, cuốn "Gia Đình Pascual Duarte," đã được Hàn Lâm Viện Thụy Điển coi là một trong những cuốn sách được đọc nhiều nhất trong văn chương Tây Ban Nha. Ông có nghĩ là ban tuyển chọn đã trao giải cho ông vì tác phẩm viết về những năm tháng đầy bạo động sau cuộc nội chiến Tây Ban Nha này không?**

CELA:

Không. Tôi không nghĩ vậy. Tôi cho là Hàn Lâm Viện Văn Học Thụy Điển đã xét toàn bộ tác phẩm của tôi gồm (trên 70 cuốn) và quyết định trao giải cho tôi.

**BONILLA:**

**Ông có thích đặc biệt một cuốn nào không?**

CELA:

Không. Tôi không thể nói là tôi đặc biệt thích một cuốn nào của tôi. Bà hỏi câu đó thì cũng như hỏi một người cha có mấy đứa con là ông ta yêu đứa nào nhất. Tất cả các tác phẩm của tôi tôi đều yêu chúng ngang nhau.

**BONILLA:**

**Nhìn lại các tác phẩm của ông, có cuốn nào ông ước phải chi đừng in ra thì hơn không?**

CELA:

Không. Trái lại, tôi rất kiêu hãnh về tất cả những tác phẩm tôi đã viết.

**BONILLA:**

**Có người nói là giải Nobel Văn Chương được trao cho ông, một nhà văn Tây Ban Nha, cũng như là để công nhận cái tư cách mới mà Tây Ban Nha vừa có được trong hàng ngũ của các quốc gia dân chủ trên thế giới. Ông có nghĩ đó là một quyết định có mầu sắc chánh trị không?**

**Camilo Jose Cela**

CELA:

Tôi không biết. Tôi không cho là như vậy. Trong mọi trường hợp, tôi không bao giờ coi mình là một phần của nước Tây Ban Nha mới hay một phần của nước Tây Ban Nha cũ. Tôi thấy mình là một phần của nước Tây Ban Nha vĩnh cửu từ ngàn xưa tới ngày nay, của Tây Ban Nha trong những tiểu thuyết của Cervantes hồi thế kỷ thứ 17.

**BONILLA:**

**Tác giả nào đã ảnh hưởng tới ông nhiều nhất?**

CELA:

Tất cả các nhà văn viết bằng tiếng Tây Ban Nha trước tôi đều đã tạo ảnh hưởng nơi tôi, là vì văn chương là một phần của văn hóa, mà tất cả mọi nền

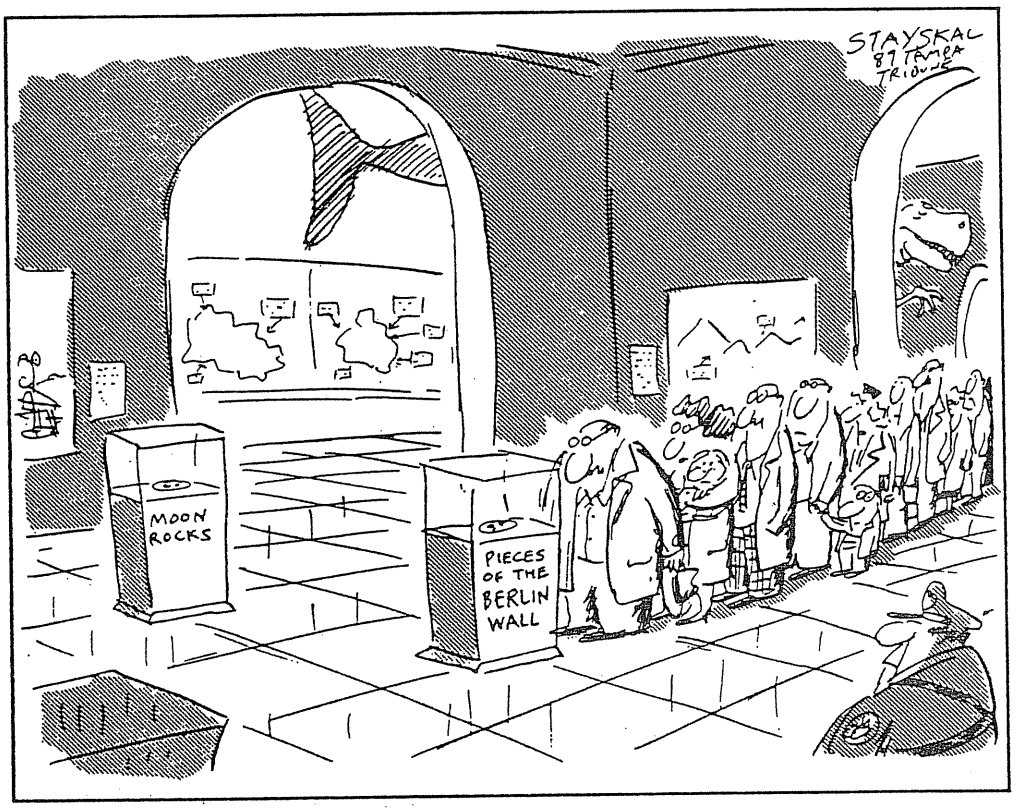


văn hóa đều giống như những cuộc rước đuốc tiếp sức. Trong văn hóa không hề có một sự bùng cháy tự nhiên.

**BONILLA:**

**Vai trò của nhà văn, của một nhà trí thức trong xã hội là gì, nếu như nhà văn, nhà trí thức có một vai trò như thế?**

CELA:

Tôi tin rằng nhà văn là một phần chứng nhân, một phần đóng vai trò công chứng viên của thời đại ông ta sống. Ông ta ghi lại mọi diễn biến chung quanh. Ông ta chép lại nguyên văn những gì ông ta chứng kiến.

**BONILLA:**

**Ông có những nhận xét gì về tác phẩm của ông?**

CELA:

Tôi coi chúng là những sản phẩm của sự chân thành, trung thực và thiện chí của tác giả. Nhưng tôi nhường việc phân tích tác phẩm của tôi cho các nhà phê bình, các nhà giáo. Đó không phải là công việc của một người sáng tác, Việc của nhà văn là sáng tạo và viết.

**BONILLA:**

**Bây giờ ông có viết gì không?**

CELA:

Lúc nào tôi cũng viết. Còn tôi có đủ sức hoàn tất những gì tôi đang làm hay không thì lại là một chuyện khác.

**BONILLA:**

**Ông có lời khuyên gì gửi tới một nhà văn trẻ tuổi?**

CELA:

Tôi không có một lời khuyên nào cả. Tôi không bao giờ thích làm công việc khuyên người này hay người nọ. Tôi cho là mọi người, ai cũng phải lầm lẫn.

**BONILLA:**

**Ông định làm gì với số tiền trúng giải?**

CELA:

Tôi sẽ đem trả nợ.

**BONILLA:**

**Ông có định đi bầu vào tháng tới không? Và ông có thể cho tôi biết ông bầu cho ai không?**

CELA:

Trả lời câu thứ nhất: Có. Trả lời câu thứ hai: Không.

**BONILLA:**

**Tôi phải kết thúc cuộc phỏng vấn này như thế nào?**

CELA:

Nói với độc giả hãy mua sách của tôi.

BÙI BẢO TRÚC

**Một vài ý tưởng về "triết học của văn chương" chung quanh**

# NHÂN VẬT TIỂU THUYẾT PASCUAL DUARTE CỦA NHÀ VĂN CAMILO JOSÉ CELA

## GIẢI THƯỞNG NOBEL VĂN CHƯƠNG 1989

PHẠM CÔNG THIỆN

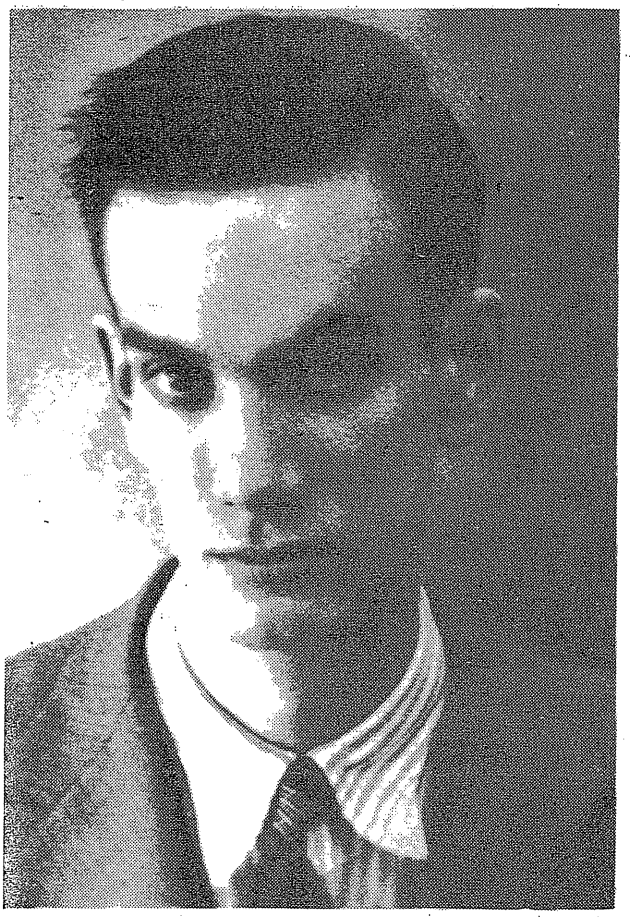

Camilo Jose Cela

*"Phê bình văn học*
*= Triết học của văn chương"*

*Jacques Derrida*

Thiên nhiên nuôi dưỡng và hàm dưỡng, nhưng thiên nhiên cũng tàn phá và triệt tiêu. Thiên nhiên vốn là trưởng dưỡng và khai mở, nhưng thể tính của thiên nhiên vẫn là "lưu luyến âu yếm với sự che giấu ẩn tàng" (Heracleitus,fragm. 123: "Phýsis krýptesthai phileī"). Đồng thanh tương ứng bất ngờ từ Tây sang Đông: "Một mở một đóng là biến". (Dịch,hệ từ thượng: "Nhất hạp nhất tịch vị chi biến"). Pascual Duarte vốn là con người của đất đai thiên nhiên, được hàm dưỡng, nuôi dưỡng, và trưởng dưỡng trong sự khai mở của đất mẹ, nhưng đồng thời cũng bị xô đẩy nghịch hướng vào trong sự đóng nhốt, che giấu, ẩn tàng của thiên nhiên. Pascual Duarte triệt tiêu căn nguyên động biến của mình (Aristotle,Physica II,i,192b-193b: "Thiên nhiên: căn nguyên về động và tĩnh trong nội thân hiện thể; thiên nhiên: dạng thể viên mãn của hiện thể"("Physis:arkhé kinéseos kai stáseos";

"Physis: morphé"). Đi từ thiên nhiên, nhưng Pascual Duarte không đi tới được sự thành tựu tự nhiên của hiện tính dạng thể của đời mình; Pascual Duarte giết mẹ như phá vỡ căng nguyên động tính trong ý nghĩa tượng trưng, như triệt tiêu nguyên lai tính thể (Aristotle: "aitia"),nguồn khởi lai biến dịch sinh hoá (Aristotle: "genesis") khả dĩ đưa dẫn một cách tự nhiên tới sự thành tựu ("telos") từ khả thể ("dynamis") đến hiện tác tính (Aristotle: "enérgeia"). Hành động giết mẹ của Pascual Duarte xảy ra từ lòng hận thù đã nuôi dưỡng từ lâu với mẹ, mà nguyên nhân gần nhất là sự lạnh nhạt dửng dưng của bà đối với con cái và đối với cả gia đình, nhưng nguyên nhân sâu xa là thực sự thì chẳng có nguyên nhân nào cả, ngoài ra bà là nguyên nhân cho chính sự hiện hữu của Pascual Duarte, một trong bốn nguyên nhân trách nhiệm cho sự hiện hữu cá thể. Sự bạo động của Pascual đối với mẹ có thể mang ý nghĩa tượng trưng phản ngược thiên nhiên: phá vỡ đất mẹ, triệt tiêu nguồn gốc, chặt đứt cội rễ, phủ nhận căn nguyên sinh hoá, chối bỏ đời sống và cưỡng bức đập nát tính cách che giấu ẩn tàng của thiên nhiên bằng việc bạo động đột kích vào nỗi âm u, tịch mịch, bí ẩn của sinh thể đối diện. Pascual Duarte bắn chết con chó thân yêu của mình, chỉ vì nó đã nhìn trừng trừng vào anh ta, "nhìn chăm chăm lạnh lùng, như cái nhìn của con mèo rừng, sơn miêu hay linh miêu..." (La familia de Pascual Duarte,trang 45: "...escrutadora y fría, como dicen que es la de los linces..."). Con đường đi của Pascual Duarte trái ngược hẳn với lộ trình bi tráng của Oedipus trong bi kịch của Sophocles: Oedipus giết cha mà không biết rằng đó là cha mình và thảm trạng với mẹ mà không biết rằng đó là mẹ mình; quan trọng nhất là sự chuyển hoá của Oedipus từ tính cách đóng kín ẩn tàng của sinh mệnh đến sự khai mở linh thiêng của Tính Mệnh; trái lại, Pascual Duarte di động từ sự khai mở của thiên nhiên (qua cảm thức xao xuyến về cái chết từ lúc nhỏ) đến sự đóng khép sinh mệnh bằng sự chạy trốn cái chết qua việc bạo động giết người và giết sinh vật như để trấn an nỗi xao xuyến vô định và cưỡng bức khai thác tra tấn cho ra một câu trả lời nào đó khả dĩ giải quyết cho tan đi sự ù lì, cho mất đi sự trầm uất của thể mệnh mà Pascual Duarte gọi là "định mệnh" (trang 37: "el destino").

Con đường đi của Pascual Duarte lại cũng trái nghịch hẳn lộ trình bi đát của Raskolnikov: trong quyển tiểu thuyết "Tội ác và Trừng phạt" của Dostoyevsky, từ chương 8 của phần 6 cho đến dòng chữ cuối cùng của lời bạt phần kết chung cục, Dostoyevsky đưa dẫn Raskolnikov thể hiện cái mà Aristotle gọi là "kịch biến",tức là "hồi chuyển"(chữ Hy lạp: "peripéteia"), nghĩa là: "sự đảo ngược của hành động vào trong nghịch hướng ("tò énantíon tôn prattoménon metabolé"), và đồng thời Raskolnikov thể hiện lập tức cái mà Aristotle gọi là "tri kiến phát hiện" ("anagnórisis")' nghĩa là: "sự chuyển biến từ bất tri đến tri kiến phát hiện" ("eks ágnoías eís gnôsin metabolé") (Aristotle,De poetica,ii,1452a). Ở phần cuối quyển tiểu thuyết "Tội ác và Trừng phạt", Raskolnikov đi về một sự chuyển hoá tâm linh toàn diện, hồi sinh lại, phục hồi lại như biến trình của quẻ Phục trong Kinh Dịch: Raskolnikov quì xuống hôn đất hai lần. Từ chủ nghĩa hư vô của văn minh Tây phương, Raskolnikov trở về ghì ôm đất đai, quì hôn đất mẹ; còn Pascual Duarte thì trái ngược hẳn: Pascual Duarte không quì hôn đất mẹ mà chỉ yêu thương tảng đá và rồi dùng tảng đá làm chỗ ngồi để bắn nát con chó săn lúc nó ngó nhìn mình (trang 44-45). Lúc viết quyển tiểu thuyết về Pascual Duarte,chắc chắn là Cela đã từng say mê quyển "Tội ác và Trừng phạt" của Dostoyevsky, lúc đó, như chúng ta đã biết, mùa thu năm tân tị 1941, Cela chỉ là một sinh viên khắc khoải, trải qua những khủng hoảng tâm thức như chàng sinh viên nghèo Raskolnikov, sống u ám giữa một thành phố lớn tàn tạ, nhưng lúc viết về Pascual Duarte thì Cela xô đẩy nhân vật mình vào chỗ bế tắc cùng độ, không có được một lối thoát cuối cùng để "phục sinh" như Raskolnikov: "Đời sống đã bước vào thay thế lý thuyết và một cái gì hoàn toàn khác hẳn sắp thành hình thể hiện trong tâm thức chàng"(Crime and Punishment, bản dịch của Constance Garnett, trang 575); "Đời sống đã đến thay thế vị thế của biện chứng pháp, và trong tâm thức chàng một cái gì khác hẳn sắp tự hiện ra"(bản dịch mới của Michael Scammell, trang 573); "Đời sống đã thay thế luận lý học, và trong ý thức chàng một cái gì hoàn toàn khác hẳn hiện đã khai triển và biểu hiện" (bản dịch của Sidney Monas, trang 527-528). Điều buồn cười nhất là cái chữ quan trọng nhất trong câu văn của Dostoyevsky lại bị dịch khác nhau hẳn trong ba bản dịch chữ Anh của ba dịch giả: Từ "lý thuyết" (Constance Garnett) đến "biện chứng pháp" (Michael Scammell) tới "luận lý học" (Sidney Monas)! Raskolnikov đã di động gian nan nguyệt tận từ "biện chứng pháp" (hay "lý thuyết" hay "luận lý học") để rồi được tự chuyển hoá toàn diện trong một đời sống mới lạ tinh khôi; còn Pascual Duarte thì ngược lại: từ đời sống đất đai đồng cỏ thiên nhiên sinh động Pascual Duarte bị rơi trọn vẹn vào trong một thứ "luận lý học", "lý thuyết", hay "biện chứng pháp", một loại triết lý cộng nghiệp tẩm mhiễm vào xương tủy hồn tính quần chúng Âu châu: "Định Mệnh" ("Destino"), không phải trong ý nghĩa bi tráng của truyền thống tư tưởng Hy Lạp thái cổ ("Moira") mà trong ý nghiã bi đát của truyền thống La Mã ngự trị văn minh Tây phương từ thượng cổ cho đến cận đại và hiện đại, tức là cái mà chữ La tinh gọi là "Fatum". "Lý thuyết" hay "biện chứng pháp" hay "luận lý học" của Pascual Duarte là một mớ ý tưởng hắc ám đi theo trật tự riêng của bản năng tiềm thức để phụng sự cho "fatum" (định mệnh). Chữ "moira" của Hy lạp gần ý nghĩa siêu việt

"định phận" trong truyền thống trầm hùng của Việt Nam (Lý Thường Kiệt, năm 1076: "...Tiệt nhiên định phận tại thiên thư"). Chữ "Moira", giống như chữ "Định phận", kêu gọi sự đấu tranh quyết liệt và sự tập trung mãnh liệt của tất cả nỗ lực toàn diện để giao tranh với những thế lực chà đạp sinh mệnh con người; còn "Fatum" (định mệnh) chỉ kêu gọi mình đi xuống thung lũng đồng bằng, đầu hàng bại trận trước khi lâm trận, và ý chỉ tiêu trầm, ý chí bị bẻ quặt, trạng thái gọi là "ý chí táng thất, ý chí suy liệt, ý chí sụp đổ ", một hiện tượng rất Tây ban nha, rất Y pha nho hiện đại, tiêu biểu cho cho tất cả con người hiện đại ở khắp thế giới mà John Dos Passos dùng chữ của Gilbert Murray gọi là "the failure of nerve" (sự thất bại, sự phá sản của nhuệ khí) để gợi chữ Tây ban nha "abulia"(sự đánh mất ý chí) trong những nhân vật tiểu thuyết của nhà văn Tây ban nha nổi tiếng Pío Baroja ( mà Dos Passos và Hemingway và cả Cela coi như bậc thầy) (Về hiện tượng táng thất ý chí "abulia" trong những nhân vật tiểu thuyết của Pío Baroja: cf.W. Borenstein,"The failure of Nerve: The Impact of Pío Baroja 's Spain on John Dos Passos" in "Nine Essays in Modern Literature", ed. by D. E. Stanford, trang 67 và trang 184). Có thể nói rằng Pascual Duarte của Cela là hiện thân tàn bạo nhất và bi đát nhất của hiện tượng đặc trưng cho hậu quả tất nhiên của chủ nghĩa hư vô: sự táng thất suy trầm tàn tạ của ý chí (abulia). Sự trầm một ý chí xuất phát từ chủ nghĩa hư vô: chủ nghĩa hư vô như một Định Mệnh (Nietzsche: "Schicksal","Fatum"). (Khi lần đầu tiên Nietzsche dùng hai chữ bất hủ "Amor fati", "Yêu thương định mệnh", vào tháng giêng linh thiêng năm 1882 thì ý nghĩa của chữ "fatum", vì được yêu thương, chuyển hoá thành "định phận" trong nghĩa "Moira" bi tráng của Hy lạp, vì thế phải dịch "Amor fati" là "yêu thương định phận"). Nếu hiểu thể tính của chủ nghĩa hư vô, theo Nietzsche, là "sự thống trị của sự vô nghĩa" (cf. Wille zur Macht,11), "sự đảo ngược đập nát những giá trị tối thượng từ trước cho đến nay " thì tất cả những ý chí tiêu cực nhất cũng là ý chí: ý chí triệt tiêu, ý chí phá hủy cũng là ý chí và sự đánh mất ý chí cũng là ý chí; ý chí hư vô cũng là ý chí: ý chí sợ hãi trước cái không ý chí, muốn cái hư vô hơn là không muốn cái gì cả; tất cả ý chí đều là ý chí quyền lực và ngay cả ý chí bất lực vẫn là một loại ý chí quyền lực.

Do đó khi xác nhận Pascual Duarte là hiện thân của sự táng thất trầm một ý chí (abulia) thì không thể hiểu sự đánh mất ý chí này như một đối tượng của tâm lý học, phân tâm học, tâm bệnh học, và thần kinh bệnh học, mà phải hiểu sự táng thất ý chí này như một dạng thể phát nguồn từ "ý chí vọng hướng tới hư vô", "ý chí vọng hướng tới hoại diệt" trong ý nghĩa siêu hình học. (Đối với Nietzsche và Heidegger thì siêu hình học vẫn là thể tính của tất cả mọi loại chủ nghĩa hư vô từ Plato cho đến " chủ nghĩa duy lý thực nghiệm phi siêu hình học" ở thời cận đại và hiện đại).Chủ nghĩa hư vô là một Định Mệnh tràn ngập khắp thế giới,không có nơi nào có thể làm chỗ ẩn trú cho con người hiện đại, ngoài ra là tập lưu trú trong lòng thể tính vi diệu của Không Tính mà Nagarjuna đã khai mở cho nhân loại từ mấy ngàn năm tịch mịch. Nói theo thuật ngữ Phật Giáo thì Pascual Duarte bị kẹt dính tang thương điên đảo vào trong cực đoan "đoạn diệt kiến" (ucchedaditthi), mặt tiêu cực của cái cực đoan tích cực điên đảo tang thương khác là "thường kiến" (sassataditthi). Lý luận của Pascual Duarte là thứ lý luận thông thường của phần đông chúng ta, kẹt dính vào hai cực đoan vô phương cứu chữa. Tuy nhiên, trước khi đi sâu vào thế giới tâm thức đen tối của Pascual Duarte, chúng ta cũng nên kính trọng một trật tự nào đó mà chính Pascual Duarte đã tự nhắc nhở như muốn trấn an sự hỗn loạn nào đó dễ trở lại trong một thảm kịch đã kết thúc rồi: "Tôi không nên đi quá nhanh trong câu chuyện của tôi,vì tất cả mọi sự đều muốn có cái trật tự của chúng, và dù mình có thúc dậy sớm cách mấy đi nữa thì rạng đông cũng không hiện tới sớm hơn đâu." (La familia de Pascual Duarte,trang 52 : "...pero no vayamos tan de prisa, que todas las cosas quieren su orden y no por mucho madrugar amanece más temprano") Tất cả những gì về Cela và về Pascual Duarte từ trang đầu cho đến bây giờ chỉ nói lên sự "thúc dậy quá sớm" của người viết; bây giờ rạng đông sắp hiện: chúng ta hãy đọc lại trọn vẹn đoạn văn mở đầu quyển tiểu thuyết "Gia đình Pascual Duarte (La familia de Pascual Duarte) của Cela: "Tôi, ông ơi, không ác độc đâu, dù tôi chẳng thiếu cớ để độc ác. Chúng ta đều sinh ra đời trần truồng, và tuy thế, lúc chúng ta bắt đầu lớn lên thì Định Mệnh tha hồ uốn nắn tùy hứng, thay hình đổi dạng cơ hồ như chúng ta làm bằng sáp, và để rồi sau đó chúng ta đều bị xô đẩy xuống những nẻo đường khác nhau mà mọi nẻo đường đều đưa dẫn vào chung cục đồng nhất: cái chết. Có một số người được gọi bước xuống một con đường dàn đầy bông hoa , có một số người khác bị đòi hỏi phải dấn bước tiến chân tới một con đường gieo đầy cỏ thảo nhi gai góc và đầy những cây xương rồng đâm chìa. Hạng người đầu đưa mắt nhìn quanh một cách thanh thản, và trong hương vị ngạt ngào tràn ngập vui sướng, họ mỉm cười cái cười nhẹ nhàng của kẻ ngây thơ vô tội, còn hạng người thứ hai thì quằn quại đớn đau dưới mặt trời tàn bạo ở đồng bằng và cau mày hằn học như thú dữ phải tử thủ khi bị dồn vào bước đường cùng. Có cả bao nhiêu sự khác nhau giữa cái việc điểm chuyết tô son mình với dầu thơm eau-de-cologne và hằn dấu in khắc thịt da mình với những hình xăm không bao giờ phai nét..." (La familia de Pascua Duarte, trang 37: "Yo,senor, no soy malo, aunque no me faltarían motivos para serlo. Los mismos cueros tenemos todos los mortales al nacer y sin embargo, cuando vamos creciendo, el destino se complace en variarnos como si fuésemos de cera y destinarnos por sendas diferentes al

mismo fin: la muerte. Hay hombres a quienes se les ordena marchar por el camino de las flores, y hombres a quienes se les manda tirar por el camino de los cardos y de las chumberas. Aquéllos gozan de un mirar sereno y al aroma de su felicidad sonríen con la cara inocente; estos otros sufren del sol violento de la llanura y arrugan el ceno como las alimanas por defenderse. Hay mucha diferencia entre adornarse las carnes con arrebol y colonia, y hacerlo con tatuajes que después nadie ha de borrar ya...).

Tôi cố ý trích dẫn nguyên tác chữ Tây ban nha để cho người rành tiếng Tây ban nha thấy rằng lối dịch ra chữ Việt của tôi không được thoải mái, bình dị, mộc mạc, bình dân, chất phác như âm hưởng lời nói tự nhiên của Pascual Duarte hay của Cela. Ngôn ngữ Tây ban nha của Cela đồng vọng thổ ngơi đất đai Y pha nho, những chữ thổ ngữ địa phương như "alimana" hay "chumbera" không có chữ tương ứng trong chữ Việt. Anthony Kerrigan đã nhận xét rất tuyệt vời về ngôn ngữ của Cela: "Điều chắc chắn không thể phủ nhận: Cela là nhà văn của cái tiếng Tây ban nha ngát hương, thơm phức nhất, gợi ý nhất hiện nay: ngào ngạt gợi nhớ tiếng Tây ban nha được nói kêu vang, sinh động, đồng vọng, phập phồng hơi thở."(Cela is certainly the writer of the most redolent Spanish today: redolent of sounding, breathing spoken Spanish). Ngay cả bản dịch chữ Anh của chính Anthony Kerrigan cũng không gợi lại được hồn tính Y pha nho trong đoạn mở đầu bình dị trên: những chữ dịch trừu tượng để cho điệu văn Anh ngữ được trôi xuôi như "in all truth" và "a world of difference" không có trong nguyên tác Tây ban nha.(mặc dù thành ngữ nhấn mạnh "a world of difference" có nghĩa là "mucha diferencia", nhưng chữ "mucha" vẫn giản dị, bình thường và gọn hơn trong điệu nói mộc mạc).

Trong nền văn chương hiện đại ở thế giới, có hai quyển tiểu thuyết đều mở đầu cùng một âm hưởng hắt hiu gần giống như nhau: quyển "Look homeward, Angel" của thiên tài Huê kỳ Thomas Wolfe và đoạn văn mở đầu dẫn trên của văn tài Y pha nho Cela; đoạn mở đầu của Wolfe cũng bị xô đẩy bằng chữ "định mệnh" (A destiny) đến những chữ tương tợ như "trần truồng" (nakedness) và "trở về chung cục là cái chết" (home to death). Hãy đọc lại lời đề từ bất hủ của Thomas Wolfe: "Trần truồng và cô đơn, ta bị đi đày. Trong lòng đen tối của mẹ, ta đã không biết được nét mặt của mẹ ta; từ ngục tù của xác thịt mẹ, ta đi vào ngục tù của trần gian này, một ngục tù bưng bít hết ngõ giao thông, và hết lời để nói. (Naked and alone we came into exile. In her dark womb we did not know our mother's face; from the prison of her flesh we come into the unspeakable and incommunicable prison of this earth) (trích dẫn lại từ quyển "Ý thức mới trong văn nghệ và triết học", trang 610). Pascual Duarte đã giết mẹ để phá vỡ hai ngục tù? Để rồi bị nhốt và "được nhốt" (theo Pascual Duarte: "đáng lẽ tôi phải được ở đó", chương 17, trang 163-164) vào ngục tù thực sự để viết đoạn văn mở đầu mà ngay đến kẻ viết những dòng chữ này vẫn còn ở lại để ngó rạng đông của một bi kịch đã kết thúc? Quyển "Look homeward, Angel" của Thomas Wolfe xuất bản năm 1929 và Thomas Wolfe chết vào tháng chín năm 1938, ba năm trước khi Cela khởi thảo quyển tiểu thuyết về Pascual Duarte. Không biết trong tiềm thức của Cela có đồng vọng chút âm hưởng phôi pha nào của trang mở đầu và lời đề từ bất hủ của Thomas Wolfe? Năm 1933, Hermann Hesse cũng nói "chỉ còn lại có hai con đường đời cho nhân vật tiểu thuyết của Wolfe..." (gần như hai con đường mà Pascual Duarte đề cập, chỉ khác là cách diễn tả ít chất phác mộc mạc hơn) (Hermann Hesse ca tụng quyển tiểu thuyết đầu tay của Thomas Wolfe như là "tác phẩm tiểu thuyết mạnh mẽ nhất, mãnh liệt nhất của Mỹ châu hiện nay".cf.H.Hesse,"My Belief-Essays on Life and Art, trang 346-349).

Đoạn văn mở đầu của Pascual Duarte về Định Mệnh , về hai con đường đời sáng và tối, nếu dùng chơi cái lối phê bình theo điệu Jacques Derrida thì Cela sẽ bị kết án là bị kẹt vào "thứ siêu hình học duy nhật, thứ siêu hình học xu hướng vào trung tâm là mặt trời"("Heliocentric metaphysics"),thứ ngôn ngữ triết học nô lệ vào những "ẩn dụ","siêu chuyển dụ" về ánh sáng và đen tối, về chân lý như là ánh sáng, và sai lầm như là đen tối, và đặt vị thế ưu liệt cho âm thanh học, cho mẫu mực tiếng nói phát ngôn , và bị kẹt vào cái mà Jacques Derrida gọi là "ánh học" (photology)! Jacques Derrida gọi đó là cái "định mệnh" trong lịch sử Tây phương: "Lịch sử trọn vẹn của triết học chúng ta là học về ánh sáng". (không có sẵn nguyên tác chữ Pháp, xin tạm dùng bản dịch chữ Anh "Writing and Difference",cf.trang 306-307; trang 27: " ...the entire history of our philosophy is a photology, the name given to a history of, or treatise on, light."). Derrida chơi chữ: chữ "photo" là bởi chữ Hy lạp "phot-","phos" có nghĩa là "ánh sáng". Chúng ta hãy tham dự thanh thản vào trò chơi của tân triết gia Jacques Derrida để thử "xô đẩy" ngôn ngữ tiểu thuyết của Cela đến độ "thời thượng" nhất của cái thời trang phê bình văn nghệ hiện nay: "Ý nghĩa của ý nghĩa có tính cách Apollonian, nhờ vào tất cả những gì trong đó mà có thể nhìn thấy được" (op.cit.trang 26: "The meaning of meaning is Apollonian by virtue of everything within it that can be seen") (Như vậy, nếu nói ngược lại với Derrida và đẩy lý luận ấy đến hậu quả cuối cùng thì: cái vô nghĩa của vô nghĩa có tính cách Dionysian, nhờ vào cái không có gì cả trong đó mà không thể nhìn thấy được!" Derrida viện dẫn "ánh sáng" của Nietzsche về phương trình "Apollonian/ Dionysian", nhưng đối với Nietzsche thì cái "vô nghĩa của vô nghĩa" chính là thể tính của chủ nghĩa hư vô, "logocentrisme" (chủ nghĩa duy ngôn lý),

và chính biểu tượng thần Dionysus mới là sự chinh phục chiến thắng tất cả mọi chủ nghĩa hư vô!). Chúng ta hãy đọc tiếp tư tưởng "vượt siêu hình học" của Derrida: "Sự phân rẽ,dị biệt giữa Dionysus và Apollo, giữa nhuệ khí sôi nổi và mô thức cơ cấu, không thể xoá bỏ được trong lịch sử, vì nó không nằm trong lịch sử. Trong một ý nghĩa bất ngờ,nó là một mô thức cơ cấu uyên nguyên: khai mở ra lịch sử, chính là lịch sử tính. Dị biệt tính không thuộc về lịch sử hay cơ cấu. Nếu nên nói theo Schelling rằng "tất cả chỉ là Dionysus" thì chúng ta phải biết rằng-và nghĩa là phải viết-rằng, giống như năng lực thuần túy, Dionysus được tác động bằng sự dị biệt. Thần nhìn thấy và tự để cho nhìn thấy. Và xé rách mắt mình. Từ thiên thu vĩnh cửu, thần Dionysus vẫn có liên hệ với bên ngoài mình, với hình thể hữu hình, với cơ cấu, không khác gì liên hệ với cái chết của chính mình. Đây là thể cách mà thần Dionysus tự thị hiện cho chính mình." Tất nhiên, Derrida không phải là Dionysus, và lối suy nghĩ qua mô thức cơ cấu nguyên uyên Apollo/Dionysus là hình thái cực đoan nhất của Siêu hình học (bắt đầu xuất hiện lúc Nietzsche chịu ảnh hưởng nặng nề siêu hình học "giải thoát" của Schopenhauer). Thực ra,Derrida chỉ diễn tả một cách dài dòng "văn nghệ" những gì mà Nietzsche nói rất ngắn gọn trong một câu súc tích: "Chúng ta phải đề phòng chống lại việc tin rằng vũ trụ mở bày ra khuynh hướng tiến đạt tới những hình thể, dạng thể mô thức nào đó, rằng vũ trụ muốn trở thành đẹp hơn, hoàn thiện hơn, phức tạp hơn! Tất cả những thứ này đều là nhân cách hoá!"(cf.Heidegger, Nietzsche,bản dịch D.F.Krell,cuốn II, trang 93 và trang 82-97). "Nhân cách hoá", "nhân thể hoá", "nhân tính hoá" của Nietzsche đã được thay thế qua ngôn ngữ của Derrida bằng những chữ thịnh thời như "héliocentrisme"(chủ nghĩa duy nhật), "anthropocentrisme" (chủ nghĩa duy nhân", "photocentrisme" (chủ nghĩa duy quang), "phonocentrisme" (chủ nghĩa duy thanh), vân vân, tức là những hình thái nô lệ vào thứ "siêu hình học ánh sáng và đen tối", tức là "ẩn dụ","siêu chuyển dụ về đen tối và ánh sáng" (metaphor of darkness and light) mà Jacques Derrida cho rằng đó là "cái siêu chuyển dụ căn nguyên tạo lập triết học Tây phương như là siêu hình học" ( the founding metaphor of Western philosophy as metaphysics) (J.Derrida, Writing and Difference, trang 27). Sở dĩ tôi đề cập hơi nhiều về Jacques Derrida ở đây là vì muốn đóng lại cái lối phê bình tự mãn văn nghệ theo điệu áp dụng kiểu "phá lập" của Derrida, vì phá lập siêu hình học, dù có dị biệt triệt để đi nữa, thì vẫn kẹt dính vào những hình thái tế nhị của "ý chí muốn phá hủy", "ý chí muốn triệt tiêu", "ý chí muốn hư vô", hay ngay cả "ý chí muốn không có ý chí", tức là những hình thái đòi đoạn nhất của chủ nghĩa hư vô. Trở lại vấn đề chủ nghĩa hư vô là trở lại cái "luận lý học", cái "lý thuyết", cái "biện chứng pháp" tiềm tàng nơi thái độ hành động tàn bạo của nhân vật Pascual Duarte trong đoạn văn mở đầu của Cela. Jacques Derrida đã nói rất đúng: "Bộ môn phê bình văn nghệ đã bị qui định từ lâu, dù có biết hay không biết, dù có muốn hay không muốn, phê bình văn nghệ đã bị xác đinh dứt khoát như là triết học của văn chương" (op.cit. trang 28: "...literary criticism has already been determined, knowingly or not, voluntarily or not, as the philosophy of literature"). Tất cả phê bình văn nghệ hiện nay, khi còn sử dụng bất cứ ý niệm nào trong ngôn ngữ phê phán diễn đạt, đều bị kẹt dính vào Siêu hình học Tây phương mà con đẻ thê thảm nhất hiện nay là chủ nghĩa Marx-Lenin, mặc dù Marx chống đối tất cả siêu hình học, nhưng chính toàn diện triết lý hành động của Marx chỉ là "biện chứng pháp đảo ngược lộn đầu" của Hegel thời 1807; chủ nghĩa Marx-Lenin là hình thái đáng ngại nhất, nguy hiểm nhất của chủ nghĩa hư vô, những hình thái chủ nghĩa hư vô khác chỉ có thể tác hại cho những cá thể, hay những tập thể, hay vài khu vực văn minh văn hoá thôi, còn hình thái chủ nghĩa hư vô trá hình của Marx-Lenin có thể thủ tiêu bao nhiêu truyền thống linh thiêng của nhân loại. Tất cả phê bình văn nghệ, vì bị điều động một cách vô thức hay có ý thức, bởi những ý niệm siêu hình học Tây phương, suối nguồn của tất cả hình thái khác nhau của chủ nghĩa hư vô, hoàn toàn bất lực trước việc phẩm định cái chủ nghĩa hư vô tiềm tàng trong đời sống tinh thần và cảm thức bi đát của nhân vật tiểu thuyết Pascual Duarte của Cela. Ngay đến tư tưởng triết lý "đùa chơi với triết lý và phá vượt triết lý" của Derrida cũng chỉ là một thứ chủ nghĩa hư vô trá hình lấp liếm: thảm kịch con người trên mặt đất hiện nay quá trầm trọng đến nỗi triết lý không còn là một vấn đề của triết học trường phái nữa hay của thời trang thời thượng mà là khả tính tối thượng tập trung tất cả sức mạnh tâm linh của con người để đấu tranh chết sống với những hình thái chủ nghĩa hư vô đang tàn phá mặt đất và đang chuyển hoá thể tính con người thành ra đồ vật và số đếm. Đi từ những bình diện lớn rộng này thì chúng ta mới đặt được ý nghĩa và vô nghĩa của tính cách "hư cấu" ("fiction" trong chữ Anh, hay nói thơ mộng hơn trong chữ Đức khó dịch như chữ "dichten","Dichtung" trong ý nghĩa diệu vợi của Goethe, Kant và Hoelderlin) của toàn bộ sự nghiệp văn chương đồ sộ của văn hào Y pha nho Camilo José Cela trong tình cảnh hiện đại của thực tại con người. Thực Tại là gì? Và cái mà người ta gọi một cách "nho phong" là "hư cấu" mà bộ môn tiểu thuyết được đặt gọn vào đó, cái đó là cái gì, trong liên hệ với cái gọi là "thực tại"? Những câu hỏi này khiến ta sẽ ngừng lại suy nghĩ theo dõi từng bước đi của Pascual Duarte trong sự điêu tàn của văn chương thế giới và của tư duy nhân loại.

**PHẠM CÔNG THIỆN**

# GIẢI THƯỞNG SÁCH 1989

của báo Los Angeles Times

TIỂU THUYẾT
**Fay Weddon** với tác phẩm
"The Heart of the County"
(Viking)

TÌM HIỂU
**Taylor Branch** với tác phẩm
"Parting the Waters: America in the King Years 1954-1963"
(Simon & Schuster)

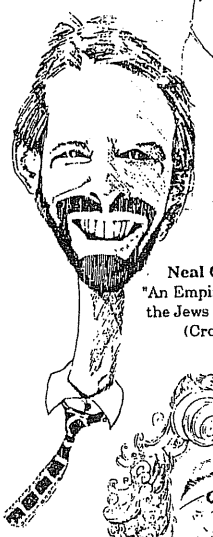

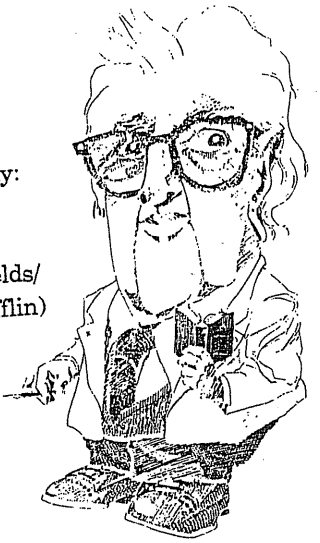

THƠ
**Donald Hall**
"The One Day: A Poem in Three Parts"
(Ticknor & Fields/ Honghton M ifflin)

LỊCH SỬ
**Neal Gabler** với quyển
"An Empire of Their Own: How the Jews Invented Hollywood"
(Crown Publishing)

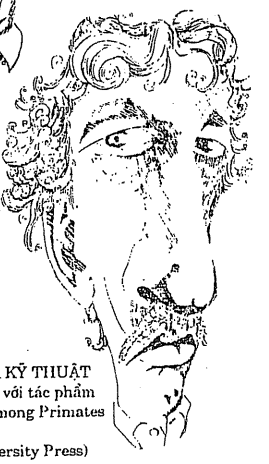

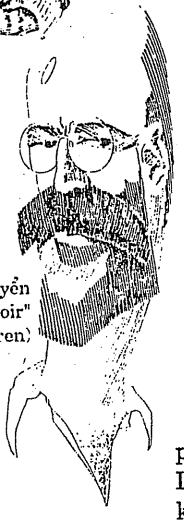

TỰ TRUYỆN
**Tobias Wolff** với quyển
"This Boy's Life: A Memoir"
(Atlantic Monthly Pren)

## Giải Robert Kirsch

Karl Shapiro

KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT
**Frans de Waal** với tác phẩm
"Peacemaking Among Primates"
(Harvard University Press)

Năm nay chương trình phát Giải thưởng Sách của báo Los Angeles Times cử hành lễ kỷ niệm mười năm thành lập. Chương trình nầy (mà thể lệ không có gì thay đổi kể từ 1981 khi giải thưởng về lịch sử và tiểu sử tách ra làm hai, một cho lịch sử và một cho tiểu sử) năm nay có sự thay đổi là được

thêm vào một giải cho khoa học và kỹ thuật. Cũng giống như tất cả các giải khác của báo Times, giải Khoa học và kỹ thuật nầy -- mà người nhận giải đầu tiên là *Frans de Waal* với tác phẩm "*Peacemaking Among Primates*" -- được dành để trao cho một tác phẩm có giá trị vững chắc nhưng đồng thời cũng phải dễ đọc đối với độc giả trung bình.

Trong số những tác giả khác đoạt giải năm 1989, quyển "An Empire of Their Own: How the Jews Invented Hollywood" của Neal Gabler có thể là quyển sách đoạt giải có giá trị nhất trong năm thực hiện chương trình nầy. Quyển "This Boy's Life: A Memoir" của Tobias Wolff là quyển tự truyện đầu tiên được giải thưởng. Một câu nói mà ai cũng biết là nơi nào có đời sống thì nơi đó có sự thay đổi, nhưng người ta cũng có thể nói là nơi đâu có bản sắc thì nơi đó phải có sự kế tục. Các quyển sách đoạt giải năm nay đã mang lại cả về sức sống lẫn bản sắc trên một qui mô rộng lớn.

## Bức tranh Picasso "tưởng là đã mất" hy vọng bán được giá cao

Một bức tranh thuộc giai đoạn đầu của Picasso mà hầu hết các sách có thẩm quyền về họa sĩ nầy đều ghi nhận là đã mất hoặc đã bị phá hủy thì nay hiện đang được bày bán ở Ba Lê vào ngày 30 tháng Mười Một, và có lẽ sẽ đạt được một trong những giá cao nhất dành cho một bức tranh bán đấu giá.

Bức *Les Noces de Pirette*, rộng hơn 6 bộ, được sáng tác từ 1905. Cho tới nay người ta chỉ được biết về bức họa qua một bức tranh hình đen trắng chụp về nó.

Cũng còn có tranh luận giữa các chuyên gia về chuyện bức tranh nầy thuộc về thời kỳ Xanh hay Hồng của các họa phẩm Picasso. Bây giờ đã rõ là nó thuộc về thời kỳ Xanh -- nhưng đây là một trong những họa phẩm cuối cùng của loạt tranh nầy. Nó đã dùng đến cả hình ảnh của một anh hề múa rối là điểm đặc trưng của các họa phẩm thời kỳ Hồng.

Tên hề múa rối si tình một nữ vũ công trẻ bị cưỡng ép phải lấy ông bầu của đoàn hát.

Nàng ngồi tại một bữa tiệc cưới, chắc là ở một quán cà phê, và anh hề múa rối vừa mới trao tặng nàng một bó hoa. Anh ta cúi chào nàng và hôn gió nàng một cái. Ông chồng già đội mũ lòng cao của nàng và ba người khác, khuôn mặt ưu tư, đang nhìn anh ta.

Theo tạp chí nghệ thuật Pháp *Connaissance des Arts*, bức tranh nầy của Picasso đã thuộc về tay một nhà sưu tập trong 50 năm, và ông nầy đã dấu không cho ai biết là mình có bức tranh đó -- ngay cả đến những người thân trong gia đình.

Người ta không rõ là mới đây bức tranh có bị đổi chủ không. Maitre Binoche, tay bán đấu giá, nói rằng bức tranh này thuộc về một nhà sưu tập tranh người Thụy Điển mà ông đồng thời cũng là một nhà sưu tập tranh hiện đại. Đây là một lãnh vực mà Binoche nổi tiếng là một tay bán đấu giá chuyên nghiệp và điều nầy giải thích tại sao ông biết đến bức tranh đó.

Binoche hy vọng bức tranh sẽ bán ra được chừng 30 triệu Anh kim, nhưng cái giá nầy còn tùy thuộc vào chuyện bức tranh có được giấy phép xuất cảng của Pháp không. Những tay bán đấu giá nói rằng người ta đã đoan chắc với họ là một giấy phép loại đó sắp sửa có.

Một bức tranh Picasso có giá bán kỷ lục là 28.1 triệu Anh kim. Hồi tháng Năm người ta đã trả giá nầy cho bức tranh tự họa của ông, bức *Yo Picasso*, vẽ năm 1901. Bức tranh đắt giá nhất trong mọi bức tranh đang đem bán đấu giá là bức *Irises* của Van Gogh, bán được 30 triệu 900 nghìn Anh kim trong năm 1987

Nhà Sotheby sẽ đem bán một bức tranh Picasso khác vào ngày 15 tháng Mười Một nầy -- bức tranh *Au Lapin Agile* thuộc thời kỳ Hồng -- mà người ta hy vọng rất nhiều là sẽ phá mọi kỷ lục về giá cả trước đây.

Bức Au Lapin Agile của Picasso

# MỘT THI SĨ VIỆT NAM ĐOẠT HAI GIẢI THƯỞNG VỀ THI CA TẠI MỸ

PVC ghi

Cuối tháng Tám vừa qua, Hiệp Hội Thi Ca Hoa Kỳ (American Poetry Association) đã công bố các giải thưởng của cuộc thi thơ được tổ chức hai lần một năm tại Hoa Kỳ. Một thi sĩ Việt Nam duy nhất là ông Chân Phương đã vinh dự đoạt giải hạng ba trong cuộc thi này, với bài thơ viết bằng Anh ngữ có nhan đề "On Reading A Recent Posthumous Publication of A Filipino Poet."

Đồng thời, trong một cuộc thi khác do Trung Tâm Thi Ca (The Poetry Center) tại Hoa Kỳ tổ chức, ông Chân Phương cũng đã đoạt giải thưởng hạng ba với cùng bài thơ trên.

Ngoài phần hiện kim tượng trưng do hai tổ chức thi ca trên trao tặng, bài thơ đoạt giải thưởng của ông Chân Phương sẽ được tuyển chọn để xuất bản chung với các bài thơ trúng giải khác trong hai hợp tuyển "American Poetry Anthology" do American Poetry Association ấn hành và "Many Voices/Many Lands. International Poetry Anthology" do The Poetry Center xuất bản. Cả hai hợp tuyển trên dự định sẽ ra mắt vào đầu năm 1990 này.

Ngoài ra, American Peotry Association cũng đã liên lạc với ông Chân Phương xin được sử dụng bài thơ của ông để in trong tuyển tập "Best New Poets of 1989" được ấn hành vào tháng Ba 1990 tới.

Chân Phương là bút hiệu của một nhà trí thức trẻ, thi sĩ, người viết truyện, viết tiểu luận và nhà biên khảo. Từng sống lâu năm tại xứ Chùa Tháp, ông tốt nghiệp Đại Học Văn Khoa Sàigòn (1971-1975) với một luận án Cao học về Ionesco, kịch tác gia Pháp-Rumani. Ông dạy tại đại học Cao Đài (Tây Ninh) cho đến tháng Tư 1975.

Trong thời gian còn ở trong nước, Chân Phương đã sáng tác hàng trăm bài thơ được chuyền tay trong giới văn nghệ và bạn bè, nhưng khi rời Việt Nam (1986) ông đã phải bỏ lại tất cả.

Nhà xuất bản Trình Bày tại Pháp vừa cho xuất bản tập thơ "Chú Thích Cho Những Ngày Câm Nín," tác phẩm đầu tay của Chân Phương, gồm 56 bài thơ, tuyệt đại đa số chính là những bài thơ được phục hồi từ ký ức của tác giả.

Ông đã hoàn tất ba tập thơ khác, một tập truyện ngắn và đang làm việc cho một quyển sách biên khảo về tình hình văn học nghệ thuật Việt Nam từ 1975 đến nay. Ông đã viết cho các báo Nhân Văn, Văn Học, Thời Nay... tại hải ngoại.

Chân Phương hiện cư ngụ tại Cambridge, Massachusetts, Hoa kỳ.

## On reading a recent posthumous publication of a Filipino poet

I assume you knew better than anyone.
the trees and the rice-fields
the birds and the mountain-streams
the women and the jails
of your own homeland

I came from this gloomy patch of Asia
where human voices are gathering moss
inside undernourished and violated wombs
where the true mute are not the stones

Last week as I walked past Rizal Memorial
a hasty traveler watching Manila Bay's celebrated sunset
I was picturing an imaginary Filipino poet
strolling at the same time along the seaside walk of Da Nang Viet Nam
and we're having a transoceanic friendly talk

I wondered then
what things could we have shared among us besides
touristic impressions...

## Công ty tranh Picasso, một cơ sở kinh doanh trị giá 377 triệu Mỹ kim

Tuần rồi Nhà Christie đã loan báo việc bán ra tại Luân Đôn trong mùa Thu nầy bức họa "*La Maternite*" vẽ năm 1901 của Picasso. Người ta hy vọng bức tranh này sẽ thu được 15 triệu bảng Anh. Biến cố nầy sẽ xác nhận một năm kỳ lạ nhất đối với nhà họa sĩ Tây Ban Nha nầy, bởi vì 12 tháng qua đã làm cho ông trở thành một họa sĩ kiếm được nhiều tiền nhất từ trước đến nay.

Một năm về trước, giá kỷ lục của bất cứ tác phẩm nào của Picasso là năm triệu đô la, dưới xa các kỷ lục dành cho các tranh của Van Gogh, Manet, Mantegna hay Monet. Giờ đây, kỷ lục đó lên đến 48 triệu đô la (được trả tại New York hồi tháng Năm rồi cho bức tranh tự họa của ông, "Yo Picasso"). Nhưng bức tranh có thể bán được cao hơn thế nữa là bức "Au Lapin Agile," sẽ được Nhà Sotheby ở New York bày bán vào tháng sau, và người ta hy vọng nó sẽ sánh được với bức "Yo Picasso" và có thể hơn cả số tiền 53.9 triệu đô la trả cho bức họa "Irises" của Van Gogh.

Tuy nhiên, ngay cả sự kiện nầy cũng không thể biện minh cho mức độ khao khát tranh của Picasso trên thị trường từ cả năm nay. Hãy thử xét các con số sau đây: trong năm rồi bốn bức tranh do ông vẽ đã bán được hơn mười triệu đồng, mười bức khác được năm triệu đồng và ba mươi bức khác nữa hơn một triệu đồng.

Có thể thêm vào số tranh bán được đó ba bức tranh nữa dự trù bán được trong tháng Mười Một nầy, mỗi bức trị giá 20 triệu Mỹ kim hoặc cao hơn, một bức tranh khác với giá trên 10 triệu Mỹ kim và tám bức nữa mỗi bức trên một triệu Mỹ kim.

Có ba yếu tố được viện dẫn đã giải thích cho giá trị thương mại cao của tranh Picasso. Không ai có thể chối cãi được rằng ông là họa sĩ vĩ đại nhất của thế kỷ nầy. Ông lại có một đời tư được nhiều người biết đến đã khiến danh tiếng của ông vượt ra khỏi thế giới nghệ thuật. Ông lại sáng tác rất nhiều cho nên một số không ít tác phẩm của ông đã lọt vào tay của các tư nhân và sẵn sàng để đem bán.

Theo James Roundell, trưởng ngành họa phẩm hiện đại tại Nhà Christie, có một số bằng chứng cho thấy những nhà sưu tập chuyên môn cất giữ tranh của Picasso hiện đang bán ra bởi vì hoa hồng bảo hiểm đã tăng vụt lên.

Tuy thế, các nhà sưu tập mới, tỉ dụ như người Nhật, hiện đang bước vào thị trường trên qui mô lớn hơn, và họ không bị giá bảo hiểm cao ngăn trở.

Roundell cho hay rằng có lúc ông được biết là việc mặc cả tranh của Picasso đã ráo riết hơn so với tranh của các danh họa khác. "Không phải tôi chỉ muốn nói đến những tranh đắt tiền nhất, những tranh ở mức độ phá kỷ lục, nhưng là những tranh ở mọi giá. Bạn nhìn đâu cũng thấy có người muốn mua một bức."

## Nhận đọc một ấn bản sau khi chết của một thi sĩ Phi Luật Tân

**Hẳn là anh biết rõ hơn người khác**
**cỏ cây và ruộng đồng**
**chim cùng suối**
**dàn bà và tù ngục**
**của quê hương anh**

**Tôi đến từ mảnh đất Á châu đen tối**
**nơi tiếng nói con người đóng rêu**
**trong những tử cung thiếu ăn và bị bức hiếp**
**nơi mà lũ câm thực ra không phải là sỏi đá**

**Tuần trước khi đi qua đài tưởng niệm Rizal (*)**
**một du khách vội vàng đang nhìn cảnh hoàng hôn**
**trên vịnh Manila nổi tiếng**
**tôi đã hình dung một nhà thơ Phi Luật Tân**
**đang dạo chơi trên bờ biển Đà Nẵng Việt Nam**
**cùng lúc ấy**
**và chúng tôi đã có với nhau một cuộc**
**trò chuyện thân tình vượt qua biển cả**

**Lúc bấy giờ tôi tự hỏi**
**ngoài những ấn tượng của kẻ nhàn du**
**chúng tôi còn có thể chia xẻ với nhau những điều gì nhỉ...**

**CHÂN PHƯƠNG**
**Phạm Việt Cường** dịch

(*) José Rizal (1861-1896). Thi sĩ, tiểu thuyết gia, anh hùng dân tộc Phi Luật Tân. Ông bị nhà cầm quyền Tây Ban Nha lưu dày vì là tác giả của tiểu thuyết Noli me tangere (1886) -- bản dịch Anh ngữ The Lost Eden (1961), trong đó ông chỉ trích chế độ Tây Ban Nha và giới tăng lữ. Năm 1896, khi ông trở lại Phi Luật Tân, ông đã bị bắt giữ và kết tội khích động cho cuộc cách mạng nổi dậy và đã bị tử hình. Trước khi chết, ông có viết một bài thơ xuất sắc, nhan đề Miúltimo adiós.

Địa chấn ở San Francisco, báo động ở Wall Street

# PHẢI CHĂNG MẶT ĐẤT RẠN NỨT DƯỚI CHÂN MỸ

HOÀNG LINH

Tôi vừa trở lại thăm Hoa Kỳ hồi tháng trước. Nhìn những dòng xe hơi ào ạt như thác chẩy trên các xa lộ, nghe nhưng bước chân khách tiêu thụ rộn rịp trong các khu thương xá mênh mông, ngắm những cửa hiệu ăm ắp hóa phẩm đủ mầu đủ kiểu, tôi cảm thấy, bằng giác quan trước khi bằng đầu óc, sự giầu mạnh của nước này. Đến khi bỏ ra bốn chục xu mua tờ *Nữu Ước Thời Báo*, cầm lên vẫn thấy nặng chĩu tay như hồi nào (có lẽ nặng hơn, vì trên đầu tôi đã thêm một mớ tuổi!), mở ra vẫn thấy đủ tiết mục như hồi nào: thời sự, thể thao, kinh tế, địa ốc..., đọc xem vẫn thấy một vài "xì căng đan" rất Mỹ (thầy giảng TV biển thủ tiền cúng dường của con chiên, cô đào luống tuổi bạt tai cảnh sát lưu thông...) như hồi nào, tôi lại có thêm một cảm giác vững bền, ổn cố: Hoa Kỳ sau bao nhiêu tháng năm vẫn là Hoa Kỳ, một hòn đảo trù mật và bình an giữa một đại dương nhân loại đang sóng gió.

Tuy nhiên, chỉ sau một tuần lễ ở trên đất Mỹ, tôi thấy cần xét lại những cảm tưởng ban đầu ấy.

Quả vậy, buổi chiều thứ sáu 13 tháng 10 (thật là một nhật kỳ tiền định!), tôi đang ngồi thanh thản nghe băng nhạc Việt để chờ bạn hiền đến kéo đi ăn hiệu thì thấy TVK -- một cựu giáo sư kinh tế học -- lật đật đi vào, hỏi: "Cậu không nghe tin tức à? Thị trường chứng khoán Nữu Ước vừa mất hơn một trăm chín chục điểm trong vòng non một tiếng đồng hồ!" Cũng may cả TVK lẫn tôi đều không có cổ phần và trái phiếu của các công ty đăng ký ở Wall Street nên biến cố đột ngột này không làm cho bữa tiệc hàn huyên hôm ấy kém phần hào hứng. Mặc dầu vậy, giữa những tiếng nói cười, đầu óc tôi vẫn không rũ bỏ hẳn được hình ảnh những người môi giới hớt hơ hớt hải, những máy điện tử chạy cuồng loạn, trong khi giá chứng khoán sụp ầm ầm và hai trăm tỷ mỹ kim bỗng chốc thành mây khói, giữa một buổi chiều đẹp trời, trong khi nhiều người đã lên xe đi nghỉ cuối tuần. Thay vì vững vàng, chắc nịch như những khối vàng trong Fort Knox, kinh tế Hoa Kỳ tỏ ra mong manh, bất trắc như ngọn đèn trước gió...

Mấy ngày sau, hiện tượng thiên nhiên lại dường như muốn bắt chước sinh hoạt con người. Chiều tối thứ ba 17, tôi đang ngồi xem vô tuyến truyền hình trong nhà con gái ở Pennsylvania, đài CNN đang tường thuật vụ tranh cử thị trưởng Nữu Ước và nhắc chuyện một dân biểu sắc tộc của tiểu bang này bị truy tố vì hối mại quyền thế, thì bỗng nhiên xướng ngôn viên ngưng lại để loan tin San Francisco vừa động đất. Từ đó cho đến đêm, mọi đề mục khác đều được gác lại, và trên máy vô tuyến truyền hình chỉ còn những hình ảnh ghê gớm của vụ địa chấn ở Cựu Kim Sơn: nhịp cầu Bay Bridge sập xuống, vận động trường Candlestick Park nhốn nháo, khu Marina rực lửa, xa lộ I 880 đổ nhào... Cũng như ở Wall Street mấy ngày trước, tai họa giáng xuống bất thần, trong một buổi chiều đẹp trời, giữa lúc mọi người vừa rời văn phòng hay xí nghiệp về nhà.

Hai biến cố dồn dập nhắc lại ở trên, xảy ra trong khoảng chưa đầy một tuần lễ trong thời gian tôi thăm Hoa Kỳ, đã làm rung chuyển niềm lạc quan khởi thủy của tôi và đặt ra trong trí tôi câu hỏi: *liệu các cơ cấu kinh tế-tài chánh của Mỹ có kiên cố hơn những công sự kiều lộ của Mỹ trước những chấn động sắp tới?*

## Bàn tay tài phiệt Nhật?

Ta hãy trở lại vụ sụp đổ (crash) thình lình ngày thứ sáu 13 để tìm hiểu nguyên nhân đích thực của nó. Đây là một cuộc tìm kiếm khó khăn vì không có một nguyên nhân hiển hiện nào khả dĩ giải thích được cơn hốt hoảng của giới mua bán cổ phần vào ngày ấy. Thật thế, trong ngày 13 tháng

Mười, 1989, không có một biến cố quan trọng nào báo trước cuộc khủng hoảng chính trị quốc tế, cũng không một chỉ số kinh tế nào cho thấy một thoái trào của nền kinh tế Hoa Kỳ. Khác với hồi tháng Mười, 1987 (khi xẩy ra vụ sụp đổ lớn, 508 điểm trong một ngày 19), không khí ở Wall Street tuy nhộn nhịp nhưng không có tính cách đầu cơ, tỷ số giá mua cổ phần so với doanh lợi của công ty phát hành cổ phần là một tỷ số phải chăng. Hơn nữa, khi tuần lễ bắt đầu thì chỉ số Dow-Jones đã vươn lên một đỉnh cao mới là 2791.41 (ngày thứ Hai mồng 9 tháng Mười, sau đó tuy có giảm nhưng chỉ giảm chút ít: sáng thứ sáu 13, Dow Jones còn ở mức 2759.84. Khi Wall Street đóng cửa lúc bốn giờ chiều, DJ xuống còn 2569.26.

Vụ sụp đổ bất ngờ và chớp nhoáng này làm cho người ta nghi ngờ rằng đã có một thủ đoạn mờ ám nào đó, một "ma nớp" nào đó của ngoại nhân. Vì Nhật Bản từ ít lâu nay đã trở thành một ám ảnh của giới kinh tế Hoa Kỳ nên có người đã không ngần ngại quả quyết rằng vụ khủng hoảng 13 tháng Mười ở Wall Street là do giới kinh tài Nhật tạo ra để cảnh cáo Mỹ đừng tính đến chuyện trừng trị kinh tế đối với Nhật

Để chứng minh giả thuyết này, người nhận xét rằng hoạt động tại thị trường chứng khoán Wall Street rất bình thường và tẻ nhạt vào buổi sáng ngày thứ sáu 13, giá cả không lên xuống nhiều. Mãi đến xế trưa, khi băng viễn ký của các hãng thông tấn loan tin dự án thủ đắc (takeover) công ty UAL (công ty nắm cổ phần hãng hàng không United Air Lines) vừa thất bại, giới đầu tư mới hoảng hốt, vội vàng bán đổ bán tháo cổ phần đang có.

Nhưng tại sao dự án thủ đắc UAL -- một dự án tương đối khiêm tốn vì "chỉ" trị giá có 6.75 tỷ mỹ kim -- đã thất bại? Ta biết rằng với dự án này, ban giám đốc và nhân viên công ty hàng không vừa kể định mua lại công ty UAL với tiền do các ngân hàng cho vay. Đây là hình thức cổ điển LMBO (Leveraged Management Buy-Out), thực hiện qua sự phát hành "trái khoán vứt đi" (junk bonds). Các ngân hàng cho vay tiền bằng cách nhận mua -- hoặc đặt bán -- những trái khoán đảm bảo ít nhưng lãi suất cao. Trong vụ UAL, dự án thủ đắc sở dĩ bất thành là vì vào phút chót, một số ngân hàng, trong đó có Citicorp đã rút ra khỏi dự án. Đến đây, chắc có người sẽ hỏi ngay: như vậy, chuyện này dính dáng gì đến Nhật? Hỏi vậy là không biết đến tính cách càng ngày càng *quốc tế* của các nghiệp vụ tài chánh, nhất là các nghiệp vụ ngân hàng; lại cũng không biết đến địa vị ưu việt hiện nay của các ngân hàng Nhật (năm nhà băng lớn nhất thế giới ngày nay đều là nhà băng Nhật). Một ngân hàng như Citicorp không thể tài trợ được những vụ đầu tư năm, bẩy tỷ mỹ kim hay vài chục tỷ mỹ kim nếu thiếu sự tham dự của các ngân hàng Nhật. Từ nhận xét thực tế ấy đến kết luận cho rằng các ngân hàng Nhật, theo chỉ thị của Bộ Tài Chánh nước họ, đã nhận chìm dự án UAL vào giờ chót để gây hốt hoảng ở Wall Street và dằn mặt chính phủ Mỹ, chỉ có một bước ngắn mà những người chủ trương thuyết *"âm mưu Nhật Bản"* đã không ngần ngại vượt qua. Tuy nhiên, đây chỉ là một giả thuyết và cho đến nay chưa có sự kiện chính xác nào tỏ ra rằng đó là sự thật. Chẳng những vậy, riêng kẻ viết bài này nghĩ rằng chuyện này không thể có thật vì Nhật không dại dột gì mà đùa với lửa: một cuộc khủng hoảng ở Wall Street có thể lan tràn khắp thế giới và lôi cuốn theo cả thị trường chứng khoán Đông Kinh.

Nhưng cũng như mọi tin đồn, tin đồn có bàn tay Nhật trong vụ sụt giá chứng khoán ngày 13 tháng 10 mặc dầu là tin thất thực nhưng cũng phản ánh một thực tại kinh tế, không khác gì một cơn ác mộng phản ánh một ẩn ức có thật trong lòng.

Quả vậy, *tin đồn ấy phát xuất từ ý thức ngày càng rõ rệt về sự lệ thuộc của kinh tế Hoa Kỳ vào tư bản Nhật.* Dân Mỹ thường xúc động khi thấy những biểu hiện rõ ràng nhất của ảnh hưởng lan tràn của tiền bạc Nhật, như khi Sony mua hãng phim Columbia Pictures hay khi Mitsubishi Estate mua phần lớn Trung Tâm Rockefeller. Thật ra, những vụ tạo mãi ngoạn mục ấy chỉ là phần nổi nhỏ của tảng băng sơn: giá mua 51% công ty Rockefeller chỉ có 846 triệu mỹ kim, so với tổng số đầu tư Nhật trong chín tháng đầu của năm 1989 trên đất Mỹ là 46 tỷ mỹ kim. Người ta biết là quá nửa tổng số công khố phiếu do Ngân khố Mỹ bán ra để tài trợ khiếm ngạch ngân sách Hoa Kỳ đã do Nhật mua. Cũng như vậy, hầu hết các phiếu nợ do các nhà băng Mỹ phát hành để đài thọ những nghiệp vụ lớn -- như những vụ LBO khét tiếng -- đã bán cho các ngân hàng và cơ quan tín dụng Nhật. Trong lãnh vực tài trợ, Hoa Kỳ trông chờ vào Nhật Bản cũng không khác gì kẻ nghiện ma túy trông chờ vào anh bán ma túy ở góc đường?

## "Trái khoán bỏ đi" hay chương trình máy điện toán là thủ phạm?

Nếu giới tài chính Nhật vô can trong vụ sụt giá chứng khoán ngày thứ sáu 13 thì ai là thủ phạm của cơn khủng hoảng bất thần ấy? Trong cuộc truy lùng này, cũng như sau cơn khủng hoảng tháng 10 năm 1987, hai tên được nhiều người -- kể cả giới phân tích tài chánh lẫn giới lập pháp trên đồi Capitol -- nhắc nhở đến là *junk bonds* (trái phiếu bỏ đi) và *program trading* (chương trình

hoạch trước cho máy tính điện tử, nếu giá cổ phần đạt tới một mức nào đó thì bán ra và xuống tới một mức nào đó thì mua vào).

Theo thiển ý của tôi, coi *junk bonds* và *program trading* như những nhân tố tao ra cuộc khủng hoảng ở Wall Street là nhầm triệu chứng với nguyên nhân.

Trước hết, hãy xét trường hợp những trái phiếu hay "trái khoán bỏ đi," mà người ta thường gọi tắt là *junk*.

Mọi người đều biết khi một công ty cần tiền để tiếp tục hoặc khuếch trương hoạt động của mình, công ty ấy có thể hoặc tăng vốn -- nghĩa là gọi các cổ đông hoặc người ngoài mua thêm cổ phần mới do công ty phát hành -- hoặc đi vay, thường là dưới hình thức phát hành những trái phiếu (bonds). Trái phiếu này được đảm bảo bởi tất cả tích sản (assets) của công ty, thường thường trị giá gấp nhiều lần số nợ, bởi thế những phiếu nợ này có một giá trị vững chắc. *Junk bonds* thì không vậy: Đây là loại trái phiếu do người dự định cưỡng thủ (takeover) một công ty khác phát hành, đặng sử dụng được những số tiền khổng lồ để tranh mua công ty đối tượng. Dĩ nhiên loại trái phiếu này không có đảm bảo chắc chắn nào cả, và khả năng trả nợ -- vốn và lời -- của kẻ phát hành tùy thuộc vào mức doanh lợi mà hắn sẽ thực hiện được sau khi làm chủ công ty đối tượng, cũng như vào số thu nhập mà hắn đạt được khi đem bán một vài ngành hay một vài chi cuộc của công ty này. Mua những trái phiếu này thật không khác đánh bạc. Vì thế, để hấp dẫn người mua, kẻ phát hành phải hứa hẹn một mức lời rất cao, thường thường là năm phân, hay sáu phân trên lãi suất của công khố phiếu.

Nói "người mua," nhưng thật sự những "người" có thể bỏ ra hàng trăm triệu hay hàng tỷ mỹ kim để mua những "trái phiếu mạt hạng" ấy không thể là những tư nhân mà là những tổ hợp ngân hàng và cơ quan tín dụng, kiểu Savings & Loans. Gọi là trái phiếu vứt đi (junk), nhưng thật sự không ai vứt đi những văn tự có khả năng đem lại số tiền lời kếch sù để làm đẹp cho dòng chót (bottom line) của bảng quyết toán (balance sheet) cuối năm của ngân hàng, do đó thổi phồng những số tiền thưởng (bonus) phát cho nhân viên?

Trở lại cơn khủng hoảng ngày thứ sáu 13, có người cho rằng *junk bonds* đã tạo ra cơn khủng hoảng ấy. Để chứng minh điều này, người ta nhắc lại là vụ thất bại của dự án thủ đắc UAL -- thất bại vì "trái phiếu bỏ đi" được phát hành để tài trợ dự án ấy đã không tìm được người mua -- đã gây ra sự sụp đổ của giá cả chứng khoán trong chiều hôm ấy. Và người ta còn thêm rằng từ trước ngày 13 tháng Mười 1989, thị trường "trái phiếu bỏ đi" đã gặp nhiều khó khăn, trục trặc rồi điển hình nhất là vụ Campeau -- người đã dùng "trái phiếu bỏ đi" để thủ đắc Federated Department Stores, Inc., chủ nhân của những cửa hàng lừng danh Bloomingdale's -- ngưng trả nợ từ ngày 8 tháng Chín và vụ cha đẻ của kỹ thuật trái phiếu bỏ đi, Michael Milken, đã mất sở làm và đang chờ ngày ra tòa lãnh án. Theo lập luận này, vì *junk bonds* là nhiên liệu thiết yếu cho các vụ thủ đắc công ty bằng tiền đi vay (LBO) và vì các vụ LBO chính là đầu tầu của sự hưng thịnh trên thị trường chứng khoán nên cơn khủng hoảng trong lãnh vực *junk bonds* đã làm bùng nổ cơn khủng hoảng ở Wall Street.

Lý luận này không sai lầm nhưng chỉ xét đến ngọn của vấn đề, chỉ chú trọng đến hiện tượng mà bỏ qua thực chất. Thật ra, *trái phiếu bỏ đi gặp khó khăn và bị thất sủng là vì lòng tin ở sự thịnh vượng lâu bền của kinh tế Mỹ đã bị lung lay.*

Nói về chương trình của máy tính điện tử theo đó sự mua bán chứng khoán được hoạch định trước tùy theo mức trồi sụt của giá cổ phần (program trading), đây không thể là nguyên nhân của sự sụp đổ mà chỉ là yếu tố làm trầm trọng thêm và tăng thêm vận tốc của sự sụp đổ giá cả trên thị trường chứng khoán. Cho rằng chỉ có việc cấm *program trading* là đủ ngăn ngừa được những cơn khủng hoảng vị lai của Wall Street thì cũng không khác gì cho rằng đập bể ống hàn thử biểu là đủ làm hạ cơn sốt của bệnh nhân.

## Một nền kinh tế xây dựng trên nợ nần

Như vừa viết ở trên, lý do chính khiến cho giá chứng khoán trên thị trường Wall Street đổ sụp ngày 13-10-89 là giới đầu tư không còn tin tưởng rằng sự thịnh vượng của kinh tế Mỹ có thể tồn tại lâu dài. Do cuộc xung đột âm ỉ và dằng dai trong lòng người đầu tư, giữa một bên là ước muốn thực hiện mau chóng một món lời to tát, và bên khác là nỗi lo ngại bị bắt chợt và cháy túi bởi một cuộc khủng hoảng ngắn kỳ (recession), giá cả ở Wall Street cứ tăng lại giảm, theo một nhịp độ không đều và theo một đồ biểu răng cưa. Trong trạng thái bấp bênh ấy, chỉ cần có một biến diễn, tự nó không quan trọng lắm, nhưng có hiệu lực làm kết tinh và bột phát những mối âu lo bàng bạc và tản mác, như vụ UAL ngày 13 tháng 10 chẳng hạn, là giá cả lại đổ sụp, đồ biểu lại rơi xuống một thung lũng mới.

Tại sao lòng tin ở sự thịnh vượng lâu dài của Hoa Kỳ cứ thu lại, nhỏ dần đi như miếng da lừa? Đó là vì nền kinh tế Hoa Kỳ biểu lộ nhiều triệu chứng mệt mỏi, trì trệ (mức doanh lợi của các xí nghiệp kỹ nghệ suy giảm nhiều trong tam cá nguyệt thứ ba, nhất là trong ngành xe hơi) và luôn luôn bị đe dọa bởi gánh nặng nợ nần

càng ngày càng trầm trọng, như một tảng đá treo ở chân với xu hướng kéo xuống vực thẳm.

Đến đây, cần minh định một điều: kẻ viết bài này không lạc hậu tới mức coi rằng mắc nợ bao giờ cũng là dở, rằng tín dụng tự bản chất của nó là nguy hại. Trái lại, tác giả rất ý thức được rằng đi vay, đối với một xí nghiệp cũng như đối với một cá nhân, là một hành động nhiều khi cần thiết và ích lợi, vì đó là cách huy động tích cực sự tín nhiệm mà mình đã gây ra được với bên ngoài nhờ tài sản và việc làm của mình. Một tư nhân cứ nhờ để dành đủ tiền rồi mới sắm xe, tậu nhà, cho con vào đại học... thì chắc không bao giờ làm được những việc ấy vì không bao giờ đuổi kịp mức lạm phát và sự hao mòn của giá trị đồng tiền. Cũng như vậy, một xí nghiệp nếu cứ đợi có đủ trữ kim rồi mới xây thêm nhà máy, tuyển thêm nhân viên, thì sẽ không bao giờ mở mang được và sẽ bị đào thải bởi những xí nghiệp cạnh tranh. Biết đi vay để đầu tư đúng lúc là một quyết định quản lý khôn ngoan.

Tuy nhiên, cũng như ăn uống hay chạy bộ đi vay là một hành động, tích cực và có lợi cho tới một mức nào đó; nếu cái giới hạn biết điều này bị vượt, hoạt động ấy sẽ trở thành tai hại và có thể dẫn đến suy vong. Chẳng hạn, nếu một người không biết lượng khả năng kiếm tiền của mình, đi vay thật nhiều để mua lấy tòa nhà lớn, lúc bình thường đã phải đi làm hai, ba sở để đủ trả tiền nợ để đương (mortgage), rủi gặp khi ốm đau hay thất nghiệp thì nhà sẽ bị phát mãi để ngân hàng lấy nợ. Một xí nghiệp cũng vậy: nếu người quản lý thiếu thận trọng, không biết tôn trọng tỷ số giữa vốn sở hữu và tiền đi vay, cứ đi mượn tiền ngân hàng bừa bãi để khuếch trương xí nghiệp thì lúc thường đã phải dốc hết tiền thu nhập để lo trả nợ, không còn tạo dựng được trữ kim nữa, do đó chỉ cần một cơn khủng hoảng nhẹ nhẹ và ngắn kỳ, hàng hóa bán chậm, khách hàng chậm thanh toán hóa đơn, là xí nghiệp rơi vào hoàn cảnh khánh tận và phải xin Tòa cho phép ngưng trả nợ.

Những số liệu thống kê kinh tế cho thấy rằng *Hoa Kỳ đã vượt qua mức vay mượn vừa phải từ lâu* và khối nợ vĩ đại của Hoa Kỳ đã trở thành lưỡi gươm Damoclès lủng lẳng trên đầu nền kinh tế nước này.

Trước hết phải kể đến món nợ cao ngất của Nhà Nước, được tạo ra bởi khiếm ngạch hàng trăm tỷ mỗi năm của ngân sách liên bang. Khiếm ngạch này nghiêm trọng đến nỗi Hoa Kỳ phải thông qua đạo luật Gramm-Rudman để đặt ra những giới hạn thâm thủng cho mỗi tài khóa. Những giới hạn ấy giảm dần cho đến tài khoá 1993 là phải đạt được ngân sách quân bình. Đó là lý thuyết, còn trên thực tế thì khiếm ngạch ngân sách vẫn không giảm đi -- vì chính phủ không chịu tăng thuế, còn Quốc Hội thì không muốn cắt xén những dự án chi tiêu được lòng cử tri -- nên chỉ có thể đi vay bằng cách phát hành công khố phiếu. Mức công trái (tổng số nợ của Liên Bang) đã lên tới 3,100 tỷ mỹ kim, tượng trưng một gánh nặng ghê gớm cho nhiều thế hệ mai hậu và làm cạn nguồn tài trợ cho các kế hoạch nghiên cứu và phát triển, với đe dọa là Hoa kỳ có thể bị vượt trong cuộc chạy đua kỹ thuật và kinh tế hiện thời.

Các xí nghiệp cũng nợ nần chẳng kém chính phủ liên bang. Thống kê của Ngân Hàng Dự Trữ Liên Bang cho biết số nợ của các xí nghiệp, trong khoảng thời gian từ 1982 đến 1987, đã gia tăng từ 30.4% lên đến 46% trị giá ròng (net worth), và đến nay tỷ số ấy đã vượt quá 50%. Mức nợ của các xí nghiệp cao đến độ người ta tính rằng xí nghiệp Mỹ *nợ từ 5 đến 9 đô la đối với mỗi đô la vốn!* Những xí nghiệp mang công mắc nợ nhiều như vậy cố nhiên rất mỏng manh, có rất ít sức đề kháng khi gặp phải thoái trào kinh tế. Chỉ cần vài ba tháng thất thu là phải tạm đóng cửa nhà máy và sa thải bớt nhân viên, nếu khủng hoảng kéo dài hơn nữa là ngưng hoạt động và khai phá sản.

Những con số nêu ra ở trên tuy đã là đáng ngại nhưng mới chỉ là những con số trung bình. Nếu xét tình hình cá biệt của từng xí nghiệp, ta sẽ thấy rằng tình hình còn bi đát hơn nữa đối với những xí nghiệp đã -- hoặc đang -- là đối tượng của những dự án cưỡng thủ (LBO). Thật vậy, một công ty đã được mua với tiền vay được bằng "trái phiếu bỏ đi," hay một công ty đã phải vay mượn nhiều để chống lại một mưu toan cưỡng thủ, có một gánh nặng chi phó rất lớn, trong hoàn cảnh ấy, ban quản trị công ty phải dồn tất cả nỗ lực và chú tâm vào việc giảm chi đến mức tối đa (bớt nhân viên, hạ lương bổng, tăng nhịp làm việc, xén ngân sách nghiên cứu và phát triển...) và tăng các khoản thu ngắn hạn đến mức tối đa (bán hàng hạ giá, phát mãi bất động sản, nhượng dữ tích sản và chi nhánh ở nước ngoài...) đặng có phương tiện tài chánh để thanh toán các hạn kỳ của số nợ. Trong bầu không khí "ăn xổi ở thì" ấy, ban quản trị không còn đầu óc và khả năng để quan tâm đến kế hoạch phát triển dài hạn của công ty nữa. Kinh tế làm sao có thể tiến bộ vững chắc được với lề lối doanh nghiệp thiếu lành mạnh ấy?

Một lý do khác để bi quan là tình hình có thể đổi tệ hơn trong mấy năm tới. Quả vậy, theo một phúc trình của Tổ Chức quốc tế Hợp Tác Kinh Tế và Phát Triển (O.E.C.D.) vừa được công bố ở Paris, cán cân chi phó với ngoại quốc của Hoa kỳ đã tới một mức khiến cho

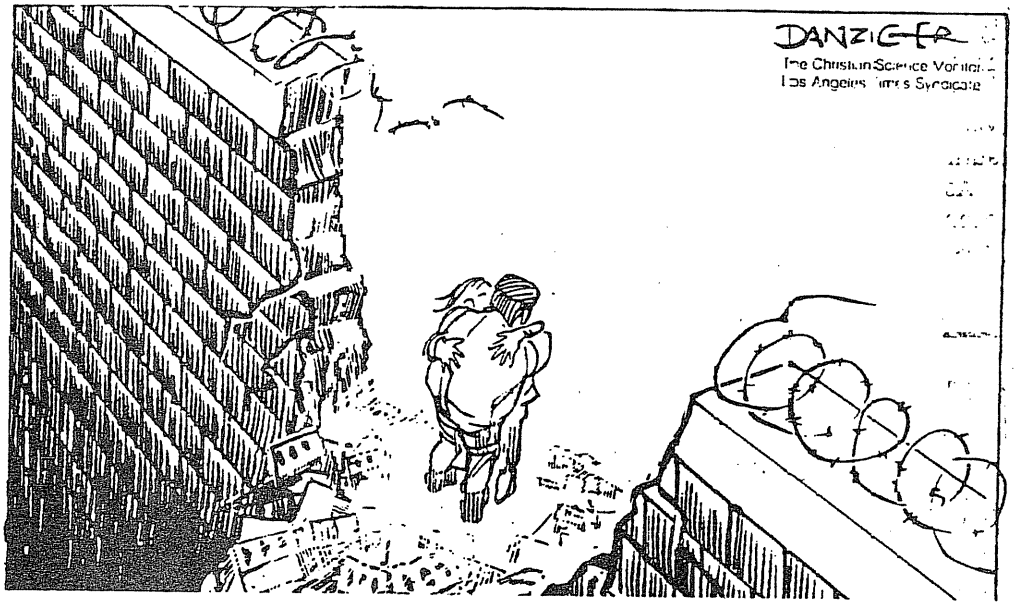


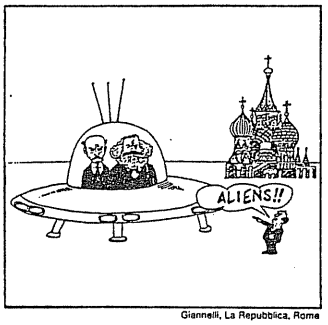


Giannelli, La Repubblica, Rome

TUNNER / The Irish Times
Dublin

Hoa Kỳ không thể hấp dẫn được tư bản nước ngoài đổ vào Hoa Kỳ để bù đắp khiếm ngạch nếu không chịu tăng lãi suất một cách đáng kể. Nhưng lãi suất tăng thì tự nhiên hoạt động kinh tế sút giảm, và rủi ro khủng hoảng ngắn kỳ (recession) cũng tăng theo. Đó là chưa kể đến giả thuyết chiến tranh lạnh có thể chấm dứt, tiếp theo những biến chuyển mới đây ở Đông Âu; trong trường hợp ấy, kinh phí quốc phòng sẽ giảm thiểu khoảng hàng trăm tỷ mỹ kim trong mấy năm tới, và biến cố này sẽ tác động như một gáo nước lạnh dội vào sinh hoạt kinh tế.

Trước một bối cảnh đầy bất trắc như vậy ít ai dám đánh cuộc vào một vận hội thịnh vượng lâu dài, và đó là nguyên nhân của sự giao động ở Wall Street.

*

* *

Món nợ lớn lao của cả nhà nước lẫn xí nghiệp tư ở Hoa Kỳ có thể là mạch đất rạn San Andreas của nền kinh tế nước này.

Dân California sống phấp phỏng trong sự đợi chờ Trận Động Đất Lớn (The Big One). Liệu nhân dân Mỹ -- và thế giới -- có phải lo lắng chờ đợi Cơn Khủng Hoảng Lớn hay không?

**HOÀNG LINH**
Paris 11/1989

## Nhắn tin

* Ông Bà **Nguyễn Thanh Liêm** 15 Rue General Leman -- 1040 Bruxelles - Belgium. Liên tiếp ba lần gửi Thế Kỷ 21 đến địa chỉ đang có chúng tôi đều được gửi trả lại với ghi chú của bưu điện "không biết." Vậy xin Ông Bà vui lòng cho chúng tôi địa chỉ chính xác để gửi báo. Cảm ơn. (TQ)

* Bạn **Lê Khắc Hùng** (Monterey Park) -- Đợi hoai một lời hứa. Xin bạn đừng để nguội. Thân (TQ)

# MỘT KỸ THUẬT MỚI TRONG NGÀNH ĐIỆN TOÁN NGÀY NAY

N.V.T. sưu tập

Đã từ lâu, hoạt ảnh điện toán (Computer animation) chỉ được xem như một khí cụ dùng trong kỹ nghệ điện ảnh để thực hiện các phim hoạt họa giải trí hoặc quảng cáo được chiếu qua phim ảnh trên màn bạc hoặc qua các đài truyền hình và không được phổ biến sâu rộng vì các dụng cụ dùng để thực hiện công tác hoạt họa rất là tốn kém và chỉ thu hẹp vào kỹ nghệ điện ảnh và quảng cáo.

Trong những năm gần đây, với sự phát triển kỹ nghệ điện tử tân kỳ, giá bán của các dụng cụ liên hệ và các máy điện toán cá nhân đã được giảm bớt đến mức độ ngành hoạt ảnh điện toán không còn phải tiếp tục chỉ thu hẹp trong phạm vi đại kỹ nghệ điện ảnh, quảng cáo mà đã được bành trướng đến các cơ sở thương mại và kỹ thuật nhỏ hơn. Ngành hoạt ảnh điện toán hiện nay đã được dùng cả trong lãnh vực truyền thông, thương mại, kinh tế, giáo dục địa ốc, thẩm mỹ, âm nhạc, v.v...

Sự áp dụng hoạt ảnh điện toán vào các lãnh vực trên không chỉ đã nâng cao phẩm chất và tác dụng nội dung của riêng ngành này mà còn tiết kiệm ngân sách và thời gian điều hành cho các cơ sở sản xuất hay các cơ quan liên hệ. Ví dụ, trong cơ xưởng sản xuất xe hơi, khi muốn chế tạo một chiếc xe mới, nói riêng về hình dạng của xe, trước khi áp dụng hoạt ảnh điện toán, các họa sĩ cũng như kỹ sư đã phải vẽ trên giấy và tưởng tượng về sự ăn khớp của các bộ phận và mầu sắc của xe. Khi những mẫu vật riêng rẽ từng phần một được hoàn thành, các kỹ sư đã phải ráp các phần thành mẫu vật với nhau và thử nghiệm. Nếu có bộ phận nào không đúng theo như ý muốn, các họa sĩ và kỹ sư sẽ phải vẽ lại và làm lại bộ phận đó. Công việc ráp nối, thử nghiệm và vẽ kiểu này cứ phải lập đi lập lại cho đến khi nào đạt được ý muốn. Sự việc này không những tốn kém về tài liệu và công sức mà còn kéo dài cả thời gian chế tạo.

Với áp dụng của ngành hoạt ảnh điện toán, ngày nay toàn bộ phần vẽ kiểu, kích thước, chọn màu và thử nghiệm đã được thực hiện trên máy điện toán. Chẳng hạn như vẽ kiểu chiếc xe hơi, các họa sĩ với chiếc máy điện toán tha hồ mà vẽ những đường cong, đường thẳng cân xứng bằng những chương trình như thể viết sẵn áp dụng phương trình toán. Nếu muốn phần đuôi xe cong hơn một ít thay vì vuông vắn như của xe Volvo, chỉ trong một phút với cây viết điện trên tay, người kỹ sư có thể chọn những điểm cần sửa và vẽ đường mẫu trên máy điện toán, sau đó máy sẽ vẽ lại phần muốn sửa theo hình mẫu mới. Đặc biệt khi vẽ, người kỹ sư không cần kể tới kích thước chính xác của từng bộ phận trong xe, máy điện toán sẽ dựa theo những tài liệu có sẵn mà chỉnh đoán kích thước. Nếu việc làm này phải làm bằng tay vẽ lại trên giấy mỗi lần muốn sửa, đưa xuống xưởng để thợ máy cắt xén, chế biến rồi lại được ráp vào chiếc xe mẫu. Thử tưởng tượng nếu mình không được vừa ý, toàn bộ việc làm đó phải được lập đi lập lại cho đến khi vừa ý. Với chiếc máy điện toán, mỗi thay đổi chỉ phải làm trong một đôi phút.

Sự tiến bộ của khoa học đã hầu như thay đổi hẳn lề lối làm việc của con người, dù muốn hay không, chúng ta vẫn sẽ phải bước theo những trào lưu phát triển của khoa học đó. Dự đoán chừng một thập niên tới đây, có lẽ không ai trong chúng ta muốn ngồi đánh máy trên những chiếc máy nặng nề trong khi những người khác thảnh thơi đọc cho máy điện toán ghi chép. Với vận tốc của điện, chiếc máy sẽ ghi chép nhanh như chúng ta đọc. Hình ảnh một thằng rô-bô chạy lăng xăng trong nhà để lau chùi, hút bụi, nhặt báo, v.v... sẽ không còn là một sự tưởng tượng hão huyền mà nó sẽ là một sự thật trong thế kỷ 21 tới đây.

# Thư bạn đọc

## Về bài viết của Ông Thế Uyên

Thưa quý báo, đọc *Thế Kỷ 21,* số 6 bài của nhà văn Thế Uyên về Bình Đẳng, Tự Do và Dân Chủ, tôi thấy có nhiều điều không đồng ý. Tôi xin nói trước rằng tôi rất kính trọng tư cách nhà văn của Thế Uyên, và thái độ dấn thân của ông. Nhưng cách nhận xét và lý luận của ông trong bài trên rất nông nổi và nhiều chỗ bất công.

Ông Thế Uyên cho rằng các ông "đại tá già" có mặc cảm vì thấy mình thua kém các anh hạ sĩ quan hay binh sĩ hội nhập lẹ hơn. Tôi thấy đó là lối nói vơ đũa cả nắm. Trong một trăm ông "đại tá già" tôi thấy 99 người sẵn sàng chấp nhận tình thế mới, hoàn cảnh mới. Ông Thế Uyên chỉ nhìn thấy một người còn có óc tự tôn, ganh ghét, rồi vội vã kết luận, rất bất công. Tôi không già và cũng chưa lên đến cấp tá, nhưng tôi thấy ông nói oan cho các chiến hữu của tôi, tôi rất buồn lòng.

Ông Thế Uyên nói đến trường hợp các người bạn khuyên ông nên viết thế này, viết thế kia, và tức giận, coi là họ xâm phạm tự do của ông. Thế là ông quá tự cao. Bạn bè khuyên nhau, báo chí có thể phê bình các nhà văn, đó là chuyện thường tình. Tại sao ông không đủ tự tin để nghe qua rồi bỏ, đường ông ông cứ đi? Tại sao ông muốn tước đoạt quyền tự do phê bình, tự do khuyên bảo của người khác, nhất là bạn bè mình?

Có một điều tôi đồng ý với ông Thế Uyên phản đối khi người ta dùng bạo lực xâm phạm quyền tự do nghĩ, tự do viết của người khác. Tôi hoàn toàn ủng hộ quan điểm đó.

Điều hồ đồ sau chót mà tôi muốn nói tới về bài của ông Thế Uyên là khi ông viết rằng các "tướng tá và viên chức cao cấp VNCH" chống cộng là vì họ mất địa vị cũ, quyền lợi cũ, nay "họ chống với hy vọng phục hồi lại những quyền chức cũ." Tôi thấy ông nói như vậy là sỉ nhục tất cả các tướng tá có nhiệt tâm, có lòng yêu nước, mà tôi biết là không thiếu. Các ông Võ Đại Tôn, Hoàng Cơ Minh xả thân chống Cộng. Làm sao ông Thế Uyên dám nói họ hy sinh không phải vì dân tộc mà chỉ vì mưu tìm quyền chức?

Tôi mong rằng lần sau quý báo đăng bài của nhà văn nào cũng nên xem lại coi nhà văn đó có suy nghĩ bảy lần trước khi đặt bút hay không. Nói oan cho các chiến hữu, đồng bào của mình, là điều không nên.

**TRẦN VĂN NAM**
(NS. W. Australia)

**TK21:** *Trong* Thế Kỷ 21 mỗi nhà văn đều tự do phát biểu, và quý vị độc giả tự do phê phán. Chúng tôi tôn trọng quy tắc bình đẳng và tinh thần dân chủ này.

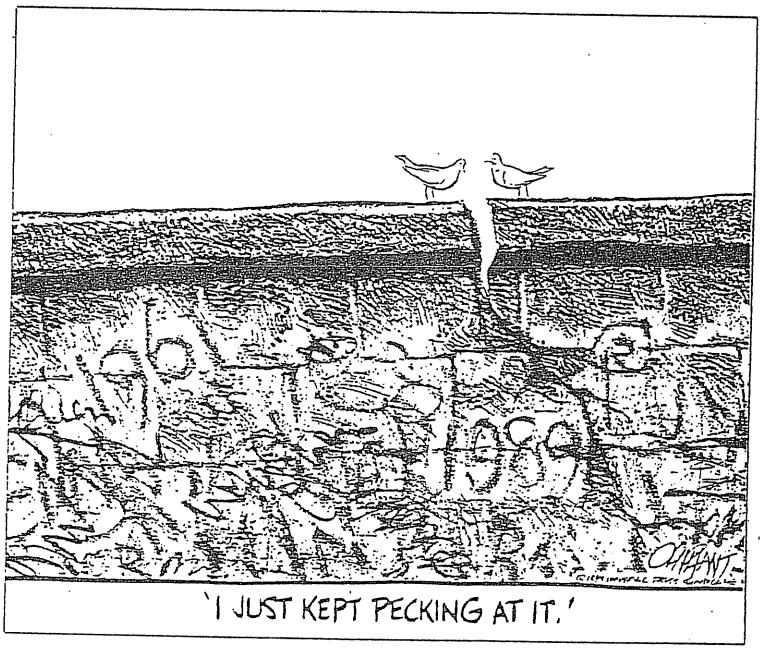

# QUÝ VỊ ĐỘC GIẢ KHẮP THẾ GIỚI CÓ THỂ MUA TẠP CHÍ THẾ KỶ 21 TẠI CÁC TIỆM SÁCH DƯỚI ĐÂY:

**Tại PHÁP:**
* Le Tai Dien
21 Jean Racine
95400 Villiers-Le-Bel
Paris-France

* Nam Á
44, Ave. D'Ivry
Paris
75013 France

**Tại TÂY ĐỨC:**
* Lê Vũ
Flattichstr. 55
7140 Ludwigsburg
Hoheneck W. Germany

**Tại CANADA:**
* Nhà sách Trung Việt
6520 Darlington - Montreal
Qué H3S2J3
Canada
Tel. (514) 341-1740

* Vietnam Bookstore
415 Spadina Ave.
Toronto - Ont - M5T2G6
Canada
Tel. (416) 595-5199

* Kim Sơn
265 E. Hasting
Vancouver B.C.
V6R1P2 Canada
(604) 689-5188

* Quê Hương Publishing
15 Rochdale Ave.
Toronto
M6E1W9 Canada

**Tại Úc:**
* Tòa soạn báo Việt Luận
PO Box 592
Bankstown, NSW 2200
Australia

* Văn Lang Publishing
1st Floor. 34 Old Town
Plaza Bankstown
NSW 2200 .Australia

* Vietnamese Lang & Cult. Pub.
PO Box. 133
Pascoe Vale South
Vic. 3044 - Australia

**Tại NHẬT BẢN**
* Mekong Center
F140 Tokyo - To, Shinagawaku
Yashio, 5-12-69-115
Japan

* Thằng Bờm
1 Shinowada 262 Ichodanchi
72-918
Yamatoshi Kanagawaken
Japan

**Tại HOA KỲ:**

**Minnesota:**
* Saigon Bookstore
1721 E. Lake St.
Minneapolis, MN 55407
Tel. (612) 722-4360

**Washington State:**
* Tòa soạn tuần báo
Người Việt Tây Bắc
3111 M.L King Jr. Way
Seatle, WA 98144
Tel. (206) 722-6984

**Virginia:**
* Nhà sách Alpha
6771 Wilson Blvd.,
Falls Church, VA 92201
Tel. (703) 524-2011

* Nhà sách Thế Hệ
6763 Wilson Blvd. #9
Falls Church, VA 22044
Tel. (703) 532-7890

**Florida:**
* Tiến Hưng
1108-1112 E Colonial Dr.
Orlando. FL. 32803
(305) 841-5677

* Đông Phương
3638 Hendenson Blvd.
Tampa. FL 33609
(813) 874-0526

**New York**
* Tú Quỳnh
85 Boweris St. #8B
New York, NY-10002
(212) 925-1513

**Massachusetts**
* Thăng Long
201 Adams St.
Dorchester, MA. 02122

**Colorado**
* Đức Hòa
333 S. Federal Blvd. #128
Denver, CO. 80219

**Louisiana**
* Về Nguồn
1717 Caal St. Suite 12
New Orleans, LA 70112

* Tiên Nha Trang
3709 G. West Bank
Expressharvey
LA 70058
(504) 340-4626

**Missouri**
* Saigon Center
424 Locus
Kansas, MO. 64106
(816) 421-6838

**New Mexico**
* Kim's Cafe
1800 Central Ave.
Albuquerque, NM. 87106

**Texas**
* Tinh Hoa Bookstore
2800 Travis #5
Houston, TX 77006

* Duyên Hải
2200 Jefferson St. #5
Houston, TX 77003

* Văn Hóa Publishing
2606 Main St. #114
Houston, TX 77002

* Văn Hóa
2117 K Chenevert
Houston, TX 77003
(713) 650-1770

* Liên Hương
8610 Lamar Blvd.
Austin, TX 78753

* Pacific Oriental Market
6617 Airport Blvd.
Austin, TX 78753

**California:**
* Toà soạn nhật báo
Người Việt Bắc Cali
71 E. William St.
San Jose, CA 95112
Tel. (408) 297-3988

* Mây Hồng
115 N. Fourth St. #105
San Jose, CA 95112
Te. (408) 971-9808

* Tây Đô
2855 F Senter Rd.
San Jose, CA 95111
Te. (408) 224-4130

* Nhà sách Toàn Thư
79 S. 3rd #12
San Jose, CA 95133

* Thanh Thúy Bookstore
535 Eddy St.
San Francisco, CA 94109
Tel. (415) 775-6568

* Cửu Long
528 W. Alpine
Los Angeles, CA 90012
Tel. (213) 620-9650

* Tự Do
818 Tully Rd. #158 A
San José, CA 95100

* Tự Lực
14138 Brookhurst St.
Garden Grove, CA 92643
Tel. (714) 531-5290

* Tú Quỳnh
9581 Bolsa Ave.
Westminster, CA 92683
Tel. (714 531-4284

* Quê Mẹ
2339 W. First St.
Santa Ana, CA 92703
Tel. (714) 543-3069

* Văn Khoa
9200 Bolsa Ave., Ste 123
Westminster, CA 92683
Tel. (714) 892-0801

*Các nhà sách muốn nhận bán Tạp chí Thế Kỷ 21 xin vui lòng liên lạc với chúng tôi. Hoa hồng cao.*

Nhà xuất bản NGƯỜI VIỆT
14841 Moran St.,
Westminster, CA 92683
USA

— Bức tường Bá Linh bị chọc thủng.
— Đảng Cộng sản Hung biến mất.
— Lãnh tụ "Không Cộng Sản" lên cầm quyền ở Ba Lan.
— Nhân dân Tiệp xuống đường dựng lại "Mùa Xuân Praha."
— Nhà nước Liên Sô cho doanh nhân vay vốn, mượn phương tiện sản xuất để "làm ăn cá thể."

*Chuyện gì đang xảy ra thế?*

Muốn biết, tìm đọc ngay cuốn sách

# ĐỔI MỚI KINH TẾ

## THÍ NGHIỆM CỘNG SẢN ĐÃ THẤT BẠI VIỆT NAM ĐI VỀ ĐÂU?

## của Vương Hữu Bột

*(Chủ bút tạp chí* Thế Kỷ 21*)*

*do nhà xuất bản Người Việt ấn hành,*

*đã có bán ở các tiệm sách khắp nơi trên thế giới.*

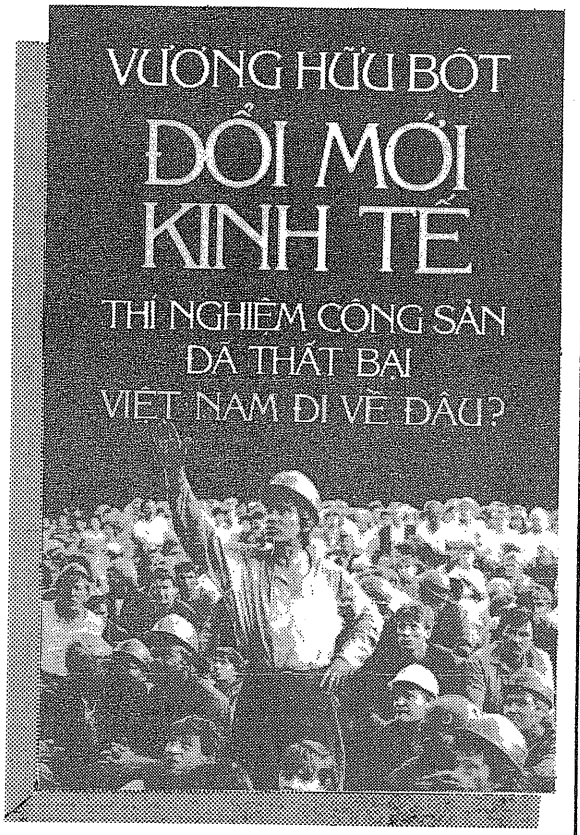


**Giá:** *Trong nước Mỹ* **US$ 14.00**

*Ngoài nước Mỹ* **US$ 15.00**

Có thể đặt mua tại
NGƯỜI VIỆT
14841 Moran St., Westminster, CA 92683, USA
Tel. (714) 892-9414; Fax (714) 894-1381

Tìm đọc
Tác phẩm đầu tay của
một cây bút nữ sâu sắc
hải ngoại

# PHÒNG MẠCH BÁC SĨ
# VƯƠNG ĐỨC HẬU
## M.D., F.A.C.O.G., INC.

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF OB & GYN

14536 Brookhusrt St., Phòng 101 (góc Hazard)
Westminster, CA 92683

## Điện Thoại: (714) 531-5505

* Cựu thường trú và tốt nghiệp hậu Đại học Sản Phụ Khoa tại Hollywood Presbyterian Hospital và University of Southern California, Women Hospital Los Angeles
* Bác sĩ chuyên môn Sản Phụ Khoa Việt Nam Board Certified và hành nghề đầu tiên tại California
* Giáo sư Đại học U.C. Irvine, OB-GYN Department.
* Assistant Clinical Professor tại U.C.I Medical Center; khu sản phụ khoa

*Với sự cộng tác của*

NỮ BÁC SĨ

# HỒ THỊ ÁNH NGUYỆT, M.D.

American Board of OB — GYN

Tốt nghiệp Y Khoa Đại Học U.C.L.A.
Tốt nghiệp chuyên môn Sản Phụ Khoa tại University of Texas, Medical Branch — Galveston, Texas.

## ❊ CHUYÊN MÔN CHỮA TRỊ

### SẢN KHOA

* Đỡ đẻ và giải phẫu sanh đẻ.
* Không nhận phá thai.
* Nhận sanh bình thường nếu lần trước bị mổ đẻ (Cesarean Section).
* Giải phẫu cột ống dẫn trứng sau khi sanh.
* Chỉ dẫn phương pháp sinh trai hay gái theo ý muốn.
* Văn phòng có trang bị máy Fetal Monitor Ultrasound tối tân để theo dõi thai kỳ.
* Đẻ không đau theo ý muốn

### PHỤ KHOA

* Bệnh đàn bà, Huyết trắng
* Khám bệnh tổng quát phụ nữ
* Kế hoạch hóa gia đình; Cột hoặc đốt ống dẫn trứng.
* Sexual Dysfunction. Nhiễm trùng đường tiểu. Đau khi có kinh nguyệt.
* Kinh nguyệt bất thường; chảy máu bất thường.
* Bệnh hiếm muộn và giải phẫu bằng tia Laser tối tân.
* Giải phẫu bướu tử cung; Sa tử cung; Bướu buồng trứng.
* Truy tầm và chữa trị Ung thư cổ tử cung, Tử cung và Buồng trứng. Truy tầm Ung thư vú
* Giải phẫu sửa nhỏ âm đạo theo ý muốn

**ĐẶC BIỆT:** Cộng tác với Subspecialists, Giáo sư tại các đại học U.C.I, U.S.C, U.C.L.A. Dùng phương pháp tối tân nhất:
— Cấy trứng - Cấy tinh trùng - Thụ thai ống nghiệm v.v..
— Nối ống dẫn trứng bằng phẫu thuật kính hiển vi để có bầu trở lại (sau khi cột)

*XIN VUI LÒNG LẤY HẸN*

NGÀY GIỜ KHÁM BỆNH: Thứ Hai — Thứ Sáu: 9:30 AM — 6:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM — 2:00 PM
Nghỉ Chủ Nhật

MISSION GRAPHICS

*Quality Commercial Printers*

11562 Trask Avenue • Garden Grove, • California 92643

IN NHANH
GIÁ HẠ
PHẨM CHẤT TỐT

Nhận in
**Kinh Sách - Quảng Cáo**
**Menu - Giấy Tờ Văn Phòng**
**Bìa Băng Nhạc**
**Poster - Video**

*President:*
HOÀI BẢO
(714) 534-0253

Bác Sĩ
NGUYỄN DUY CUNG
Giải Phẫu Thẩm Mỹ

PHÒNG MẠCH:
14441 Brookhurst St. #2
Garden Grove, CA 92643
(góc đường Hazard)
Liên lạc cô Xuân Uyên (714) 775-3718

Nữ Bác Sĩ Nha Khoa
**Nguyễn Thị Ngọc Sương**
14265 Brookhurst Street
Garden Grove, CA 92643
**Tel: (714) 531-2773**

**THẾ KỶ 21**
14841 Moran St.,
Westminster, CA 92683
(714) 892-9414

## PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ Tên: _____

Địa Chỉ: _____

City: _____ State _____ Zip _____

Điện thoại: _____

Xin đặt mua dài hạn báo **Thế Kỷ 21**:

☐ 6 số báo ☐ 12 số báo ☐ 24 số báo ☐ 36 số báo

*Kèm theo đây là check/money order* Ngày _____

*mang số tiền: $US* _____ Ký tên: _____

| Giá mua dài hạn: | Bulk Rate (Mỹ) | First Class (Mỹ) | Canada | Các nước khác |
|---|---|---|---|---|
| 6 số báo | $ 12 | $ 18 | US$ 20 | US$ 21 |
| 12 số báo | $ 24 | $ 36 | US$ 40 | US$ 42 |
| 24 số báo | $ 48 | $ 72 | US$ 80 | US$ 84 |
| 36 số báo | $ 72 | $ 120 | US$ 120 | US$ 126 |

TRUNG TÂM TRUY TẦM
UNG THƯ NGỰC (VÚ)

BÁC SĨ NGUYỄN MẠNH
CHUYÊN KHOA QUANG TUYẾN

9513 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683
Tel: (714) 531-8833

- Dùng kỹ thuật tối tân để khám phá ung thư thật sớm
- Chỉ dẫn kỹ càng cách thức tự khám ngực để khám phá ung thư ngực thật sớm
- Có nữ chuyên viên nhiều kinh nghiệm khám và chụp hình ngực

Đường nào cũng tới La Mã
Xa lộ nào cũng dẫn bạn tới nhà hàng

BÒ 7 MÓN PAGODE SAIGON
Gourmet Restaurant

710 W. Las Tunas Dr #7 San Gabriel
(Góc Las Tunas và Mission)
(818) 282-6327

VISA
MasterCard

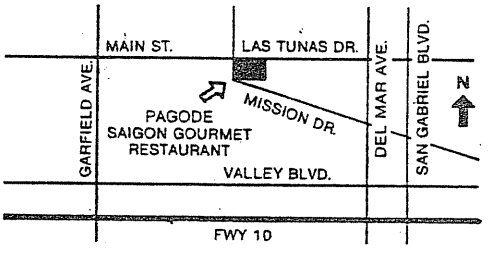


* BÒ NƯỚNG VỈ
* TÔM MỰC NƯỚNG VỈ
* TÔM MỰC NHÚNG DẤM
* TÔM NƯỚNG VỈ

ĐÃ PHÁT-HÀNH KHẮP NƠI

*Ấn-phẩm thứ ba của*

*Ngô Nguyên Dũng*

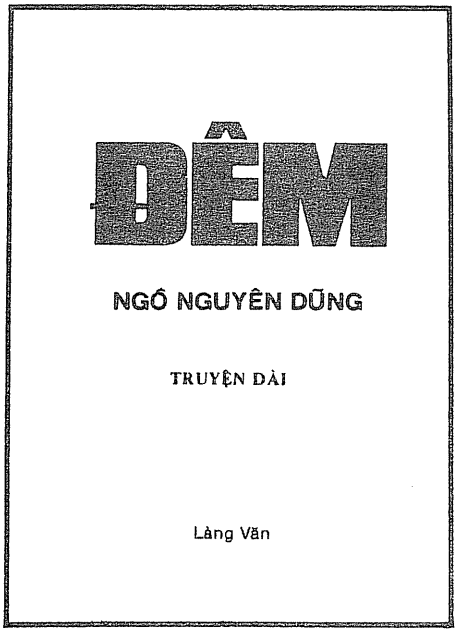


*Giá 7 mỹ-kim — 8,50 gia-kim*
HỎI TẠI CÁC NHÀ SÁCH

BROOKHURST
FOOT CLINIC
Bác Sĩ
ĐẶNG BỈNH CHÚC
Bác Sĩ Việt Nam duy nhất
Chữa Bệnh về Chân tại Nam Cali

Member
California Podiatric
Medical Association

Member
Academy of Ambulatory
Foot Surgeons

Palm Court Plaza
15444 BROOKHURST STREET
WESTMINSTER, CA 92683
(Góc Brookhurst/McFadden - đối diện chợ RALPH'S)

Chuyên Trị Và Giải Phẫu
Tất Cả Những Bệnh Tật
Và Chấn Thương Nơi Chân

Nhận Medical, Medicare và Bảo Hiểm
Nhận đến thăm bệnh tại nhà
Xin gọi điện thoại để lấy hẹn trước
Trường hợp khẩn cấp, xin gọi
**(714) 775-5373**
GIỜ LÀM VIỆC
Thứ Hai đến thứ Bảy: từ 10 giờ sáng đến 7 giờ tối
Chủ Nhật: Làm theo hẹn

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ VỚI TẦM VÓC QUỐC TẾ
PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG VIỆT NAM

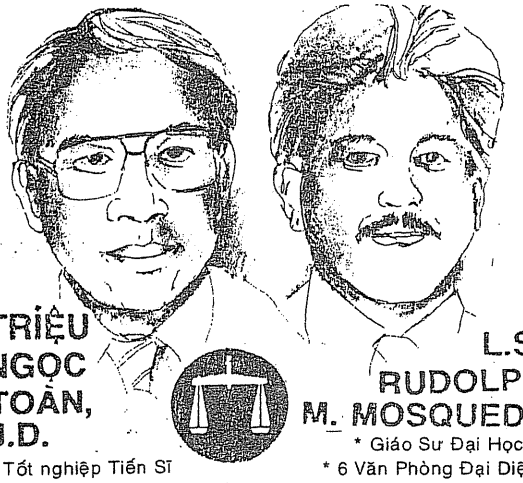

TRIỆU NGỌC TOÀN, J.D.
* Tốt nghiệp Tiến Sĩ Luật Khoa Hoa Kỳ (W.S.U.)
* Giáo Sư 11 Năm Hành Chánh Hoa Kỳ
* Điều Hành Văn Phòng

L.S. RUDOLPH M. MOSQUEDA
* Giáo Sư Đại Học Luật Khoa W.S.U.
* 6 Văn Phòng Đại Diện tại Đông Nam Á
* 5 Văn Phòng tại Orange County, Los Angeles.
* Một tổ hợp Luật Sư Chuyên Nghiệp Tai Nạn (P.I.)
* Uy Tín Nhiều Năm Với Các Cộng Đồng Á Châu

- **ĐỜI BỒI THƯỜNG TAI NẠN, THƯƠNG TÍCH**
  - **Vì Xe Cộ:**
    - Văn phòng đảm nhận kéo xe, thuê xe, báo cáo DMV
    - Đòi bồi thường tối đa, nhanh chóng
    - Tham khảo miễn phí
  - **Trượt Ngã Siêu Thị**
  - **Sơ Xuất Y Tế**
- **HÌNH LUẬT**
  - Lái xe say rượu, Trộm cắp siêu thị
  - Các tội Tiểu hình, Đại hình
  - Thiếu nhi phạm pháp
- **LUẬT ĐỊA ỐC:**
- **KHAI KHÁNH TẬN, PHÁ SẢN:**
- **DI TRÚ, ĐOÀN TỤ:**
- **LUẬT THƯƠNG MẠI:**
- **LUẬT GIA ĐÌNH:**
  - Ly dị, cấp dưỡng, chia tài sản.
- **DI CHÚC THỪA KẾ**

XIN GỌI ĐỂ QUYỀN LỢI PHÁP LÝ CỦA QUÝ ĐỘC GIẢ ĐƯỢC BẢO VỆ TỐI ĐA

**(714) 892-2154**
Giờ làm việc
Thứ **2-7: 10AM-7PM**
Chủ Nhật: Theo hẹn.

**Los Angeles Office**
3807 Wilshire Blvd., Suite 500
Los Angeles, CA 90010
Toll Free: **1-800-331-4725**

**Westminster Office:**
9211 Bolsa Ave., suite 222
Westminster, CA 92683 (Cạnh Siêu Thị 99)

# Bộ chữ Việt Nam trên IBM PC & PS2

do VN Labs, nơi đầu tiên chế tạo Computer tiếng Việt (1984) và Bộ Chữ Quốc Tế (1985)

**Hệ thống Computer tiếng Việt tối tân nhất thị trường. VN Labs hiện là nơi duy nhất chế tạo Bộ Chữ Việt Nam có thể in các loại phototypesetters và Postcript printers, ngoài dot matrix và laser printers.**

عربي

עִבְרִית

- Đầy đủ mọi áp dụng: viết văn, ấn loát, kế toán, thống kê, truyền tin, giáo dục, vv..
- Dùng trên hầu hết các loại IBM PC & PS2 với MDA, CGA, EGA, MCGA, VGA, PGA, Hercules, Taxan, Genius, vv..
- In tiếng Việt đủ cỡ, đủ kiểu trên các loại dot matrix printers, laser printers, postcript printers, và phototypesetters.
- Dùng tiếng Việt với các software thông dụng trên thị trường: WordPerfect, WordStar, Volkswriter, PC-Write, Microsoft Word, Personal Editor, PFS Professional Write, Dbase, Foxbase, Rbase, Quattro, VP-Planner, Ventura Publisher version 1.1 và 2.0, vv..
- Viết tiếng Việt 'chữ trước, dấu sau', hoặc 'dấu trước, chữ sau' (có thể thay đổi bất cứ lúc nào trong khi dùng software thị trường).

*Khả năng của Postcript printers:*

*Từ một font chính, Postcript printers có thể in ra cỡ chữ khác nhau từ 2 pts. cho đến 254 pts., tăng từng .1 pts.*

*Một số loại Postcript printers (Linotype) có thể in đến 1720 dots/in., trong khi HP Laserjet chỉ có thể in 300 dots/in.*

| | |
|---|---|
| Bộ Chữ Việt Nam căn bản | $95 |
| Bộ Chữ Việt Nam và Ventura option (Laserjet) | $195 |
| Bộ Chữ Việt Nam và Ventura option (Postcript) | $295 |

VISA

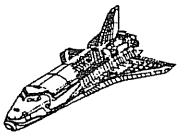

Mastercard

## VN Labs

**4320 Campus Drive, Suite 290**
**Newport Beach, CA 92660**
**Phone (714) 474-6968**
**FAX (714) 250-8117**

Giám Đốc: Việt Nguyễn
Trưởng Ban Marketing: Alan Runfeldt
Trưởng Ban Software: Susan Nguyễn
Cố Vấn Kỹ Thuật: Hiếu Phạm

**Đại Diện VN Labs:**

LOS ANGELES: BMC (213) 422-4444
ORANGE COUNTY: SIGMA Computers (714) 893-0609
HOUSTON: Computrex (713) 524-5065
DALLAS: Zen Computer (214) 484-8008
UTAH: Altech Computer (801) 282-4252
OREGON: Lake Oswego Computer (503) 636-1541
NEW YORK: Kays International (914) 425-6469
CANADA: Speed Copy (604) 278-8518
AUSTRALIA: Graphics Applications Center 03-347-0548
ISRAEL: Technical Communication 303379
NETHERLANDS: Roth International 18371687
UNITED ARAB EMIRATES: TCS 237241

## Tử Vi Computer (Postcript)

Lá Số Tử Vi trọn đời tính bằng Computer. Dầy đủ lời giải trên 12 trang, kèm theo bản An Sao in tuyệt đẹp bằng Bộ Chữ VN Labs trên Postcript printer, do Cosmos Systems thực hiện.

Vui lòng gửi chi tiết tên họ, ngày giờ năm sinh (Âm Lịch hoặc Dương lịch), Nam hoặc Nữ, và kèm theo $20 ngân phiếu hoặc Money Order về địa chỉ:

**Cosmos Systems**
**P.O.box 2482**
**Mission Viejo, CA 92692**
**(714) 582-8233**

# Nhà Xuất Bản NGƯỜI VIỆT

14841 Moran Street, Westminster, CA 92683
Tel. (714) 892-9414 & 892-9316 Fax: (714) 894-1381

## ĐÃ XUẤT BẢN

PHẠM QUỐC BẢO
Cùm Đỏ
*Truyện Ký, 7.25 MK*
Cõi Mộng Du
*Truyện dài, 7.00 MK*
Đời Từng Mảnh
*Cõi Mộng Du tập II, 8.00 MK*
Dâu Bể
*Tập truyện, 8.00 MK*

NGUYỄN MỘNG GIÁC
Mùa Biển Động
*Truyện dài, (hết)*
Bão Nổi
*Truyện dài (hết)*
Ngựa Nản Chân Bon
*Tập truyện (hết)*

NGUYỄN BÁ TRẠC
Ngọn Cỏ Bồng
*Tập Thơ Văn (Hết)*

NGUYỄN MẠNH TRINH
Thơ Nguyễn Mạnh Trinh
*Thi tuyển (Hết)*

NGUYỄN XUÂN QUANG
Người Căm Thù Ruồi
*Tập truyện, 6.00 MK*

NGUYỄN XUÂN HOÀNG
Người Đi Trên Mây
*Truyện dài, 10.00 MK*

VÕ NGÃ
Gối Gốc Mai
*Thi tuyển (Hết)*

THẾ GIANG
Thằng Người Có Đuôi
*Tập truyện (tái bản), 10.00 MK*

NGUYÊN PHONG
Hành Trình Về Phương Đông
*(tái bản), 10.00 MK*

LÊ THÁI BẰNG và LÊ ĐÌNH ĐIỂU
Nguyên tác John Hohenberg
Ký Giả Chuyên Nghiệp
*Biên khảo, 19.50 MK*

TỪ NGUYÊN
Kỹ Thuật Săn Tin Viết Tin
*Biên khảo, 12.00 MK*

LƯU ĐÌNH VONG
Thơ Giập Mật
*Thơ, 9.00 MK*

NGUYỄN TẤT NHIÊN
Tâm Dung
*Thơ, 7.00 MK*

KIỆT TẤN
Thương Nàng Bấy Nhiêu
*Tập truyện, 12.00 MK*

NHIỀU TÁC GIẢ
Mùa Hè 1999
*Tập truyện, 6.50 MK*

NGUYỄN HỮU BÀO
Thơ Tuổi Thơ
*Thơ cho thiếu nhi, 8.00 MK*

BÙI BÍCH HÀ
Buổi Sáng Một Mình
*Tập truyện, 12.00 MK*

## ĐANG IN

XUÂN VŨ
Thiên Đàng Treo
*Tập truyện XHCN*

## SẼ XUẤT BẢN

NGUYỄN XUÂN HOÀNG
Bụi và Rác
(Người Đi Trên Mây, tập II)
*Truyện dài*

NHIỀU TÁC GIẢ
Tuyển tập truyện ngắn
trúng giải kỳ thi viết văn Hè 88
do nhật báo Người Việt tổ chức

HẸN NHAU Ở

# BI/DA sàigòn

*44, Avenue d'Ivry 75013 Paris*
*Centre Commercial Les Olympiades*
**Tel 45.84.04.85**
(Sát nách Las Vegas, cùng từng lầu với Nam Á, Thúy Nga, Phượng Hoàng)

* NHƯ MỘT CHỖ DỪNG CHÂN

để hong ấm hiện tại lưu vong, để thắp sáng kỷ niệm Sàigòn, để hồi tưởng quê hương Việt Nam bằng hương vị đíchn thực của Mỹ Tho, Bến Tre, Biên Hòa, Lái Thiêu, Tân An...

* NHƯ MỘT CHỖ TÌM LẠI

để thưởng thức tất cả những gì đã thưởng thức sáng tới, trưa qua, chiều về ở vỉa hè, góc phố, quán chợ Sàigòn, Đa Kao, Tân Định, Thị Nghè, Phú Nhuận...

* NHƯ MỘT CHỖ NGỒI LÂU

để uống cà phê đá, nghe nhạc thính phòng và chiêm ngưỡng những đường bay của CƠ trên môi BI...

SAU HẾT VỚI TUỔI TRẺ VÀ
NHỮNG NGƯỜI TÌNH CỦA BI DA

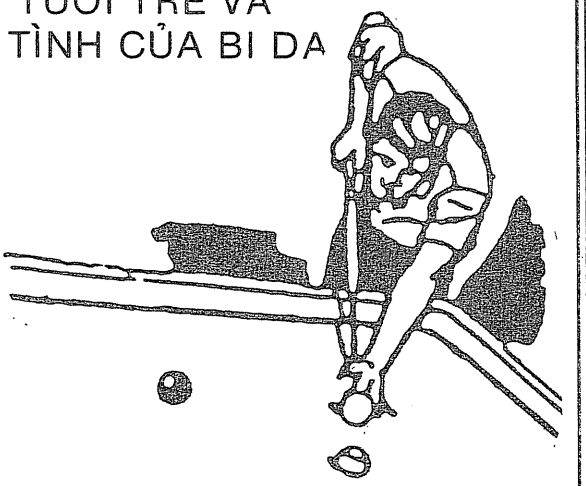

Như một
chỗ thụt bi-da
lý tưởng
của Sàigòn thu nhỏ

BULK RATE
U.S. POSTAGE
PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT NO. 23

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ

EDWARD C. REID

2120 MAIN ST. SUITE 150 HUNTINGTON BEACH, CA 92648

(714) 536-4014

KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN VỀ

TAI NẠN

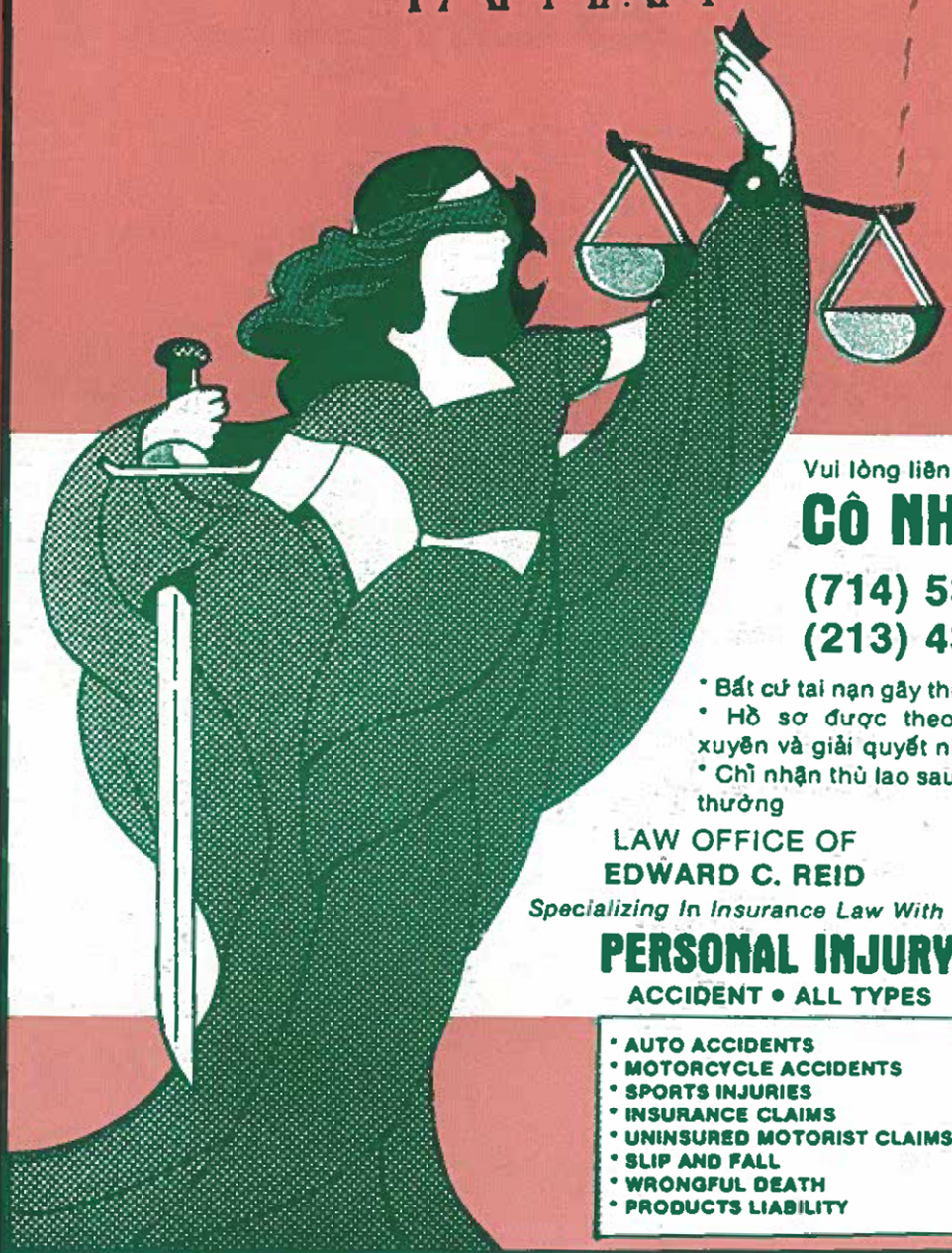

Vui lòng liên lạc ngay:

**CÔ NHƯ LAN**

**(714) 536-4014**

**(213) 434-4421**

* Bất cứ tai nạn gây thương tích nào
* Hồ sơ được theo dõi thường xuyên và giải quyết nhanh chóng
* Chỉ nhận thù lao sau khi được bồi thường

LAW OFFICE OF

**EDWARD C. REID**

*Specializing In Insurance Law With Emphasis On:*

**PERSONAL INJURY**

**ACCIDENT • ALL TYPES**

- AUTO ACCIDENTS
- MOTORCYCLE ACCIDENTS
- SPORTS INJURIES
- INSURANCE CLAIMS
- UNINSURED MOTORIST CLAIMS
- SLIP AND FALL
- WRONGFUL DEATH
- PRODUCTS LIABILITY

**FREE CONSULTATION NO RECOVERY – NO FEE**

Giá $2.50 MK Ngoài Hoa Kỳ thêm $1.00